PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 34/2015/TT-BTNMT	*Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2015*

THÔNG TƯ

Ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Khánh Hòa

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Khánh Hòa.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Khánh Hòa.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 8 năm 2015.

Điều 3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Linh Ngọc

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH KHÁNH HÒA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 34/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Phần I
QUY ĐỊNH CHUNG

1. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Khánh Hòa được chuẩn hóa từ địa danh thống kê trên bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000 Hệ VN-2000.

2. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Khánh Hòa được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt của các đơn vị hành chính cấp huyện gồm thành phố, thị xã và các huyện, trong đó:

a) Cột "Địa danh" là các địa danh đã được chuẩn hóa. Địa danh có kèm theo ký hiệu dấu "*" là địa danh thuộc vùng tranh chấp;

b) Cột "Nhóm đối tượng" là ký hiệu các nhóm địa danh, trong đó: DC là nhóm địa danh dân cư, SV là nhóm địa danh sơn văn, TV là nhóm địa danh thủy văn, KX là nhóm địa danh kinh tế - xã hội;

c) Cột "Tên ĐVHC cấp xã" là tên đơn vị hành chính cấp xã, trong đó: P. là chữ viết tắt của "phường", TT. là chữ viết tắt của "thị trấn";

d) Cột "Tên ĐVHC cấp huyện" là tên đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó: TP. là chữ viết tắt của "thành phố", TX. là chữ viết tắt của "thị xã", H. là chữ viết tắt của "huyện";

đ) Cột "Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng" là tọa độ vị trí tương đối của đối tượng địa lý tương ứng với địa danh trong cột "Địa danh", nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng điểm, dạng vùng thì giá trị tọa độ tương ứng theo cột "Tọa độ trung tâm", nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng đường thì giá trị tọa độ tương ứng theo 2 cột "Tọa độ điểm đầu" và "Tọa độ điểm cuối";

e) Cột "Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình" là ký hiệu mảnh bản đồ địa hình tỷ lệ 1:25.000 sử dụng để thống kê địa danh.

Phần II
DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH KHÁNH HÒA

Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Khánh Hòa gồm địa danh của các đơn vị hành chính cấp huyện được thống kê trong bảng sau:

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện
1	Thành phố Cam Ranh
2	Thành phố Nha Trang
3	Thị xã Ninh Hòa
4	Huyện Cam Lâm
5	Huyện Diên Khánh
6	Huyện Khánh Sơn
7	Huyện Khánh Vĩnh
8	Huyện Vạn Ninh

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
đường tỉnh 656	KX	P. Ba Ngòi	TP. Cam Ranh			11° 54' 49"	109° 07' 54"	12° 02' 26"	108° 49' 02"	C-49-3-A-b; C-49-3-A-a
núi Dốc Sạn	SV	P. Ba Ngòi	TP. Cam Ranh	11° 54' 17"	109° 06' 30"					C-49-3-A-a
Suối Hành	TV	P. Ba Ngòi	TP. Cam Ranh			11° 56' 49"	109° 01' 07"	11° 54' 06"	109° 07' 34"	C-49-3-A-a; C-49-3-A-b
đại lộ Hùng Vương	KX	P. Ba Ngòi	TP. Cam Ranh			12° 01' 09"	109° 11' 28"	11° 54' 00"	109° 07' 01"	C-49-3-A-b; C-49-3-A-a
tổ dân phố Hương Long	DC	P. Ba Ngòi	TP. Cam Ranh	11° 54' 56"	109° 07' 60"					C-49-3-A-b
đình Khánh Cam	KX	P. Ba Ngòi	TP. Cam Ranh	11° 54' 45"	109° 07' 51"					C-49-3-A-b
tổ dân phố Khánh Cam 1	DC	P. Ba Ngòi	TP. Cam Ranh	11° 54' 46"	109° 07' 53"					C-49-3-A-b
tổ dân phố Khánh Cam 2	DC	P. Ba Ngòi	TP. Cam Ranh	11° 54' 40"	109° 07' 40"					C-49-3-A-b
tổ dân phố Lam Sơn	DC	P. Ba Ngòi	TP. Cam Ranh	11° 54' 56"	109° 07' 45"					C-49-3-A-b
tổ dân phố Ngô Mây	DC	P. Ba Ngòi	TP. Cam Ranh	11° 55' 09"	109° 08' 10"					C-49-3-A-b
tổ dân phố Sơn Long	DC	P. Ba Ngòi	TP. Cam Ranh	11° 55' 17"	109° 07' 39"					C-49-3-A-b
tổ dân phố Sông Tiên	DC	P. Ba Ngòi	TP. Cam Ranh	11° 55' 06"	109° 07' 41"					C-49-3-A-b
cầu Suối Hinh	KX	P. Ba Ngòi	TP. Cam Ranh	11° 54' 20"	109° 07' 15"					C-49-3-A-a
tổ dân phố Tây Sơn	DC	P. Ba Ngòi	TP. Cam Ranh	11° 55' 05"	109° 07' 57"					C-49-3-A-b
nhà thờ Tin Lành	KX	P. Ba Ngòi	TP. Cam Ranh	11° 54' 57"	109° 07' 46"					C-49-3-A-b
cầu Trà Long	KX	P. Ba Ngòi	TP. Cam Ranh	11° 54' 40"	109° 07' 36"					C-49-3-A-b
sông Trà Long	TV	P. Ba Ngòi	TP. Cam Ranh			11° 55' 53"	109° 06' 59"	11° 54' 40"	109° 07' 36"	C-49-3-A-a; C-49-3-A-b
tổ dân phố Trà Long 1	DC	P. Ba Ngòi	TP. Cam Ranh	11° 54' 33"	109° 07' 32"					C-49-3-A-b
tổ dân phố Trà Long 2	DC	P. Ba Ngòi	TP. Cam Ranh	11° 54' 44"	109° 07' 21"					C-49-3-A-b
đường 22 tháng 8	KX	P. Cam Linh	TP. Cam Ranh			11° 55' 23"	109° 08' 27"	11° 54' 34"	109° 09' 09"	C-49-3-A-b
đường 3 tháng 4	KX	P. Cam Linh	TP. Cam Ranh			11° 54' 24"	109° 08' 35"	11° 55' 20"	109° 09' 40"	C-49-3-A-b
cảng Cam Ranh	KX	P. Cam Linh	TP. Cam Ranh	11° 53' 43"	109° 08' 45"					C-49-3-A-b
tổ dân phố Đá Bạc	DC	P. Cam Linh	TP. Cam Ranh	11° 54' 13"	109° 08' 49"					C-49-3-A-b
ga Đá Bạc	KX	P. Cam Linh	TP. Cam Ranh	11° 54' 16"	109° 08' 47"					C-49-3-A-b
tổ dân phố Linh Hòa	DC	P. Cam Linh	TP. Cam Ranh	11° 54' 26"	109° 08' 50"					C-49-3-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
tổ dân phố Linh Phú	DC	P. Cam Linh	TP. Cam Ranh	11° 54' 29"	109° 08' 42"					C-49-3-A-b
tổ dân phố Linh Tân	DC	P. Cam Linh	TP. Cam Ranh	11° 54' 38"	109° 08' 59"					C-49-3-A-b
tổ dân phố Linh Thương	DC	P. Cam Linh	TP. Cam Ranh	11° 54' 44"	109° 08' 52"					C-49-3-A-b
tổ dân phố Linh Trung	DC	P. Cam Linh	TP. Cam Ranh	11° 54' 29"	109° 08' 49"					C-49-3-A-b
tổ dân phố Linh Vân	DC	P. Cam Linh	TP. Cam Ranh	11° 54' 36"	109° 08' 47"					C-49-3-A-b
tổ dân phố Linh Xuân	DC	P. Cam Linh	TP. Cam Ranh	11° 54' 34"	109° 08' 51"					C-49-3-A-b
tịnh xá Ngọc Hải	KX	P. Cam Linh	TP. Cam Ranh	11° 54' 28"	109° 08' 49"					C-49-3-A-b
đường Nguyễn Trọng Kỷ	KX	P. Cam Linh	TP. Cam Ranh			11° 54' 55"	109° 08' 08"	11° 53' 47"	109° 08' 44"	C-49-3-A-b
đường Phan Bội Châu	KX	P. Cam Linh	TP. Cam Ranh			11° 55' 18"	109° 09' 38"	11° 54' 22"	109° 08' 55"	C-49-3-A-b
đường Phạm Văn Đồng	KX	P. Cam Linh	TP. Cam Ranh			11° 55' 43"	109° 09' 42"	11° 54' 33"	109° 08' 30"	C-49-3-A-b
đường Tô Văn Ơn	KX	P. Cam Linh	TP. Cam Ranh			11° 54' 22"	109° 08' 55"	11° 54' 11"	109° 08' 46"	C-49-3-A-b
chùa Từ Vân	KX	P. Cam Linh	TP. Cam Ranh	11° 54' 37"	109° 08' 49"					C-49-3-A-b
tổ dân phố Xóm Cồn	DC	P. Cam Linh	TP. Cam Ranh	11° 54' 25"	109° 08' 33"					C-49-3-A-b
đường 22 tháng 8	KX	P. Cam Lộc	TP. Cam Ranh			11° 55' 23"	109° 08' 27"	11° 54' 34"	109° 09' 09"	C-49-3-A-b
Bệnh viện Đa khoa Thành phố Cam Ranh	KX	P. Cam Lộc	TP. Cam Ranh	11° 55' 18"	109° 08' 37"					C-49-3-A-b
đường Hoàng Văn Thụ	KX	P. Cam Lộc	TP. Cam Ranh			11° 55' 12"	109° 08' 11"	11° 55' 34"	109° 08' 40"	C-49-3-A-b
núi Hòn Rồng	SV	P. Cam Lộc	TP. Cam Ranh	11° 57' 28"	109° 07' 34"					C-49-3-A-b
đại lộ Hùng Vương	KX	P. Cam Lộc	TP. Cam Ranh			12° 01' 09"	109° 11' 28"	11° 54' 00"	109° 07' 01"	C-49-3-A-b
tổ dân phố Lộc An	DC	P. Cam Lộc	TP. Cam Ranh	11° 55' 27"	109° 08' 39"					C-49-3-A-b
tổ dân phố Lộc Hải	DC	P. Cam Lộc	TP. Cam Ranh	11° 55' 15"	109° 08' 45"					C-49-3-A-b
tổ dân phố Lộc Hòa	DC	P. Cam Lộc	TP. Cam Ranh	11° 55' 09"	109° 08' 17"					C-49-3-A-b
tổ dân phố Lộc Hưng	DC	P. Cam Lộc	TP. Cam Ranh	11° 55' 14"	109° 08' 30"					C-49-3-A-b
tổ dân phố Lộc Phúc	DC	P. Cam Lộc	TP. Cam Ranh	11° 55' 15"	109° 08' 18"					C-49-3-A-b
tổ dân phố Lộc Sơn	DC	P. Cam Lộc	TP. Cam Ranh	11° 55' 22"	109° 08' 35"					C-49-3-A-b
tổ dân phố Lộc Thành	DC	P. Cam Lộc	TP. Cam Ranh	11° 55' 10"	109° 08' 31"					C-49-3-A-b
tổ dân phố Lộc Thịnh	DC	P. Cam Lộc	TP. Cam Ranh	11° 55' 17"	109° 08' 26"					C-49-3-A-b
tổ dân phố Lộc Trường	DC	P. Cam Lộc	TP. Cam Ranh	11° 55' 06"	109° 08' 21"					C-49-3-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
tịnh xá Ngọc Hòa	KX	P. Cam Lộc	TP. Cam Ranh	11° 55' 39"	109° 08' 36"					C-49-3-A-b
đường 22 tháng 8	KX	P. Cam Lợi	TP. Cam Ranh			11° 55' 23"	109° 08' 27"	11° 54' 34"	109° 09' 09"	C-49-3-A-b
thánh thất Cam Lợi	KX	P. Cam Lợi	TP. Cam Ranh	11° 54' 49"	109° 08' 08"					C-49-3-A-b
đại lộ Hùng Vương	KX	P. Cam Lợi	TP. Cam Ranh			12° 01' 09"	109° 11' 28"	11° 54' 00"	109° 07' 01"	C-49-3-A-b
tổ dân phố Lợi Hải	DC	P. Cam Lợi	TP. Cam Ranh	11° 54' 37"	109° 08' 23"					C-49-3-A-b
tổ dân phố Lợi Hiệp	DC	P. Cam Lợi	TP. Cam Ranh	11° 54' 54"	109° 08' 43"					C-49-3-A-b
tổ dân phố Lợi Hòa	DC	P. Cam Lợi	TP. Cam Ranh	11° 54' 58"	109° 08' 33"					C-49-3-A-b
tổ dân phố Lợi Hưng	DC	P. Cam Lợi	TP. Cam Ranh	11° 54' 55"	109° 08' 16"					C-49-3-A-b
tổ dân phố Lợi Phú	DC	P. Cam Lợi	TP. Cam Ranh	11° 54' 48"	109° 08' 01"					C-49-3-A-b
tổ dân phố Lợi Phúc	DC	P. Cam Lợi	TP. Cam Ranh	11° 54' 56"	109° 08' 25"					C-49-3-A-b
tổ dân phố Lợi Thịnh	DC	P. Cam Lợi	TP. Cam Ranh	11° 54' 39"	109° 08' 29"					C-49-3-A-b
tổ dân phố Lợi Thọ	DC	P. Cam Lợi	TP. Cam Ranh	11° 54' 45"	109° 08' 33"					C-49-3-A-b
tổ dân phố Lợi Thủy	DC	P. Cam Lợi	TP. Cam Ranh	11° 54' 51"	109° 08' 19"					C-49-3-A-b
đường Nguyễn Trọng Kỷ	KX	P. Cam Lợi	TP. Cam Ranh			11° 54' 55"	109° 08' 08"	11° 53' 47"	109° 08' 44"	C-49-3-A-b
đường Phạm Văn Đồng	KX	P. Cam Lợi	TP. Cam Ranh			11° 55' 43"	109° 09' 42"	11° 54' 33"	109° 08' 30"	C-49-3-A-b
chùa Phước Hải	KX	P. Cam Lợi	TP. Cam Ranh	11° 54' 41"	109° 08' 22"					C-49-3-A-b
đường tỉnh 657I	KX	P. Cam Nghĩa	TP. Cam Ranh			12° 12' 53"	109° 11' 27"	11° 59' 18"	109° 11' 25"	C-49-3-A-b; D-49-87-C-d
núi Ao Hồ	SV	P. Cam Nghĩa	TP. Cam Ranh	11° 53' 34"	109° 14' 32"					C-49-3-A-b
núi Cam Linh	SV	P. Cam Nghĩa	TP. Cam Ranh	11° 52' 28"	109° 15' 51"					C-49-3-B-c
sân bay Cam Ranh	KX	P. Cam Nghĩa	TP. Cam Ranh	11° 59' 37"	109° 12' 51"					C-49-3-A-b
trạm biến áp Cam Ranh	KX	P. Cam Nghĩa	TP. Cam Ranh	11° 59' 12"	109° 10' 51"					C-49-3-A-b
Suối Cát	TV	P. Cam Nghĩa	TP. Cam Ranh			12° 01' 51"	109° 05' 29"	12° 00' 49"	109° 10' 11"	D-49-87-C-d
Bãi Chính	TV	P. Cam Nghĩa	TP. Cam Ranh	11° 51' 57"	109° 15' 20"					C-49-3-B-c
Bãi Đo	TV	P. Cam Nghĩa	TP. Cam Ranh	11° 53' 02"	109° 12' 47"					C-49-3-A-b
chùa Giác Hoa	KX	P. Cam Nghĩa	TP. Cam Ranh	11° 58' 42"	109° 11' 10"					C-49-3-A-b
tổ dân phố Hòa Bình	DC	P. Cam Nghĩa	TP. Cam Ranh	11° 58' 32"	109° 11' 18"					C-49-3-A-b
tổ dân phố Hòa Phước	DC	P. Cam Nghĩa	TP. Cam Ranh	11° 58' 32"	109° 10' 60"					C-49-3-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
tổ dân phố Hòa Thuận	DC	P. Cam Nghĩa	TP. Cam Ranh	11° 59' 07"	109° 11' 19"					C-49-3-A-b
tổ dân phố Hòa Tiến	DC	P. Cam Nghĩa	TP. Cam Ranh	11° 58' 51"	109° 11' 13"					C-49-3-A-b
đại lộ Hùng Vương	KX	P. Cam Nghĩa	TP. Cam Ranh			12° 01' 09"	109° 11' 28"	11° 54' 00"	109° 07' 01"	C-49-3-A-b; D-49-87-C-d
cầu Long Hồ	KX	P. Cam Nghĩa	TP. Cam Ranh	11° 58' 54"	109° 12' 26"					C-49-3-A-b
tổ dân phố Mỹ Ca	DC	P. Cam Nghĩa	TP. Cam Ranh	11° 58' 53"	109° 11' 31"					C-49-3-A-b
đường Mỹ Ca - Vĩnh Cẩm	KX	P. Cam Nghĩa	TP. Cam Ranh			11° 59' 22"	109° 11' 25"	11° 59' 31"	109° 07' 19"	C-49-3-A-b
cầu Nam Đồng Bà Thìn	KX	P. Cam Nghĩa	TP. Cam Ranh	12° 01' 09"	109° 11' 28"					D-49-87-C-d
tổ dân phố Nghĩa An	DC	P. Cam Nghĩa	TP. Cam Ranh	11° 59' 47"	109° 11' 02"					C-49-3-A-b
tổ dân phố Nghĩa Bình	DC	P. Cam Nghĩa	TP. Cam Ranh	11° 59' 46"	109° 11' 30"					C-49-3-A-b
tổ dân phố Nghĩa Cam	DC	P. Cam Nghĩa	TP. Cam Ranh	11° 59' 31"	109° 11' 35"					C-49-3-A-b
tổ dân phố Nghĩa Lộc	DC	P. Cam Nghĩa	TP. Cam Ranh	11° 59' 27"	109° 11' 05"					C-49-3-A-b
tổ dân phố Nghĩa Phú	DC	P. Cam Nghĩa	TP. Cam Ranh	11° 59' 35"	109° 10' 02"					C-49-3-A-b
tổ dân phố Nghĩa Quý	DC	P. Cam Nghĩa	TP. Cam Ranh	11° 59' 32"	109° 10' 29"					C-49-3-A-b
đại lộ Nguyễn Tất Thành	KX	P. Cam Nghĩa	TP. Cam Ranh			12° 12' 53"	109° 11' 27"	11° 58' 50"	109° 12' 39"	C-49-3-A-b; D-49-87-C-d
bãi Sa Huỳnh	TV	P. Cam Nghĩa	TP. Cam Ranh	11° 51' 48"	109° 15' 56"					C-49-3-B-c
đầm Thủy Triều	TV	P. Cam Nghĩa	TP. Cam Ranh	12° 02' 18"	109° 11' 30"					D-49-87-C-d; C-49-3-A-b
Suối Tre	TV	P. Cam Nghĩa	TP. Cam Ranh			12° 00' 21"	109° 07' 18"	12° 01' 16"	109° 12' 03"	D-49-87-C-c; D-49;87-C-d; C-49-3-A-b
đường 3 tháng 4	KX	P. Cam Phú	TP. Cam Ranh			11° 54' 24"	109° 08' 35"	11° 55' 20"	109° 09' 40"	C-49-3-A-b
Nhà máy Đóng tàu Cam Ranh	KX	P. Cam Phú	TP. Cam Ranh	11° 55' 56"	109° 10' 23"					C-49-3-A-b
núi Hòn Rồng	SV	P. Cam Phú	TP. Cam Ranh	11° 57' 28"	109° 07' 34"					C-49-3-A-b
đại lộ Hùng Vương	KX	P. Cam Phú	TP. Cam Ranh			12° 01' 09"	109° 11' 28"	11° 54' 00"	109° 07' 01"	C-49-3-A-b
đường Phạm Văn Đồng	KX	P. Cam Phú	TP. Cam Ranh			11° 55' 43"	109° 09' 42"	11° 54' 33"	109° 08' 30"	C-49-3-A-b
đường Phan Bội Châu	KX	P. Cam Phú	TP. Cam Ranh			11° 55' 18"	109° 09' 38"	11° 54' 22"	109° 08' 55"	C-49-3-A-b
tượng Phật Bà	KX	P. Cam Phú	TP. Cam Ranh	11° 55' 48"	109° 10' 02"					C-49-3-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
tổ dân phố Phú Bình	DC	P. Cam Phú	TP. Cam Ranh	11° 55' 13"	109° 09' 28"					C-49-3-A-b
tổ dân phố Phú Hải	DC	P. Cam Phú	TP. Cam Ranh	11° 55' 08"	109° 09' 34"					C-49-3-A-b
tổ dân phố Phú Hòa	DC	P. Cam Phú	TP. Cam Ranh	11° 55' 17"	109° 09' 42"					C-49-3-A-b
tổ dân phố Phú Lộc	DC	P. Cam Phú	TP. Cam Ranh	11° 55' 52"	109° 10' 03"					C-49-3-A-b
tổ dân phố Phú Sơn	DC	P. Cam Phú	TP. Cam Ranh	11° 55' 23"	109° 09' 13"					C-49-3-A-b
tổ dân phố Phú Thịnh	DC	P. Cam Phú	TP. Cam Ranh	11° 55' 43"	109° 10' 10"					C-49-3-A-b
tổ dân phố Phú Trung	DC	P. Cam Phú	TP. Cam Ranh	11° 55' 28"	109° 09' 37"					C-49-3-A-b
nhà thờ Hòa Do	KX	P. Cam Phúc Bắc	TP. Cam Ranh	11° 57' 50"	109° 11' 20"					C-49-3-A-b
tổ dân phố Hòa Do 1A	DC	P. Cam Phúc Bắc	TP. Cam Ranh	11° 58' 40"	109° 10' 30"					C-49-3-A-b
tổ dân phố Hòa Do 1B	DC	P. Cam Phúc Bắc	TP. Cam Ranh	11° 58' 22"	109° 10' 58"					C-49-3-A-b
tổ dân phố Hòa Do 2	DC	P. Cam Phúc Bắc	TP. Cam Ranh	11° 58' 10"	109° 11' 14"					C-49-3-A-b
tổ dân phố Hòa Do 3	DC	P. Cam Phúc Bắc	TP. Cam Ranh	11° 58' 11"	109° 11' 30"					C-49-3-A-b
tổ dân phố Hòa Do 4	DC	P. Cam Phúc Bắc	TP. Cam Ranh	11° 58' 02"	109° 11' 39"					C-49-3-A-b
tổ dân phố Hòa Do 5A	DC	P. Cam Phúc Bắc	TP. Cam Ranh	11° 57' 57"	109° 11' 30"					C-49-3-A-b
tổ dân phố Hòa Do 5B	DC	P. Cam Phúc Bắc	TP. Cam Ranh	11° 57' 32"	109° 11' 13"					C-49-3-A-b
tổ dân phố Hòa Do 6A	DC	P. Cam Phúc Bắc	TP. Cam Ranh	11° 57' 57"	109° 10' 60"					C-49-3-A-b
tổ dân phố Hòa Do 6B	DC	P. Cam Phúc Bắc	TP. Cam Ranh	11° 57' 24"	109° 11' 01"					C-49-3-A-b
núi Hòn Rồng	SV	P. Cam Phúc Bắc	TP. Cam Ranh	11° 57' 28"	109° 07' 34"					C-49-3-A-b
đại lộ Hùng Vương	KX	P. Cam Phúc Bắc	TP. Cam Ranh			12° 01' 09"	109° 11' 28"	11° 54' 00"	109° 07' 01"	C-49-3-A-b
đường Mỹ Ca - Vĩnh Cẩm	KX	P. Cam Phúc Bắc	TP. Cam Ranh			11° 59' 22"	109° 11' 25"	11° 59' 31"	109° 07' 19"	C-49-3-A-b
hồ Số 8	TV	P. Cam Phúc Bắc	TP. Cam Ranh	11° 57' 57"	109° 10' 09"					C-49-3-A-b
núi Hòn Rồng	SV	P. Cam Phúc Nam	TP. Cam Ranh	11° 57' 28"	109° 07' 34"					C-49-3-A-b
đại lộ Hùng Vương	KX	P. Cam Phúc Nam	TP. Cam Ranh			12° 01' 09"	109° 11' 28"	11° 54' 00"	109° 07' 01"	C-49-3-A-b
tổ dân phố Phúc Hải	DC	P. Cam Phúc Nam	TP. Cam Ranh	11° 56' 08"	109° 10' 31"					C-49-3-A-b
tổ dân phố Phúc Ninh	DC	P. Cam Phúc Nam	TP. Cam Ranh	11° 56' 42"	109° 10' 52"					C-49-3-A-b
tổ dân phố Phúc Sơn	DC	P. Cam Phúc Nam	TP. Cam Ranh	11° 56' 16"	109° 10' 24"					C-49-3-A-b
tổ dân phố Phúc Thủy	DC	P. Cam Phúc Nam	TP. Cam Ranh	11° 56' 21"	109° 10' 41"					C-49-3-A-b
tổ dân phố Phúc Xuân	DC	P. Cam Phúc Nam	TP. Cam Ranh	11° 56' 31"	109° 10' 49"					C-49-3-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
tổ dân phố Xuân Ninh	DC	P. Cam Phúc Nam	TP. Cam Ranh	11° 56' 44"	109° 10' 36"					C-49-3-A-b
nhà thờ Xuân Ninh	KX	P. Cam Phúc Nam	TP. Cam Ranh	11° 56' 40"	109° 10' 41"					C-49-3-A-b
đường 22 tháng 8	KX	P. Cam Thuận	TP. Cam Ranh			11° 55' 23"	109° 08' 27"	11° 54' 34"	109° 09' 09"	C-49-3-A-b
đường 3 tháng 4	KX	P. Cam Thuận	TP. Cam Ranh			11° 54' 24"	109° 08' 35"	11° 55' 20"	109° 09' 40"	C-49-3-A-b
đại lộ Hùng Vương	KX	P. Cam Thuận	TP. Cam Ranh			12° 01' 09"	109° 11' 28"	11° 54' 00"	109° 07' 01"	C-49-3-A-b
chùa Long Phước	KX	P. Cam Thuận	TP. Cam Ranh	11° 54' 54"	109° 09' 09"					C-49-3-A-b
tịnh xá Ngọc Linh	KX	P. Cam Thuận	TP. Cam Ranh	11° 55' 07"	109° 09' 23"					C-49-3-A-b
đường Phạm Văn Đồng	KX	P. Cam Thuận	TP. Cam Ranh			11° 55' 43"	109° 09' 42"	11° 54' 33"	109° 08' 30"	C-49-3-A-b
đường Phan Bội Châu	KX	P. Cam Thuận	TP. Cam Ranh			11° 55' 18"	109° 09' 38"	11° 54' 22"	109° 08' 55"	C-49-3-A-b
chùa Phước Khánh	KX	P. Cam Thuận	TP. Cam Ranh	11° 55' 10"	109° 09' 20"					C-49-3-A-b
tổ dân phố Thuận Hải	DC	P. Cam Thuận	TP. Cam Ranh	11° 54' 39"	109° 09' 14"					C-49-3-A-b
tổ dân phố Thuận Hiệp	DC	P. Cam Thuận	TP. Cam Ranh	11° 54' 55"	109° 09' 19"					C-49-3-A-b
tổ dân phố Thuận Hòa	DC	P. Cam Thuận	TP. Cam Ranh	11° 54' 45"	109° 09' 08"					C-49-3-A-b
tổ dân phố Thuận Hưng	DC	P. Cam Thuận	TP. Cam Ranh	11° 54' 52"	109° 09' 26"					C-49-3-A-b
tổ dân phố Thuận Lộc	DC	P. Cam Thuận	TP. Cam Ranh	11° 55' 05"	109° 09' 14"					C-49-3-A-b
tổ dân phố Thuận Lợi	DC	P. Cam Thuận	TP. Cam Ranh	11° 55' 16"	109° 09' 06"					C-49-3-A-b
tổ dân phố Thuận Phát	DC	P. Cam Thuận	TP. Cam Ranh	11° 55' 01"	109° 08' 51"					C-49-3-A-b
tổ dân phố Thuận Thành	DC	P. Cam Thuận	TP. Cam Ranh	11° 54' 58"	109° 09' 02"					C-49-3-A-b
núi Ba Dũ	SV	xã Cam Bình	TP. Cam Ranh	11° 50' 59"	109° 13' 16"					C-49-3-A-d
núi Bãi Vè	SV	xã Cam Bình	TP. Cam Ranh	11° 50' 52"	109° 14' 35"					C-49-3-A-d
thôn Bình An	DC	xã Cam Bình	TP. Cam Ranh	11° 50' 26"	109° 14' 02"					C-49-3-A-d
thôn Bình Ba Đông	DC	xã Cam Bình	TP. Cam Ranh	11° 50' 32"	109° 14' 33"					C-49-3-A-d
thôn Bình Ba Tây	DC	xã Cam Bình	TP. Cam Ranh	11° 50' 21"	109° 14' 06"					C-49-3-A-d
thôn Bình Hưng	DC	xã Cam Bình	TP. Cam Ranh	11° 46' 50"	109° 12' 52"					C-49-3-A-d
núi Mao Giư	SV	xã Cam Bình	TP. Cam Ranh	11° 50' 07"	109° 14' 01"					C-49-3-A-d
Núi Bà	SV	xã Cam Lập	TP. Cam Ranh	11° 48' 20"	109° 07' 34"					C-49-3-A-c
thôn Bình Lập	DC	xã Cam Lập	TP. Cam Ranh	11° 51' 03"	109° 10' 10"					C-49-3-A-d
Bãi Cồn	TV	xã Cam Lập	TP. Cam Ranh	11° 49' 19"	109° 10' 48"					C-49-3-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
bãi Đá Lết	TV	xã Cam Lập	TP. Cam Ranh	11° 49' 21"	109° 08' 43"					C-49-3-A-d
núi Mũi Hời	SV	xã Cam Lập	TP. Cam Ranh	11° 52' 16"	109° 11' 04"					C-49-3-A-d
Mũi Nạn	SV	xã Cam Lập	TP. Cam Ranh	11° 51' 09"	109° 10' 53"					C-49-3-A-d
Bãi Nạn	TV	xã Cam Lập	TP. Cam Ranh	11° 50' 50"	109° 10' 37"					C-49-3-A-d
thôn Nước Ngọt	DC	xã Cam Lập	TP. Cam Ranh	11° 49' 04"	109° 08' 18"					C-49-3-A-d
suối Nước Ngọt	TV	xã Cam Lập	TP. Cam Ranh			11° 48' 33"	109° 09' 20"	11° 49' 08"	109° 09' 20"	C-49-3-A-d
bãi Nước Nhỉ	TV	xã Cam Lập	TP. Cam Ranh	11° 50' 17"	109° 10' 41"					C-49-3-A-d
Bãi Sam	TV	xã Cam Lập	TP. Cam Ranh	11° 49' 58"	109° 09' 07"					C-49-3-A-d
Bãi Tranh	TV	xã Cam Lập	TP. Cam Ranh	11° 50' 31"	109° 09' 27"					C-49-3-A-d
đường tỉnh 656	KX	xã Cam Phước Đông	TP. Cam Ranh			11° 54' 49"	109° 07' 54"	12° 02' 26"	108° 49' 02"	C-49-3-A-a
cầu Bà Hùng	KX	xã Cam Phước Đông	TP. Cam Ranh	11° 55' 53"	109° 06' 60"					C-49-3-A-a
núi Dốc Tấn	SV	xã Cam Phước Đông	TP. Cam Ranh	11° 53' 57"	109° 02' 43"					C-49-3-A-a
chùa Đại Giác	KX	xã Cam Phước Đông	TP. Cam Ranh	11° 55' 13"	109° 06' 47"					C-49-3-A-a
thôn Giải Phóng	DC	xã Cam Phước Đông	TP. Cam Ranh	11° 56' 30"	109° 06' 47"					C-49-3-A-a
Suối Hành	TV	xã Cam Phước Đông	TP. Cam Ranh			11° 56' 49"	109° 01' 07"	11° 54' 06"	109° 07' 34"	C-49-3-A-a
thôn Hòa An	DC	xã Cam Phước Đông	TP. Cam Ranh	11° 56' 36"	109° 05' 18"					C-49-3-A-a
thôn Hòa Bình	DC	xã Cam Phước Đông	TP. Cam Ranh	11° 57' 04"	109° 05' 34"					C-49-3-A-a
núi Hòn Ông	SV	xã Cam Phước Đông	TP. Cam Ranh	11° 55' 13"	109° 04' 26"					C-49-3-A-a
núi Hòn Rồng	SV	xã Cam Phước Đông	TP. Cam Ranh	11° 57' 28"	109° 07' 34"					C-49-3-A-b
ga Ngã Ba	KX	xã Cam Phước Đông	TP. Cam Ranh	11° 55' 36"	109° 07' 09"					C-49-3-A-a
miếu Ngũ Hành	KX	xã Cam Phước Đông	TP. Cam Ranh	11° 56' 21"	109° 06' 56"					C-49-3-A-a
núi Nông Hội	SV	xã Cam Phước Đông	TP. Cam Ranh	11° 57' 05"	109° 02' 13"					C-49-3-A-a
nhà thờ Phú Nhơn	KX	xã Cam Phước Đông	TP. Cam Ranh	11° 57' 07"	109° 05' 52"					C-49-3-A-a
hồ Suối Hành	TV	xã Cam Phước Đông	TP. Cam Ranh	11° 55' 58"	109° 03' 14"					C-49-3-A-a
thôn Suối Môn	DC	xã Cam Phước Đông	TP. Cam Ranh	11° 57' 40"	109° 06' 07"					C-49-3-A-a
núi Tà Lương	SV	xã Cam Phước Đông	TP. Cam Ranh	11° 55' 15"	109° 03' 29"					C-49-3-A-a
suối Tà Rục	TV	xã Cam Phước Đông	TP. Cam Ranh			12° 02' 42"	109° 00' 52"	11° 57' 32"	109° 05' 34"	C-49-3-A-a
thôn Tân Hiệp	DC	xã Cam Phước Đông	TP. Cam Ranh	11° 55' 42"	109° 06' 27"					C-49-3-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
chùa Tây Thiên	KX	xã Cam Phước Đông	TP. Cam Ranh	11° 57' 33"	109° 06' 11"					C-49-3-A-a
thôn Thống Nhất	DC	xã Cam Phước Đông	TP. Cam Ranh	11° 57' 13"	109° 06' 17"					C-49-3-A-a
sông Trà Long	TV	xã Cam Phước Đông	TP. Cam Ranh			11° 55' 53"	109° 06' 59"	11° 54' 40"	109° 07' 36"	C-49-3-A-a
thôn Trà Sơn	DC	xã Cam Phước Đông	TP. Cam Ranh	11° 56' 11"	109° 07' 06"					C-49-3-A-a
thôn Hòa Do 7	DC	xã Cam Thành Nam	TP. Cam Ranh	11° 59' 20"	109° 09' 48"					C-49-3-A-b
núi Hòn Rồng	SV	xã Cam Thành Nam	TP. Cam Ranh	11° 57' 28"	109° 07' 34"					C-49-3-A-b
đường Mỹ Ca - Vĩnh Cẩm	KX	xã Cam Thành Nam	TP. Cam Ranh			11° 59' 22"	109° 11' 25"	11° 59' 31"	109° 07' 19"	C-49-3-A-b
cầu Ông Tài	KX	xã Cam Thành Nam	TP. Cam Ranh	11° 59' 24"	109° 08' 60"					C-49-3-A-b
thôn Quảng Hòa	DC	xã Cam Thành Nam	TP. Cam Ranh	11° 59' 57"	109° 09' 24"					C-49-3-A-b
thôn Quảng Phúc	DC	xã Cam Thành Nam	TP. Cam Ranh	11° 59' 45"	109° 09' 26"					C-49-3-A-b
Suối Tre	TV	xã Cam Thành Nam	TP. Cam Ranh			12° 00' 21"	109° 07' 18"	12° 01' 16"	109° 12' 03"	D-49-87-C-c; D-49-87-C-d; C-49-3-A-b
quốc lộ 1A	KX	xã Cam Thịnh Đông	TP. Cam Ranh			12° 50' 42"	109° 23' 09"	11° 48' 39"	109° 06' 16"	C-49-3-A-a; C-49-3-A-c
quốc lộ 27B	KX	xã Cam Thịnh Đông	TP. Cam Ranh			11° 52' 48"	109° 06' 32"	11° 53' 03"	109° 03' 08"	C-49-3-A-a
Cầu Bản	KX	xã Cam Thịnh Đông	TP. Cam Ranh	11° 53' 25"	109° 06' 46"					C-49-3-A-a
Sông Cạn	TV	xã Cam Thịnh Đông	TP. Cam Ranh			11° 52' 45"	109° 03' 40"	11° 50' 28"	109° 06' 59"	C-49-3-A-c
Núi Chùa	SV	xã Cam Thịnh Đông	TP. Cam Ranh	11° 50' 01"	109° 05' 20"					C-49-3-A-c
núi Dốc Sạn	SV	xã Cam Thịnh Đông	TP. Cam Ranh	11° 54' 17"	109° 06' 30"					C-49-3-A-a
núi Giác Lan	SV	xã Cam Thịnh Đông	TP. Cam Ranh	11° 49' 02"	109° 05' 25"					C-49-3-A-c
sông Giỏ Tá	TV	xã Cam Thịnh Đông	TP. Cam Ranh			11° 48' 40"	109° 06' 13"	11° 49' 23"	109° 07' 29"	C-49-3-A-c
thôn Hiệp Mỹ	DC	xã Cam Thịnh Đông	TP. Cam Ranh	11° 48' 42"	109° 06' 21"					C-49-3-A-c
ga Hiệp Mỹ	KX	xã Cam Thịnh Đông	TP. Cam Ranh	11° 49' 42"	109° 06' 11"					C-49-3-A-c
thôn Hiệp Thanh	DC	xã Cam Thịnh Đông	TP. Cam Ranh	11° 51' 06"	109° 06' 16"					C-49-3-A-c
thôn Hòa Diêm	DC	xã Cam Thịnh Đông	TP. Cam Ranh	11° 52' 40"	109° 06' 33"					C-49-3-A-a
thôn Hòa Sơn	DC	xã Cam Thịnh Đông	TP. Cam Ranh	11° 52' 47"	109° 06' 05"					C-49-3-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
núi Hòn Dung	SV	xã Cam Thịnh Đông	TP. Cam Ranh	11° 51' 16"	109° 05' 44"					C-49-3-A-c
núi Hòn Quy	SV	xã Cam Thịnh Đông	TP. Cam Ranh	11° 53' 33"	109° 07' 08"					C-49-3-A-a
thôn Hòn Quy	DC	xã Cam Thịnh Đông	TP. Cam Ranh	11° 53' 35"	109° 06' 57"					C-49-3-A-a
thôn Mỹ Thanh	DC	xã Cam Thịnh Đông	TP. Cam Ranh	11° 49' 08"	109° 06' 21"					C-49-3-A-c
cầu Mỹ Thanh	KX	xã Cam Thịnh Đông	TP. Cam Ranh	11° 48' 60"	109° 06' 25"					C-49-3-A-c
cầu Nước Mặn	KX	xã Cam Thịnh Đông	TP. Cam Ranh	11° 49' 23"	109° 06' 28"					C-49-3-A-c
chùa Thanh Sơn	KX	xã Cam Thịnh Đông	TP. Cam Ranh	11° 49' 06"	109° 06' 15"					C-49-3-A-c
cầu Trại Cá	KX	xã Cam Thịnh Đông	TP. Cam Ranh	11° 53' 18"	109° 06' 43"					C-49-3-A-a
núi Trại Láng	SV	xã Cam Thịnh Đông	TP. Cam Ranh	11° 52' 15"	109° 05' 24"					C-49-3-A-c
đình Võ Tá	KX	xã Cam Thịnh Đông	TP. Cam Ranh	11° 49' 15"	109° 07' 09"					C-49-3-A-c
Trạm nghiền xi măng Cam Ranh	KX	xã Cam Thịnh Đông	TP. Cam Ranh	11° 53' 33"	109° 07' 20"					C-49-3-A-a
quốc lộ 27B	KX	xã Cam Thịnh Tây	TP. Cam Ranh			11° 52' 48"	109° 06' 32"	11° 53' 03"	109° 03' 08"	C-49-3-A-a; C-49-3-A-c
núi Cam Ma Nhưng	SV	xã Cam Thịnh Tây	TP. Cam Ranh	11° 51' 42"	109° 03' 24"					C-49-3-A-c
Sông Cạn	TV	xã Cam Thịnh Tây	TP. Cam Ranh			11° 52' 45"	109° 03' 40"	11° 50' 28"	109° 06' 59"	C-49-3-A-a; C-49-3-A-c
Núi Chùa	SV	xã Cam Thịnh Tây	TP. Cam Ranh	11° 50' 01"	109° 05' 20"					C-49-3-A-c
núi Dốc Tấn	SV	xã Cam Thịnh Tây	TP. Cam Ranh	11° 53' 57"	109° 02' 43"					C-49-3-A-a
núi Hòn Dung	SV	xã Cam Thịnh Tây	TP. Cam Ranh	11° 51' 16"	109° 05' 44"					C-49-3-A-c
núi Hòn Ông	SV	xã Cam Thịnh Tây	TP. Cam Ranh	11° 55' 13"	109° 04' 26"					C-49-3-A-a
hồ Ma Trai	TV	xã Cam Thịnh Tây	TP. Cam Ranh	11° 49' 54"	109° 04' 29"					C-49-3-A-c
Suối Rua	TV	xã Cam Thịnh Tây	TP. Cam Ranh			11° 52' 47"	109° 03' 11"	11° 52' 45"	109° 03' 40"	C-49-3-A-a
thôn Sông Cạn Đông	DC	xã Cam Thịnh Tây	TP. Cam Ranh	11° 51' 31"	109° 05' 05"					C-49-3-A-a
thôn Sông Cạn Trung	DC	xã Cam Thịnh Tây	TP. Cam Ranh	11° 51' 56"	109° 04' 43"					C-49-3-A-a
thôn Suối Rua	DC	xã Cam Thịnh Tây	TP. Cam Ranh	11° 52' 52"	109° 03' 21"					C-49-3-A-a
thôn Thịnh Sơn	DC	xã Cam Thịnh Tây	TP. Cam Ranh	11° 53' 15"	109° 04' 55"					C-49-3-A-a
Bệnh viện 87 Hải Quân	KX	P. Lộc Thọ	TP. Nha Trang	12° 13' 54"	109° 11' 36"					D-49-87-C-b
tổ dân phố Số 1	DC	P. Lộc Thọ	TP. Nha Trang	12° 13' 48"	109° 11' 47"					D-49-87-C-b
tổ dân phố Số 2	DC	P. Lộc Thọ	TP. Nha Trang	12° 13' 56"	109° 11' 44"					D-49-87-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
tổ dân phố Số 3	DC	P. Lộc Thọ	TP. Nha Trang	12° 13' 59"	109° 11' 35"					D-49-87-C-b
tổ dân phố Số 4	DC	P. Lộc Thọ	TP. Nha Trang	12° 14' 07"	109° 11' 37"					D-49-87-C-b
tổ dân phố Số 5	DC	P. Lộc Thọ	TP. Nha Trang	12° 14' 09"	109° 11' 42"					D-49-87-C-b
tổ dân phố Số 6	DC	P. Lộc Thọ	TP. Nha Trang	12° 14' 13"	109° 11' 34"					D-49-87-C-b
tổ dân phố Số 7	DC	P. Lộc Thọ	TP. Nha Trang	12° 14' 17"	109° 11' 33"					D-49-87-C-b
tổ dân phố Số 8	DC	P. Lộc Thọ	TP. Nha Trang	12° 14' 18"	109° 11' 41"					D-49-87-C-b
tổ dân phố Số 9	DC	P. Lộc Thọ	TP. Nha Trang	12° 14' 28"	109° 11' 32"					D-49-87-C-b
tổ dân phố Số 10	DC	P. Lộc Thọ	TP. Nha Trang	12° 14' 27"	109° 11' 39"					D-49-87-C-b
tổ dân phố Số 11	DC	P. Lộc Thọ	TP. Nha Trang	12° 14' 31"	109° 11' 32"					D-49-87-C-b
tổ dân phố Số 12	DC	P. Lộc Thọ	TP. Nha Trang	12° 14' 34"	109° 11' 37"					D-49-87-C-b
tổ dân phố Số 13	DC	P. Lộc Thọ	TP. Nha Trang	12° 14' 44"	109° 11' 33"					D-49-87-C-b
tổ dân phố Số 14	DC	P. Lộc Thọ	TP. Nha Trang	12° 14' 47"	109° 11' 27"					D-49-87-C-b
tổ dân phố Số 15	DC	P. Lộc Thọ	TP. Nha Trang	12° 14' 52"	109° 11' 27"					D-49-87-C-b
tổ dân phố Số 16	DC	P. Lộc Thọ	TP. Nha Trang	12° 14' 52"	109° 11' 20"					D-49-87-C-b
tổ dân phố Số 17	DC	P. Lộc Thọ	TP. Nha Trang	12° 14' 58"	109° 11' 22"					D-49-87-C-b
tổ dân phố Số 18	DC	P. Lộc Thọ	TP. Nha Trang	12° 14' 57"	109° 11' 36"					D-49-87-C-b
Trường Cao đẳng Sư phạm Nha Trang	KX	P. Lộc Thọ	TP. Nha Trang	12° 14' 48"	109° 11' 39"					D-49-87-C-b
đường Nguyễn Chánh	KX	P. Lộc Thọ	TP. Nha Trang			12° 14' 50"	109° 11' 41"	12° 14' 47"	109° 11' 26"	D-49-87-C-b
đường Nguyễn Thị Minh Khai	KX	P. Lộc Thọ	TP. Nha Trang			12° 14' 23"	109° 11' 42"	12° 14' 12"	109° 11' 02"	D-49-87-C-b
công viên Phù Đổng	KX	P. Lộc Thọ	TP. Nha Trang	12° 13' 44"	109° 11' 53"					D-49-87-C-b
Công an tỉnh Khánh Hòa	KX	P. Lộc Thọ	TP. Nha Trang	12° 14' 02"	109° 11' 43"					D-49-87-C-b
Tòa Giám mục tỉnh Khánh Hòa	KX	P. Lộc Thọ	TP. Nha Trang	12° 14' 54"	109° 11' 39"					D-49-87-C-b
Trường Chính trị tỉnh Khánh Hòa	KX	P. Lộc Thọ	TP. Nha Trang	12° 14' 58"	109° 11' 36"					D-49-87-C-b
đường Trần Phú	KX	P. Lộc Thọ	TP. Nha Trang			12° 15' 40"	109° 11' 48"	12° 12' 08"	109° 12' 43"	D-49-87-A-d; D-49-87-C-b
danh thắng vịnh Nha Trang	KX	P. Lộc Thọ	TP. Nha Trang	12° 14' 40"	109° 12' 54"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 1 - Vĩnh Điềm	DC	P. Ngọc Hiệp	TP. Nha Trang	12° 15' 20"	109° 10' 21"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 2 - Vĩnh Điềm	DC	P. Ngọc Hiệp	TP. Nha Trang	12° 15' 23"	109° 10' 12"					D-49-87-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
tổ dân phố 3 - Vĩnh Điềm	DC	P. Ngọc Hiệp	TP. Nha Trang	12° 15' 29"	109° 10' 36"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 4 - Ngọc Hội	DC	P. Ngọc Hiệp	TP. Nha Trang	12° 15' 27"	109° 10' 22"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 5 - Ngọc Hội	DC	P. Ngọc Hiệp	TP. Nha Trang	12° 15' 32"	109° 10' 21"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 6 - Ngọc Hội	DC	P. Ngọc Hiệp	TP. Nha Trang	12° 15' 35"	109° 10' 15"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 7 - Lư Cấm	DC	P. Ngọc Hiệp	TP. Nha Trang	12° 15' 56"	109° 10' 20"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 8 - Lư Cấm	DC	P. Ngọc Hiệp	TP. Nha Trang	12° 15' 46"	109° 10' 27"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 9 - Lư Cấm	DC	P. Ngọc Hiệp	TP. Nha Trang	12° 15' 43"	109° 10' 38"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 10 - Vĩnh Hội	DC	P. Ngọc Hiệp	TP. Nha Trang	12° 15' 36"	109° 10' 53"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 11 - Vĩnh Hội	DC	P. Ngọc Hiệp	TP. Nha Trang	12° 15' 25"	109° 10' 59"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 12 - Vĩnh Hội	DC	P. Ngọc Hiệp	TP. Nha Trang	12° 15' 22"	109° 10' 53"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 13 - Ngọc Thảo	DC	P. Ngọc Hiệp	TP. Nha Trang	12° 15' 50"	109° 11' 07"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 14 - Ngọc Thảo	DC	P. Ngọc Hiệp	TP. Nha Trang	12° 15' 57"	109° 10' 43"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 15 - Ngọc Sơn	DC	P. Ngọc Hiệp	TP. Nha Trang	12° 16' 14"	109° 10' 50"					D-49-87-A-d
đường 23 tháng 10	KX	P. Ngọc Hiệp	TP. Nha Trang			12° 15' 02"	109° 10' 48"	12° 15' 29"	109° 06' 19"	D-49-87-A-d
Sông Cái	TV	P. Ngọc Hiệp	TP. Nha Trang			12° 20' 38"	108° 44' 54"	12° 15' 48"	109° 11' 52"	D-49-87-A-d
cầu Chợ Mới	KX	P. Ngọc Hiệp	TP. Nha Trang	12° 15' 15"	109° 10' 20"					D-49-87-A-d
sông Kim Bồng	TV	P. Ngọc Hiệp	TP. Nha Trang			12° 15' 36"	109° 10' 13"	12° 15' 37"	109° 11' 04"	D-49-87-A-d
Núi Sạn	SV	P. Ngọc Hiệp	TP. Nha Trang	12° 16' 21"	109° 11' 12"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 1 Phước An Bắc	DC	P. Phước Hải	TP. Nha Trang	12° 14' 23"	109° 10' 44"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 1 Phước An Hòa	DC	P. Phước Hải	TP. Nha Trang	12° 13' 54"	109° 10' 48"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 1 Phước An Nam	DC	P. Phước Hải	TP. Nha Trang	12° 14' 12"	109° 10' 37"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 1 Phước Lộc	DC	P. Phước Hải	TP. Nha Trang	12° 14' 52"	109° 10' 44"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 1 Phước Toàn Đông	DC	P. Phước Hải	TP. Nha Trang	12° 14' 32"	109° 10' 45"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 1 Phước Toàn Tây	DC	P. Phước Hải	TP. Nha Trang	12° 14' 38"	109° 10' 41"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 2 Phước An Bắc	DC	P. Phước Hải	TP. Nha Trang	12° 14' 18"	109° 10' 45"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 2 Phước An Hòa	DC	P. Phước Hải	TP. Nha Trang	12° 13' 46"	109° 10' 50"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 2 Phước An Nam	DC	P. Phước Hải	TP. Nha Trang	12° 14' 04"	109° 10' 45"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 2 Phước Lộc	DC	P. Phước Hải	TP. Nha Trang	12° 14' 49"	109° 10' 47"					D-49-87-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
tổ dân phố 2 Phước Toàn Đông	DC	P. Phước Hải	TP. Nha Trang	12° 14' 28"	109° 10' 47"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 2 Phước Toàn Tây	DC	P. Phước Hải	TP. Nha Trang	12° 14' 32"	109° 10' 40"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 3 Phước An Hòa	DC	P. Phước Hải	TP. Nha Trang	12° 13' 39"	109° 10' 52"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 3 Phước An Nam	DC	P. Phước Hải	TP. Nha Trang	12° 13' 60"	109° 10' 46"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 3 Phước Lộc	DC	P. Phước Hải	TP. Nha Trang	12° 14' 44"	109° 10' 42"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 3 Phước Toàn Tây	DC	P. Phước Hải	TP. Nha Trang	12° 14' 28"	109° 10' 41"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 4 Phước Lộc	DC	P. Phước Hải	TP. Nha Trang	12° 14' 49"	109° 10' 39"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 4 Phước Toàn Tây	DC	P. Phước Hải	TP. Nha Trang	12° 14' 27"	109° 10' 29"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 5 Phước Lộc	DC	P. Phước Hải	TP. Nha Trang	12° 14' 40"	109° 10' 46"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 6 Phước Lộc	DC	P. Phước Hải	TP. Nha Trang	12° 14' 39"	109° 10' 34"					D-49-87-C-b
chùa Giác Hải	KX	P. Phước Hải	TP. Nha Trang	12° 14' 25"	109° 10' 46"					D-49-87-C-b
đường Lê Hồng Phong	KX	P. Phước Hải	TP. Nha Trang			12° 15' 02"	109° 10' 48"	12° 12' 43"	109° 11' 33"	D-49-87-C-b
đình Phước Hải	KX	P. Phước Hải	TP. Nha Trang	12° 14' 28"	109° 10' 29"					D-49-87-C-b
sông Quán Trường	TV	P. Phước Hải	TP. Nha Trang			12° 14' 26"	109° 07' 07"	12° 12' 28"	109° 11' 09"	D-49-87-C-b
sông Quán Trường	TV	P. Phước Hải	TP. Nha Trang			12° 14' 26"	109° 07' 07"	12° 12' 28"	109° 11' 09"	D-49-87-A-d; D-49-87-C-b
Công ty Truyền tải điện 3	KX	P. Phước Hải	TP. Nha Trang	12° 14' 58"	109° 10' 44"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 1 - Chí Linh	DC	P. Phước Hòa	TP. Nha Trang	12° 14' 33"	109° 10' 53"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 1 - Hoàn Kiếm	DC	P. Phước Hòa	TP. Nha Trang	12° 14' 26"	109° 10' 52"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 1 - Kiến Thiết	DC	P. Phước Hòa	TP. Nha Trang	12° 14' 18"	109° 11' 10"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 1 - Phước Thọ	DC	P. Phước Hòa	TP. Nha Trang	12° 14' 13"	109° 10' 48"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 1 - Trần Nhật Duật	DC	P. Phước Hòa	TP. Nha Trang	12° 14' 23"	109° 11' 04"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 1 - Yên Thế	DC	P. Phước Hòa	TP. Nha Trang	12° 14' 23"	109° 10' 59"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 2 - Chí Linh	DC	P. Phước Hòa	TP. Nha Trang	12° 14' 28"	109° 10' 50"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 2 - Hoàn Kiếm	DC	P. Phước Hòa	TP. Nha Trang	12° 14' 19"	109° 10' 48"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 2 - Kiến Thiết	DC	P. Phước Hòa	TP. Nha Trang	12° 14' 15"	109° 11' 07"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 2 - Phước Thọ	DC	P. Phước Hòa	TP. Nha Trang	12° 14' 10"	109° 10' 49"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 2 - Trần Nhật Duật	DC	P. Phước Hòa	TP. Nha Trang	12° 14' 19"	109° 11' 02"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 2 - Yên Thế	DC	P. Phước Hòa	TP. Nha Trang	12° 14' 22"	109° 10' 55"					D-49-87-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
tổ dân phố 3 - Chí Linh	DC	P. Phước Hòa	TP. Nha Trang	12° 14' 26"	109° 10' 53"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 3 - Phước Thọ	DC	P. Phước Hòa	TP. Nha Trang	12° 14' 08"	109° 10' 48"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 4 - Phước Thọ	DC	P. Phước Hòa	TP. Nha Trang	12° 14' 17"	109° 11' 00"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 5 - Phước Thọ	DC	P. Phước Hòa	TP. Nha Trang	12° 14' 12"	109° 11' 02"					D-49-87-C-b
đường Lê Hồng Phong	KX	P. Phước Hòa	TP. Nha Trang			12° 15' 02"	109° 10' 48"	12° 12' 43"	109° 11' 33"	D-49-87-C-b
tịnh xá Ngọc Pháp	KX	P. Phước Hòa	TP. Nha Trang	12° 14' 22"	109° 10' 54"					D-49-87-C-b
đường Nguyễn Thị Minh Khai	KX	P. Phước Hòa	TP. Nha Trang			12° 14' 23"	109° 11' 42"	12° 14' 12"	109° 11' 02"	D-49-87-C-b
đường Nhị Hà	KX	P. Phước Hòa	TP. Nha Trang			12° 14' 13"	109° 10' 45"	12° 14' 16"	109° 11' 02"	D-49-87-C-b
đường Trần Nguyên Hãn	KX	P. Phước Hòa	TP. Nha Trang			12° 14' 16"	109° 11' 02"	12° 14' 38"	109° 11' 21"	D-49-87-C-b
đường Vân Đồn	KX	P. Phước Hòa	TP. Nha Trang			12° 14' 12"	109° 11' 02"	12° 14' 09"	109° 10' 46"	D-49-87-C-b
tổ dân phố 1 Phước An	DC	P. Phước Long	TP. Nha Trang	12° 12' 58"	109° 11' 35"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 1 Phước Bình	DC	P. Phước Long	TP. Nha Trang	12° 13' 05"	109° 11' 31"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 1 Phước Hưng	DC	P. Phước Long	TP. Nha Trang	12° 13' 08"	109° 11' 22"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 1 Phước Lộc	DC	P. Phước Long	TP. Nha Trang	12° 12' 54"	109° 11' 29"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 1 Phước Thái	DC	P. Phước Long	TP. Nha Trang	12° 12' 40"	109° 11' 16"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 1 Phước Thành	DC	P. Phước Long	TP. Nha Trang	12° 13' 11"	109° 11' 11"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 1 Phước Thịnh	DC	P. Phước Long	TP. Nha Trang	12° 13' 06"	109° 11' 27"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 1 Phước Tín	DC	P. Phước Long	TP. Nha Trang	12° 13' 32"	109° 10' 59"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 1 Phước Trung	DC	P. Phước Long	TP. Nha Trang	12° 12' 56"	109° 11' 24"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 1 Phước Tường	DC	P. Phước Long	TP. Nha Trang	12° 12' 40"	109° 11' 40"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 2 Phước An	DC	P. Phước Long	TP. Nha Trang	12° 13' 01"	109° 11' 39"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 2 Phước Bình	DC	P. Phước Long	TP. Nha Trang	12° 13' 09"	109° 11' 39"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 2 Phước Hưng	DC	P. Phước Long	TP. Nha Trang	12° 13' 16"	109° 11' 27"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 2 Phước Lộc	DC	P. Phước Long	TP. Nha Trang	12° 12' 52"	109° 11' 38"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 2 Phước Thái	DC	P. Phước Long	TP. Nha Trang	12° 12' 46"	109° 11' 28"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 2 Phước Thành	DC	P. Phước Long	TP. Nha Trang	12° 13' 14"	109° 11' 11"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 2 Phước Thịnh	DC	P. Phước Long	TP. Nha Trang	12° 13' 12"	109° 11' 31"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 2 Phước Tín	DC	P. Phước Long	TP. Nha Trang	12° 13' 25"	109° 11' 05"					D-49-87-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
tổ dân phố 2 Phước Trung	DC	P. Phước Long	TP. Nha Trang	12° 12' 47"	109° 11' 12"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 2 Phước Tường	DC	P. Phước Long	TP. Nha Trang	12° 12' 42"	109° 11' 52"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 3 Phước An	DC	P. Phước Long	TP. Nha Trang	12° 13' 03"	109° 11' 42"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 3 Phước Thành	DC	P. Phước Long	TP. Nha Trang	12° 13' 02"	109° 10' 57"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 3 Phước Tín	DC	P. Phước Long	TP. Nha Trang	12° 13' 18"	109° 10' 49"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 3 Phước Tường	DC	P. Phước Long	TP. Nha Trang	12° 12' 34"	109° 11' 58"					D-49-87-C-b
Trạm xá Biên Phòng	KX	P. Phước Long	TP. Nha Trang	12° 13' 03"	109° 11' 43"					D-49-87-C-b
đường Lê Hồng Phong	KX	P. Phước Long	TP. Nha Trang			12° 15' 02"	109° 10' 48"	12° 12' 43"	109° 11' 33"	D-49-87-C-b
đường Nguyễn Đức Cảnh	KX	P. Phước Long	TP. Nha Trang			12° 13' 11"	109° 11' 38"	12° 12' 53"	109° 11' 27"	D-49-87-C-b
đại lộ Nguyễn Tất Thành	KX	P. Phước Long	TP. Nha Trang			12° 12' 53"	109° 11' 27"	11° 58' 50"	109° 12' 39"	D-49-87-C-b
sông Quán Trường	TV	P. Phước Long	TP. Nha Trang			12° 14' 26"	109° 07' 07"	12° 12' 28"	109° 11' 09"	D-49-87-C-b
Sông Tắc	TV	P. Phước Long	TP. Nha Trang			12° 13' 53"	109° 09' 45"	12° 11' 22"	109° 12' 31"	D-49-87-C-b
Nhà máy Thủy sản Vân Như	KX	P. Phước Long	TP. Nha Trang	12° 12' 40"	109° 11' 17"					D-49-87-C-b
Trường Trung học cơ sở Võ Thị Sáu	KX	P. Phước Long	TP. Nha Trang	12° 12' 46"	109° 11' 44"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 1 - Âu Cơ	DC	P. Phước Tân	TP. Nha Trang	12° 14' 38"	109° 10' 53"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 1 - Đồng Dưa	DC	P. Phước Tân	TP. Nha Trang	12° 14' 46"	109° 10' 57"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 1 - Máy Nước	DC	P. Phước Tân	TP. Nha Trang	12° 14' 53"	109° 10' 49"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 1 - Quốc Tuấn	DC	P. Phước Tân	TP. Nha Trang	12° 14' 46"	109° 10' 50"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 1 - Thái Nguyên	DC	P. Phước Tân	TP. Nha Trang	12° 14' 56"	109° 11' 05"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 1 - Vườn Dương	DC	P. Phước Tân	TP. Nha Trang	12° 14' 53"	109° 10' 58"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 2 - Âu Cơ	DC	P. Phước Tân	TP. Nha Trang	12° 14' 38"	109° 10' 59"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 2 - Đồng Dưa	DC	P. Phước Tân	TP. Nha Trang	12° 14' 41"	109° 10' 55"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 2 - Máy Nước	DC	P. Phước Tân	TP. Nha Trang	12° 14' 55"	109° 10' 53"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 2 - Quốc Tuấn	DC	P. Phước Tân	TP. Nha Trang	12° 14' 49"	109° 10' 56"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 2 - Thái Nguyên	DC	P. Phước Tân	TP. Nha Trang	12° 14' 49"	109° 11' 08"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 2 - Vườn Dương	DC	P. Phước Tân	TP. Nha Trang	12° 14' 51"	109° 10' 59"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 3 - Âu Cơ	DC	P. Phước Tân	TP. Nha Trang	12° 14' 42"	109° 11' 06"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 3 - Quốc Tuấn	DC	P. Phước Tân	TP. Nha Trang	12° 14' 43"	109° 10' 52"					D-49-87-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
tổ dân phố 3 - Vườn Dương	DC	P. Phước Tân	TP. Nha Trang	12° 14' 46"	109° 11' 03"					D-49-87-C-b
đường Lê Hồng Phong	KX	P. Phước Tân	TP. Nha Trang			12° 15' 02"	109° 10' 48"	12° 12' 43"	109° 11' 33"	D-49-87-C-b
đường Thái Nguyên	KX	P. Phước Tân	TP. Nha Trang			12° 14' 54"	109° 11' 13"	12° 15' 02"	109° 10' 48"	D-49-87-C-b
tổ dân phố Bạch Đằng	DC	P. Phước Tiến	TP. Nha Trang	12° 14' 35"	109° 11' 12"					D-49-87-C-b
tổ dân phố Bùi Thị Xuân	DC	P. Phước Tiến	TP. Nha Trang	12° 14' 45"	109° 11' 19"					D-49-87-C-b
tổ dân phố Hồng Bàng	DC	P. Phước Tiến	TP. Nha Trang	12° 14' 39"	109° 11' 09"					D-49-87-C-b
tổ dân phố Huỳnh Thúc Kháng	DC	P. Phước Tiến	TP. Nha Trang	12° 14' 47"	109° 11' 14"					D-49-87-C-b
tổ dân phố Lê Đại Hành	DC	P. Phước Tiến	TP. Nha Trang	12° 14' 36"	109° 11' 06"					D-49-87-C-b
tổ dân phố Mê Linh	DC	P. Phước Tiến	TP. Nha Trang	12° 14' 33"	109° 11' 06"					D-49-87-C-b
tổ dân phố Ngô Gia Tự	DC	P. Phước Tiến	TP. Nha Trang	12° 14' 39"	109° 11' 14"					D-49-87-C-b
tổ dân phố Nguyễn Trãi	DC	P. Phước Tiến	TP. Nha Trang	12° 14' 44"	109° 11' 11"					D-49-87-C-b
tổ dân phố Núi Một	DC	P. Phước Tiến	TP. Nha Trang	12° 14' 49"	109° 11' 15"					D-49-87-C-b
tổ dân phố Phù Đổng	DC	P. Phước Tiến	TP. Nha Trang	12° 14' 26"	109° 11' 03"					D-49-87-C-b
đường Trần Bình Trọng	KX	P. Phước Tiến	TP. Nha Trang			12° 14' 43"	109° 11' 16"	12° 14' 25"	109° 10' 60"	D-49-87-C-b
chùa Từ Vân	KX	P. Phước Tiến	TP. Nha Trang	12° 14' 28"	109° 11' 00"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 1 - Phương An	DC	P. Phương Sài	TP. Nha Trang	12° 14' 59"	109° 11' 05"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 2 - Phương An	DC	P. Phương Sài	TP. Nha Trang	12° 14' 57"	109° 11' 15"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 3 - Độc Lập	DC	P. Phương Sài	TP. Nha Trang	12° 15' 05"	109° 11' 04"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 4 - Độc Lập	DC	P. Phương Sài	TP. Nha Trang	12° 15' 06"	109° 11' 08"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 5 - Phường Củi Đông	DC	P. Phương Sài	TP. Nha Trang	12° 15' 12"	109° 11' 07"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 6 - Phường Củi Đông	DC	P. Phương Sài	TP. Nha Trang	12° 15' 16"	109° 11' 01"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 7 - Phường Củi Tây	DC	P. Phương Sài	TP. Nha Trang	12° 15' 10"	109° 11' 06"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 8 - Phường Củi Tây	DC	P. Phương Sài	TP. Nha Trang	12° 15' 10"	109° 10' 59"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 9 - Cận Giang	DC	P. Phương Sài	TP. Nha Trang	12° 15' 20"	109° 10' 47"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 10 - Cận Giang	DC	P. Phương Sài	TP. Nha Trang	12° 15' 23"	109° 10' 39"					D-49-87-A-d
sông Kim Bồng	TV	P. Phương Sài	TP. Nha Trang			12° 15' 36"	109° 10' 13"	12° 15' 37"	109° 11' 04"	D-49-87-A-d
chùa Ngộ Phước	KX	P. Phương Sài	TP. Nha Trang	12° 15' 04"	109° 10' 59"					D-49-87-A-d
đường Thái Nguyên	KX	P. Phương Sài	TP. Nha Trang			12° 14' 54"	109° 11' 13"	12° 15' 02"	109° 10' 48"	D-49-87-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
tổ dân phố 1 - 23 tháng 10	DC	P. Phương Sơn	TP. Nha Trang	12° 15' 11"	109° 10' 23"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 2 - 23 tháng 10	DC	P. Phương Sơn	TP. Nha Trang	12° 15' 03"	109° 10' 43"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 3 - Phước Bình	DC	P. Phương Sơn	TP. Nha Trang	12° 15' 13"	109° 10' 37"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 4 - Phước Bình	DC	P. Phương Sơn	TP. Nha Trang	12° 15' 16"	109° 10' 39"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 5 - Phước Bình	DC	P. Phương Sơn	TP. Nha Trang	12° 15' 18"	109° 10' 32"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 6 - Cận Sơn 2	DC	P. Phương Sơn	TP. Nha Trang	12° 15' 19"	109° 10' 45"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 7 - Cận Sơn 2	DC	P. Phương Sơn	TP. Nha Trang	12° 15' 14"	109° 10' 46"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 8 - Cận Sơn 2	DC	P. Phương Sơn	TP. Nha Trang	12° 15' 12"	109° 10' 52"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 9 - Cận Sơn 1	DC	P. Phương Sơn	TP. Nha Trang	12° 15' 10"	109° 10' 54"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 10 - Cận Sơn 1	DC	P. Phương Sơn	TP. Nha Trang	12° 15' 06"	109° 10' 55"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 11 - Cận Sơn 1	DC	P. Phương Sơn	TP. Nha Trang	12° 15' 06"	109° 10' 49"					D-49-87-A-d
đường 23 tháng 10	KX	P. Phương Sơn	TP. Nha Trang			12° 15' 02"	109° 10' 48"	12° 15' 29"	109° 06' 19"	D-49-87-A-d
cầu Chợ Mới	KX	P. Phương Sơn	TP. Nha Trang	12° 15' 15"	109° 10' 20"					D-49-87-A-d
chùa Hải Đức	KX	P. Phương Sơn	TP. Nha Trang	12° 15' 19"	109° 10' 36"					D-49-87-A-d
sông Kim Bồng	TV	P. Phương Sơn	TP. Nha Trang			12° 15' 36"	109° 10' 13"	12° 15' 37"	109° 11' 04"	D-49-87-A-d
đường Lê Hồng Phong	KX	P. Phương Sơn	TP. Nha Trang			12° 15' 02"	109° 10' 48"	12° 12' 43"	109° 11' 33"	D-49-87-A-d
tổ dân phố 1 - Định Cư	DC	P. Tân Lập	TP. Nha Trang	12° 14' 26"	109° 11' 08"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 1 - Hồng Bàng	DC	P. Tân Lập	TP. Nha Trang	12° 14' 28"	109° 11' 17"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 1 - Lê Thánh Tôn	DC	P. Tân Lập	TP. Nha Trang	12° 14' 43"	109° 11' 23"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 1 - Nguyễn Hữu Huân	DC	P. Tân Lập	TP. Nha Trang	12° 14' 26"	109° 11' 13"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 1 - Nguyễn Thiện Thuật (Bắc)	DC	P. Tân Lập	TP. Nha Trang	12° 14' 37"	109° 11' 28"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 1 - Nguyễn Thiện Thuật (Nam)	DC	P. Tân Lập	TP. Nha Trang	12° 14' 19"	109° 11' 30"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 1 - Trịnh Phong	DC	P. Tân Lập	TP. Nha Trang	12° 14' 24"	109° 11' 18"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 2 - Định Cư	DC	P. Tân Lập	TP. Nha Trang	12° 14' 22"	109° 11' 09"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 2 - Hồng Bàng	DC	P. Tân Lập	TP. Nha Trang	12° 14' 30"	109° 11' 19"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 2 - Lê Thánh Tôn	DC	P. Tân Lập	TP. Nha Trang	12° 14' 36"	109° 11' 19"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 2 - Nguyễn Hữu Huân	DC	P. Tân Lập	TP. Nha Trang	12° 14' 21"	109° 11' 16"					D-49-87-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
tổ dân phố 2 - Nguyễn Thiện Thuật (Bắc)	DC	P. Tân Lập	TP. Nha Trang	12° 14' 31"	109° 11' 28"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 2 - Nguyễn Thiện Thuật (Nam)	DC	P. Tân Lập	TP. Nha Trang	12° 14' 12"	109° 11' 30"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 2 - Trịnh Phong	DC	P. Tân Lập	TP. Nha Trang	12° 14' 18"	109° 11' 20"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 3 - Nguyễn Thiện Thuật (Nam)	DC	P. Tân Lập	TP. Nha Trang	12° 14' 05"	109° 11' 33"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 3 - Trịnh Phong	DC	P. Tân Lập	TP. Nha Trang	12° 14' 25"	109° 11' 19"					D-49-87-C-b
tổ dân phố Đống Đa	DC	P. Tân Lập	TP. Nha Trang	12° 14' 31"	109° 11' 21"					D-49-87-C-b
tổ dân phố Lê Quý Đôn	DC	P. Tân Lập	TP. Nha Trang	12° 14' 30"	109° 11' 12"					D-49-87-C-b
đường Ngô Đức Kế	KX	P. Tân Lập	TP. Nha Trang			12° 14' 20"	109° 11' 10"	12° 14' 35"	109° 11' 24"	D-49-87-C-b
đường Nguyễn Thị Minh Khai	KX	P. Tân Lập	TP. Nha Trang			12° 14' 23"	109° 11' 42"	12° 14' 12"	109° 11' 02"	D-49-87-C-b
đường Trần Nguyên Hãn	KX	P. Tân Lập	TP. Nha Trang			12° 14' 16"	109° 11' 02"	12° 14' 38"	109° 11' 21"	D-49-87-C-b
đường 2 tháng 4	KX	P. Vạn Thạnh	TP. Nha Trang			12° 18' 42"	109° 11' 08"	12° 15' 12"	109° 11' 18"	D-49-87-A-d
Sông Cái	TV	P. Vạn Thạnh	TP. Nha Trang			12° 20' 38"	108° 44' 54"	12° 15' 48"	109° 11' 52"	D-49-87-A-c; D-49-87-A-d
tổ dân phố Chung Cư A	DC	P. Vạn Thạnh	TP. Nha Trang	12° 15' 22"	109° 11' 20"					D-49-87-A-d
tổ dân phố Chung Cư B	DC	P. Vạn Thạnh	TP. Nha Trang	12° 15' 19"	109° 11' 24"					D-49-87-A-d
Chợ Đầm	KX	P. Vạn Thạnh	TP. Nha Trang	12° 15' 23"	109° 11' 24"					D-49-87-A-d
cầu Hà Ra	KX	P. Vạn Thạnh	TP. Nha Trang	12° 15' 39"	109° 11' 16"					D-49-87-A-d
tổ dân phố Vạn Hòa 1	DC	P. Vạn Thạnh	TP. Nha Trang	12° 15' 30"	109° 11' 20"					D-49-87-A-d
tổ dân phố Vạn Hòa 2	DC	P. Vạn Thạnh	TP. Nha Trang	12° 15' 29"	109° 11' 24"					D-49-87-A-d
tổ dân phố Vạn Lợi 1	DC	P. Vạn Thạnh	TP. Nha Trang	12° 15' 28"	109° 11' 16"					D-49-87-A-d
tổ dân phố Vạn Lợi 2	DC	P. Vạn Thạnh	TP. Nha Trang	12° 15' 33"	109° 11' 17"					D-49-87-A-d
tổ dân phố Vạn Phương 1	DC	P. Vạn Thạnh	TP. Nha Trang	12° 15' 09"	109° 11' 25"					D-49-87-A-d
tổ dân phố Vạn Phương 2	DC	P. Vạn Thạnh	TP. Nha Trang	12° 15' 12"	109° 11' 21"					D-49-87-A-d
tổ dân phố Vạn Phương 3	DC	P. Vạn Thạnh	TP. Nha Trang	12° 15' 16"	109° 11' 24"					D-49-87-A-d
tổ dân phố Vạn Thái 1	DC	P. Vạn Thạnh	TP. Nha Trang	12° 15' 18"	109° 11' 20"					D-49-87-A-d
tổ dân phố Vạn Thái 2	DC	P. Vạn Thạnh	TP. Nha Trang	12° 15' 24"	109° 11' 15"					D-49-87-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
tổ dân phố 1 - Vạn An	DC	P. Vạn Thắng	TP. Nha Trang	12° 15' 18"	109° 11' 13"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 1 - Vạn Bình	DC	P. Vạn Thắng	TP. Nha Trang	12° 15' 14"	109° 11' 13"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 1 - Vạn Đức	DC	P. Vạn Thắng	TP. Nha Trang	12° 15' 26"	109° 11' 11"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 1 - Vạn Phước	DC	P. Vạn Thắng	TP. Nha Trang	12° 15' 05"	109° 11' 18"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 1 - Vạn Trung	DC	P. Vạn Thắng	TP. Nha Trang	12° 15' 30"	109° 11' 11"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 2 - Vạn An	DC	P. Vạn Thắng	TP. Nha Trang	12° 15' 22"	109° 11' 12"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 2 - Vạn Bình	DC	P. Vạn Thắng	TP. Nha Trang	12° 15' 17"	109° 11' 08"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 2 - Vạn Đức	DC	P. Vạn Thắng	TP. Nha Trang	12° 15' 32"	109° 11' 06"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 2 - Vạn Phước	DC	P. Vạn Thắng	TP. Nha Trang	12° 15' 05"	109° 11' 13"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 2 - Vạn Trung	DC	P. Vạn Thắng	TP. Nha Trang	12° 15' 36"	109° 11' 12"					D-49-87-A-d
đường 2 tháng 4	KX	P. Vạn Thắng	TP. Nha Trang			12° 18' 42"	109° 11' 08"	12° 15' 12"	109° 11' 18"	D-49-87-A-d
Sông Cái	TV	P. Vạn Thắng	TP. Nha Trang			12° 20' 38"	108° 44' 54"	12° 15' 48"	109° 11' 52"	D-49-86-A-d; D-49-86-B-c; D-49-86-B-d
cầu Hà Ra	KX	P. Vạn Thắng	TP. Nha Trang	12° 15' 39"	109° 11' 16"					D-49-87-A-d
sông Kim Bồng	TV	P. Vạn Thắng	TP. Nha Trang			12° 15' 36"	109° 10' 13"	12° 15' 37"	109° 11' 04"	D-49-87-A-d
tổ dân phố Vạn Thọ	DC	P. Vạn Thắng	TP. Nha Trang	12° 15' 11"	109° 11' 14"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 1 - Đông Nam	DC	P. Vĩnh Hải	TP. Nha Trang	12° 16' 58"	109° 11' 57"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 2 - Đông Nam	DC	P. Vĩnh Hải	TP. Nha Trang	12° 16' 54"	109° 11' 57"					D-49-87-A-d
đường 2 tháng 4	KX	P. Vĩnh Hải	TP. Nha Trang			12° 18' 42"	109° 11' 08"	12° 15' 12"	109° 11' 18"	D-49-87-A-d
tổ dân phố 3 - Đông Nam	DC	P. Vĩnh Hải	TP. Nha Trang	12° 16' 56"	109° 11' 48"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 4 - Đông Nam	DC	P. Vĩnh Hải	TP. Nha Trang	12° 16' 56"	109° 11' 40"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 5 - Thanh Hải	DC	P. Vĩnh Hải	TP. Nha Trang	12° 16' 48"	109° 11' 48"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 6 - Thanh Hải	DC	P. Vĩnh Hải	TP. Nha Trang	12° 16' 49"	109° 12' 00"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 7 - Thanh Hải	DC	P. Vĩnh Hải	TP. Nha Trang	12° 16' 40"	109° 11' 58"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 8 - Thanh Hải	DC	P. Vĩnh Hải	TP. Nha Trang	12° 16' 43"	109° 11' 49"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 9 - Tây Nam	DC	P. Vĩnh Hải	TP. Nha Trang	12° 16' 41"	109° 11' 38"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 10 - Tây Nam	DC	P. Vĩnh Hải	TP. Nha Trang	12° 16' 46"	109° 11' 33"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 11 - Tây Nam	DC	P. Vĩnh Hải	TP. Nha Trang	12° 16' 38"	109° 11' 30"					D-49-87-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
tổ dân phố 12 - Tây Nam	DC	P. Vĩnh Hải	TP. Nha Trang	12° 16' 45"	109° 11' 21"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 13 - Tây Nam	DC	P. Vĩnh Hải	TP. Nha Trang	12° 16' 46"	109° 11' 10"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 14 - Tây Nam	DC	P. Vĩnh Hải	TP. Nha Trang	12° 16' 44"	109° 10' 50"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 15 - Tây Nam	DC	P. Vĩnh Hải	TP. Nha Trang	12° 16' 53"	109° 11' 29"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 16 - Tây Nam	DC	P. Vĩnh Hải	TP. Nha Trang	12° 16' 55"	109° 11' 20"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 17 - Tây Nam	DC	P. Vĩnh Hải	TP. Nha Trang	12° 16' 57"	109° 11' 13"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 18 - Tây Bắc	DC	P. Vĩnh Hải	TP. Nha Trang	12° 17' 00"	109° 11' 25"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 19 - Tây Bắc	DC	P. Vĩnh Hải	TP. Nha Trang	12° 17' 01"	109° 11' 14"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 20 - Tây Bắc	DC	P. Vĩnh Hải	TP. Nha Trang	12° 17' 07"	109° 11' 14"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 21 - Tây Bắc	DC	P. Vĩnh Hải	TP. Nha Trang	12° 17' 17"	109° 11' 14"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 22 - Tây Bắc	DC	P. Vĩnh Hải	TP. Nha Trang	12° 17' 15"	109° 11' 02"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 23 - Tây Bắc	DC	P. Vĩnh Hải	TP. Nha Trang	12° 17' 27"	109° 11' 07"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 24 - Tây Bắc	DC	P. Vĩnh Hải	TP. Nha Trang	12° 17' 47"	109° 11' 05"					D-49-87-A-d
đường tỉnh 657C	KX	P. Vĩnh Hải	TP. Nha Trang			12° 18' 21"	109° 10' 11"	12° 17' 19"	109° 12' 12"	D-49-87-A-d
đan viện Cát Linh	KX	P. Vĩnh Hải	TP. Nha Trang	12° 16' 50"	109° 12' 02"					D-49-87-A-d
tu viện La San	KX	P. Vĩnh Hải	TP. Nha Trang	12° 16' 45"	109° 11' 03"					D-49-87-A-d
đường Phạm Văn Đồng	KX	P. Vĩnh Hải	TP. Nha Trang			12° 20' 52"	109° 11' 44"	12° 15' 55"	109° 11' 53"	D-49-87-A-d
Núi Sạn	SV	P. Vĩnh Hải	TP. Nha Trang	12° 16' 21"	109° 11' 12"					D-49-87-A-d
Trường Văn hóa Nghệ thuật và Du lịch Nha Trang	KX	P. Vĩnh Hải	TP. Nha Trang	12° 16' 44"	109° 12' 01"					D-49-87-A-d
danh thắng vịnh Nha Trang	KX	P. Vĩnh Hải	TP. Nha Trang	12° 14' 40"	109° 12' 54"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 1 - Hòa Tây	DC	P. Vĩnh Hòa	TP. Nha Trang	12° 17' 42"	109° 11' 13"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 2 - Hòa Tây	DC	P. Vĩnh Hòa	TP. Nha Trang	12° 17' 24"	109° 11' 21"					D-49-87-A-d
đường 2 tháng 4	KX	P. Vĩnh Hòa	TP. Nha Trang			12° 18' 42"	109° 11' 08"	12° 15' 12"	109° 11' 18"	D-49-87-A-d
tổ dân phố 3 - Đông Bắc	DC	P. Vĩnh Hòa	TP. Nha Trang	12° 17' 09"	109° 11' 31"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 4 - Đông Bắc	DC	P. Vĩnh Hòa	TP. Nha Trang	12° 17' 11"	109° 11' 40"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 5 - Hòa Nam	DC	P. Vĩnh Hòa	TP. Nha Trang	12° 17' 20"	109° 12' 02"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 6 - Hòa Nam	DC	P. Vĩnh Hòa	TP. Nha Trang	12° 17' 10"	109° 11' 52"					D-49-87-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
tổ dân phố 7 - Ba Làng	DC	P. Vĩnh Hòa	TP. Nha Trang	12° 17' 10"	109° 12' 06"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 8 - Ba Làng	DC	P. Vĩnh Hòa	TP. Nha Trang	12° 17' 28"	109° 12' 12"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 9 - Hòa Bắc	DC	P. Vĩnh Hòa	TP. Nha Trang	12° 17' 27"	109° 12' 06"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 10 - Hòa Bắc	DC	P. Vĩnh Hòa	TP. Nha Trang	12° 17' 28"	109° 11' 56"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 11 - Hòa Trung	DC	P. Vĩnh Hòa	TP. Nha Trang	12° 17' 28"	109° 11' 42"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 12 - Hòa Trung	DC	P. Vĩnh Hòa	TP. Nha Trang	12° 17' 33"	109° 11' 27"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 13 - Đường Đệ	DC	P. Vĩnh Hòa	TP. Nha Trang	12° 17' 48"	109° 12' 26"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 14 - Đường Đệ	DC	P. Vĩnh Hòa	TP. Nha Trang	12° 17' 50"	109° 12' 55"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 15 - Đường Đệ	DC	P. Vĩnh Hòa	TP. Nha Trang	12° 17' 59"	109° 12' 39"					D-49-87-A-d
đường tỉnh 657C	KX	P. Vĩnh Hòa	TP. Nha Trang			12° 18' 21"	109° 10' 11"	12° 17' 19"	109° 12' 12"	D-49-87-A-d
núi Cô Tiên	SV	P. Vĩnh Hòa	TP. Nha Trang	12° 18' 02"	109° 11' 39"					D-49-87-A-d
chùa Đa Bảo	KX	P. Vĩnh Hòa	TP. Nha Trang	12° 18' 20"	109° 12' 57"					D-49-87-A-d
núi Hòn Ngang	SV	P. Vĩnh Hòa	TP. Nha Trang	12° 18' 38"	109° 12' 53"					D-49-87-A-d
đường Phạm Văn Đồng	KX	P. Vĩnh Hòa	TP. Nha Trang			12° 20' 52"	109° 11' 44"	12° 15' 55"	109° 11' 53"	D-49-87-A-d
Hòn Rùa	SV	P. Vĩnh Hòa	TP. Nha Trang	12° 17' 24"	109° 14' 32"					D-49-87-A-d
Bãi Tiên	KX	P. Vĩnh Hòa	TP. Nha Trang	12° 18' 16"	109° 14' 17"					D-49-87-A-d
danh thắng vịnh Nha Trang	KX	P. Vĩnh Hòa	TP. Nha Trang	12° 14' 40"	109° 12' 54"					D-49-87-A-d
Nhà máy Z753	KX	P. Vĩnh Hòa	TP. Nha Trang	12° 17' 49"	109° 11' 09"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 1 Cầu Đá	DC	P. Vĩnh Nguyên	TP. Nha Trang	12° 12' 26"	109° 12' 45"					D-49-87-D-a
tổ dân phố 1 Hoàng Diệu	DC	P. Vĩnh Nguyên	TP. Nha Trang	12° 13' 14"	109° 12' 04"					D-49-87-D-a
tổ dân phố 1 Tây Hải	DC	P. Vĩnh Nguyên	TP. Nha Trang	12° 12' 53"	109° 12' 33"					D-49-87-D-a
tổ dân phố 1 Tây Sơn	DC	P. Vĩnh Nguyên	TP. Nha Trang	12° 12' 48"	109° 12' 33"					D-49-87-D-a
tổ dân phố 1 Thánh Gia	DC	P. Vĩnh Nguyên	TP. Nha Trang	12° 12' 47"	109° 12' 13"					D-49-87-D-a
tổ dân phố 1 Trí Nguyên	DC	P. Vĩnh Nguyên	TP. Nha Trang	12° 11' 48"	109° 13' 19"					D-49-87-D-a
tổ dân phố 1 Trường Sơn	DC	P. Vĩnh Nguyên	TP. Nha Trang	12° 12' 55"	109° 11' 49"					D-49-87-D-a
tổ dân phố 2 Cầu Đá	DC	P. Vĩnh Nguyên	TP. Nha Trang	12° 12' 22"	109° 12' 45"					D-49-87-D-a
tổ dân phố 2 Hoàng Diệu	DC	P. Vĩnh Nguyên	TP. Nha Trang	12° 13' 13"	109° 11' 56"					D-49-87-D-a
tổ dân phố 2 Tây Hải	DC	P. Vĩnh Nguyên	TP. Nha Trang	12° 12' 46"	109° 12' 41"					D-49-87-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
tổ dân phố 2 Tây Sơn	DC	P. Vĩnh Nguyên	TP. Nha Trang	12° 12' 42"	109° 12' 38"					D-49-87-D-a
tổ dân phố 2 Thánh Gia	DC	P. Vĩnh Nguyên	TP. Nha Trang	12° 12' 51"	109° 12' 21"					D-49-87-D-a
tổ dân phố 2 Trí Nguyên	DC	P. Vĩnh Nguyên	TP. Nha Trang	12° 11' 36"	109° 13' 19"					D-49-87-D-a
tổ dân phố 2 Trường Sơn	DC	P. Vĩnh Nguyên	TP. Nha Trang	12° 12' 45"	109° 11' 57"					D-49-87-D-a
tổ dân phố 3 Hoàng Diệu	DC	P. Vĩnh Nguyên	TP. Nha Trang	12° 13' 08"	109° 11' 52"					D-49-87-D-a
tổ dân phố 3 Trí Nguyên	DC	P. Vĩnh Nguyên	TP. Nha Trang	12° 11' 33"	109° 13' 07"					D-49-87-D-a
tổ dân phố 4 Hoàng Diệu	DC	P. Vĩnh Nguyên	TP. Nha Trang	12° 13' 08"	109° 11' 45"					D-49-87-D-a
dinh Bảo Đại	KX	P. Vĩnh Nguyên	TP. Nha Trang	12° 12' 42"	109° 12' 53"					D-49-87-C-b
tổ dân phố Bích Đầm	DC	P. Vĩnh Nguyên	TP. Nha Trang	12° 11' 19"	109° 18' 56"					D-49-87-D-a
Núi Chụt	SV	P. Vĩnh Nguyên	TP. Nha Trang	12° 12' 20"	109° 12' 24"					D-49-87-C-b
bến tàu du lịch Cầu Đá	KX	P. Vĩnh Nguyên	TP. Nha Trang	12° 12' 25"	109° 12' 48"					D-49-87-C-b
tổ dân phố Đầm Bấy	DC	P. Vĩnh Nguyên	TP. Nha Trang	12° 12' 20"	109° 17' 51"					D-49-87-D-a
Viện Điều dưỡng Điện Lực	KX	P. Vĩnh Nguyên	TP. Nha Trang	12° 13' 08"	109° 12' 12"					D-49-87-C-b
Viện Hải dương học	KX	P. Vĩnh Nguyên	TP. Nha Trang	12° 12' 31"	109° 12' 47"					D-49-87-C-b
Học viện Hải Quân	KX	P. Vĩnh Nguyên	TP. Nha Trang	12° 12' 57"	109° 12' 06"					D-49-87-C-b
tổ dân phố Hòn Một	DC	P. Vĩnh Nguyên	TP. Nha Trang	12° 10' 41"	109° 16' 21"					D-49-87-D-a
Bãi Lận	KX	P. Vĩnh Nguyên	TP. Nha Trang	12° 11' 06"	109° 17' 26"					D-49-87-D-a
chùa Linh Sơn Tự	KX	P. Vĩnh Nguyên	TP. Nha Trang	12° 12' 45"	109° 12' 43"					D-49-87-C-b
chùa Nghĩa Minh	KX	P. Vĩnh Nguyên	TP. Nha Trang	12° 13' 12"	109° 11' 56"					D-49-87-C-b
cảng Nha Trang	KX	P. Vĩnh Nguyên	TP. Nha Trang	12° 12' 25"	109° 12' 53"					D-49-87-C-b
Quân cảng Nha Trang	KX	P. Vĩnh Nguyên	TP. Nha Trang	12° 12' 57"	109° 12' 21"					D-49-87-C-b
đường Tô Hiệu	KX	P. Vĩnh Nguyên	TP. Nha Trang			12° 12' 40"	109° 11' 58"	12° 12' 55"	109° 12' 29"	D-49-87-C-b
đường Trần Phú	KX	P. Vĩnh Nguyên	TP. Nha Trang			12° 15' 40"	109° 11' 48"	12° 12' 08"	109° 12' 43"	D-49-87-C-b
hồ cá Trí Nguyên	TV	P. Vĩnh Nguyên	TP. Nha Trang	12° 11' 42"	109° 13' 26"					D-49-87-C-b
kho xăng Vĩnh Nguyên	KX	P. Vĩnh Nguyên	TP. Nha Trang	12° 12' 37"	109° 12' 40"					D-49-87-C-b
danh thắng vịnh Nha Trang	KX	P. Vĩnh Nguyên	TP. Nha Trang	12° 14' 40"	109° 12' 54"					D-49-87-C-b
khu du lịch Vinpearl	KX	P. Vĩnh Nguyên	TP. Nha Trang	12° 13' 08"	109° 14' 27"					D-49-87-C-b
tổ dân phố Vũng Ngán	DC	P. Vĩnh Nguyên	TP. Nha Trang	12° 11' 54"	109° 16' 06"					D-49-87-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
tổ dân phố 1 - Hà Phước	DC	P. Vĩnh Phước	TP. Nha Trang	12° 15' 43"	109° 11' 14"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 2 - Hà Phước	DC	P. Vĩnh Phước	TP. Nha Trang	12° 15' 46"	109° 11' 21"					D-49-87-A-d
đường 2 tháng 4	KX	P. Vĩnh Phước	TP. Nha Trang			12° 18' 42"	109° 11' 08"	12° 15' 12"	109° 11' 18"	D-49-87-A-d
tổ dân phố 3 - Hà Phước	DC	P. Vĩnh Phước	TP. Nha Trang	12° 15' 41"	109° 11' 20"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 4 - Hà Ra	DC	P. Vĩnh Phước	TP. Nha Trang	12° 15' 42"	109° 11' 26"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 5 - Hà Ra	DC	P. Vĩnh Phước	TP. Nha Trang	12° 15' 42"	109° 11' 30"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 6 - Hà Ra	DC	P. Vĩnh Phước	TP. Nha Trang	12° 15' 40"	109° 11' 34"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 7 - Hà Ra	DC	P. Vĩnh Phước	TP. Nha Trang	12° 15' 44"	109° 11' 34"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 8 - Tháp Bà	DC	P. Vĩnh Phước	TP. Nha Trang	12° 16' 01"	109° 11' 35"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 9 - Tháp Bà	DC	P. Vĩnh Phước	TP. Nha Trang	12° 16' 07"	109° 11' 38"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 10 - Sơn Thủy	DC	P. Vĩnh Phước	TP. Nha Trang	12° 16' 09"	109° 11' 29"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 11 - Sơn Thủy	DC	P. Vĩnh Phước	TP. Nha Trang	12° 16' 07"	109° 11' 21"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 12 - Sơn Thủy	DC	P. Vĩnh Phước	TP. Nha Trang	12° 16' 10"	109° 11' 20"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 13 - Phương Mai	DC	P. Vĩnh Phước	TP. Nha Trang	12° 16' 19"	109° 11' 34"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 14 - Phương Mai	DC	P. Vĩnh Phước	TP. Nha Trang	12° 16' 13"	109° 11' 34"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 15 - Phương Mai	DC	P. Vĩnh Phước	TP. Nha Trang	12° 16' 12"	109° 11' 40"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 16 - Trường Phúc	DC	P. Vĩnh Phước	TP. Nha Trang	12° 16' 16"	109° 11' 40"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 17 - Trường Phúc	DC	P. Vĩnh Phước	TP. Nha Trang	12° 16' 21"	109° 11' 41"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 18 - Trường Phúc	DC	P. Vĩnh Phước	TP. Nha Trang	12° 16' 24"	109° 11' 44"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 19 - Trường Phúc	DC	P. Vĩnh Phước	TP. Nha Trang	12° 16' 27"	109° 11' 41"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 20 - Trường Phúc	DC	P. Vĩnh Phước	TP. Nha Trang	12° 16' 34"	109° 11' 44"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 21 - Hòn Chồng	DC	P. Vĩnh Phước	TP. Nha Trang	12° 16' 35"	109° 11' 51"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 22 - Hòn Chồng	DC	P. Vĩnh Phước	TP. Nha Trang	12° 16' 25"	109° 11' 49"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 23 - Hòn Chồng	DC	P. Vĩnh Phước	TP. Nha Trang	12° 16' 23"	109° 11' 54"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 24 - Hòn Chồng	DC	P. Vĩnh Phước	TP. Nha Trang	12° 16' 16"	109° 11' 54"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 25 - Hòn Chồng	DC	P. Vĩnh Phước	TP. Nha Trang	12° 16' 23"	109° 12' 03"					D-49-87-A-d
nhà thờ An Tôn	KX	P. Vĩnh Phước	TP. Nha Trang	12° 16' 14"	109° 11' 42"					D-49-87-A-d
Tháp Bà	KX	P. Vĩnh Phước	TP. Nha Trang	12° 15' 59"	109° 11' 36"					D-49-87-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
chùa Bửu Phước	KX	P. Vĩnh Phước	TP. Nha Trang	12° 16' 16"	109° 11' 33"					D-49-87-A-d
Sông Cái	TV	P. Vĩnh Phước	TP. Nha Trang			12° 20' 38"	108° 44' 54"	12° 15' 48"	109° 11' 52"	D-49-87-A-d
cầu Hà Ra	KX	P. Vĩnh Phước	TP. Nha Trang	12° 15' 39"	109° 11' 16"					D-49-87-A-d
chùa Hải Ấn	KX	P. Vĩnh Phước	TP. Nha Trang	12° 16' 09"	109° 11' 19"					D-49-87-A-d
danh thắng Hòn Chồng - Hòn Đỏ	KX	P. Vĩnh Phước	TP. Nha Trang	12° 16' 20"	109° 12' 14"					D-49-87-A-d
đường Phạm Văn Đồng	KX	P. Vĩnh Phước	TP. Nha Trang			12° 20' 52"	109° 11' 44"	12° 15' 55"	109° 11' 53"	D-49-87-A-d
Núi Sạn	SV	P. Vĩnh Phước	TP. Nha Trang	12° 16' 21"	109° 11' 12"					D-49-87-A-d
danh thắng vịnh Nha Trang	KX	P. Vĩnh Phước	TP. Nha Trang	12° 14' 40"	109° 12' 54"					D-49-87-A-d
cầu Xóm Bóng	KX	P. Vĩnh Phước	TP. Nha Trang	12° 15' 53"	109° 11' 38"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 1 - Cù Lao Thượng	DC	P. Vĩnh Thọ	TP. Nha Trang	12° 16' 10"	109° 11' 45"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 1 - Cù Lao Trung	DC	P. Vĩnh Thọ	TP. Nha Trang	12° 15' 57"	109° 11' 44"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 1 - Sơn Phước	DC	P. Vĩnh Thọ	TP. Nha Trang	12° 16' 02"	109° 11' 49"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 2 - Cù Lao Thượng	DC	P. Vĩnh Thọ	TP. Nha Trang	12° 16' 04"	109° 11' 43"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 2 - Cù Lao Trung	DC	P. Vĩnh Thọ	TP. Nha Trang	12° 15' 58"	109° 11' 50"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 2 - Sơn Phước	DC	P. Vĩnh Thọ	TP. Nha Trang	12° 16' 08"	109° 11' 52"					D-49-87-A-d
đường 2 tháng 4	KX	P. Vĩnh Thọ	TP. Nha Trang			12° 18' 42"	109° 11' 08"	12° 15' 12"	109° 11' 18"	D-49-87-A-d
Sông Cái	TV	P. Vĩnh Thọ	TP. Nha Trang			12° 20' 38"	108° 44' 54"	12° 15' 48"	109° 11' 52"	D-49-87-A-d
tổ dân phố Cù Lao Hạ	DC	P. Vĩnh Thọ	TP. Nha Trang	12° 15' 58"	109° 11' 53"					D-49-87-A-d
tổ dân phố Hải Phước	DC	P. Vĩnh Thọ	TP. Nha Trang	12° 16' 02"	109° 11' 55"					D-49-87-A-d
danh thắng Hòn Chồng - Hòn Đỏ	KX	P. Vĩnh Thọ	TP. Nha Trang	12° 16' 20"	109° 12' 14"					D-49-87-A-d
chùa Long Quang	KX	P. Vĩnh Thọ	TP. Nha Trang	12° 16' 00"	109° 11' 51"					D-49-87-A-d
Trường Đại học Nha Trang	KX	P. Vĩnh Thọ	TP. Nha Trang	12° 16' 06"	109° 12' 03"					D-49-87-A-d
đường Phạm Văn Đồng	KX	P. Vĩnh Thọ	TP. Nha Trang			12° 20' 52"	109° 11' 44"	12° 15' 55"	109° 11' 53"	D-49-87-A-d
tổ dân phố Sơn Hải	DC	P. Vĩnh Thọ	TP. Nha Trang	12° 16' 11"	109° 12' 06"					D-49-87-A-d
cầu Trần Phú	KX	P. Vĩnh Thọ	TP. Nha Trang	12° 15' 47"	109° 11' 51"					D-49-87-A-d
chùa Từ Tôn	KX	P. Vĩnh Thọ	TP. Nha Trang	12° 16' 03"	109° 12' 24"					D-49-87-A-d
danh thắng vịnh Nha Trang	KX	P. Vĩnh Thọ	TP. Nha Trang	12° 14' 40"	109° 12' 54"					D-49-87-A-d
cầu Xóm Bóng	KX	P. Vĩnh Thọ	TP. Nha Trang	12° 15' 53"	109° 11' 38"					D-49-87-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
tổ dân phố 1 - Bình Tân	DC	P. Vĩnh Trường	TP. Nha Trang	12° 12' 33"	109° 11' 18"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 1 - Trường Đông	DC	P. Vĩnh Trường	TP. Nha Trang	12° 12' 15"	109° 11' 59"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 1 - Trường Hải	DC	P. Vĩnh Trường	TP. Nha Trang	12° 12' 07"	109° 12' 13"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 1 - Trường Sơn	DC	P. Vĩnh Trường	TP. Nha Trang	12° 12' 38"	109° 12' 04"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 1 - Trường Thọ	DC	P. Vĩnh Trường	TP. Nha Trang	12° 12' 03"	109° 12' 06"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 2 - Bình Tân	DC	P. Vĩnh Trường	TP. Nha Trang	12° 12' 33"	109° 11' 35"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 2 - Trường Đông	DC	P. Vĩnh Trường	TP. Nha Trang	12° 12' 11"	109° 12' 03"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 2 - Trường Hải	DC	P. Vĩnh Trường	TP. Nha Trang	12° 12' 03"	109° 12' 16"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 2 - Trường Sơn	DC	P. Vĩnh Trường	TP. Nha Trang	12° 12' 28"	109° 12' 11"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 2 - Trường Thọ	DC	P. Vĩnh Trường	TP. Nha Trang	12° 12' 05"	109° 12' 02"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 3 - Bình Tân	DC	P. Vĩnh Trường	TP. Nha Trang	12° 12' 28"	109° 11' 41"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 3 - Trường Hải	DC	P. Vĩnh Trường	TP. Nha Trang	12° 12' 04"	109° 12' 21"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 3 - Trường Sơn	DC	P. Vĩnh Trường	TP. Nha Trang	12° 12' 25"	109° 12' 06"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 4 - Bình Tân	DC	P. Vĩnh Trường	TP. Nha Trang	12° 12' 28"	109° 11' 50"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 4 - Trường Sơn	DC	P. Vĩnh Trường	TP. Nha Trang	12° 12' 26"	109° 12' 14"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 5 - Trường Sơn	DC	P. Vĩnh Trường	TP. Nha Trang	12° 12' 22"	109° 12' 02"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 6 - Trường Sơn	DC	P. Vĩnh Trường	TP. Nha Trang	12° 12' 18"	109° 11' 56"					D-49-87-C-b
cầu Bình Tân	KX	P. Vĩnh Trường	TP. Nha Trang	12° 12' 28"	109° 11' 09"					D-49-87-C-b
Núi Chụt	SV	P. Vĩnh Trường	TP. Nha Trang	12° 12' 20"	109° 12' 24"					D-49-87-C-b
chùa Đông Độ	KX	P. Vĩnh Trường	TP. Nha Trang	12° 12' 18"	109° 12' 04"					D-49-87-C-b
Nhà máy Đóng tàu Nha Trang	KX	P. Vĩnh Trường	TP. Nha Trang	12° 12' 34"	109° 11' 13"					D-49-87-C-b
đại lộ Nguyễn Tất Thành	KX	P. Vĩnh Trường	TP. Nha Trang			12° 12' 53"	109° 11' 27"	11° 58' 50"	109° 12' 39"	D-49-87-C-b
sông Quán Trường	TV	P. Vĩnh Trường	TP. Nha Trang			12° 14' 26"	109° 07' 07"	12° 12' 28"	109° 11' 09"	D-49-87-C-b
Sông Tắc	TV	P. Vĩnh Trường	TP. Nha Trang			12° 13' 53"	109° 09' 45"	12° 11' 22"	109° 12' 31"	D-49-87-C-b
đường Tô Hiệu	KX	P. Vĩnh Trường	TP. Nha Trang			12° 12' 40"	109° 11' 58"	12° 12' 55"	109° 12' 29"	D-49-87-C-b
danh thắng vịnh Nha Trang	KX	P. Vĩnh Trường	TP. Nha Trang	12° 14' 40"	109° 12' 54"					D-49-87-C-b
tổ dân phố 1 - Duy Hà	DC	P. Xương Huân	TP. Nha Trang	12° 15' 24"	109° 11' 29"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 1 - Duy Hòa	DC	P. Xương Huân	TP. Nha Trang	12° 15' 30"	109° 11' 34"					D-49-87-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
tổ dân phố 1 - Duy Phước	DC	P. Xương Huân	TP. Nha Trang	12° 15' 10"	109° 11' 36"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 1 - Duy Thanh	DC	P. Xương Huân	TP. Nha Trang	12° 15' 25"	109° 11' 39"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 2 - Duy Hà	DC	P. Xương Huân	TP. Nha Trang	12° 15' 31"	109° 11' 26"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 2 - Duy Hòa	DC	P. Xương Huân	TP. Nha Trang	12° 15' 33"	109° 11' 40"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 2 - Duy Phước	DC	P. Xương Huân	TP. Nha Trang	12° 15' 20"	109° 11' 33"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 2 - Duy Thanh	DC	P. Xương Huân	TP. Nha Trang	12° 15' 30"	109° 11' 41"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 3 - Duy Hà	DC	P. Xương Huân	TP. Nha Trang	12° 15' 28"	109° 11' 30"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 3 - Duy Phước	DC	P. Xương Huân	TP. Nha Trang	12° 15' 20"	109° 11' 28"					D-49-87-A-d
tổ dân phố 3 - Duy Thanh	DC	P. Xương Huân	TP. Nha Trang	12° 15' 32"	109° 11' 44"					D-49-87-A-d
Sông Cái	TV	P. Xương Huân	TP. Nha Trang			12° 20' 38"	108° 44' 54"	12° 15' 48"	109° 11' 52"	D-49-86-A-d; D-49-86-B-c; D-49-86-B-d
thư viện Pasteur Nha Trang	KX	P. Xương Huân	TP. Nha Trang	12° 15' 07"	109° 11' 40"					D-49-87-A-d
đường Trần Phú	KX	P. Xương Huân	TP. Nha Trang			12° 15' 40"	109° 11' 48"	12° 12' 08"	109° 12' 43"	D-49-87-A-d
cầu Trần Phú	KX	P. Xương Huân	TP. Nha Trang	12° 15' 47"	109° 11' 51"					D-49-87-A-d
danh thắng vịnh Nha Trang	KX	P. Xương Huân	TP. Nha Trang	12° 14' 40"	109° 12' 54"					D-49-87-A-d
trạm biến áp 110KV Bình Tân	KX	xã Phước Đồng	TP. Nha Trang	12° 11' 38"	109° 10' 12"					D-49-87-C-b
đường tỉnh 657K	KX	xã Phước Đồng	TP. Nha Trang			12° 11' 24"	109° 10' 06"	12° 00' 26"	108° 54' 58"	D-49-87-C-a; D-49-87-C-b
núi Bàu Sấu	SV	xã Phước Đồng	TP. Nha Trang	12° 11' 06"	109° 11' 39"					D-49-87-C-b
cầu Bình Tân	KX	xã Phước Đồng	TP. Nha Trang	12° 12' 28"	109° 11' 09"					D-49-87-C-b
suối Châu Phi	TV	xã Phước Đồng	TP. Nha Trang			12° 10' 06"	109° 09' 40"	12° 10' 17"	109° 11' 46"	D-49-87-C-b
núi Chín Khúc	SV	xã Phước Đồng	TP. Nha Trang	12° 13' 35"	109° 07' 31"					D-49-87-C-b
núi Đá Hang	SV	xã Phước Đồng	TP. Nha Trang	12° 10' 03"	109° 08' 22"					D-49-87-C-b
suối Đồng Bò	TV	xã Phước Đồng	TP. Nha Trang			12° 10' 29"	109° 09' 03"	12° 12' 04"	109° 10' 11"	D-49-87-C-b
sông Đồng Bò	TV	xã Phước Đồng	TP. Nha Trang			12° 11' 48"	109° 07' 51"	12° 12' 57"	109° 09' 24"	D-49-87-C-b
Trung tâm hội nghị Hoàn Vũ	KX	xã Phước Đồng	TP. Nha Trang	12° 09' 55"	109° 11' 40"					D-49-87-C-b
núi Hòn Dồ	SV	xã Phước Đồng	TP. Nha Trang	12° 08' 45"	109° 11' 44"					D-49-87-C-b
núi Hòn Dung	SV	xã Phước Đồng	TP. Nha Trang	12° 12' 04"	109° 08' 17"					D-49-87-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
núi Hòn Rớ	SV	xã Phước Đồng	TP. Nha Trang	12° 11' 36"	109° 10' 54"					D-49-87-C-b
núi Hòn Thị	SV	xã Phước Đồng	TP. Nha Trang	12° 11' 49"	109° 09' 12"					D-49-87-C-b
hồ Kênh Hạ	TV	xã Phước Đồng	TP. Nha Trang	12° 11' 19"	109° 09' 09"					D-49-87-C-b
Công ty Khai thác đá Hòn Thị	KX	xã Phước Đồng	TP. Nha Trang	12° 11' 58"	109° 09' 23"					D-49-87-C-b
Trại tạm giam công an tỉnh Khánh Hòa	KX	xã Phước Đồng	TP. Nha Trang	12° 10' 37"	109° 10' 16"					D-49-87-C-b
Sông Lô	TV	xã Phước Đồng	TP. Nha Trang			12° 10' 21"	109° 11' 29"	12° 10' 09"	109° 11' 45"	D-49-87-C-b
Hòn Một	SV	xã Phước Đồng	TP. Nha Trang	12° 12' 48"	109° 07' 52"					D-49-87-C-b
Trung tâm Nghiên cứu Thủy sản 3	KX	xã Phước Đồng	TP. Nha Trang	12° 09' 44"	109° 12' 01"					D-49-87-C-b
đại lộ Nguyễn Tất Thành	KX	xã Phước Đồng	TP. Nha Trang			12° 12' 53"	109° 11' 27"	11° 58' 50"	109° 12' 39"	D-49-87-C-b
núi Nhà Thờ	SV	xã Phước Đồng	TP. Nha Trang	12° 12' 12"	109° 08' 51"					D-49-87-C-b
khu du lịch giải trí Nha Trang	KX	xã Phước Đồng	TP. Nha Trang	12° 10' 17"	109° 11' 34"					D-49-87-C-b
thôn Phú Cường	DC	xã Phước Đồng	TP. Nha Trang	12° 12' 19"	109° 11' 03"					D-49-87-C-b
thôn Phú Thịnh	DC	xã Phước Đồng	TP. Nha Trang	12° 12' 20"	109° 11' 18"					D-49-87-C-b
thôn Phú Thọ	DC	xã Phước Đồng	TP. Nha Trang	12° 12' 20"	109° 11' 10"					D-49-87-C-b
thôn Phước Điền	DC	xã Phước Đồng	TP. Nha Trang	12° 12' 11"	109° 09' 38"					D-49-87-C-b
cầu Phước Đồng	KX	xã Phước Đồng	TP. Nha Trang	12° 11' 42"	109° 09' 47"					D-49-87-C-b
nghĩa trang Phước Đồng	KX	xã Phước Đồng	TP. Nha Trang	12° 12' 26"	109° 08' 29"					D-49-87-C-b
Trạm kiểm lâm Phước Đồng	KX	xã Phước Đồng	TP. Nha Trang	12° 12' 38"	109° 08' 42"					D-49-87-C-b
thôn Phước Hạ	DC	xã Phước Đồng	TP. Nha Trang	12° 10' 25"	109° 10' 53"					D-49-87-C-b
thôn Phước Lộc	DC	xã Phước Đồng	TP. Nha Trang	12° 10' 55"	109° 10' 05"					D-49-87-C-b
thôn Phước Lợi	DC	xã Phước Đồng	TP. Nha Trang	12° 11' 02"	109° 10' 17"					D-49-87-C-b
thôn Phước Sơn	DC	xã Phước Đồng	TP. Nha Trang	12° 11' 37"	109° 07' 44"					D-49-87-C-b
thôn Phước Tân	DC	xã Phước Đồng	TP. Nha Trang	12° 11' 29"	109° 09' 44"					D-49-87-C-b
thôn Phước Thượng	DC	xã Phước Đồng	TP. Nha Trang	12° 12' 36"	109° 08' 39"					D-49-87-C-b
cầu Phước Thượng	KX	xã Phước Đồng	TP. Nha Trang	12° 12' 29"	109° 08' 46"					D-49-87-C-b
thôn Phước Thủy	DC	xã Phước Đồng	TP. Nha Trang	12° 11' 47"	109° 10' 04"					D-49-87-C-b
thôn Phước Trung	DC	xã Phước Đồng	TP. Nha Trang	12° 11' 37"	109° 09' 55"					D-49-87-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
sông Quán Trường	TV	xã Phước Đồng	TP. Nha Trang			12° 14' 26"	109° 07' 07"	12° 12' 28"	109° 11' 09"	D-49-87-C-b
Sông Tắc	TV	xã Phước Đồng	TP. Nha Trang			12° 13' 53"	109° 09' 45"	12° 11' 22"	109° 12' 31"	D-49-87-C-b
thôn Thành Đạt	DC	xã Phước Đồng	TP. Nha Trang	12° 11' 40"	109° 11' 59"					D-49-87-C-b
thôn Thành Phát	DC	xã Phước Đồng	TP. Nha Trang	12° 12' 07"	109° 11' 28"					D-49-87-C-b
Công ty Thủy sản Đại Cát	KX	xã Phước Đồng	TP. Nha Trang	12° 11' 57"	109° 09' 38"					D-49-87-C-b
Suối Ván	TV	xã Phước Đồng	TP. Nha Trang			12° 11' 20"	109° 07' 16"	12° 11' 48"	109° 07' 51"	D-49-87-C-a; D-49-87-C-b
danh thắng vịnh Nha Trang	KX	xã Phước Đồng	TP. Nha Trang	12° 14' 40"	109° 12' 54"					D-49-87-C-b
Hòn Xanh	SV	xã Phước Đồng	TP. Nha Trang	12° 09' 23"	109° 09' 28"					D-49-87-C-b
đường 23 tháng 10	KX	xã Vĩnh Hiệp	TP. Nha Trang			12° 15' 02"	109° 10' 48"	12° 15' 29"	109° 06' 19"	D-49-87-A-d
Cầu Dài	KX	xã Vĩnh Hiệp	TP. Nha Trang	12° 15' 08"	109° 09' 33"					D-49-87-A-d
Cầu Dứa	KX	xã Vĩnh Hiệp	TP. Nha Trang	12° 15' 22"	109° 09' 43"					D-49-87-A-d
sông Quán Trường	TV	xã Vĩnh Hiệp	TP. Nha Trang			12° 14' 26"	109° 07' 07"	12° 12' 28"	109° 11' 09"	D-49-87-A-d
Thánh thất cao đài Tây Ninh	KX	xã Vĩnh Hiệp	TP. Nha Trang	12° 15' 30"	109° 08' 28"					D-49-87-A-d
Sông Tháo	TV	xã Vĩnh Hiệp	TP. Nha Trang			12° 15' 57"	109° 08' 33"	12° 15' 19"	109° 09' 47"	D-49-87-A-d
thôn Vĩnh Châu	DC	xã Vĩnh Hiệp	TP. Nha Trang	12° 15' 17"	109° 09' 34"					D-49-87-A-d
thôn Vĩnh Điềm Thượng	DC	xã Vĩnh Hiệp	TP. Nha Trang	12° 15' 16"	109° 08' 36"					D-49-87-A-d
thôn Vĩnh Điềm Trung	DC	xã Vĩnh Hiệp	TP. Nha Trang	12° 15' 30"	109° 09' 55"					D-49-87-A-d
quốc lộ 1A	KX	xã Vĩnh Lương	TP. Nha Trang			12° 50' 42"	109° 23' 09"	11° 48' 39"	109° 06' 16"	D-49-87-A-b; D-49-87-A-d
đường 2 tháng 4	KX	xã Vĩnh Lương	TP. Nha Trang			12° 18' 42"	109° 11' 08"	12° 15' 12"	109° 11' 18"	D-49-87-A-d
thôn Cát Lợi	DC	xã Vĩnh Lương	TP. Nha Trang	12° 22' 02"	109° 11' 38"					D-49-87-A-d
cầu Cây Gạo	KX	xã Vĩnh Lương	TP. Nha Trang	12° 21' 60"	109° 11' 36"					D-49-87-A-d
Công ty Đại Thuận	KX	xã Vĩnh Lương	TP. Nha Trang	12° 20' 03"	109° 11' 40"					D-49-87-A-d
cầu Giăng Dây	KX	xã Vĩnh Lương	TP. Nha Trang	12° 19' 42"	109° 11' 26"					D-49-87-A-d
núi Hòn Ngang	SV	xã Vĩnh Lương	TP. Nha Trang	12° 18' 38"	109° 12' 53"					D-49-87-A-d
Hòn Khô	SV	xã Vĩnh Lương	TP. Nha Trang	12° 19' 26"	109° 11' 42"					D-49-87-A-d
khu du lịch Long Phú	KX	xã Vĩnh Lương	TP. Nha Trang	12° 21' 37"	109° 12' 38"					D-49-87-A-d
thôn Lương Hòa	DC	xã Vĩnh Lương	TP. Nha Trang	12° 19' 20"	109° 11' 15"					D-49-87-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
ga Lương Sơn	KX	xã Vĩnh Lương	TP. Nha Trang	12° 20' 18"	109° 11' 35"					D-49-87-A-d
thôn Lương Sơn 1	DC	xã Vĩnh Lương	TP. Nha Trang	12° 20' 09"	109° 11' 53"					D-49-87-A-d
thôn Lương Sơn 2	DC	xã Vĩnh Lương	TP. Nha Trang	12° 20' 08"	109° 12' 02"					D-49-87-A-d
thôn Lương Sơn 3	DC	xã Vĩnh Lương	TP. Nha Trang	12° 19' 59"	109° 12' 18"					D-49-87-A-d
chùa Nam Hải Quan Âm	KX	xã Vĩnh Lương	TP. Nha Trang	12° 22' 13"	109° 11' 45"					D-49-87-A-d
đình Nam Trung	KX	xã Vĩnh Lương	TP. Nha Trang	12° 20' 03"	109° 11' 31"					D-49-87-A-d
tịnh xá Ngọc Cát	KX	xã Vĩnh Lương	TP. Nha Trang	12° 22' 08"	109° 11' 45"					D-49-87-A-d
tịnh xá Ngọc Tòng	KX	xã Vĩnh Lương	TP. Nha Trang	12° 20' 06"	109° 11' 32"					D-49-87-A-d
đường Phạm Văn Đồng	KX	xã Vĩnh Lương	TP. Nha Trang			12° 20' 52"	109° 11' 44"	12° 15' 55"	109° 11' 53"	D-49-87-A-d
chùa Phổ Minh	KX	xã Vĩnh Lương	TP. Nha Trang	12° 20' 14"	109° 11' 54"					D-49-87-A-d
Hòn Thông	SV	xã Vĩnh Lương	TP. Nha Trang	12° 21' 37"	109° 10' 02"					D-49-87-A-d
Công ty trách nhiệm hữu hạn Hồng Hải	KX	xã Vĩnh Lương	TP. Nha Trang	12° 20' 41"	109° 12' 05"					D-49-87-A-d
hòn Trích Mía	SV	xã Vĩnh Lương	TP. Nha Trang	12° 22' 14"	109° 08' 23"					D-49-87-A-d
thôn Văn Đăng 1	DC	xã Vĩnh Lương	TP. Nha Trang	12° 20' 22"	109° 11' 40"					D-49-87-A-d
thôn Văn Đăng 2	DC	xã Vĩnh Lương	TP. Nha Trang	12° 20' 41"	109° 11' 58"					D-49-87-A-d
thôn Văn Đăng 3	DC	xã Vĩnh Lương	TP. Nha Trang	12° 20' 29"	109° 11' 54"					D-49-87-A-d
thôn Võ Tánh 1	DC	xã Vĩnh Lương	TP. Nha Trang	12° 20' 11"	109° 11' 39"					D-49-87-A-d
thôn Võ Tánh 2	DC	xã Vĩnh Lương	TP. Nha Trang	12° 20' 18"	109° 11' 52"					D-49-87-A-d
đồi 82	SV	xã Vĩnh Ngọc	TP. Nha Trang	12° 17' 23"	109° 10' 35"					D-49-87-A-d
đường tỉnh 657C	KX	xã Vĩnh Ngọc	TP. Nha Trang			12° 18' 21"	109° 10' 11"	12° 17' 19"	109° 12' 12"	D-49-87-A-d
cầu Bến Đùi	KX	xã Vĩnh Ngọc	TP. Nha Trang	12° 16' 38"	109° 10' 05"					D-49-87-A-d
Sông Cái	TV	xã Vĩnh Ngọc	TP. Nha Trang			12° 20' 38"	108° 44' 54"	12° 15' 48"	109° 11' 52"	D-49-87-A-d
núi Hòn Ngang	SV	xã Vĩnh Ngọc	TP. Nha Trang	12° 17' 38"	109° 09' 46"					D-49-87-A-d
núi Hòn Nghê	SV	xã Vĩnh Ngọc	TP. Nha Trang	12° 16' 57"	109° 10' 21"					D-49-87-A-d
thôn Hòn Nghê 1	DC	xã Vĩnh Ngọc	TP. Nha Trang	12° 17' 21"	109° 10' 50"					D-49-87-A-d
thôn Hòn Nghê 2	DC	xã Vĩnh Ngọc	TP. Nha Trang	12° 17' 12"	109° 10' 21"					D-49-87-A-d
núi Hòn Thơm	SV	xã Vĩnh Ngọc	TP. Nha Trang	12° 16' 53"	109° 09' 44"					D-49-87-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Ngọc Hội 1	DC	xã Vĩnh Ngọc	TP. Nha Trang	12° 15' 50"	109° 10' 01"					D-49-87-A-d
thôn Ngọc Hội 2	DC	xã Vĩnh Ngọc	TP. Nha Trang	12° 16' 01"	109° 10' 11"					D-49-87-A-d
thôn Phú Nông Bắc	DC	xã Vĩnh Ngọc	TP. Nha Trang	12° 16' 04"	109° 09' 56"					D-49-87-A-d
thôn Phú Nông Nam	DC	xã Vĩnh Ngọc	TP. Nha Trang	12° 15' 40"	109° 09' 42"					D-49-87-A-d
Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương	KX	xã Vĩnh Ngọc	TP. Nha Trang	12° 17' 19"	109° 10' 47"					D-49-87-A-d
Sông Tháo	TV	xã Vĩnh Ngọc	TP. Nha Trang			12° 15' 57"	109° 08' 33"	12° 15' 19"	109° 09' 47"	D-49-87-A-d
thôn Xuân Lạc	DC	xã Vĩnh Ngọc	TP. Nha Trang	12° 16' 32"	109° 09' 26"					D-49-87-A-d
thôn Xuân Lạc 1	DC	xã Vĩnh Ngọc	TP. Nha Trang	12° 16' 15"	109° 09' 36"					D-49-87-A-d
thôn Xuân Lạc 2	DC	xã Vĩnh Ngọc	TP. Nha Trang	12° 15' 60"	109° 09' 41"					D-49-87-A-d
thôn Xuân Ngọc	DC	xã Vĩnh Ngọc	TP. Nha Trang	12° 16' 27"	109° 10' 06"					D-49-87-A-d
quốc lộ 1A	KX	xã Vĩnh Phương	TP. Nha Trang			12° 50' 42"	109° 23' 09"	11° 48' 39"	109° 06' 16"	D-49-87-A-d
đường tỉnh 657C	KX	xã Vĩnh Phương	TP. Nha Trang			12° 18' 21"	109° 10' 11"	12° 17' 19"	109° 12' 12"	D-49-87-A-d
Sông Cái	TV	xã Vĩnh Phương	TP. Nha Trang			12° 20' 38"	108° 44' 54"	12° 15' 48"	109° 11' 52"	D-49-87-A-d
Hòn Chùa	SV	xã Vĩnh Phương	TP. Nha Trang	12° 18' 38"	109° 07' 46"					D-49-87-A-d
thôn Đắc Lộc 1	DC	xã Vĩnh Phương	TP. Nha Trang	12° 18' 06"	109° 09' 22"					D-49-87-A-d
thôn Đắc Lộc 2	DC	xã Vĩnh Phương	TP. Nha Trang	12° 17' 58"	109° 09' 40"					D-49-87-A-d
Hòn Én	SV	xã Vĩnh Phương	TP. Nha Trang	12° 19' 09"	109° 07' 42"					D-49-87-A-d
núi Hòn Ngang	SV	xã Vĩnh Phương	TP. Nha Trang	12° 17' 38"	109° 09' 46"					D-49-87-A-d
thôn Liên Thành	DC	xã Vĩnh Phương	TP. Nha Trang	12° 18' 12"	109° 10' 17"					D-49-87-A-d
thôn Như Xuân 1	DC	xã Vĩnh Phương	TP. Nha Trang	12° 17' 15"	109° 08' 23"					D-49-87-A-d
thôn Như Xuân 2	DC	xã Vĩnh Phương	TP. Nha Trang	12° 17' 25"	109° 08' 48"					D-49-87-A-d
thôn Tân Thành	DC	xã Vĩnh Phương	TP. Nha Trang	12° 18' 22"	109° 09' 58"					D-49-87-A-d
Thôn Tây	DC	xã Vĩnh Phương	TP. Nha Trang	12° 16' 35"	109° 08' 15"					D-49-87-A-d
Trường Đại học Thái Bình Dương	KX	xã Vĩnh Phương	TP. Nha Trang	12° 17' 53"	109° 10' 23"					D-49-87-A-d
Thôn Trung	DC	xã Vĩnh Phương	TP. Nha Trang	12° 16' 27"	109° 08' 36"					D-49-87-A-d
cầu Vĩnh Phương	KX	xã Vĩnh Phương	TP. Nha Trang	12° 16' 18"	109° 08' 44"					D-49-87-A-d
thôn Vĩnh Thành	DC	xã Vĩnh Phương	TP. Nha Trang	12° 17' 43"	109° 10' 34"					D-49-87-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Xuân Phong	DC	xã Vĩnh Phương	TP. Nha Trang	12° 16' 21"	109° 08' 59"					D-49-87-A-d
thôn Xuân Phú	DC	xã Vĩnh Phương	TP. Nha Trang	12° 16' 32"	109° 08' 56"					D-49-87-A-d
núi Chín Khúc	SV	xã Vĩnh Thái	TP. Nha Trang	12° 13' 35"	109° 07' 31"					D-49-87-C-b
Cầu Dài	KX	xã Vĩnh Thái	TP. Nha Trang	12° 15' 08"	109° 09' 33"					D-49-87-A-d
thôn Đất Lành	DC	xã Vĩnh Thái	TP. Nha Trang	12° 13' 49"	109° 09' 06"					D-49-87-C-b
sông Đồng Bò	TV	xã Vĩnh Thái	TP. Nha Trang			12° 11' 48"	109° 07' 51"	12° 12' 57"	109° 09' 24"	D-49-87-C-b
sông Quán Trường	TV	xã Vĩnh Thái	TP. Nha Trang			12° 14' 26"	109° 07' 07"	12° 12' 28"	109° 11' 09"	D-49-87-C-b
Sông Tắc	TV	xã Vĩnh Thái	TP. Nha Trang			12° 13' 53"	109° 09' 45"	12° 11' 22"	109° 12' 31"	D-49-87-C-b
thôn Thái Thông 1	DC	xã Vĩnh Thái	TP. Nha Trang	12° 15' 01"	109° 09' 33"					D-49-87-C-b
thôn Thái Thông 2	DC	xã Vĩnh Thái	TP. Nha Trang	12° 14' 49"	109° 09' 33"					D-49-87-C-b
thôn Thủy Tú	DC	xã Vĩnh Thái	TP. Nha Trang	12° 14' 24"	109° 09' 37"					D-49-87-C-b
đình Thủy Tú	KX	xã Vĩnh Thái	TP. Nha Trang	12° 14' 09"	109° 09' 40"					D-49-87-C-b
thôn Vĩnh Xuân	DC	xã Vĩnh Thái	TP. Nha Trang	12° 14' 02"	109° 10' 23"					D-49-87-C-b
đình Vĩnh Xuân	KX	xã Vĩnh Thái	TP. Nha Trang	12° 14' 10"	109° 10' 15"					D-49-87-C-b
Cầu Xéo	KX	xã Vĩnh Thái	TP. Nha Trang	12° 15' 04"	109° 09' 33"					D-49-87-A-d
đường 23 tháng 10	KX	xã Vĩnh Thạnh	TP. Nha Trang			12° 15' 02"	109° 10' 48"	12° 15' 29"	109° 06' 19"	D-49-87-A-d
Cầu Bè	KX	xã Vĩnh Thạnh	TP. Nha Trang	12° 15' 39"	109° 09' 23"					D-49-87-A-d
Sông Cái	TV	xã Vĩnh Thạnh	TP. Nha Trang			12° 20' 38"	108° 44' 54"	12° 15' 48"	109° 11' 52"	D-49-87-A-d
Bệnh viện Giao thông vận tải	KX	xã Vĩnh Thạnh	TP. Nha Trang	12° 15' 25"	109° 08' 56"					D-49-87-A-d
thôn Phú Bình	DC	xã Vĩnh Thạnh	TP. Nha Trang	12° 15' 54"	109° 08' 53"					D-49-87-A-d
thôn Phú Thạnh	DC	xã Vĩnh Thạnh	TP. Nha Trang	12° 15' 30"	109° 09' 15"					D-49-87-A-d
thôn Phú Trung	DC	xã Vĩnh Thạnh	TP. Nha Trang	12° 15' 35"	109° 08' 38"					D-49-87-A-d
thôn Phú Vinh	DC	xã Vĩnh Thạnh	TP. Nha Trang	12° 16' 04"	109° 09' 19"					D-49-87-A-d
sông Quán Trường	TV	xã Vĩnh Thạnh	TP. Nha Trang			12° 14' 26"	109° 07' 07"	12° 12' 28"	109° 11' 09"	D-49-87-A-d
Sông Tháo	TV	xã Vĩnh Thạnh	TP. Nha Trang			12° 15' 57"	109° 08' 33"	12° 15' 19"	109° 09' 47"	D-49-87-A-d
cầu Vĩnh Phương	KX	xã Vĩnh Thạnh	TP. Nha Trang	12° 16' 18"	109° 08' 44"					D-49-87-A-d
đường 23 tháng 10	KX	xã Vĩnh Trung	TP. Nha Trang			12° 15' 02"	109° 10' 48"	12° 15' 29"	109° 06' 19"	D-49-87-A-c; D-49-87-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
nhà thờ Bình Cang	KX	xã Vĩnh Trung	TP. Nha Trang	12° 15' 51"	109° 08' 01"					D-49-87-A-d
Sông Cái	TV	xã Vĩnh Trung	TP. Nha Trang			12° 20' 38"	108° 44' 54"	12° 15' 48"	109° 11' 52"	D-49-87-A-c; D-49-87-A-d
núi Chín Khúc	SV	xã Vĩnh Trung	TP. Nha Trang	12° 13' 35"	109° 07' 31"					D-49-87-C-b
thôn Đồng Nhơn	DC	xã Vĩnh Trung	TP. Nha Trang	12° 14' 60"	109° 08' 46"					D-49-87-A-d
cầu Ông Bộ	KX	xã Vĩnh Trung	TP. Nha Trang	12° 15' 30"	109° 07' 23"					D-49-87-A-c
sông Quán Trường	TV	xã Vĩnh Trung	TP. Nha Trang			12° 14' 26"	109° 07' 07"	12° 12' 28"	109° 11' 09"	D-49-87-A-d; D-49-87-C-a; D-49-87-C-b
thôn Võ Cang	DC	xã Vĩnh Trung	TP. Nha Trang	12° 15' 29"	109° 08' 03"					D-49-87-A-d
thôn Võ Cạnh	DC	xã Vĩnh Trung	TP. Nha Trang	12° 15' 35"	109° 07' 37"					D-49-87-A-d
thôn Võ Dõng	DC	xã Vĩnh Trung	TP. Nha Trang	12° 15' 13"	109° 07' 30"					D-49-87-A-d
thôn Xuân Sơn	DC	xã Vĩnh Trung	TP. Nha Trang	12° 15' 04"	109° 08' 07"					D-49-87-A-d
quốc lộ 1A	KX	P. Ninh Đa	TX. Ninh Hòa			12° 50' 42"	109° 23' 09"	11° 48' 39"	109° 06' 16"	D-49-75-C-d; D-49-87-A-b
quốc lộ 26B	KX	P. Ninh Đa	TX. Ninh Hòa			12° 30' 52"	109° 09' 09"	12° 29' 23"	109° 16' 16"	D-49-75-C-d
đường tỉnh 652B	KX	P. Ninh Đa	TX. Ninh Hòa			12° 31' 04"	109° 09' 14"	12° 34' 44"	109° 13' 13"	D-49-75-C-d
đèo Bánh Ít	KX	P. Ninh Đa	TX. Ninh Hòa	12° 30' 30"	109° 08' 58"					D-49-75-C-d
Sông Dinh	TV	P. Ninh Đa	TX. Ninh Hòa			12° 30' 04"	109° 07' 24"	12° 27' 13"	109° 09' 37"	D-49-87-A-b
sông Đá Hàn	TV	P. Ninh Đa	TX. Ninh Hòa			12° 31' 21"	109° 10' 08"	12° 28' 25"	109° 09' 60"	D-49-75-C-d; D-49-87-A-b
núi Đông Dài	SV	P. Ninh Đa	TX. Ninh Hòa	12° 31' 29"	109° 08' 35"					D-49-75-C-d
cầu Hà Thanh	KX	P. Ninh Đa	TX. Ninh Hòa	12° 30' 46"	109° 09' 59"					D-49-75-C-d
đình Hà Thanh	KX	P. Ninh Đa	TX. Ninh Hòa	12° 30' 34"	109° 09' 10"					D-49-75-C-d
tổ dân phố Hà Thanh 1	DC	P. Ninh Đa	TX. Ninh Hòa	12° 30' 32"	109° 09' 08"					D-49-75-C-d
tổ dân phố Hà Thanh 2	DC	P. Ninh Đa	TX. Ninh Hòa	12° 30' 57"	109° 08' 54"					D-49-75-C-d
Hòn Hèo	SV	P. Ninh Đa	TX. Ninh Hòa	12° 29' 17"	109° 12' 26"					D-49-87-A-b
miếu Hội Đồng	KX	P. Ninh Đa	TX. Ninh Hòa	12° 29' 58"	109° 08' 38"					D-49-87-A-b
Cầu Mới	KX	P. Ninh Đa	TX. Ninh Hòa	12° 29' 23"	109° 08' 08"					D-49-87-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
tổ dân phố Mỹ Lệ	DC	P. Ninh Đa	TX. Ninh Hòa	12° 29' 36"	109° 09' 07"					D-49-87-A-b
cầu Ninh Đa	KX	P. Ninh Đa	TX. Ninh Hòa	12° 29' 42"	109° 08' 18"					D-49-87-A-b
cầu Nước Đục	KX	P. Ninh Đa	TX. Ninh Hòa	12° 29' 56"	109° 08' 16"					D-49-87-A-b
núi Ổ Gà	SV	P. Ninh Đa	TX. Ninh Hòa	12° 30' 40"	109° 08' 50"					D-49-75-C-d
tổ dân phố Phú Diêm	DC	P. Ninh Đa	TX. Ninh Hòa	12° 29' 48"	109° 09' 00"					D-49-87-A-b
đình Phú Diên	KX	P. Ninh Đa	TX. Ninh Hòa	12° 29' 47"	109° 09' 01"					D-49-87-A-b
cầu Phước Đa	KX	P. Ninh Đa	TX. Ninh Hòa	12° 30' 13"	109° 08' 13"					D-49-75-C-d
tổ dân phố Phước Đa 1	DC	P. Ninh Đa	TX. Ninh Hòa	12° 29' 41"	109° 08' 24"					D-49-87-A-b
tổ dân phố Phước Đa 2	DC	P. Ninh Đa	TX. Ninh Hòa	12° 30' 01"	109° 08' 33"					D-49-87-A-b
tổ dân phố Phước Đa 3	DC	P. Ninh Đa	TX. Ninh Hòa	12° 30' 17"	109° 08' 30"					D-49-75-C-d
tổ dân phố Phước Sơn	DC	P. Ninh Đa	TX. Ninh Hòa	12° 30' 04"	109° 09' 10"					D-49-75-C-d
đình Phước Sơn	KX	P. Ninh Đa	TX. Ninh Hòa	12° 29' 58"	109° 09' 11"					D-49-87-A-b
tổ dân phố Tân Kiều	DC	P. Ninh Đa	TX. Ninh Hòa	12° 30' 02"	109° 09' 42"					D-49-75-C-d
chùa Vạn Phước	KX	P. Ninh Đa	TX. Ninh Hòa	12° 30' 16"	109° 09' 08"					D-49-75-C-d
tổ dân phố Vạn Thiện	DC	P. Ninh Đa	TX. Ninh Hòa	12° 30' 21"	109° 08' 49"					D-49-75-C-d
quốc lộ 26B	KX	P. Ninh Diêm	TX. Ninh Hòa			12° 30' 52"	109° 09' 09"	12° 29' 23"	109° 16' 16"	D-49-75-C-d
đường tỉnh 652B	KX	P. Ninh Diêm	TX. Ninh Hòa			12° 31' 04"	109° 09' 14"	12° 34' 44"	109° 13' 13"	D-49-75-C-d
đường tỉnh 652C	KX	P. Ninh Diêm	TX. Ninh Hòa			12° 33' 23"	109° 12' 56"	12° 33' 06"	109° 13' 43"	D-49-75-C-d
đường tỉnh 652D	KX	P. Ninh Diêm	TX. Ninh Hòa			12° 32' 21"	109° 12' 53"	12° 23' 20"	109° 18' 58"	D-49-75-C-d
cầu Bá Hà	KX	P. Ninh Diêm	TX. Ninh Hòa	12° 32' 14"	109° 13' 10"					D-49-75-C-d
Hòn Hèo	SV	P. Ninh Diêm	TX. Ninh Hòa	12° 29' 17"	109° 12' 26"					D-49-87-A-b
chùa Long Thọ	KX	P. Ninh Diêm	TX. Ninh Hòa	12° 32' 28"	109° 12' 55"					D-49-75-C-d
Hòn Lúp	SV	P. Ninh Diêm	TX. Ninh Hòa	12° 31' 43"	109° 11' 51"					D-49-75-C-d
Hòn Một	SV	P. Ninh Diêm	TX. Ninh Hòa	12° 31' 44"	109° 11' 32"					D-49-75-C-d
Hòn Một	SV	P. Ninh Diêm	TX. Ninh Hòa	12° 30' 44"	109° 13' 18"					D-49-75-C-d
Xí nghiệp Muối xuất khẩu Hòn Khói	KX	P. Ninh Diêm	TX. Ninh Hòa	12° 32' 20"	109° 11' 45"					D-49-75-C-d
thánh thất Phú Thọ	KX	P. Ninh Diêm	TX. Ninh Hòa	12° 32' 13"	109° 12' 58"					D-49-75-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
tổ dân phố Phú Thọ 1	DC	P. Ninh Diêm	TX. Ninh Hòa	12° 32' 48"	109° 12' 57"					D-49-75-C-d
tổ dân phố Phú Thọ 2	DC	P. Ninh Diêm	TX. Ninh Hòa	12° 32' 23"	109° 12' 56"					D-49-75-C-d
tổ dân phố Phú Thọ 3	DC	P. Ninh Diêm	TX. Ninh Hòa	12° 31' 57"	109° 13' 04"					D-49-75-C-d
cầu Suối Tre	KX	P. Ninh Diêm	TX. Ninh Hòa	12° 31' 07"	109° 12' 36"					D-49-75-C-d
tổ dân phố Thạnh Danh	DC	P. Ninh Diêm	TX. Ninh Hòa	12° 33' 05"	109° 12' 57"					D-49-75-C-d
Suối Trắc	TV	P. Ninh Diêm	TX. Ninh Hòa			12° 31' 01"	109° 11' 50"	12° 32' 17"	109° 12' 25"	D-49-75-C-d
Cầu Treo	KX	P. Ninh Diêm	TX. Ninh Hòa	12° 32' 19"	109° 12' 35"					D-49-75-C-d
quốc lộ 1A	KX	P. Ninh Giang	TX. Ninh Hòa			12° 50' 42"	109° 23' 09"	11° 48' 39"	109° 06' 16"	D-49-87-A-b
cầu Bầu Ngói	KX	P. Ninh Giang	TX. Ninh Hòa	12° 28' 40"	109° 08' 24"					D-49-87-A-b
Sông Dinh	TV	P. Ninh Giang	TX. Ninh Hòa			12° 30' 04"	109° 07' 24"	12° 27' 13"	109° 09' 37"	D-49-87-A-b
tổ dân phố Hội Thành	DC	P. Ninh Giang	TX. Ninh Hòa	12° 28' 57"	109° 09' 35"					D-49-87-A-b
chùa Long Phước	KX	P. Ninh Giang	TX. Ninh Hòa	12° 28' 32"	109° 08' 56"					D-49-87-A-b
Cầu Mới	KX	P. Ninh Giang	TX. Ninh Hòa	12° 29' 23"	109° 08' 08"					D-49-87-A-b
tổ dân phố Mỹ Chánh	DC	P. Ninh Giang	TX. Ninh Hòa	12° 29' 04"	109° 08' 24"					D-49-87-A-b
bến xe Ninh Hòa	KX	P. Ninh Giang	TX. Ninh Hòa	12° 28' 44"	109° 07' 41"					D-49-87-A-b
cầu Núi Sầm	KX	P. Ninh Giang	TX. Ninh Hòa	12° 28' 38"	109° 07' 36"					D-49-87-A-b
tổ dân phố Phong Phú 1	DC	P. Ninh Giang	TX. Ninh Hòa	12° 28' 27"	109° 08' 01"					D-49-87-A-b
tổ dân phố Phong Phú 2	DC	P. Ninh Giang	TX. Ninh Hòa	12° 28' 43"	109° 08' 30"					D-49-87-A-b
tổ dân phố Phú Thạnh	DC	P. Ninh Giang	TX. Ninh Hòa	12° 28' 25"	109° 09' 07"					D-49-87-A-b
đình Phú Thạnh	KX	P. Ninh Giang	TX. Ninh Hòa	12° 28' 28"	109° 09' 11"					D-49-87-A-b
tổ dân phố Phú Thứ	DC	P. Ninh Giang	TX. Ninh Hòa	12° 28' 51"	109° 08' 59"					D-49-87-A-b
đình Phú Thứ	KX	P. Ninh Giang	TX. Ninh Hòa	12° 28' 55"	109° 08' 45"					D-49-87-A-b
Núi Sầm	SV	P. Ninh Giang	TX. Ninh Hòa	12° 28' 41"	109° 07' 57"					D-49-87-A-b
tổ dân phố Thanh Châu	DC	P. Ninh Giang	TX. Ninh Hòa	12° 29' 04"	109° 07' 59"					D-49-87-A-b
cầu Thanh Châu	KX	P. Ninh Giang	TX. Ninh Hòa	12° 29' 02"	109° 07' 50"					D-49-87-A-b
cầu Bầu Lá	KX	P. Ninh Hà	TX. Ninh Hòa	12° 28' 27"	109° 07' 30"					D-49-87-A-a
sông Cầu Lắm	TV	P. Ninh Hà	TX. Ninh Hòa			12° 27' 53"	109° 06' 51"	12° 27' 32"	109° 08' 30"	D-49-87-A-a; D-49-87-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Núi Đất	SV	P. Ninh Hà	TX. Ninh Hòa	12° 28' 10"	109° 07' 22"					D-49-87-A-a
tổ dân phố Hà Liên	DC	P. Ninh Hà	TX. Ninh Hòa	12° 27' 32"	109° 09' 27"					D-49-87-A-b
rạch Hà Liên	TV	P. Ninh Hà	TX. Ninh Hòa			12° 26' 35"	109° 09' 58"	12° 27' 32"	109° 08' 30"	D-49-87-A-b
tổ dân phố Hậu Phước	DC	P. Ninh Hà	TX. Ninh Hòa	12° 28' 10"	109° 08' 11"					D-49-87-A-b
Hòn Một	SV	P. Ninh Hà	TX. Ninh Hòa	12° 28' 07"	109° 08' 34"					D-49-87-A-b
tổ dân phố Mỹ Thuận	DC	P. Ninh Hà	TX. Ninh Hòa	12° 27' 35"	109° 07' 23"					D-49-87-A-a
tổ dân phố Mỹ Trạch	DC	P. Ninh Hà	TX. Ninh Hòa	12° 27' 55"	109° 07' 31"					D-49-87-A-b
tổ dân phố Tân Tế	DC	P. Ninh Hà	TX. Ninh Hòa	12° 27' 38"	109° 08' 23"					D-49-87-A-b
tổ dân phố Thuận Lợi	DC	P. Ninh Hà	TX. Ninh Hòa	12° 28' 14"	109° 07' 50"					D-49-87-A-b
tổ dân phố 1 - Đông Hải	DC	P. Ninh Hải	TX. Ninh Hòa	12° 34' 27"	109° 13' 59"					D-49-75-C-d
tổ dân phố 2 - Đông Hải	DC	P. Ninh Hải	TX. Ninh Hòa	12° 34' 22"	109° 13' 56"					D-49-75-C-d
tổ dân phố 3 - Đông Hà	DC	P. Ninh Hải	TX. Ninh Hòa	12° 34' 35"	109° 13' 18"					D-49-75-C-d
tổ dân phố 4 - Đông Hà	DC	P. Ninh Hải	TX. Ninh Hòa	12° 34' 36"	109° 13' 20"					D-49-75-C-d
tổ dân phố 5 - Đông Hòa	DC	P. Ninh Hải	TX. Ninh Hòa	12° 34' 19"	109° 13' 02"					D-49-75-C-d
tổ dân phố 6 - Bình Tây	DC	P. Ninh Hải	TX. Ninh Hòa	12° 33' 40"	109° 12' 57"					D-49-75-C-d
tổ dân phố 7 - Bình Tây	DC	P. Ninh Hải	TX. Ninh Hòa	12° 33' 29"	109° 12' 54"					D-49-75-C-d
tổ dân phố 8 - Bình Tây	DC	P. Ninh Hải	TX. Ninh Hòa	12° 33' 33"	109° 13' 01"					D-49-75-C-d
tổ dân phố 9 - Đông Cát	DC	P. Ninh Hải	TX. Ninh Hòa	12° 33' 16"	109° 13' 29"					D-49-75-C-d
đường tỉnh 652	KX	P. Ninh Hải	TX. Ninh Hòa			12° 34' 08"	109° 10' 05"	12° 34' 46"	109° 14' 05"	D-49-75-C-d
đường tỉnh 652B	KX	P. Ninh Hải	TX. Ninh Hòa			12° 31' 04"	109° 09' 14"	12° 34' 44"	109° 13' 13"	D-49-75-C-d
đường tỉnh 652C	KX	P. Ninh Hải	TX. Ninh Hòa			12° 33' 23"	109° 12' 56"	12° 33' 06"	109° 13' 43"	D-49-75-C-d
đình Bình Tây	KX	P. Ninh Hải	TX. Ninh Hòa	12° 33' 47"	109° 12' 37"					D-49-75-C-d
hòn Bức Trong	SV	P. Ninh Hải	TX. Ninh Hòa	12° 33' 58"	109° 12' 48"					D-49-75-C-d
hòn Dong Bồ	SV	P. Ninh Hải	TX. Ninh Hòa	12° 34' 05"	109° 13' 24"					D-49-75-C-d
khu du lịch Dốc Lết	KX	P. Ninh Hải	TX. Ninh Hòa	12° 33' 12"	109° 13' 42"					D-49-75-C-d
đình Đông Hà	KX	P. Ninh Hải	TX. Ninh Hòa	12° 34' 33"	109° 13' 16"					D-49-75-C-d
cảng Hòn Khói	KX	P. Ninh Hải	TX. Ninh Hòa	12° 34' 38"	109° 13' 14"					D-49-75-C-d
chùa Long Hải	KX	P. Ninh Hải	TX. Ninh Hòa	12° 34' 38"	109° 13' 21"					D-49-75-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
chùa Phật Ấn	KX	P. Ninh Hải	TX. Ninh Hòa	12° 34' 23"	109° 13' 58"					D-49-75-C-d
chùa Tập Thiện	KX	P. Ninh Hải	TX. Ninh Hòa	12° 34' 28"	109° 12' 55"					D-49-75-C-d
quốc lộ 1A	KX	P. Ninh Hiệp	TX. Ninh Hòa			12° 50' 42"	109° 23' 09"	11° 48' 39"	109° 06' 16"	D-49-87-A-b; D-49-75-C-d
Tổ dân phố 1	DC	P. Ninh Hiệp	TX. Ninh Hòa	12° 28' 60"	109° 07' 25"					D-49-87-A-b
Tổ dân phố 2	DC	P. Ninh Hiệp	TX. Ninh Hòa	12° 29' 03"	109° 07' 41"					D-49-87-A-b
Tổ dân phố 3	DC	P. Ninh Hiệp	TX. Ninh Hòa	12° 29' 27"	109° 07' 22"					D-49-87-A-b
Tổ dân phố 4	DC	P. Ninh Hiệp	TX. Ninh Hòa	12° 29' 19"	109° 07' 44"					D-49-87-A-b
Tổ dân phố 5	DC	P. Ninh Hiệp	TX. Ninh Hòa	12° 29' 30"	109° 07' 35"					D-49-87-A-b
Tổ dân phố 6	DC	P. Ninh Hiệp	TX. Ninh Hòa	12° 29' 34"	109° 07' 41"					D-49-87-A-b
Tổ dân phố 7	DC	P. Ninh Hiệp	TX. Ninh Hòa	12° 29' 48"	109° 07' 29"					D-49-87-A-b
Tổ dân phố 8	DC	P. Ninh Hiệp	TX. Ninh Hòa	12° 29' 43"	109° 07' 32"					D-49-87-A-b
Tổ dân phố 9	DC	P. Ninh Hiệp	TX. Ninh Hòa	12° 29' 25"	109° 07' 55"					D-49-75-C-d
Tổ dân phố 10	DC	P. Ninh Hiệp	TX. Ninh Hòa	12° 29' 35"	109° 07' 56"					D-49-87-A-b
tổ dân phố 11	DC	P. Ninh Hiệp	TX. Ninh Hòa	12° 29' 44"	109° 07' 49"					D-49-87-A-b
tổ dân phố 12	DC	P. Ninh Hiệp	TX. Ninh Hòa	12° 29' 52"	109° 07' 38"					D-49-87-A-b
tổ dân phố 13	DC	P. Ninh Hiệp	TX. Ninh Hòa	12° 29' 55"	109° 07' 49"					D-49-87-A-b
tổ dân phố 14	DC	P. Ninh Hiệp	TX. Ninh Hòa	12° 30' 04"	109° 07' 56"					D-49-75-C-d
tổ dân phố 15	DC	P. Ninh Hiệp	TX. Ninh Hòa	12° 29' 45"	109° 08' 11"					D-49-75-C-d
tổ dân phố 16	DC	P. Ninh Hiệp	TX. Ninh Hòa	12° 30' 20"	109° 08' 08"					D-49-75-C-d
tổ dân phố 17	DC	P. Ninh Hiệp	TX. Ninh Hòa	12° 30' 29"	109° 08' 32"					D-49-75-C-d
tổ dân phố 18	DC	P. Ninh Hiệp	TX. Ninh Hòa	12° 30' 48"	109° 07' 53"					D-49-75-C-d
quốc lộ 26	KX	P. Ninh Hiệp	TX. Ninh Hòa			12° 28' 34"	109° 07' 33"	12° 33' 24"	108° 53' 31"	D-49-75-C-c
lăng Bà Vú	KX	P. Ninh Hiệp	TX. Ninh Hòa	12° 29' 29"	109° 07' 50"					D-49-87-A-b
đèo Bánh Ít	KX	P. Ninh Hiệp	TX. Ninh Hòa	12° 30' 30"	109° 08' 58"					D-49-75-C-d
Cầu Dinh	KX	P. Ninh Hiệp	TX. Ninh Hòa	12° 29' 45"	109° 07' 39"					D-49-87-A-b
Sông Dinh	TV	P. Ninh Hiệp	TX. Ninh Hòa			12° 30' 04"	109° 07' 24"	12° 27' 13"	109° 09' 37"	D-49-87-A-b
núi Đông Đài	SV	P. Ninh Hiệp	TX. Ninh Hòa	12° 30' 60"	109° 08' 01"					D-49-75-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Cầu Mới	KX	P. Ninh Hiệp	TX. Ninh Hòa	12° 29' 23"	109° 08' 08"					D-49-87-A-b
cầu Ninh Đa	KX	P. Ninh Hiệp	TX. Ninh Hòa	12° 29' 42"	109° 08' 18"					D-49-87-A-b
phủ đường Ninh Hòa	KX	P. Ninh Hiệp	TX. Ninh Hòa	12° 29' 35"	109° 07' 23"					D-49-87-A-b
cầu Núi Sầm	KX	P. Ninh Hiệp	TX. Ninh Hòa	12° 28' 38"	109° 07' 36"					D-49-87-A-b
cầu Nước Đục	KX	P. Ninh Hiệp	TX. Ninh Hòa	12° 29' 56"	109° 08' 16"					D-49-87-A-b
núi Ổ Gà	SV	P. Ninh Hiệp	TX. Ninh Hòa	12° 30' 40"	109° 08' 50"					D-49-75-C-d
cầu Phước Đa	KX	P. Ninh Hiệp	TX. Ninh Hòa	12° 30' 13"	109° 08' 13"					D-49-75-C-d
cầu Thanh Châu	KX	P. Ninh Hiệp	TX. Ninh Hòa	12° 29' 02"	109° 07' 50"					D-49-87-A-b
đường Trần Quý Cáp	KX	P. Ninh Hiệp	TX. Ninh Hòa			12° 30' 10"	109° 08' 10"	12° 29' 33"	109° 07' 26"	D-49-75-C-d; D-49-87-A-b
quốc lộ 26B	KX	P. Ninh Thủy	TX. Ninh Hòa			12° 30' 52"	109° 09' 09"	12° 29' 23"	109° 16' 16"	D-49-75-C-d; D-49-75-D-c; D-49-87-B-a
đường tỉnh 652D	KX	P. Ninh Thủy	TX. Ninh Hòa			12° 32' 21"	109° 12' 53"	12° 23' 20"	109° 18' 58"	D-49-75-C-d; D-49-75-D-c; D-49-87-B-a
cầu Bá Hà	KX	P. Ninh Thủy	TX. Ninh Hòa	12° 32' 14"	109° 13' 10"					D-49-75-C-d
tổ dân phố Bá Hà 1	DC	P. Ninh Thủy	TX. Ninh Hòa	12° 32' 19"	109° 13' 30"					D-49-75-C-d
tổ dân phố Bá Hà 2	DC	P. Ninh Thủy	TX. Ninh Hòa	12° 32' 31"	109° 13' 32"					D-49-75-C-d
Hòn Hèo	SV	P. Ninh Thủy	TX. Ninh Hòa	12° 29' 17"	109° 12' 26"					D-49-87-A-b
cầu Hòn Khói	KX	P. Ninh Thủy	TX. Ninh Hòa	12° 30' 25"	109° 14' 17"					D-49-75-C-d
chùa Huệ Hà	KX	P. Ninh Thủy	TX. Ninh Hòa	12° 32' 03"	109° 13' 36"					D-49-75-C-d
chùa Long Hà	KX	P. Ninh Thủy	TX. Ninh Hòa	12° 32' 11"	109° 13' 26"					D-49-75-C-d
núi Mái Nhà	SV	P. Ninh Thủy	TX. Ninh Hòa	12° 28' 29"	109° 15' 04"					D-49-87-B-a
Hòn Một	SV	P. Ninh Thủy	TX. Ninh Hòa	12° 30' 44"	109° 13' 18"					D-49-75-C-d
tổ dân phố Mỹ Á	DC	P. Ninh Thủy	TX. Ninh Hòa	12° 30' 54"	109° 14' 03"					D-49-75-C-d
tổ dân phố Mỹ Lương	DC	P. Ninh Thủy	TX. Ninh Hòa	12° 31' 49"	109° 13' 29"					D-49-75-C-d
tổ dân phố Ngân Hà	DC	P. Ninh Thủy	TX. Ninh Hòa	12° 31' 60"	109° 13' 34"					D-49-75-C-d
đình Ngân Hà	KX	P. Ninh Thủy	TX. Ninh Hòa	12° 32' 01"	109° 13' 38"					D-49-75-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
cầu Nhà máy Xi măng Hòn Khói	KX	P. Ninh Thủy	TX. Ninh Hòa	12° 30' 31"	109° 14' 17"					D-49-75-C-d
tổ dân phố Phú Thạnh	DC	P. Ninh Thủy	TX. Ninh Hòa	12° 32' 24"	109° 13' 21"					D-49-75-C-d
núi Suối Lâu	SV	P. Ninh Thủy	TX. Ninh Hòa	12° 28' 57"	109° 15' 23"					D-49-87-B-a
tổ dân phố Thủy Đầm	DC	P. Ninh Thủy	TX. Ninh Hòa	12° 31' 47"	109° 13' 41"					D-49-75-C-d
đình Thủy Đầm	KX	P. Ninh Thủy	TX. Ninh Hòa	12° 31' 55"	109° 13' 41"					D-49-75-C-d
Nhà máy Xi măng Hòn Khói	KX	P. Ninh Thủy	TX. Ninh Hòa	12° 30' 36"	109° 14' 11"					D-49-75-C-d
quốc lộ 1A	KX	xã Ninh An	TX. Ninh Hòa			12° 50' 42"	109° 23' 09"	11° 48' 39"	109° 06' 16"	D-49-75-C-d
đường tỉnh 651D	KX	xã Ninh An	TX. Ninh Hòa			12° 42' 14"	109° 13' 31"	12° 32' 05"	109° 11' 05"	D-49-75-C-d
đường tỉnh 651G	KX	xã Ninh An	TX. Ninh Hòa			12° 36' 12"	109° 10' 35"	12° 31' 20"	109° 02' 06"	D-49-75-C-c; D-49-75-C-d
đường tỉnh 652B	KX	xã Ninh An	TX. Ninh Hòa			12° 31' 04"	109° 09' 14"	12° 34' 44"	109° 13' 13"	D-49-75-C-d
chùa An Lạc	KX	xã Ninh An	TX. Ninh Hòa	12° 32' 55"	109° 09' 46"					D-49-75-C-d
kênh Chính Đông	TV	xã Ninh An	TX. Ninh Hòa			12° 38' 11"	109° 06' 28"	12° 34' 38"	109° 08' 56"	D-49-75-C-d
kênh Chính Tây	TV	xã Ninh An	TX. Ninh Hòa			12° 37' 51"	109° 06' 32"	12° 33' 38"	109° 05' 14"	D-49-75-C-c
Suối Dứa	TV	xã Ninh An	TX. Ninh Hòa			12° 37' 48"	109° 03' 15"	12° 35' 25"	109° 06' 58"	D-49-75-C-c
sông Đá Bàn	TV	xã Ninh An	TX. Ninh Hòa			12° 43' 19"	109° 01' 22"	12° 34' 28"	109° 07' 05"	D-49-75-C-c
sông Đá Hàn	TV	xã Ninh An	TX. Ninh Hòa			12° 31' 21"	109° 10' 08"	12° 28' 25"	109° 09' 60"	D-49-75-C-d
núi Đông Dài	SV	xã Ninh An	TX. Ninh Hòa	12° 31' 29"	109° 08' 35"					D-49-75-C-d
thôn Gia Mỹ	DC	xã Ninh An	TX. Ninh Hòa	12° 35' 08"	109° 08' 37"					D-49-75-C-d
cầu Hà Thanh	KX	xã Ninh An	TX. Ninh Hòa	12° 30' 46"	109° 09' 59"					D-49-75-C-d
Hòn Hấu	SV	xã Ninh An	TX. Ninh Hòa	12° 35' 11"	109° 09' 43"					D-49-75-C-d
ga Hòa Quỳnh	KX	xã Ninh An	TX. Ninh Hòa	12° 34' 34"	109° 10' 00"					D-49-75-C-d
giáo xứ Hòa Thanh	KX	xã Ninh An	TX. Ninh Hòa	12° 34' 54"	109° 08' 43"					D-49-75-C-d
thôn Hòa Thiện 1	DC	xã Ninh An	TX. Ninh Hòa	12° 34' 41"	109° 07' 43"					D-49-75-C-d
thôn Hòa Thiện 2	DC	xã Ninh An	TX. Ninh Hòa	12° 35' 31"	109° 07' 24"					D-49-75-C-c
chùa Kim Ấn	KX	xã Ninh An	TX. Ninh Hòa	12° 33' 03"	109° 07' 42"					D-49-75-C-d
hòn Kò Ke	SV	xã Ninh An	TX. Ninh Hòa	12° 32' 12"	109° 09' 14"					D-49-75-C-d
cầu Lạc An	KX	xã Ninh An	TX. Ninh Hòa	12° 32' 49"	109° 09' 45"					D-49-75-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Lạc Hòa	DC	xã Ninh An	TX. Ninh Hòa	12° 33' 48"	109° 08' 47"					D-49-75-C-d
chùa Lạc Sơn	KX	xã Ninh An	TX. Ninh Hòa	12° 34' 02"	109° 10' 02"					D-49-75-C-d
Cầu Lớn	KX	xã Ninh An	TX. Ninh Hòa	12° 31' 60"	109° 10' 26"					D-49-75-C-d
Sông Lốp	TV	xã Ninh An	TX. Ninh Hòa			12° 34' 28"	109° 07' 05"	12° 30' 04"	109° 07' 24"	D-49-75-C-c; D-49-75-C-d
kênh N4	TV	xã Ninh An	TX. Ninh Hòa			12° 34' 38"	109° 08' 56"	12° 31' 21"	109° 10' 08"	D-49-75-C-d
thôn Ngọc Sơn	DC	xã Ninh An	TX. Ninh Hòa	12° 33' 42"	109° 09' 57"					D-49-75-C-d
thôn Ninh Ích	DC	xã Ninh An	TX. Ninh Hòa	12° 31' 55"	109° 09' 30"					D-49-75-C-d
miếu Ninh Ích	KX	xã Ninh An	TX. Ninh Hòa	12° 32' 40"	109° 09' 41"					D-49-75-C-d
thôn Phú Gia	DC	xã Ninh An	TX. Ninh Hòa	12° 33' 03"	109° 07' 41"					D-49-75-C-d
chùa Phước Điền	KX	xã Ninh An	TX. Ninh Hòa	12° 31' 59"	109° 09' 35"					D-49-75-C-d
Hòn Rọ	SV	xã Ninh An	TX. Ninh Hòa	12° 31' 56"	109° 08' 55"					D-49-75-C-d
thôn Sơn Lộc	DC	xã Ninh An	TX. Ninh Hòa	12° 33' 08"	109° 09' 41"					D-49-75-C-d
cầu Suối Cát	KX	xã Ninh An	TX. Ninh Hòa	12° 35' 39"	109° 08' 15"					D-49-75-C-d
cầu Suối Xô	KX	xã Ninh An	TX. Ninh Hòa	12° 35' 55"	109° 07' 57"					D-49-75-C-d
núi Vòng Cóc	SV	xã Ninh An	TX. Ninh Hòa	12° 34' 19"	109° 06' 08"					D-49-75-C-c
quốc lộ 26	KX	xã Ninh Bình	TX. Ninh Hòa			12° 28' 34"	109° 07' 33"	12° 33' 24"	108° 53' 31"	D-49-87-A-a
Cầu Bản	KX	xã Ninh Bình	TX. Ninh Hòa	12° 29' 49"	109° 07' 12"					D-49-87-A-a
cầu Bến Gành	KX	xã Ninh Bình	TX. Ninh Hòa	12° 29' 58"	109° 06' 38"					D-49-87-A-a
thôn Bình Thành	DC	xã Ninh Bình	TX. Ninh Hòa	12° 29' 46"	109° 07' 06"					D-49-87-A-a
thôn Bình Trị	DC	xã Ninh Bình	TX. Ninh Hòa	12° 29' 30"	109° 05' 26"					D-49-87-A-a
sông Cái Ninh Hòa	TV	xã Ninh Bình	TX. Ninh Hòa			12° 34' 20"	108° 57' 41"	12° 30' 04"	109° 07' 24"	D-49-75-C-c; D-49-87-A-a
Sông Dinh	TV	xã Ninh Bình	TX. Ninh Hòa			12° 30' 04"	109° 07' 24"	12° 27' 13"	109° 09' 37"	D-49-75-C-c; D-49-87-A-a; D-49-87-A-b
thôn Hiệp Thanh	DC	xã Ninh Bình	TX. Ninh Hòa	12° 29' 49"	109° 05' 43"					D-49-87-A-a
thôn Hòa Thuận	DC	xã Ninh Bình	TX. Ninh Hòa	12° 28' 60"	109° 05' 39"					D-49-87-A-a
Hòn Ngang	SV	xã Ninh Bình	TX. Ninh Hòa	12° 29' 09"	109° 01' 47"					D-49-87-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Phong Ấp	DC	xã Ninh Bình	TX. Ninh Hòa	12° 29' 08"	109° 07' 03"					D-49-87-A-a
thôn Phụ Đằng	DC	xã Ninh Bình	TX. Ninh Hòa	12° 29' 14"	109° 05' 35"					D-49-87-A-a
thôn Phước Lý	DC	xã Ninh Bình	TX. Ninh Hòa	12° 29' 23"	109° 07' 10"					D-49-87-A-a
thôn Tân Bình	DC	xã Ninh Bình	TX. Ninh Hòa	12° 29' 08"	109° 04' 27"					D-49-87-A-a
thôn Tuân Thừa	DC	xã Ninh Bình	TX. Ninh Hòa	12° 29' 27"	109° 06' 44"					D-49-87-A-a
Sông Dinh	TV	xã Ninh Đông	TX. Ninh Hòa			12° 30' 04"	109° 07' 24"	12° 27' 13"	109° 09' 37"	D-49-75-C-c; D-49-87-A-a; D-49-87-A-b
núi Đông Dài	SV	xã Ninh Đông	TX. Ninh Hòa	12° 31' 29"	109° 08' 35"					D-49-75-C-d
núi Đông Đài	SV	xã Ninh Đông	TX. Ninh Hòa	12° 30' 60"	109° 08' 01"					D-49-75-C-d
Sông Lốp	TV	xã Ninh Đông	TX. Ninh Hòa			12° 34' 28"	109° 07' 05"	12° 30' 04"	109° 07' 24"	D-49-75-C-c; D-49-75-C-d
kênh N4	TV	xã Ninh Đông	TX. Ninh Hòa			12° 34' 38"	109° 08' 56"	12° 31' 21"	109° 10' 08"	D-49-75-C-d
thôn Nội Mỹ	DC	xã Ninh Đông	TX. Ninh Hòa	12° 32' 38"	109° 08' 03"					D-49-75-C-d
thôn Phú Nghĩa	DC	xã Ninh Đông	TX. Ninh Hòa	12° 31' 01"	109° 07' 17"					D-49-75-C-c
thôn Phước Thuận	DC	xã Ninh Đông	TX. Ninh Hòa	12° 32' 22"	109° 07' 51"					D-49-75-C-d
thôn Quang Đông	DC	xã Ninh Đông	TX. Ninh Hòa	12° 30' 29"	109° 07' 34"					D-49-75-C-d
cầu Sông Lốp	KX	xã Ninh Đông	TX. Ninh Hòa	12° 31' 37"	109° 07' 42"					D-49-75-C-d
chùa Thiên Ân	KX	xã Ninh Đông	TX. Ninh Hòa	12° 32' 37"	109° 07' 37"					D-49-75-C-d
thôn Văn Định	DC	xã Ninh Đông	TX. Ninh Hòa	12° 31' 45"	109° 07' 53"					D-49-75-C-d
đình Văn Định	KX	xã Ninh Đông	TX. Ninh Hòa	12° 31' 24"	109° 07' 34"					D-49-75-C-d
đường tỉnh 652G	KX	xã Ninh Hưng	TX. Ninh Hòa			12° 27' 01"	109° 06' 60"	12° 32' 17"	108° 57' 21"	D-49-87-A-a
Hòn Bà	SV	xã Ninh Hưng	TX. Ninh Hòa	12° 23' 60"	109° 02' 58"					D-49-87-A-a
suối Bà Tứ	TV	xã Ninh Hưng	TX. Ninh Hòa			12° 27' 20"	109° 03' 35"	12° 27' 20"	109° 04' 44"	D-49-87-A-a
Suối Cát	TV	xã Ninh Hưng	TX. Ninh Hòa			12° 27' 05"	109° 04' 02"	12° 27' 20"	109° 04' 44"	D-49-87-A-a
sông Cầu Lắm	TV	xã Ninh Hưng	TX. Ninh Hòa			12° 27' 53"	109° 06' 51"	12° 27' 32"	109° 08' 30"	D-49-87-A-a
sông Cây Chò	TV	xã Ninh Hưng	TX. Ninh Hòa			12° 27' 11"	109° 05' 36"	12° 27' 53"	109° 06' 51"	D-49-87-A-a
thôn Gò Sắn	DC	xã Ninh Hưng	TX. Ninh Hòa	12° 27' 37"	109° 04' 44"					D-49-87-A-a
Hòn Long	SV	xã Ninh Hưng	TX. Ninh Hòa	12° 24' 15"	109° 04' 01"					D-49-87-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Suối Ngang	TV	xã Ninh Hưng	TX. Ninh Hòa			12° 24' 35"	109° 05' 37"	12° 27' 11"	109° 05' 36"	D-49-87-A-a
cầu Nhà Chay	KX	xã Ninh Hưng	TX. Ninh Hòa	12° 27' 15"	109° 05' 38"					D-49-87-A-a
suối Nhà Chay	TV	xã Ninh Hưng	TX. Ninh Hòa			12° 27' 20"	109° 04' 44"	12° 27' 11"	109° 05' 36"	D-49-87-A-a
thôn Phú Đa	DC	xã Ninh Hưng	TX. Ninh Hòa	12° 27' 52"	109° 05' 60"					D-49-87-A-a
thôn Phụng Cang	DC	xã Ninh Hưng	TX. Ninh Hòa	12° 27' 49"	109° 06' 27"					D-49-87-A-a
thôn Phước Mỹ	DC	xã Ninh Hưng	TX. Ninh Hòa	12° 27' 22"	109° 06' 14"					D-49-87-A-a
thôn Tân Hưng	DC	xã Ninh Hưng	TX. Ninh Hòa	12° 27' 41"	109° 05' 50"					D-49-87-A-a
Hòn Thị	SV	xã Ninh Hưng	TX. Ninh Hòa	12° 25' 12"	109° 03' 39"					D-49-87-A-a
thôn Trường Lộc	DC	xã Ninh Hưng	TX. Ninh Hòa	12° 27' 60"	109° 05' 48"					D-49-87-A-a
quốc lộ 1A	KX	xã Ninh Ích	TX. Ninh Hòa			12° 50' 42"	109° 23' 09"	11° 48' 39"	109° 06' 16"	D-49-87-A-b
suối Ba Hồ	TV	xã Ninh Ích	TX. Ninh Hòa			12° 23' 09"	109° 07' 50"	12° 23' 37"	109° 08' 19"	D-49-87-A-b
Núi Bé	SV	xã Ninh Ích	TX. Ninh Hòa	12° 23' 20"	109° 11' 49"					D-49-87-A-b
Hòn Cấm	SV	xã Ninh Ích	TX. Ninh Hòa	12° 24' 03"	109° 11' 05"					D-49-87-A-b
cầu Cây Thị	KX	xã Ninh Ích	TX. Ninh Hòa	12° 24' 13"	109° 08' 54"					D-49-87-A-b
Hòn Chai	SV	xã Ninh Ích	TX. Ninh Hòa	12° 23' 41"	109° 07' 28"					D-49-87-A-b
Hòn Dã	SV	xã Ninh Ích	TX. Ninh Hòa	12° 23' 55"	109° 11' 44"					D-49-87-A-b
cầu Găng Tay	KX	xã Ninh Ích	TX. Ninh Hòa	12° 24' 23"	109° 09' 25"					D-49-87-A-b
Suối Ngang	TV	xã Ninh Ích	TX. Ninh Hòa			12° 22' 23"	109° 05' 34"	12° 23' 29"	109° 07' 17"	D-49-87-A-a; D-49-87-A-b; D-49-87-A-c
chùa Ngộ Minh	KX	xã Ninh Ích	TX. Ninh Hòa	12° 24' 00"	109° 10' 10"					D-49-87-A-b
thôn Ngọc Diêm	DC	xã Ninh Ích	TX. Ninh Hòa	12° 23' 42"	109° 11' 43"					D-49-87-A-b
chùa Ngọc Lâm	KX	xã Ninh Ích	TX. Ninh Hòa	12° 23' 39"	109° 11' 43"					D-49-87-A-b
Hòn Nhọn	SV	xã Ninh Ích	TX. Ninh Hòa	12° 23' 24"	109° 09' 39"					D-49-87-A-b
thôn Phú Hữu	DC	xã Ninh Ích	TX. Ninh Hòa	12° 24' 14"	109° 08' 51"					D-49-87-A-b
cầu Phú Hữu	KX	xã Ninh Ích	TX. Ninh Hòa	12° 24' 45"	109° 09' 05"					D-49-87-A-b
chùa Phước Thiện	KX	xã Ninh Ích	TX. Ninh Hòa	12° 23' 01"	109° 11' 45"					D-49-87-A-b
núi Rọ Tượng	SV	xã Ninh Ích	TX. Ninh Hòa	12° 24' 37"	109° 07' 30"					D-49-87-A-b
sông Rọ Tượng	TV	xã Ninh Ích	TX. Ninh Hòa			12° 23' 37"	109° 08' 19"	12° 24' 46"	109° 09' 25"	D-49-87-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Suối Sâu	TV	xã Ninh Ích	TX. Ninh Hòa			12° 24' 10"	109° 07' 04"	12° 23' 08"	109° 07' 50"	D-49-87-A-a
cầu Suối Tre	KX	xã Ninh Ích	TX. Ninh Hòa	12° 24' 58"	109° 08' 56"					D-49-87-A-b
thôn Tân Đảo	DC	xã Ninh Ích	TX. Ninh Hòa	12° 23' 60"	109° 10' 20"					D-49-87-A-b
thôn Tân Ngọc	DC	xã Ninh Ích	TX. Ninh Hòa	12° 23' 29"	109° 11' 06"					D-49-87-A-b
thôn Tân Phú	DC	xã Ninh Ích	TX. Ninh Hòa	12° 24' 12"	109° 08' 36"					D-49-87-A-b
thôn Tân Thành	DC	xã Ninh Ích	TX. Ninh Hòa	12° 22' 53"	109° 11' 42"					D-49-87-A-b
Hòn Thông	SV	xã Ninh Ích	TX. Ninh Hòa	12° 21' 37"	109° 10' 02"					D-49-87-A-d
hòn Trích Mía	SV	xã Ninh Ích	TX. Ninh Hòa	12° 22' 14"	109° 08' 23"					D-49-87-A-d
thôn Vạn Thuận	DC	xã Ninh Ích	TX. Ninh Hòa	12° 24' 00"	109° 09' 09"					D-49-87-A-b
quốc lộ 1A	KX	xã Ninh Lộc	TX. Ninh Hòa			12° 50' 42"	109° 23' 09"	11° 48' 39"	109° 06' 16"	D-49-87-A-a; D-49-87-A-b
đường tỉnh 652G	KX	xã Ninh Lộc	TX. Ninh Hòa			12° 27' 01"	109° 06' 60"	12° 32' 17"	108° 57' 21"	D-49-87-A-a
cầu Cây Găng	KX	xã Ninh Lộc	TX. Ninh Hòa	12° 26' 54"	109° 07' 03"					D-49-87-A-a
Cầu Cháy	KX	xã Ninh Lộc	TX. Ninh Hòa	12° 27' 01"	109° 06' 58"					D-49-87-A-a
Sông Găng	TV	xã Ninh Lộc	TX. Ninh Hòa			12° 27' 12"	109° 06' 53"	12° 26' 24"	109° 08' 23"	D-49-87-A-a; D-49-87-A-b
Sông Hầu	TV	xã Ninh Lộc	TX. Ninh Hòa			12° 26' 24"	109° 08' 23"	12° 25' 59"	109° 09' 14"	D-49-87-A-b
thôn Lệ Cam	DC	xã Ninh Lộc	TX. Ninh Hòa	12° 25' 33"	109° 08' 33"					D-49-87-A-b
sông Lệ Cam	TV	xã Ninh Lộc	TX. Ninh Hòa			12° 26' 24"	109° 08' 23"	12° 25' 35"	109° 08' 59"	D-49-87-A-b
chùa Linh Ứng	KX	xã Ninh Lộc	TX. Ninh Hòa	12° 25' 23"	109° 08' 44"					D-49-87-A-b
thôn Mỹ Lợi	DC	xã Ninh Lộc	TX. Ninh Hòa	12° 26' 60"	109° 06' 33"					D-49-87-A-a
Suối Ngang	TV	xã Ninh Lộc	TX. Ninh Hòa			12° 24' 35"	109° 05' 37"	12° 27' 11"	109° 05' 36"	D-49-87-A-a
thôn Ninh Đức	DC	xã Ninh Lộc	TX. Ninh Hòa	12° 25' 37"	109° 07' 37"					D-49-87-A-b
thôn Phong Thạnh	DC	xã Ninh Lộc	TX. Ninh Hòa	12° 25' 59"	109° 07' 09"					D-49-87-A-a
cầu Rọ Tượng	KX	xã Ninh Lộc	TX. Ninh Hòa	12° 25' 28"	109° 08' 36"					D-49-87-A-b
núi Rọ Tượng	SV	xã Ninh Lộc	TX. Ninh Hòa	12° 24' 37"	109° 07' 30"					D-49-87-A-b
thôn Tam Ích	DC	xã Ninh Lộc	TX. Ninh Hòa	12° 26' 26"	109° 08' 13"					D-49-87-A-b
thôn Tân Khê	DC	xã Ninh Lộc	TX. Ninh Hòa	12° 26' 31"	109° 07' 10"					D-49-87-A-a
thôn Tân Thủy	DC	xã Ninh Lộc	TX. Ninh Hòa	12° 25' 28"	109° 08' 42"					D-49-87-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Vạn Khuê	DC	xã Ninh Lộc	TX. Ninh Hòa	12° 26' 07"	109° 06' 53"					D-49-87-A-a
Hòn Xáng	SV	xã Ninh Lộc	TX. Ninh Hòa	12° 27' 09"	109° 07' 10"					D-49-87-A-a
Miếu Bà	KX	xã Ninh Phú	TX. Ninh Hòa	12° 29' 12"	109° 09' 48"					D-49-87-A-b
đình Bằng Phước	KX	xã Ninh Phú	TX. Ninh Hòa	12° 29' 24"	109° 08' 56"					D-49-87-A-b
Hòn Chện	SV	xã Ninh Phú	TX. Ninh Hòa	12° 27' 51"	109° 10' 34"					D-49-87-A-b
Hòn Chồng	SV	xã Ninh Phú	TX. Ninh Hòa	12° 28' 00"	109° 10' 14"					D-49-87-A-b
Sông Dinh	TV	xã Ninh Phú	TX. Ninh Hòa			12° 30' 04"	109° 07' 24"	12° 27' 13"	109° 09' 37"	D-49-87-A-b
sông Đá Hàn	TV	xã Ninh Phú	TX. Ninh Hòa			12° 31' 21"	109° 10' 08"	12° 28' 25"	109° 09' 60"	D-49-87-A-b
Hòn Hèo	SV	xã Ninh Phú	TX. Ninh Hòa	12° 29' 17"	109° 12' 26"					D-49-87-A-b
suối Hoa Lan	TV	xã Ninh Phú	TX. Ninh Hòa			12° 25' 15"	109° 16' 05"	12° 24' 23"	109° 14' 14"	D-49-87-A-b; D-49-87-B-a
thôn Hội Điền	DC	xã Ninh Phú	TX. Ninh Hòa	12° 29' 12"	109° 09' 40"					D-49-87-A-b
cầu Hội Phú	KX	xã Ninh Phú	TX. Ninh Hòa	12° 29' 20"	109° 09' 06"					D-49-87-A-b
thôn Hội Phú Bắc 1	DC	xã Ninh Phú	TX. Ninh Hòa	12° 29' 29"	109° 09' 08"					D-49-87-A-b
thôn Hội Phú Bắc 2	DC	xã Ninh Phú	TX. Ninh Hòa	12° 29' 18"	109° 09' 24"					D-49-87-A-b
thôn Hội Phú Nam	DC	xã Ninh Phú	TX. Ninh Hòa	12° 29' 15"	109° 08' 33"					D-49-87-A-b
Suối Láng	TV	xã Ninh Phú	TX. Ninh Hòa			12° 27' 14"	109° 11' 49"	12° 26' 44"	109° 11' 35"	D-49-87-A-b
Suối Lăng	TV	xã Ninh Phú	TX. Ninh Hòa			12° 26' 56"	109° 12' 08"	12° 26' 37"	109° 11' 36"	D-49-87-A-b
thôn Lệ Cam	DC	xã Ninh Phú	TX. Ninh Hòa	12° 26' 44"	109° 11' 31"					D-49-87-A-b
chùa Linh Phong	KX	xã Ninh Phú	TX. Ninh Hòa	12° 28' 11"	109° 10' 48"					D-49-87-A-b
núi Mái Nhà	SV	xã Ninh Phú	TX. Ninh Hòa	12° 28' 29"	109° 15' 04"					D-49-87-B-a
Hòn Ngang	SV	xã Ninh Phú	TX. Ninh Hòa	12° 26' 34"	109° 13' 44"					D-49-87-A-b
Hòn Nhọn	SV	xã Ninh Phú	TX. Ninh Hòa	12° 27' 37"	109° 15' 25"					D-49-87-B-a
chùa Sắc Tứ Linh Sơn	KX	xã Ninh Phú	TX. Ninh Hòa	12° 27' 59"	109° 10' 17"					D-49-87-A-b
khu du lịch Suối Hoa Lan	KX	xã Ninh Phú	TX. Ninh Hòa	12° 24' 29"	109° 14' 28"					D-49-87-A-b
Hòn Tạnh	SV	xã Ninh Phú	TX. Ninh Hòa	12° 27' 38"	109° 11' 20"					D-49-87-A-b
cầu Tiên Du	KX	xã Ninh Phú	TX. Ninh Hòa	12° 28' 36"	109° 10' 03"					D-49-87-A-b
suối Tiên Du	TV	xã Ninh Phú	TX. Ninh Hòa			12° 26' 12"	109° 15' 22"	12° 27' 39"	109° 10' 09"	D-49-87-A-b; D-49-87-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Tiên Du 1	DC	xã Ninh Phú	TX. Ninh Hòa	12° 28' 11"	109° 10' 13"					D-49-87-A-b
thôn Tiên Du 2	DC	xã Ninh Phú	TX. Ninh Hòa	12° 28' 11"	109° 10' 42"					D-49-87-A-b
mũi Từ Sĩ	SV	xã Ninh Phú	TX. Ninh Hòa	12° 24' 22"	109° 14' 09"					D-49-87-A-b
Suối Túc	TV	xã Ninh Phú	TX. Ninh Hòa			12° 24' 28"	109° 14' 55"	12° 24' 12"	109° 14' 30"	D-49-87-A-b
thôn Văn Định	DC	xã Ninh Phú	TX. Ninh Hòa	12° 29' 26"	109° 08' 39"					D-49-87-A-b
quốc lộ 26	KX	xã Ninh Phụng	TX. Ninh Hòa			12° 28' 34"	109° 07' 33"	12° 33' 24"	108° 53' 31"	D-49-75-C-c
cầu Bến Gành	KX	xã Ninh Phụng	TX. Ninh Hòa	12° 29' 58"	109° 06' 38"					D-49-87-A-a
đình Bình Thái	KX	xã Ninh Phụng	TX. Ninh Hòa	12° 31' 34"	109° 07' 12"					D-49-75-C-c
sông Cái Ninh Hòa	TV	xã Ninh Phụng	TX. Ninh Hòa			12° 34' 20"	108° 57' 41"	12° 30' 04"	109° 07' 24"	D-49-75-C-c; D-49-87-A-a
cầu Đại Cát	KX	xã Ninh Phụng	TX. Ninh Hòa	12° 30' 10"	109° 05' 36"					D-49-75-C-c
thôn Đại Cát 1	DC	xã Ninh Phụng	TX. Ninh Hòa	12° 30' 18"	109° 05' 54"					D-49-75-C-c
thôn Đại Cát 2	DC	xã Ninh Phụng	TX. Ninh Hòa	12° 30' 14"	109° 05' 11"					D-49-75-C-c
thôn Điềm Tịnh	DC	xã Ninh Phụng	TX. Ninh Hòa	12° 30' 28"	109° 07' 13"					D-49-75-C-c
Sông Lốp	TV	xã Ninh Phụng	TX. Ninh Hòa			12° 34' 28"	109° 07' 05"	12° 30' 04"	109° 07' 24"	D-49-75-C-c
thôn Nghi Phụng	DC	xã Ninh Phụng	TX. Ninh Hòa	12° 30' 33"	109° 06' 24"					D-49-75-C-c
thôn Phú Bình	DC	xã Ninh Phụng	TX. Ninh Hòa	12° 31' 24"	109° 07' 17"					D-49-75-C-c
đình Phú Bình	KX	xã Ninh Phụng	TX. Ninh Hòa	12° 31' 30"	109° 07' 02"					D-49-75-C-c
sông Tân Lâm	TV	xã Ninh Phụng	TX. Ninh Hòa			12° 33' 38"	109° 05' 14"	12° 30' 42"	109° 07' 19"	D-49-75-C-c
thôn Vĩnh Phước	DC	xã Ninh Phụng	TX. Ninh Hòa	12° 30' 56"	109° 06' 36"					D-49-75-C-c
thôn Xuân Hòa 1	DC	xã Ninh Phụng	TX. Ninh Hòa	12° 30' 09"	109° 06' 30"					D-49-75-C-c
thôn Xuân Hòa 2	DC	xã Ninh Phụng	TX. Ninh Hòa	12° 30' 06"	109° 06' 06"					D-49-75-C-c
quốc lộ 26B	KX	xã Ninh Phước	TX. Ninh Hòa			12° 30' 52"	109° 09' 09"	12° 29' 23"	109° 16' 16"	D-49-87-B-a
đường tỉnh 652D	KX	xã Ninh Phước	TX. Ninh Hòa			12° 32' 21"	109° 12' 53"	12° 23' 20"	109° 18' 58"	D-49-87-B-a
Bãi Bé	TV	xã Ninh Phước	TX. Ninh Hòa	12° 25' 25"	109° 17' 35"					D-49-87-B-a
Suối Cái	TV	xã Ninh Phước	TX. Ninh Hòa			12° 27' 45"	109° 15' 39"	12° 27' 32"	109° 17' 15"	D-49-87-B-a
Hòn Cỏ	SV	xã Ninh Phước	TX. Ninh Hòa	12° 27' 47"	109° 17' 23"					D-49-87-B-a
Nhà máy Đóng tàu Hyundai - Vinashin - ShipYard	KX	xã Ninh Phước	TX. Ninh Hòa	12° 29' 13"	109° 16' 47"					D-49-87-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Hòn Hèo	SV	xã Ninh Phước	TX. Ninh Hòa	12° 29' 17"	109° 12' 26"					D-49-87-B-a
suối Hoa Lan	TV	xã Ninh Phước	TX. Ninh Hòa			12° 25' 15"	109° 16' 05"	12° 24' 23"	109° 14' 14"	D-49-87-B-a
chùa Long Giang	KX	xã Ninh Phước	TX. Ninh Hòa	12° 29' 00"	109° 17' 04"					D-49-87-B-a
núi Mái Nhà	SV	xã Ninh Phước	TX. Ninh Hòa	12° 28' 29"	109° 15' 04"					D-49-87-B-a
suối Mỏ Cày	TV	xã Ninh Phước	TX. Ninh Hòa			12° 26' 56"	109° 15' 10"	12° 27' 01"	109° 17' 16"	D-49-87-B-a
thôn Mỹ Giang	DC	xã Ninh Phước	TX. Ninh Hòa	12° 28' 60"	109° 17' 07"					D-49-87-B-a
Suối Ngang	TV	xã Ninh Phước	TX. Ninh Hòa			12° 24' 59"	109° 16' 40"	12° 25' 25"	109° 17' 33"	D-49-87-B-a
Hòn Nhọn	SV	xã Ninh Phước	TX. Ninh Hòa	12° 27' 37"	109° 15' 25"					D-49-87-B-a
Suối Ninh	TV	xã Ninh Phước	TX. Ninh Hòa			12° 25' 47"	109° 16' 05"	12° 26' 46"	109° 16' 53"	D-49-87-B-a
thôn Ninh Tịnh	DC	xã Ninh Phước	TX. Ninh Hòa	12° 26' 54"	109° 16' 58"					D-49-87-B-a
đình Ninh Tịnh	KX	xã Ninh Phước	TX. Ninh Hòa	12° 26' 51"	109° 16' 52"					D-49-87-B-a
thôn Ninh Yển	DC	xã Ninh Phước	TX. Ninh Hòa	12° 28' 52"	109° 16' 56"					D-49-87-B-a
Bãi Rạng	TV	xã Ninh Phước	TX. Ninh Hòa	12° 25' 03"	109° 18' 26"					D-49-87-B-a
hòn Răng Cưa	SV	xã Ninh Phước	TX. Ninh Hòa	12° 24' 30"	109° 17' 34"					D-49-87-B-a
Hòn Săn	SV	xã Ninh Phước	TX. Ninh Hòa	12° 27' 54"	109° 16' 56"					D-49-87-B-a
núi Suối Lâu	SV	xã Ninh Phước	TX. Ninh Hòa	12° 28' 57"	109° 15' 23"					D-49-87-B-a
Suối Tra	TV	xã Ninh Phước	TX. Ninh Hòa			12° 28' 37"	109° 16' 07"	12° 29' 17"	109° 16' 27"	D-49-87-B-a
quốc lộ 1A	KX	xã Ninh Quang	TX. Ninh Hòa			12° 50' 42"	109° 23' 09"	11° 48' 39"	109° 06' 16"	D-49-87-A-a
cầu Bầu Lá	KX	xã Ninh Quang	TX. Ninh Hòa	12° 28' 27"	109° 07' 30"					D-49-87-A-a
sông Cầu Lắm	TV	xã Ninh Quang	TX. Ninh Hòa			12° 27' 53"	109° 06' 51"	12° 27' 32"	109° 08' 30"	D-49-87-A-a; D-49-87-A-b
Núi Đất	SV	xã Ninh Quang	TX. Ninh Hòa	12° 28' 10"	109° 07' 22"					D-49-87-A-a
Sông Găng	TV	xã Ninh Quang	TX. Ninh Hòa			12° 27' 12"	109° 06' 53"	12° 26' 24"	109° 08' 23"	D-49-87-A-a; D-49-87-A-b
Cầu Lắm	KX	xã Ninh Quang	TX. Ninh Hòa	12° 27' 34"	109° 07' 11"					D-49-87-A-a
Hòn Một	SV	xã Ninh Quang	TX. Ninh Hòa	12° 27' 46"	109° 03' 10"					D-49-87-A-a
Hòn Ngang	SV	xã Ninh Quang	TX. Ninh Hòa	12° 29' 09"	109° 01' 47"					D-49-87-A-a
cầu Núi Sầm	KX	xã Ninh Quang	TX. Ninh Hòa	12° 28' 38"	109° 07' 36"					D-49-87-A-b
thôn Phú Hòa	DC	xã Ninh Quang	TX. Ninh Hòa	12° 28' 38"	109° 06' 07"					D-49-87-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Phước Lộc	DC	xã Ninh Quang	TX. Ninh Hòa	12° 28' 17"	109° 07' 18"					D-49-87-A-a
thôn Quang Vinh	DC	xã Ninh Quang	TX. Ninh Hòa	12° 28' 54"	109° 06' 29"					D-49-87-A-a
thôn Tân Quang	DC	xã Ninh Quang	TX. Ninh Hòa	12° 28' 31"	109° 04' 26"					D-49-87-A-a
thôn Thạch Thành	DC	xã Ninh Quang	TX. Ninh Hòa	12° 28' 48"	109° 07' 00"					D-49-87-A-a
thôn Thạnh Mỹ	DC	xã Ninh Quang	TX. Ninh Hòa	12° 28' 21"	109° 06' 28"					D-49-87-A-a
thôn Thuận Mỹ	DC	xã Ninh Quang	TX. Ninh Hòa	12° 28' 03"	109° 07' 06"					D-49-87-A-a
thôn Trường Châu	DC	xã Ninh Quang	TX. Ninh Hòa	12° 28' 31"	109° 06' 58"					D-49-87-A-a
thôn Vạn Hữu	DC	xã Ninh Quang	TX. Ninh Hòa	12° 28' 43"	109° 05' 46"					D-49-87-A-a
đình Vạn Hữu	KX	xã Ninh Quang	TX. Ninh Hòa	12° 28' 45"	109° 05' 40"					D-49-87-A-a
Hòn Xáng	SV	xã Ninh Quang	TX. Ninh Hòa	12° 27' 09"	109° 07' 10"					D-49-87-A-a
quốc lộ 26	KX	xã Ninh Sim	TX. Ninh Hòa			12° 28' 34"	109° 07' 33"	12° 33' 24"	108° 53' 31"	D-49-74-D-d; D-49-75-C-c
suối Bà Cường	TV	xã Ninh Sim	TX. Ninh Hòa			12° 28' 14"	108° 56' 25"	12° 29' 56"	109° 01' 14"	D-49-74-D-d
đồi Bạch Mã	SV	xã Ninh Sim	TX. Ninh Hòa	12° 31' 01"	108° 58' 08"					D-49-74-D-d
Suối Búng	TV	xã Ninh Sim	TX. Ninh Hòa			12° 31' 27"	108° 52' 55"	12° 32' 10"	109° 01' 16"	D-49-74-D-d
sông Cái Ninh Hòa	TV	xã Ninh Sim	TX. Ninh Hòa			12° 34' 20"	108° 57' 41"	12° 30' 04"	109° 07' 24"	D-49-74-D-d; D-49-75-C-c
cầu Dục Mỹ	KX	xã Ninh Sim	TX. Ninh Hòa	12° 32' 16"	109° 01' 19"					D-49-75-C-c
thôn Đống Đa	DC	xã Ninh Sim	TX. Ninh Hòa	12° 31' 56"	109° 01' 02"					D-49-75-C-c
thôn Lam Sơn	DC	xã Ninh Sim	TX. Ninh Hòa	12° 32' 31"	108° 59' 34"					D-49-74-D-d
cầu Liên Hợp	KX	xã Ninh Sim	TX. Ninh Hòa	12° 32' 17"	108° 58' 34"					D-49-74-D-d
Suối Mít	TV	xã Ninh Sim	TX. Ninh Hòa			12° 28' 43"	108° 58' 02"	12° 29' 31"	108° 59' 38"	D-49-74-D-d
Hòn Một	SV	xã Ninh Sim	TX. Ninh Hòa	12° 33' 19"	109° 01' 47"					D-49-75-C-c
thôn Nông Trường	DC	xã Ninh Sim	TX. Ninh Hòa	12° 33' 03"	109° 01' 11"					D-49-75-C-c
Suối Sim	TV	xã Ninh Sim	TX. Ninh Hòa			12° 36' 44"	108° 58' 31"	12° 32' 39"	109° 00' 51"	D-49-75-C-c
thôn Tân Khánh 1	DC	xã Ninh Sim	TX. Ninh Hòa	12° 32' 12"	109° 01' 02"					D-49-75-C-c
thôn Tân Khánh 2	DC	xã Ninh Sim	TX. Ninh Hòa	12° 32' 27"	109° 01' 05"					D-49-75-C-c
thôn Tân Lập	DC	xã Ninh Sim	TX. Ninh Hòa	12° 32' 34"	109° 00' 30"					D-49-75-C-c
Hòn Thị	SV	xã Ninh Sim	TX. Ninh Hòa	12° 34' 45"	109° 02' 05"					D-49-75-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Hòn Tre	SV	xã Ninh Sim	TX. Ninh Hòa	12° 33' 55"	109° 02' 21"					D-49-75-C-c
Thôn 1	DC	xã Ninh Sơn	TX. Ninh Hòa	12° 36' 03"	109° 07' 60"					D-49-75-C-d
Thôn 2	DC	xã Ninh Sơn	TX. Ninh Hòa	12° 36' 15"	109° 07' 45"					D-49-75-C-d
Thôn 3	DC	xã Ninh Sơn	TX. Ninh Hòa	12° 36' 00"	109° 07' 44"					D-49-75-C-d
Thôn 4	DC	xã Ninh Sơn	TX. Ninh Hòa	12° 36' 19"	109° 06' 48"					D-49-75-C-c
Thôn 5	DC	xã Ninh Sơn	TX. Ninh Hòa	12° 37' 12"	109° 06' 59"					D-49-75-C-c
đường tỉnh 651D	KX	xã Ninh Sơn	TX. Ninh Hòa			12° 42' 14"	109° 13' 31"	12° 32' 05"	109° 11' 05"	D-49-75-C-c; D-49-75-C-d
đường tỉnh 651G	KX	xã Ninh Sơn	TX. Ninh Hòa			12° 36' 12"	109° 10' 35"	12° 31' 20"	109° 02' 06"	D-49-75-C-b
kênh Chính Đông	TV	xã Ninh Sơn	TX. Ninh Hòa			12° 38' 11"	109° 06' 28"	12° 34' 38"	109° 08' 56"	D-49-75-C-a; D-49-75-C-c; D-49-75-C-d
Kênh Chính Tây	TV	xã Ninh Sơn	TX. Ninh Hòa			12° 37' 51"	109° 06' 32"	12° 33' 38"	109° 05' 14"	D-49-75-C-a; D-49-75-C-c
dải Da Da	SV	xã Ninh Sơn	TX. Ninh Hòa	12° 41' 04"	109° 00' 45"					D-49-75-C-a
Suối Dứa	TV	xã Ninh Sơn	TX. Ninh Hòa			12° 37' 48"	109° 03' 15"	12° 35' 25"	109° 06' 58"	D-49-75-C-a; D-49-75-C-c
sông Đá Bàn	TV	xã Ninh Sơn	TX. Ninh Hòa			12° 43' 19"	109° 01' 22"	12° 34' 28"	109° 07' 05"	D-49-75-C-a; D-49-75-C-c
hồ Đá Bàn	TV	xã Ninh Sơn	TX. Ninh Hòa	12° 39' 07"	109° 05' 56"					D-49-75-C-a
đồi Đại Hàn	SV	xã Ninh Sơn	TX. Ninh Hòa	12° 36' 39"	109° 07' 44"					D-49-75-C-d
chùa Đức Sơn	KX	xã Ninh Sơn	TX. Ninh Hòa	12° 36' 28"	109° 07' 24"					D-49-75-C-c
núi Hòn Chảo	SV	xã Ninh Sơn	TX. Ninh Hòa	12° 43' 15"	109° 06' 25"					D-49-75-C-a
núi Hòn Chát	SV	xã Ninh Sơn	TX. Ninh Hòa	12° 40' 39"	109° 02' 06"					D-49-75-C-a
núi Hòn Vú	SV	xã Ninh Sơn	TX. Ninh Hòa	12° 44' 38"	109° 04' 50"					D-49-75-C-a
núi Mồng Công	SV	xã Ninh Sơn	TX. Ninh Hòa	12° 43' 27"	109° 01' 04"					D-49-75-C-a
cầu Suối Cát	KX	xã Ninh Sơn	TX. Ninh Hòa	12° 35' 39"	109° 08' 15"					D-49-75-C-d
cầu Suối Xô	KX	xã Ninh Sơn	TX. Ninh Hòa	12° 35' 55"	109° 07' 57"					D-49-75-C-d
núi Tân Lâm	SV	xã Ninh Sơn	TX. Ninh Hòa	12° 35' 45"	109° 04' 36"					D-49-75-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Núi Vung	SV	xã Ninh Sơn	TX. Ninh Hòa	12° 37' 43"	109° 05' 20"					D-49-75-C-a
đường tỉnh 652G	KX	xã Ninh Tân	TX. Ninh Hòa			12° 27' 01"	109° 06' 60"	12° 32' 17"	108° 57' 21"	D-49-75-C-d
đường tỉnh 652H	KX	xã Ninh Tân	TX. Ninh Hòa			12° 30' 59"	109° 02' 37"	12° 16' 17"	109° 06' 31"	D-49-86-B-b
Hòn Bà	SV	xã Ninh Tân	TX. Ninh Hòa	12° 23' 60"	109° 02' 58"					D-49-87-A-a
suối Bà Tứ	TV	xã Ninh Tân	TX. Ninh Hòa			12° 27' 20"	109° 03' 35"	12° 27' 20"	109° 04' 44"	D-49-87-A-a
Thôn Bắc	DC	xã Ninh Tân	TX. Ninh Hòa	12° 27' 25"	109° 02' 09"					D-49-87-A-a
suối Bộ Đội	TV	xã Ninh Tân	TX. Ninh Hòa			12° 26' 45"	108° 56' 46"	12° 26' 59"	109° 02' 01"	D-49-86-B-c; D-49-87-A-a
suối Căm Xe	TV	xã Ninh Tân	TX. Ninh Hòa			12° 24' 37"	109° 03' 07"	12° 27' 05"	109° 04' 02"	D-49-87-A-a
Hòn Giữ	SV	xã Ninh Tân	TX. Ninh Hòa	12° 26' 28"	108° 56' 38"					D-49-86-B-b
núi Hòn Lớn	SV	xã Ninh Tân	TX. Ninh Hòa	12° 24' 08"	108° 59' 23"					D-49-86-B-b
Hòn Máng	SV	xã Ninh Tân	TX. Ninh Hòa	12° 27' 54"	108° 58' 01"					D-49-86-B-b
Hòn Một	SV	xã Ninh Tân	TX. Ninh Hòa	12° 27' 46"	109° 03' 10"					D-49-87-A-a
Thôn Nam	DC	xã Ninh Tân	TX. Ninh Hòa	12° 27' 40"	109° 04' 06"					D-49-87-A-a
Hòn Ngang	SV	xã Ninh Tân	TX. Ninh Hòa	12° 29' 09"	109° 01' 47"					D-49-87-A-a
Suối Nhơn	TV	xã Ninh Tân	TX. Ninh Hòa			12° 26' 59"	109° 02' 01"	12° 27' 20"	109° 03' 35"	D-49-87-A-a
cầu Ninh Tân	KX	xã Ninh Tân	TX. Ninh Hòa	12° 27' 16"	109° 02' 54"					D-49-87-A-a
Hòn Ông	SV	xã Ninh Tân	TX. Ninh Hòa	12° 27' 15"	109° 00' 38"					D-49-87-A-a
thôn Suối Sâu	DC	xã Ninh Tân	TX. Ninh Hòa	12° 26' 40"	109° 01' 29"					D-49-87-A-a
cầu Suối Sâu	KX	xã Ninh Tân	TX. Ninh Hòa	12° 26' 58"	109° 01' 34"					D-49-87-A-a
Hòn Thị	SV	xã Ninh Tân	TX. Ninh Hòa	12° 25' 12"	109° 03' 39"					D-49-87-A-a
Thôn Trung	DC	xã Ninh Tân	TX. Ninh Hòa	12° 27' 16"	109° 02' 38"					D-49-87-A-a
đường tỉnh 652G	KX	xã Ninh Tây	TX. Ninh Hòa			12° 27' 01"	109° 06' 60"	12° 32' 17"	108° 57' 21"	D-49-86-B-b
núi Ba Bay	SV	xã Ninh Tây	TX. Ninh Hòa	12° 30' 19"	108° 55' 03"					D-49-74-D-d
suối Bà Cường	TV	xã Ninh Tây	TX. Ninh Hòa			12° 28' 14"	108° 56' 25"	12° 29' 56"	109° 01' 14"	D-49-74-D-d
đồi Bạch Mã	SV	xã Ninh Tây	TX. Ninh Hòa	12° 31' 01"	108° 58' 08"					D-49-74-D-d
chư Bli	SV	xã Ninh Tây	TX. Ninh Hòa	12° 32' 33"	108° 52' 52"					D-49-74-D-d
Hòn Bồ	SV	xã Ninh Tây	TX. Ninh Hòa	12° 30' 06"	108° 56' 53"					D-49-74-D-d
thôn Buôn Đung	DC	xã Ninh Tây	TX. Ninh Hòa	12° 31' 57"	108° 57' 17"					D-49-74-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Buôn Lác	DC	xã Ninh Tây	TX. Ninh Hòa	12° 34' 26"	109° 00' 35"					D-49-75-C-c
thôn Buôn Sim	DC	xã Ninh Tây	TX. Ninh Hòa	12° 34' 07"	108° 58' 43"					D-49-75-C-c
thôn Buôn Tương	DC	xã Ninh Tây	TX. Ninh Hòa	12° 32' 25"	108° 56' 43"					D-49-74-D-d
Suối Búng	TV	xã Ninh Tây	TX. Ninh Hòa			12° 31' 27"	108° 52' 55"	12° 32' 10"	109° 01' 16"	D-49-74-D-d
Sông Cái	TV	xã Ninh Tây	TX. Ninh Hòa			12° 34' 20"	108° 57' 41"	12° 30' 04"	109° 07' 24"	D-49-74-D-d
Chư Chai	SV	xã Ninh Tây	TX. Ninh Hòa	12° 34' 21"	108° 53' 27"					D-49-74-D-d
Suối Chình	TV	xã Ninh Tây	TX. Ninh Hòa			12° 33' 21"	108° 53' 28"	12° 33' 54"	108° 58' 12"	D-49-74-D-d
Suối Đá	TV	xã Ninh Tây	TX. Ninh Hòa			12° 41' 03"	108° 59' 10"	12° 33' 13"	109° 05' 24"	D-49-75-C-a
suối Ea Krông Ru	TV	xã Ninh Tây	TX. Ninh Hòa			12° 35' 58"	108° 56' 20"	12° 34' 20"	108° 57' 41"	D-49-74-D-d
suối Ea Krông Ru*	TV	xã Ninh Tây	TX. Ninh Hòa			12° 38' 04"	108° 56' 47"	12° 37' 09"	108° 56' 52"	D-49-74-D-b
hồ Ea Krông Ru*	TV	xã Ninh Tây	TX. Ninh Hòa	12° 37' 01"	108° 55' 57"					D-49-74-D-b; D-49-74-D-d
suối Ea Sa	TV	xã Ninh Tây	TX. Ninh Hòa			12° 37' 17"	108° 52' 29"	12° 34' 20"	108° 57' 41"	D-49-74-D-c; D-49-74-D-d
Chư Gay	SV	xã Ninh Tây	TX. Ninh Hòa	12° 36' 42"	108° 58' 17"					D-49-74-D-d
Chư Gióc*	SV	xã Ninh Tây	TX. Ninh Hòa	12° 36' 43"	108° 51' 45"					D-49-74-D-c
Chư Giung	SV	xã Ninh Tây	TX. Ninh Hòa	12° 33' 58"	108° 55' 26"					D-49-74-D-d
Công ty cổ phần Khánh Tân	KX	xã Ninh Tây	TX. Ninh Hòa	12° 35' 55"	109° 00' 49"					D-49-75-C-c
Suối Lau	TV	xã Ninh Tây	TX. Ninh Hòa			12° 31' 22"	108° 56' 04"	12° 31' 38"	108° 57' 04"	D-49-74-D-d
cầu Liên Hợp	KX	xã Ninh Tây	TX. Ninh Hòa	12° 32' 17"	108° 58' 34"					D-49-74-D-d
cầu Liên Hợp	KX	xã Ninh Tây	TX. Ninh Hòa	12° 32' 36"	108° 56' 29"					D-49-74-D-d
Núi Lở	SV	xã Ninh Tây	TX. Ninh Hòa	12° 37' 55"	108° 58' 44"					D-49-74-D-d
chư Ma Bai	SV	xã Ninh Tây	TX. Ninh Hòa	12° 35' 53"	108° 57' 08"					D-49-74-D-d
Hòn Máng	SV	xã Ninh Tây	TX. Ninh Hòa	12° 27' 54"	108° 58' 01"					D-49-86-B-b
núi Mẹ Bồng Con*	SV	xã Ninh Tây	TX. Ninh Hòa	12° 40' 49"	108° 55' 01"					D-49-74-D-b
Suối Mít	TV	xã Ninh Tây	TX. Ninh Hòa			12° 28' 43"	108° 58' 02"	12° 29' 31"	108° 59' 38"	D-49-74-D-d
Chư Mư*	SV	xã Ninh Tây	TX. Ninh Hòa	12° 41' 09"	108° 55' 38"					D-49-74-D-b
Chư Pon	SV	xã Ninh Tây	TX. Ninh Hòa	12° 31' 47"	108° 54' 58"					D-49-74-D-d
Chư Ra*	SV	xã Ninh Tây	TX. Ninh Hòa	12° 36' 33"	108° 54' 47"					D-49-74-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Suối Sim	TV	xã Ninh Tây	TX. Ninh Hòa			12° 36' 44"	108° 58' 31"	12° 32' 39"	109° 00' 51"	D-49-75-C-c
thôn Sông Búng	DC	xã Ninh Tây	TX. Ninh Hòa	12° 31' 24"	108° 56' 37"					D-49-74-D-d
cầu Suối Chình	KX	xã Ninh Tây	TX. Ninh Hòa	12° 32' 54"	108° 55' 36"					D-49-74-D-d
thôn Suối Mít	DC	xã Ninh Tây	TX. Ninh Hòa	12° 32' 52"	108° 55' 44"					D-49-74-D-d
hồ Suối Sim	TV	xã Ninh Tây	TX. Ninh Hòa	12° 34' 38"	109° 01' 13"					D-49-75-C-c
Hòn Thị	SV	xã Ninh Tây	TX. Ninh Hòa	12° 34' 45"	109° 02' 05"					D-49-75-C-c
Nhà máy Thủy điện Ea Krông Ru	KX	xã Ninh Tây	TX. Ninh Hòa	12° 34' 40"	108° 57' 37"					D-49-74-D-d
thôn Xóm Mới	DC	xã Ninh Tây	TX. Ninh Hòa	12° 32' 30"	108° 57' 46"					D-49-74-D-d
thôn Chấp Lễ	DC	xã Ninh Thân	TX. Ninh Hòa	12° 31' 29"	109° 06' 40"					D-49-75-C-c
Suối Đá	TV	xã Ninh Thân	TX. Ninh Hòa			12° 41' 03"	108° 59' 10"	12° 33' 13"	109° 05' 24"	D-49-75-C-c
thôn Đại Mỹ	DC	xã Ninh Thân	TX. Ninh Hòa	12° 31' 31"	109° 05' 23"					D-49-75-C-c
thôn Đại Tập	DC	xã Ninh Thân	TX. Ninh Hòa	12° 31' 50"	109° 06' 06"					D-49-75-C-c
Núi Đèo	SV	xã Ninh Thân	TX. Ninh Hòa	12° 31' 45"	109° 03' 46"					D-49-75-C-c
vòng Kên Kên	SV	xã Ninh Thân	TX. Ninh Hòa	12° 32' 51"	109° 04' 26"					D-49-75-C-c
thôn Lỗ Bò	DC	xã Ninh Thân	TX. Ninh Hòa	12° 32' 51"	109° 05' 36"					D-49-75-C-c
thôn Mỹ Hoán	DC	xã Ninh Thân	TX. Ninh Hòa	12° 31' 21"	109° 06' 01"					D-49-75-C-c
chùa Mỹ Quang	KX	xã Ninh Thân	TX. Ninh Hòa	12° 31' 27"	109° 05' 50"					D-49-75-C-c
thôn Nhĩ Sự	DC	xã Ninh Thân	TX. Ninh Hòa	12° 30' 47"	109° 05' 44"					D-49-75-C-c
chùa Phước Lễ	KX	xã Ninh Thân	TX. Ninh Hòa	12° 31' 10"	109° 06' 34"					D-49-75-C-c
thôn Suối Mét	DC	xã Ninh Thân	TX. Ninh Hòa	12° 31' 13"	109° 04' 47"					D-49-75-C-c
sông Tân Lâm	TV	xã Ninh Thân	TX. Ninh Hòa			12° 33' 38"	109° 05' 14"	12° 30' 42"	109° 07' 19"	D-49-75-C-c
thôn Tân Phong	DC	xã Ninh Thân	TX. Ninh Hòa	12° 32' 17"	109° 05' 06"					D-49-75-C-c
quốc lộ 1A	KX	xã Ninh Thọ	TX. Ninh Hòa			12° 50' 42"	109° 23' 09"	11° 48' 39"	109° 06' 16"	D-49-75-C-d
quốc lộ 26B	KX	xã Ninh Thọ	TX. Ninh Hòa			12° 30' 52"	109° 09' 09"	12° 29' 23"	109° 16' 16"	D-49-75-C-d
đường tỉnh 651D	KX	xã Ninh Thọ	TX. Ninh Hòa			12° 42' 14"	109° 13' 31"	12° 32' 05"	109° 11' 05"	D-49-75-C-d
đường tỉnh 652	KX	xã Ninh Thọ	TX. Ninh Hòa			12° 34' 08"	109° 10' 05"	12° 34' 46"	109° 14' 05"	D-49-75-C-d
đường tỉnh 652B	KX	xã Ninh Thọ	TX. Ninh Hòa			12° 31' 04"	109° 09' 14"	12° 34' 44"	109° 13' 13"	D-49-75-C-d
đình Ấp Hạ	KX	xã Ninh Thọ	TX. Ninh Hòa	12° 33' 09"	109° 11' 04"					D-49-75-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Bình Sơn	DC	xã Ninh Thọ	TX. Ninh Hòa	12° 32' 07"	109° 11' 07"					D-49-75-C-d
thôn Chánh Thanh	DC	xã Ninh Thọ	TX. Ninh Hòa	12° 32' 00"	109° 10' 39"					D-49-75-C-d
Hòn Dài	SV	xã Ninh Thọ	TX. Ninh Hòa	12° 35' 13"	109° 11' 20"					D-49-75-C-d
sông Đá Hàn	TV	xã Ninh Thọ	TX. Ninh Hòa			12° 31' 21"	109° 10' 08"	12° 28' 25"	109° 09' 60"	D-49-75-C-d
Hòn Hèo	SV	xã Ninh Thọ	TX. Ninh Hòa	12° 29' 17"	109° 12' 26"					D-49-87-A-b
thôn Lạc An	DC	xã Ninh Thọ	TX. Ninh Hòa	12° 32' 49"	109° 09' 52"					D-49-75-C-d
cầu Lạc An	KX	xã Ninh Thọ	TX. Ninh Hòa	12° 32' 49"	109° 09' 45"					D-49-75-C-d
thôn Lạc Bình	DC	xã Ninh Thọ	TX. Ninh Hòa	12° 33' 10"	109° 11' 03"					D-49-75-C-d
thôn Lạc Ninh	DC	xã Ninh Thọ	TX. Ninh Hòa	12° 33' 49"	109° 10' 34"					D-49-75-C-d
Cầu Lớn	KX	xã Ninh Thọ	TX. Ninh Hòa	12° 31' 60"	109° 10' 26"					D-49-75-C-d
Hòn Một	SV	xã Ninh Thọ	TX. Ninh Hòa	12° 31' 44"	109° 11' 32"					D-49-75-C-d
thôn Ninh Điền	DC	xã Ninh Thọ	TX. Ninh Hòa	12° 32' 33"	109° 10' 38"					D-49-75-C-d
cầu Ninh Thọ	KX	xã Ninh Thọ	TX. Ninh Hòa	12° 30' 51"	109° 10' 53"					D-49-75-C-d
chùa Pháp Hải	KX	xã Ninh Thọ	TX. Ninh Hòa	12° 33' 22"	109° 10' 35"					D-49-75-C-d
chùa Phật Bửu	KX	xã Ninh Thọ	TX. Ninh Hòa	12° 33' 35"	109° 11' 22"					D-49-75-C-d
chùa Phước Khánh	KX	xã Ninh Thọ	TX. Ninh Hòa	12° 31' 58"	109° 10' 53"					D-49-75-C-d
Suối Trắc	TV	xã Ninh Thọ	TX. Ninh Hòa			12° 31' 01"	109° 11' 50"	12° 32' 17"	109° 12' 25"	D-49-75-C-d
thôn Xuân Mỹ	DC	xã Ninh Thọ	TX. Ninh Hòa	12° 33' 53"	109° 11' 32"					D-49-75-C-d
đình Xuân Mỹ	KX	xã Ninh Thọ	TX. Ninh Hòa	12° 33' 31"	109° 11' 34"					D-49-75-C-d
thôn Xuân Phong	DC	xã Ninh Thọ	TX. Ninh Hòa	12° 34' 27"	109° 10' 32"					D-49-75-C-d
Thôn 1	DC	xã Ninh Thượng	TX. Ninh Hòa	12° 35' 08"	109° 02' 53"					D-49-75-C-c
Thôn 3	DC	xã Ninh Thượng	TX. Ninh Hòa	12° 35' 50"	109° 02' 52"					D-49-75-C-c
đường tỉnh 651G	KX	xã Ninh Thượng	TX. Ninh Hòa			12° 36' 12"	109° 10' 35"	12° 31' 20"	109° 02' 06"	D-49-75-C-c
kênh Chính Tây	TV	xã Ninh Thượng	TX. Ninh Hòa			12° 37' 51"	109° 06' 32"	12° 33' 38"	109° 05' 14"	D-49-75-C-c
dải Da Da	SV	xã Ninh Thượng	TX. Ninh Hòa	12° 41' 04"	109° 00' 45"					D-49-75-C-a
Suối Đá	TV	xã Ninh Thượng	TX. Ninh Hòa			12° 41' 03"	108° 59' 10"	12° 33' 13"	109° 05' 24"	D-49-74-D-b; D-49-75-C-a; D-49-75-C-c
thôn Đồng Thân	DC	xã Ninh Thượng	TX. Ninh Hòa	12° 33' 58"	109° 04' 05"					D-49-75-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Đồng Xuân	DC	xã Ninh Thượng	TX. Ninh Hòa	12° 33' 34"	109° 04' 13"					D-49-75-C-c
núi Hòn Chát	SV	xã Ninh Thượng	TX. Ninh Hòa	12° 40' 39"	109° 02' 06"					D-49-75-C-a
núi Hòn Vồ	SV	xã Ninh Thượng	TX. Ninh Hòa	12° 34' 54"	109° 04' 32"					D-49-75-C-c
vòng Kên Kên	SV	xã Ninh Thượng	TX. Ninh Hòa	12° 32' 51"	109° 04' 26"					D-49-75-C-c
cầu Suối Đá	KX	xã Ninh Thượng	TX. Ninh Hòa	12° 35' 24"	109° 02' 53"					D-49-75-C-c
thôn Tân Hiệp	DC	xã Ninh Thượng	TX. Ninh Hòa	12° 33' 45"	109° 03' 20"					D-49-75-C-c
thôn Tân Lâm	DC	xã Ninh Thượng	TX. Ninh Hòa	12° 33' 53"	109° 04' 37"					D-49-75-C-c
núi Tân Lâm	SV	xã Ninh Thượng	TX. Ninh Hòa	12° 35' 45"	109° 04' 36"					D-49-75-C-c
thôn Tân Tứ	DC	xã Ninh Thượng	TX. Ninh Hòa	12° 34' 26"	109° 03' 29"					D-49-75-C-c
Hòn Thị	SV	xã Ninh Thượng	TX. Ninh Hòa	12° 34' 45"	109° 02' 05"					D-49-75-C-c
Hòn Tre	SV	xã Ninh Thượng	TX. Ninh Hòa	12° 33' 55"	109° 02' 21"					D-49-75-C-c
núi Vòng Cóc	SV	xã Ninh Thượng	TX. Ninh Hòa	12° 34' 19"	109° 06' 08"					D-49-75-C-c
hòn Vọng Miễu	SV	xã Ninh Thượng	TX. Ninh Hòa	12° 34' 04"	109° 05' 22"					D-49-75-C-c
kênh Chính Tây	TV	xã Ninh Trung	TX. Ninh Hòa			12° 37' 51"	109° 06' 32"	12° 33' 38"	109° 05' 14"	D-49-75-C-c
Suối Đá	TV	xã Ninh Trung	TX. Ninh Hòa			12° 41' 03"	108° 59' 10"	12° 33' 13"	109° 05' 24"	D-49-75-C-c
mương Đá Bàn	TV	xã Ninh Trung	TX. Ninh Hòa			12° 33' 31"	109° 05' 15"	12° 33' 15"	109° 06' 21"	D-49-75-C-c
sông Đá Bàn	TV	xã Ninh Trung	TX. Ninh Hòa			12° 43' 19"	109° 01' 22"	12° 34' 28"	109° 07' 05"	D-49-75-C-c
chùa Linh Sơn	KX	xã Ninh Trung	TX. Ninh Hòa	12° 33' 19"	109° 07' 21"					D-49-75-C-c
Sông Lốp	TV	xã Ninh Trung	TX. Ninh Hòa			12° 34' 28"	109° 07' 05"	12° 30' 04"	109° 07' 24"	D-49-75-C-c; D-49-75-C-d
thôn Mông Phú	DC	xã Ninh Trung	TX. Ninh Hòa	12° 32' 15"	109° 06' 18"					D-49-75-C-c
thôn Phú Sơn	DC	xã Ninh Trung	TX. Ninh Hòa	12° 33' 21"	109° 07' 07"					D-49-75-C-c
thôn Phú Văn	DC	xã Ninh Trung	TX. Ninh Hòa	12° 32' 17"	109° 07' 38"					D-49-75-C-d
thôn Quảng Cư	DC	xã Ninh Trung	TX. Ninh Hòa	12° 32' 40"	109° 05' 54"					D-49-75-C-c
cầu Sông Lốp	KX	xã Ninh Trung	TX. Ninh Hòa	12° 31' 37"	109° 07' 42"					D-49-75-C-d
sông Tân Lâm	TV	xã Ninh Trung	TX. Ninh Hòa			12° 33' 38"	109° 05' 14"	12° 30' 42"	109° 07' 19"	D-49-75-C-c
thôn Tân Ninh	DC	xã Ninh Trung	TX. Ninh Hòa	12° 33' 22"	109° 06' 46"					D-49-75-C-c
thôn Thạch Định	DC	xã Ninh Trung	TX. Ninh Hòa	12° 32' 40"	109° 07' 13"					D-49-75-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Vĩnh Thạnh	DC	xã Ninh Trung	TX. Ninh Hòa	12° 32' 47"	109° 06' 17"					D-49-75-C-c
núi Vòng Cóc	SV	xã Ninh Trung	TX. Ninh Hòa	12° 34' 19"	109° 06' 08"					D-49-75-C-c
hòn Vọng Miễu	SV	xã Ninh Trung	TX. Ninh Hòa	12° 34' 04"	109° 05' 22"					D-49-75-C-c
đường tỉnh 652D	KX	xã Ninh Vân	TX. Ninh Hòa			12° 32' 21"	109° 12' 53"	12° 23' 20"	109° 18' 58"	D-49-87-B-a
hòn Bờ Nam	SV	xã Ninh Vân	TX. Ninh Hòa	12° 23' 17"	109° 18' 17"					D-49-87-B-a
bãi Cây Bàng	TV	xã Ninh Vân	TX. Ninh Hòa	12° 23' 22"	109° 18' 38"					D-49-87-B-a
bãi Chướng	TV	xã Ninh Vân	TX. Ninh Hòa	12° 23' 18"	109° 19' 41"					D-49-87-B-a
Hòn Cỏ	SV	xã Ninh Vân	TX. Ninh Hòa	12° 24' 31"	109° 18' 38"					D-49-87-B-a
Hòn Đăng	SV	xã Ninh Vân	TX. Ninh Hòa	12° 22' 54"	109° 19' 17"					D-49-87-B-a
Thôn Đông	DC	xã Ninh Vân	TX. Ninh Hòa	12° 23' 13"	109° 19' 02"					D-49-87-B-a
Hòn Hèo	SV	xã Ninh Vân	TX. Ninh Hòa	12° 29' 17"	109° 12' 26"					D-49-87-A-b
Bãi Lớn	TV	xã Ninh Vân	TX. Ninh Hòa	12° 21' 33"	109° 16' 30"					D-49-87-B-c+d
Hòn Một	SV	xã Ninh Vân	TX. Ninh Hòa	12° 23' 12"	109° 18' 50"					D-49-87-B-a
núi Mũi Bà Dú	SV	xã Ninh Vân	TX. Ninh Hòa	12° 22' 32"	109° 16' 52"					D-49-87-B-a
Hòn Nhọn	SV	xã Ninh Vân	TX. Ninh Hòa	12° 24' 10"	109° 19' 09"					D-49-87-B-a
Bãi Rạng	TV	xã Ninh Vân	TX. Ninh Hòa	12° 25' 03"	109° 18' 26"					D-49-87-B-a
hòn Răng Cưa	SV	xã Ninh Vân	TX. Ninh Hòa	12° 24' 30"	109° 17' 34"					D-49-87-B-a
Suối Sậy	TV	xã Ninh Vân	TX. Ninh Hòa			12° 23' 32"	109° 16' 42"	12° 22' 36"	109° 15' 48"	D-49-87-B-a
Thôn Tây	DC	xã Ninh Vân	TX. Ninh Hòa	12° 23' 18"	109° 18' 51"					D-49-87-B-a
Suối Túc	TV	xã Ninh Vân	TX. Ninh Hòa			12° 24' 28"	109° 14' 55"	12° 24' 12"	109° 14' 30"	D-49-87-A-b
quốc lộ 26	KX	xã Ninh Xuân	TX. Ninh Hòa			12° 28' 34"	109° 07' 33"	12° 33' 24"	108° 53' 31"	D-49-75-C-c
đường tỉnh 651G	KX	xã Ninh Xuân	TX. Ninh Hòa			12° 36' 12"	109° 10' 35"	12° 31' 20"	109° 02' 06"	D-49-75-C-c
đường tỉnh 652G	KX	xã Ninh Xuân	TX. Ninh Hòa			12° 27' 01"	109° 06' 60"	12° 32' 17"	108° 57' 21"	D-49-86-B-b; D-49-87-A-a
đường tỉnh 652H	KX	xã Ninh Xuân	TX. Ninh Hòa			12° 30' 59"	109° 02' 37"	12° 16' 17"	109° 06' 31"	D-49-86-B-b; D-49-87-A-a; D-49-75-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
suối Bà Cường	TV	xã Ninh Xuân	TX. Ninh Hòa			12° 28' 14"	108° 56' 25"	12° 29' 56"	109° 01' 14"	D-49-74-D-d; D-49-87-A-a; D-49-75-C-c
sông Cái Ninh Hòa	TV	xã Ninh Xuân	TX. Ninh Hòa			12° 34' 20"	108° 57' 41"	12° 30' 04"	109° 07' 24"	D-49-75-C-c; D-49-87-A-a
Công ty cổ phần đường Ninh Hòa	KX	xã Ninh Xuân	TX. Ninh Hòa	12° 30' 32"	109° 03' 46"					D-49-75-C-c
Núi Đèo	SV	xã Ninh Xuân	TX. Ninh Hòa	12° 31' 45"	109° 03' 46"					D-49-75-C-c
Cầu Đỏ	KX	xã Ninh Xuân	TX. Ninh Hòa	12° 30' 53"	109° 02' 30"					D-49-75-C-c
chùa Huệ Lâm	KX	xã Ninh Xuân	TX. Ninh Hòa	12° 31' 27"	109° 02' 02"					D-49-75-C-c
Cầu Khẩu	KX	xã Ninh Xuân	TX. Ninh Hòa	12° 31' 10"	109° 02' 29"					D-49-75-C-c
Hòn Một	SV	xã Ninh Xuân	TX. Ninh Hòa	12° 33' 19"	109° 01' 47"					D-49-75-C-c
Hòn Ngang	SV	xã Ninh Xuân	TX. Ninh Hòa	12° 29' 09"	109° 01' 47"					D-49-87-A-a
thôn Ngũ Mỹ	DC	xã Ninh Xuân	TX. Ninh Hòa	12° 29' 45"	109° 04' 39"					D-49-87-A-a
Hòn Ông	SV	xã Ninh Xuân	TX. Ninh Hòa	12° 27' 15"	109° 00' 38"					D-49-87-A-a
thôn Phước Lâm	DC	xã Ninh Xuân	TX. Ninh Hòa	12° 30' 43"	109° 03' 56"					D-49-75-C-c
hồ Suối Trầu	TV	xã Ninh Xuân	TX. Ninh Hòa	12° 30' 02"	109° 01' 58"					D-49-75-C-c; D-49-87-A-a
thôn Tân Mỹ	DC	xã Ninh Xuân	TX. Ninh Hòa	12° 31' 45"	109° 01' 60"					D-49-75-C-c
thôn Tân Phong	DC	xã Ninh Xuân	TX. Ninh Hòa	12° 32' 31"	109° 03' 04"					D-49-75-C-c
thôn Tân Sơn	DC	xã Ninh Xuân	TX. Ninh Hòa	12° 30' 12"	109° 00' 36"					D-49-75-C-c
Hòn Tre	SV	xã Ninh Xuân	TX. Ninh Hòa	12° 33' 55"	109° 02' 21"					D-49-75-C-c
thôn Vân Thạch	DC	xã Ninh Xuân	TX. Ninh Hòa	12° 30' 12"	109° 04' 58"					D-49-75-C-c
Công ty cổ phần Xây dựng Thương mại và Sản xuất Hòa Khánh	KX	xã Ninh Xuân	TX. Ninh Hòa	12° 30' 58"	109° 02' 02"					D-49-75-C-c
quốc lộ 1A	KX	TT. Cam Đức	H. Cam Lâm			12° 50' 42"	109° 23' 09"	11° 48' 39"	109° 06' 16"	D-49-87-C-d
đường tỉnh 655B	KX	TT. Cam Đức	H. Cam Lâm			12° 05' 07"	109° 11' 10"	12° 04' 29"	109° 09' 19"	D-49-87-C-d
tổ dân phố Bãi Giếng 1	DC	TT. Cam Đức	H. Cam Lâm	12° 04' 18"	109° 09' 15"					D-49-87-C-d
tổ dân phố Bãi Giếng 2	DC	TT. Cam Đức	H. Cam Lâm	12° 03' 54"	109° 09' 05"					D-49-87-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
tổ dân phố Bãi Giếng 3	DC	TT. Cam Đức	H. Cam Lâm	12° 04' 05"	109° 09' 29"					D-49-87-C-d
tổ dân phố Bãi Giếng 4	DC	TT. Cam Đức	H. Cam Lâm	12° 03' 55"	109° 09' 29"					D-49-87-C-d
tổ dân phố Bãi Giếng Bắc	DC	TT. Cam Đức	H. Cam Lâm	12° 04' 29"	109° 09' 30"					D-49-87-C-d
tổ dân phố Bãi Giếng Nam	DC	TT. Cam Đức	H. Cam Lâm	12° 03' 21"	109° 09' 39"					D-49-87-C-d
tổ dân phố Bãi Giếng Trung	DC	TT. Cam Đức	H. Cam Lâm	12° 03' 42"	109° 09' 37"					D-49-87-C-d
cầu Cam Hải	KX	TT. Cam Đức	H. Cam Lâm	12° 04' 49"	109° 10' 35"					D-49-87-C-d
nhà thờ Hòa Yên	KX	TT. Cam Đức	H. Cam Lâm	12° 03' 30"	109° 09' 03"					D-49-87-C-d
tổ dân phố Nghĩa Bắc	DC	TT. Cam Đức	H. Cam Lâm	12° 03' 20"	109° 09' 17"					D-49-87-C-d
tổ dân phố Nghĩa Đông	DC	TT. Cam Đức	H. Cam Lâm	12° 03' 09"	109° 09' 21"					D-49-87-C-d
tổ dân phố Nghĩa Nam	DC	TT. Cam Đức	H. Cam Lâm	12° 03' 05"	109° 09' 02"					D-49-87-C-d
tổ dân phố Nghĩa Trung	DC	TT. Cam Đức	H. Cam Lâm	12° 03' 15"	109° 09' 05"					D-49-87-C-d
tổ dân phố Tân Hải	DC	TT. Cam Đức	H. Cam Lâm	12° 04' 18"	109° 09' 47"					D-49-87-C-d
tổ dân phố Tân Hòa 1	DC	TT. Cam Đức	H. Cam Lâm	12° 03' 34"	109° 09' 24"					D-49-87-C-d
tổ dân phố Tân Hòa 2	DC	TT. Cam Đức	H. Cam Lâm	12° 03' 34"	109° 09' 13"					D-49-87-C-d
đầm Thủy Triều	TV	TT. Cam Đức	H. Cam Lâm	12° 02' 18"	109° 11' 30"					D-49-87-C-d
chùa Từ Lâm	KX	TT. Cam Đức	H. Cam Lâm	12° 04' 10"	109° 09' 24"					D-49-87-C-d
tổ dân phố Yên Hòa 1	DC	TT. Cam Đức	H. Cam Lâm	12° 03' 25"	109° 09' 27"					D-49-87-C-d
tổ dân phố Yên Hòa 2	DC	TT. Cam Đức	H. Cam Lâm	12° 03' 24"	109° 09' 14"					D-49-87-C-d
Suối Cát	TV	xã Cam An Bắc	H. Cam Lâm			12° 01' 51"	109° 05' 29"	12° 00' 49"	109° 10' 11"	D-49-87-C-c; D-49-87-C-d
thôn Cửa Tùng	DC	xã Cam An Bắc	H. Cam Lâm	12° 01' 15"	109° 06' 47"					D-49-87-C-c
thôn Hiền Lương	DC	xã Cam An Bắc	H. Cam Lâm	12° 00' 52"	109° 06' 47"					D-49-87-C-c
núi Hòn Khô	SV	xã Cam An Bắc	H. Cam Lâm	11° 59' 28"	109° 05' 56"					C-49-3-A-a
núi Hòn Ngang	SV	xã Cam An Bắc	H. Cam Lâm	11° 59' 40"	109° 04' 19"					C-49-3-A-a
đường Lập Định - Suối Môn	KX	xã Cam An Bắc	H. Cam Lâm			11° 57' 32"	109° 06' 07"	12° 06' 52"	109° 07' 21"	D-49-87-C-c
suối Ông Bố	TV	xã Cam An Bắc	H. Cam Lâm			12° 01' 26"	109° 04' 36"	12° 01' 38"	109° 06' 48"	D-49-87-C-c
suối Ông Diệm	TV	xã Cam An Bắc	H. Cam Lâm			12° 00' 19"	109° 06' 13"	12° 00' 21"	109° 07' 18"	D-49-87-C-c; D-49-87-C-d; C-49-3-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
núi Tà Lua	SV	xã Cam An Bắc	H. Cam Lâm	12° 01' 29"	109° 03' 46"					D-49-87-C-c
suối Tà Lua	TV	xã Cam An Bắc	H. Cam Lâm			12° 01' 15"	109° 04' 20"	11° 58' 38"	109° 04' 33"	D-49-87-C-c; C-49-3-A-a
thôn Tân An	DC	xã Cam An Bắc	H. Cam Lâm	12° 00' 44"	109° 05' 05"					D-49-87-C-c
thôn Thủy Ba	DC	xã Cam An Bắc	H. Cam Lâm	12° 00' 52"	109° 06' 19"					D-49-87-C-c
thôn Triệu Hải	DC	xã Cam An Bắc	H. Cam Lâm	12° 01' 17"	109° 06' 17"					D-49-87-C-c
cầu Triệu Hải	KX	xã Cam An Bắc	H. Cam Lâm	12° 01' 13"	109° 06' 27"					D-49-87-C-d
giáo xứ Vĩnh An	KX	xã Cam An Bắc	H. Cam Lâm	12° 01' 20"	109° 06' 31"					D-49-87-C-c
nhà thờ Vĩnh Bình	KX	xã Cam An Bắc	H. Cam Lâm	12° 00' 50"	109° 06' 31"					D-49-87-C-c
núi Hòn Khô	SV	xã Cam An Nam	H. Cam Lâm	11° 59' 28"	109° 05' 56"					C-49-3-A-a
núi Hòn Rồng	SV	xã Cam An Nam	H. Cam Lâm	11° 57' 28"	109° 07' 34"					C-49-3-A-b
đường Lập Định - Suối Môn	KX	xã Cam An Nam	H. Cam Lâm			11° 57' 32"	109° 06' 07"	12° 06' 52"	109° 07' 21"	D-49-87-C-c
đường Mỹ Ca - Vĩnh Cẩm	KX	xã Cam An Nam	H. Cam Lâm			11° 59' 22"	109° 11' 25"	11° 59' 31"	109° 07' 19"	C-49-3-A-a; C-49-3-A-b
suối Ông Diệm	TV	xã Cam An Nam	H. Cam Lâm			12° 00' 19"	109° 06' 13"	12° 00' 21"	109° 07' 18"	D-49-87-C-c; D-49-87-C-d; C-49-3-A-b
Suối Tre	TV	xã Cam An Nam	H. Cam Lâm			12° 00' 21"	109° 07' 18"	12° 00' 39"	109° 09' 02"	D-49-87-C-c; D-49-87-C-d; C-49-3-A-b
thôn Vĩnh Đông	DC	xã Cam An Nam	H. Cam Lâm	11° 59' 28"	109° 07' 43"					C-49-3-A-b
thôn Vĩnh Nam	DC	xã Cam An Nam	H. Cam Lâm	11° 58' 44"	109° 06' 54"					D-49-3-A-a
thôn Vĩnh Trung	DC	xã Cam An Nam	H. Cam Lâm	11° 59' 32"	109° 07' 13"					D-49-3-A-a
đường tỉnh 655B	KX	xã Cam Hải Đông	H. Cam Lâm			12° 05' 07"	109° 11' 10"	12° 04' 29"	109° 09' 19"	D-49-87-C-d
cầu Cam Hải	KX	xã Cam Hải Đông	H. Cam Lâm	12° 04' 49"	109° 10' 35"					D-49-87-C-d
thôn Cù Hin	DC	xã Cam Hải Đông	H. Cam Lâm	12° 06' 59"	109° 11' 14"					D-49-87-C-d
núi Cù Hin	SV	xã Cam Hải Đông	H. Cam Lâm	12° 08' 52"	109° 10' 41"					D-49-87-C-b
Bãi Dài	TV	xã Cam Hải Đông	H. Cam Lâm	12° 06' 52"	109° 11' 47"					D-49-87-C-d
núi Hòn Dồ	SV	xã Cam Hải Đông	H. Cam Lâm	12° 08' 45"	109° 11' 44"					D-49-87-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
núi Hòn Trọc	SV	xã Cam Hải Đông	H. Cam Lâm	12° 08' 32"	109° 11' 19"					D-49-87-C-b
đại lộ Nguyễn Tất Thành	KX	xã Cam Hải Đông	H. Cam Lâm			12° 12' 53"	109° 11' 27"	11° 58' 50"	109° 12' 39"	D-49-87-C-b; D-49-87-C-d
Bãi Rạng	TV	xã Cam Hải Đông	H. Cam Lâm	12° 08' 09"	109° 12' 47"					D-49-87-C-b
thôn Thủy Triều	DC	xã Cam Hải Đông	H. Cam Lâm	12° 05' 34"	109° 10' 38"					D-49-87-C-d
đầm Thủy Triều	TV	xã Cam Hải Đông	H. Cam Lâm	12° 02' 18"	109° 11' 30"					D-49-87-C-d
quốc lộ 1A	KX	xã Cam Hải Tây	H. Cam Lâm			12° 50' 42"	109° 23' 09"	11° 48' 39"	109° 06' 16"	D-49-87-C-d
đường tỉnh 655B	KX	xã Cam Hải Tây	H. Cam Lâm			12° 05' 07"	109° 11' 10"	12° 04' 29"	109° 09' 19"	D-49-87-C-d
thôn Bắc Vĩnh	DC	xã Cam Hải Tây	H. Cam Lâm	12° 05' 54"	109° 09' 06"					D-49-87-C-d
nhà thờ Bắc Vĩnh	KX	xã Cam Hải Tây	H. Cam Lâm	12° 06' 12"	109° 09' 05"					D-49-87-C-d
thôn Bãi Giếng 2	DC	xã Cam Hải Tây	H. Cam Lâm	12° 04' 43"	109° 09' 15"					D-49-87-C-d
cầu Bãi Giếng 2	KX	xã Cam Hải Tây	H. Cam Lâm	12° 05' 12"	109° 09' 08"					D-49-87-C-d
cầu Cam Hải	KX	xã Cam Hải Tây	H. Cam Lâm	12° 04' 49"	109° 10' 35"					D-49-87-C-d
bàu Đá Dựng	TV	xã Cam Hải Tây	H. Cam Lâm	12° 04' 36"	109° 07' 35"					D-49-87-C-d
núi Hòn Thẻ	SV	xã Cam Hải Tây	H. Cam Lâm	12° 05' 17"	109° 07' 49"					D-49-87-C-d
thôn Tân Hải	DC	xã Cam Hải Tây	H. Cam Lâm	12° 05' 10"	109° 10' 01"					D-49-87-C-d
đầm Thủy Triều	TV	xã Cam Hải Tây	H. Cam Lâm	12° 02' 18"	109° 11' 30"					D-49-87-C-d
suối Cầu 1	TV	xã Cam Hiệp Bắc	H. Cam Lâm			12° 04' 16"	109° 06' 08"	12° 04' 53"	109° 06' 43"	D-49-87-C-c
suối Cầu 2	TV	xã Cam Hiệp Bắc	H. Cam Lâm			12° 03' 43"	109° 05' 13"	12° 05' 38"	109° 07' 13"	D-49-87-C-c
suối Cầu 3	TV	xã Cam Hiệp Bắc	H. Cam Lâm			12° 03' 08"	109° 07' 26"	12° 03' 17"	109° 06' 53"	D-49-87-C-c
Núi Chuối	SV	xã Cam Hiệp Bắc	H. Cam Lâm	12° 04' 34"	109° 05' 33"					D-49-87-C-c
bàu Đá Dựng	TV	xã Cam Hiệp Bắc	H. Cam Lâm	12° 04' 36"	109° 07' 35"					D-49-87-C-d
núi Đa Ma	SV	xã Cam Hiệp Bắc	H. Cam Lâm	12° 03' 31"	109° 04' 38"					D-49-87-C-c
đường Lập Định - Suối Môn	KX	xã Cam Hiệp Bắc	H. Cam Lâm			11° 57' 32"	109° 06' 07"	12° 06' 52"	109° 07' 21"	D-49-87-C-c
Hòn Nhọn	SV	xã Cam Hiệp Bắc	H. Cam Lâm	12° 04' 41"	109° 05' 57"					D-49-87-C-c
đầm Thủy Triều	TV	xã Cam Hiệp Bắc	H. Cam Lâm	12° 02' 18"	109° 11' 30"					D-49-87-C-c
thôn Trung Hiệp 1	DC	xã Cam Hiệp Bắc	H. Cam Lâm	12° 04' 13"	109° 07' 16"					D-49-87-C-c
thôn Trung Hiệp 2	DC	xã Cam Hiệp Bắc	H. Cam Lâm	12° 03' 55"	109° 07' 20"					D-49-87-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Suối Cát	TV	xã Cam Hiệp Nam	H. Cam Lâm			12° 01' 51"	109° 05' 29"	12° 00' 49"	109° 10' 11"	D-49-87-C-c; D-49-87-C-d
suối Cầu 3	TV	xã Cam Hiệp Nam	H. Cam Lâm			12° 03' 08"	109° 07' 26"	12° 03' 17"	109° 06' 53"	D-49-87-C-c
núi Đa Ma	SV	xã Cam Hiệp Nam	H. Cam Lâm	12° 03' 31"	109° 04' 38"					D-49-87-C-c
đường Lập Định - Suối Môn	KX	xã Cam Hiệp Nam	H. Cam Lâm			11° 57' 32"	109° 06' 07"	12° 06' 52"	109° 07' 21"	D-49-87-C-c; D-49-87-C-d
suối Ông Bố	TV	xã Cam Hiệp Nam	H. Cam Lâm			12° 01' 26"	109° 04' 36"	12° 01' 38"	109° 06' 48"	D-49-87-C-c
thôn Quảng Đức	DC	xã Cam Hiệp Nam	H. Cam Lâm	12° 02' 22"	109° 07' 34"					D-49-87-C-d
thôn Suối Cát	DC	xã Cam Hiệp Nam	H. Cam Lâm	12° 01' 41"	109° 07' 25"					D-49-87-C-c
ga Suối Cát	KX	xã Cam Hiệp Nam	H. Cam Lâm	12° 01' 42"	109° 07' 20"					D-49-87-C-c
thôn Vĩnh Thái	DC	xã Cam Hiệp Nam	H. Cam Lâm	12° 01' 10"	109° 07' 34"					D-49-87-C-d
quốc lộ 1A	KX	xã Cam Hòa	H. Cam Lâm			12° 50' 42"	109° 23' 09"	11° 48' 39"	109° 06' 16"	D-49-87-C-c; D-49-87-C-d
đường tỉnh 653C	KX	xã Cam Hòa	H. Cam Lâm			12° 17' 42"	109° 00' 22"	12° 06' 19"	109° 06' 22"	D49-87-C-c
suối Bà Cử	TV	xã Cam Hòa	H. Cam Lâm			12° 04' 45"	109° 07' 32"	12° 06' 47"	109° 07' 41"	D-49-87-C-c; D-49-87-C-d
cầu Bà Triên	KX	xã Cam Hòa	H. Cam Lâm	12° 06' 55"	109° 07' 15"					D-49-87-C-c
đập Cam Ranh	KX	xã Cam Hòa	H. Cam Lâm	12° 05' 58"	109° 05' 40"					D-49-87-C-c
suối Cầu 2	TV	xã Cam Hòa	H. Cam Lâm			12° 03' 43"	109° 05' 13"	12° 05' 38"	109° 07' 13"	D-49-87-C-c
Bến Cọp	KX	xã Cam Hòa	H. Cam Lâm	12° 06' 52"	109° 09' 33"					D-49-87-C-d
cầu Cửu Lợi	KX	xã Cam Hòa	H. Cam Lâm	12° 06' 43"	109° 07' 38"					D-49-87-C-d
thôn Cửu Lợi 1	DC	xã Cam Hòa	H. Cam Lâm	12° 06' 29"	109° 07' 44"					D-49-87-C-d
thôn Cửu Lợi 2	DC	xã Cam Hòa	H. Cam Lâm	12° 06' 33"	109° 08' 02"					D-49-87-C-d
thôn Cửu Lợi 3	DC	xã Cam Hòa	H. Cam Lâm	12° 06' 39"	109° 07' 58"					D-49-87-C-d
núi Đá Riêu	SV	xã Cam Hòa	H. Cam Lâm	12° 08' 59"	109° 08' 10"					D-49-87-C-b
suối Đàng Lối	TV	xã Cam Hòa	H. Cam Lâm			12° 07' 27"	109° 08' 13"	12° 06' 57"	109° 09' 33"	D-49-87-C-d
Suối Gỗ	TV	xã Cam Hòa	H. Cam Lâm			12° 08' 50"	109° 06' 17"	12° 07' 02"	109° 08' 46"	D-49-87-C-c; D-49-87-C-d
nhà thờ Hòa Tân	KX	xã Cam Hòa	H. Cam Lâm	12° 06' 35"	109° 07' 45"					D-49-87-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
núi Hòn Thẻ	SV	xã Cam Hòa	H. Cam Lâm	12° 05' 17"	109° 07' 49"					D-49-87-C-d
đường Lập Định - Suối Môn	KX	xã Cam Hòa	H. Cam Lâm			11° 57' 32"	109° 06' 07"	12° 06' 52"	109° 07' 21"	D-49-87-C-c
thôn Lập Định 1	DC	xã Cam Hòa	H. Cam Lâm	12° 06' 43"	109° 07' 01"					D-49-87-C-c
thôn Lập Định 2	DC	xã Cam Hòa	H. Cam Lâm	12° 06' 06"	109° 06' 17"					D-49-87-C-c
thôn Lập Định 3	DC	xã Cam Hòa	H. Cam Lâm	12° 06' 04"	109° 06' 34"					D-49-87-C-c
chùa Long Định	KX	xã Cam Hòa	H. Cam Lâm	12° 06' 36"	109° 06' 50"					D-49-87-C-c
Hòn Nhọn	SV	xã Cam Hòa	H. Cam Lâm	12° 08' 37"	109° 07' 12"					D-49-87-C-a
núi Ông Cộ	SV	xã Cam Hòa	H. Cam Lâm	12° 09' 03"	109° 09' 15"					D-49-87-C-b
chùa Pháp Vân	KX	xã Cam Hòa	H. Cam Lâm	12° 06' 34"	109° 08' 21"					D-49-87-C-d
cầu Sông Trường	KX	xã Cam Hòa	H. Cam Lâm	12° 06' 24"	109° 06' 10"					D-49-87-C-c
nhà thờ Tân Bình	KX	xã Cam Hòa	H. Cam Lâm	12° 06' 29"	109° 08' 35"					D-49-87-C-d
đầm Thủy Triều	TV	xã Cam Hòa	H. Cam Lâm	12° 02' 18"	109° 11' 30"					D-49-87-C-d
Sông Trường	TV	xã Cam Hòa	H. Cam Lâm			12° 05' 57"	109° 05' 38"	12° 07' 10"	109° 08' 54"	D-49-87-C-c; D-49-87-C-d
thôn Văn Tứ Đông	DC	xã Cam Hòa	H. Cam Lâm	12° 06' 31"	109° 08' 35"					D-49-87-C-d
thôn Văn Tứ Tây	DC	xã Cam Hòa	H. Cam Lâm	12° 06' 28"	109° 08' 24"					D49-87-C-c
Hòn Xanh	SV	xã Cam Hòa	H. Cam Lâm	12° 09' 23"	109° 09' 28"					D-49-87-C-b
đường tỉnh 656	KX	xã Cam Phước Tây	H. Cam Lâm			11° 54' 49"	109° 07' 54"	12° 02' 26"	108° 49' 02"	C-49-3-A-a
núi Ba Cụm	SV	xã Cam Phước Tây	H. Cam Lâm	12° 01' 59"	108° 59' 28"					D-49-86-D-d
cầu Đồng Lác 2	KX	xã Cam Phước Tây	H. Cam Lâm	11° 57' 56"	109° 05' 16"					C-49-3-A-a
núi Hòn Ngang	SV	xã Cam Phước Tây	H. Cam Lâm	11° 59' 40"	109° 04' 19"					C-49-3-A-a
đèo Khánh Sơn	KX	xã Cam Phước Tây	H. Cam Lâm	11° 58' 24"	109° 00' 14"					C-49-3-A-a
Suối Môn	TV	xã Cam Phước Tây	H. Cam Lâm			11° 58' 16"	109° 06' 14"	11° 57' 32"	109° 05' 34"	C-49-3-A-a
núi Nông Hội	SV	xã Cam Phước Tây	H. Cam Lâm	11° 57' 05"	109° 02' 13"					C-49-3-A-a
Chùa Nùng	KX	xã Cam Phước Tây	H. Cam Lâm	11° 57' 56"	109° 05' 22"					C-49-3-A-a
suối Tà Dục	TV	xã Cam Phước Tây	H. Cam Lâm			11° 58' 09"	109° 00' 37"	11° 57' 32"	109° 05' 34"	C-49-3-A-a
núi Tà Lua	SV	xã Cam Phước Tây	H. Cam Lâm	12° 01' 29"	109° 03' 46"					D-49-87-C-c
suối Tà Lua	TV	xã Cam Phước Tây	H. Cam Lâm			12° 01' 15"	109° 04' 20"	11° 58' 38"	109° 04' 33"	D-49-87-C-c; C-49-3-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
suối Tà Nĩa	TV	xã Cam Phước Tây	H. Cam Lâm			12° 02' 25"	109° 03' 07"	11° 59' 01"	109° 03' 44"	D-49-87-C-c; C-49-3-A-a
suối Tà Rục	TV	xã Cam Phước Tây	H. Cam Lâm			12° 02' 42"	109° 00' 52"	11° 59' 04"	109° 03' 44"	D-49-87-C-c
thôn Tân Lập	DC	xã Cam Phước Tây	H. Cam Lâm	11° 58' 35"	109° 04' 02"					D-49-3-A-a
Cầu Trắng	KX	xã Cam Phước Tây	H. Cam Lâm	11° 57' 48"	109° 05' 44"					C-49-3-A-a
thôn Văn Sơn	DC	xã Cam Phước Tây	H. Cam Lâm	11° 59' 16"	109° 03' 51"					D-49-3-A-a
thôn Văn Thủy 1	DC	xã Cam Phước Tây	H. Cam Lâm	11° 57' 47"	109° 05' 57"					D-49-3-A-a
thôn Văn Thủy 2	DC	xã Cam Phước Tây	H. Cam Lâm	11° 57' 04"	109° 04' 09"					D-49-3-A-a
quốc lộ 1A	KX	xã Cam Tân	H. Cam Lâm			12° 50' 42"	109° 23' 09"	11° 48' 39"	109° 06' 16"	D-49-87-C-a; D-49-87-C-c
đường tỉnh 653C	KX	xã Cam Tân	H. Cam Lâm			12° 17' 42"	109° 00' 22"	12° 06' 19"	109° 06' 22"	D-49-87-C-a; D-49-87-C-c
cầu Bà Gạo	KX	xã Cam Tân	H. Cam Lâm	12° 07' 10"	109° 06' 42"					D-49-87-C-c
cầu Bà Triên	KX	xã Cam Tân	H. Cam Lâm	12° 06' 55"	109° 07' 15"					D-49-87-C-c
đập Cam Ranh	KX	xã Cam Tân	H. Cam Lâm	12° 05' 58"	109° 05' 40"					D-49-87-C-c
hồ Cam Ranh	TV	xã Cam Tân	H. Cam Lâm	12° 05' 59"	109° 05' 09"					D-49-87-C-c
suối Cầu Năm	TV	xã Cam Tân	H. Cam Lâm			12° 07' 15"	109° 05' 21"	12° 07' 51"	109° 06' 08"	D-49-87-C-a; D-49-87-C-c
Suối Gỗ	TV	xã Cam Tân	H. Cam Lâm			12° 08' 50"	109° 06' 17"	12° 07' 02"	109° 08' 46"	D-49-87-C-a; D-49-87-C-c
ga Hòa Tân	KX	xã Cam Tân	H. Cam Lâm	12° 07' 23"	109° 05' 49"					D-49-87-C-c
núi Hòn Rắn	SV	xã Cam Tân	H. Cam Lâm	12° 07' 15"	109° 03' 52"					D-49-87-C-c
suối Lỗ Dài	TV	xã Cam Tân	H. Cam Lâm			12° 08' 49"	109° 04' 22"	12° 07' 22"	109° 08' 41"	D-49-87-C-a; D-49-87-C-b; D-49-87-C-c; D-49-87-C-d
Hòn Một	SV	xã Cam Tân	H. Cam Lâm	12° 06' 59"	109° 02' 59"					D-49-87-C-c
Hòn Nhọn	SV	xã Cam Tân	H. Cam Lâm	12° 08' 37"	109° 07' 12"					D-49-87-C-a
thôn Phú Bình 1	DC	xã Cam Tân	H. Cam Lâm	12° 07' 06"	109° 05' 49"					D-49-87-C-c
thôn Phú Bình 2	DC	xã Cam Tân	H. Cam Lâm	12° 07' 19"	109° 06' 09"					D-49-87-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
chùa Thiên Bình	KX	xã Cam Tân	H. Cam Lâm	12° 07' 22"	109° 06' 13"					D-49-87-C-c
Suối Thượng	TV	xã Cam Tân	H. Cam Lâm			12° 05' 19"	109° 02' 51"	12° 06' 09"	109° 04' 22"	D-49-87-C-c
Sông Trường	TV	xã Cam Tân	H. Cam Lâm			12° 05' 57"	109° 05' 38"	12° 07' 10"	109° 08' 54"	D-49-87-C-c; D-49-87-C-d
thôn Vĩnh Bình	DC	xã Cam Tân	H. Cam Lâm	12° 07' 07"	109° 06' 59"					D-49-87-C-c
thôn Xuân Lập	DC	xã Cam Tân	H. Cam Lâm	12° 06' 41"	109° 05' 21"					D-49-87-C-c
quốc lộ 1A	KX	xã Cam Thành Bắc	H. Cam Lâm			12° 50' 42"	109° 23' 09"	11° 48' 39"	109° 06' 16"	D-49-87-C-d
cầu Bắc Đồng Bà Thìn	KX	xã Cam Thành Bắc	H. Cam Lâm	12° 01' 54"	109° 10' 43"					D-49-87-C-d
Suối Cát	TV	xã Cam Thành Bắc	H. Cam Lâm			12° 01' 51"	109° 05' 29"	12° 00' 49"	109° 10' 11"	D-49-87-C-c; D-49-87-C-d
chùa Hòa Thành	KX	xã Cam Thành Bắc	H. Cam Lâm	12° 02' 46"	109° 09' 35"					D-49-87-C-d
thôn Lam Sơn	DC	xã Cam Thành Bắc	H. Cam Lâm	12° 01' 38"	109° 10' 56"					D-49-87-C-d
cầu Nam Đồng Bà Thìn	KX	xã Cam Thành Bắc	H. Cam Lâm	12° 01' 09"	109° 11' 28"					D-49-87-C-d
chùa Phật Mẫu	KX	xã Cam Thành Bắc	H. Cam Lâm	12° 02' 19"	109° 09' 38"					D-49-87-C-d
thôn Suối Cam	DC	xã Cam Thành Bắc	H. Cam Lâm	12° 02' 33"	109° 10' 06"					D-49-87-C-d
thánh thất Tân Hiệp	KX	xã Cam Thành Bắc	H. Cam Lâm	12° 02' 24"	109° 10' 16"					D-49-87-C-d
thôn Tân Lập	DC	xã Cam Thành Bắc	H. Cam Lâm	12° 02' 48"	109° 09' 28"					D-49-87-C-d
thôn Tân Phú	DC	xã Cam Thành Bắc	H. Cam Lâm	12° 02' 23"	109° 09' 50"					D-49-87-C-d
thôn Tân Quý	DC	xã Cam Thành Bắc	H. Cam Lâm	12° 02' 04"	109° 10' 32"					D-49-87-C-d
thôn Tân Sinh Đông	DC	xã Cam Thành Bắc	H. Cam Lâm	12° 01' 27"	109° 09' 34"					D-49-87-C-d
thôn Tân Sinh Tây	DC	xã Cam Thành Bắc	H. Cam Lâm	12° 01' 28"	109° 08' 35"					D-49-87-C-d
thôn Tân Thành	DC	xã Cam Thành Bắc	H. Cam Lâm	12° 03' 01"	109° 09' 48"					D-49-87-C-d
đầm Thủy Triều	TV	xã Cam Thành Bắc	H. Cam Lâm	12° 02' 18"	109° 11' 30"					D-49-87-C-d
Suối Tre	TV	xã Cam Thành Bắc	H. Cam Lâm			12° 00' 21"	109° 07' 18"	12° 01' 16"	109° 12' 03"	D-49-87-C-c; D-49-87-C-d; C-49-3-A-b
đập Cam Ranh	KX	xã Sơn Tân	H. Cam Lâm	12° 05' 58"	109° 05' 40"					D-49-87-C-c
hồ Cam Ranh	TV	xã Sơn Tân	H. Cam Lâm	12° 05' 59"	109° 05' 09"					D-49-87-C-c
Suối Chình	TV	xã Sơn Tân	H. Cam Lâm			12° 04' 05"	109° 01' 59"	12° 05' 19"	109° 02' 51"	D-49-87-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Núi Chuối	SV	xã Sơn Tân	H. Cam Lâm	12° 04' 34"	109° 05' 33"					D-49-87-C-c
Suối Cốc	TV	xã Sơn Tân	H. Cam Lâm			12° 03' 19"	109° 02' 53"	12° 05' 18"	109° 04' 38"	D-49-87-C-c
núi Đa Ma	SV	xã Sơn Tân	H. Cam Lâm	12° 03' 31"	109° 04' 38"					D-49-87-C-c
Suối Lách	TV	xã Sơn Tân	H. Cam Lâm			12° 04' 32"	109° 00' 59"	12° 05' 19"	109° 02' 51"	D-49-87-C-c
Hòn Nhọn	SV	xã Sơn Tân	H. Cam Lâm	12° 04' 41"	109° 05' 57"					D-49-87-C-c
Hòn Nhọn	SV	xã Sơn Tân	H. Cam Lâm	12° 03' 39"	109° 03' 08"					D-49-87-C-c
thôn Suối Cốc	DC	xã Sơn Tân	H. Cam Lâm	12° 05' 16"	109° 04' 20"					D-49-87-C-c
núi Tà Lua	SV	xã Sơn Tân	H. Cam Lâm	12° 01' 29"	109° 03' 46"					D-49-87-C-c
Suối Thượng	TV	xã Sơn Tân	H. Cam Lâm			12° 05' 19"	109° 02' 51"	12° 06' 09"	109° 04' 22"	D-49-87-C-c
thôn Va Ly	DC	xã Sơn Tân	H. Cam Lâm	12° 05' 24"	109° 04' 10"					D-49-87-C-c
quốc lộ 1A	KX	xã Suối Cát	H. Cam Lâm			12° 50' 42"	109° 23' 09"	11° 48' 39"	109° 06' 16"	D-49-87-C-a
đường tỉnh 653C	KX	xã Suối Cát	H. Cam Lâm			12° 17' 42"	109° 00' 22"	12° 06' 19"	109° 06' 22"	D-49-87-C-a
đường tỉnh 657K	KX	xã Suối Cát	H. Cam Lâm			12° 11' 24"	109° 10' 06"	12° 00' 26"	108° 54' 58"	D-49-86-D-b; D-49-86-D-d; D-49-87-C-a
Hòn Bà	SV	xã Suối Cát	H. Cam Lâm	12° 06' 38"	108° 56' 23"					D-49-86-D-d
Suối Cá	TV	xã Suối Cát	H. Cam Lâm			12° 07' 12"	108° 58' 34"	12° 06' 44"	108° 59' 39"	D-49-86-D-d
Hòn Cậu	SV	xã Suối Cát	H. Cam Lâm	12° 11' 04"	109° 05' 24"					D-49-87-C-a
Hòn Cô	SV	xã Suối Cát	H. Cam Lâm	12° 10' 53"	109° 04' 34"					D-49-87-C-a
Suối Đá	TV	xã Suối Cát	H. Cam Lâm			12° 12' 02"	109° 06' 21"	12° 12' 28"	109° 04' 03"	D-49-87-C-a
núi Đá Bạc	SV	xã Suối Cát	H. Cam Lâm	12° 10' 20"	109° 01' 58"					D-49-87-C-a
suối Đồng Bò	TV	xã Suối Cát	H. Cam Lâm			12° 10' 37"	109° 05' 50"	12° 11' 20"	109° 07' 16"	D-49-87-C-a
núi Hòn Xuân	SV	xã Suối Cát	H. Cam Lâm	12° 11' 47"	109° 06' 11"					D-49-87-C-a
đình Khánh Thành	KX	xã Suối Cát	H. Cam Lâm	12° 12' 09"	109° 04' 06"					D-49-87-C-a
thôn Khánh Thành Bắc	DC	xã Suối Cát	H. Cam Lâm	12° 11' 55"	109° 04' 11"					D-49-87-C-a
thôn Khánh Thành Nam	DC	xã Suối Cát	H. Cam Lâm	12° 11' 02"	109° 04' 15"					D-49-87-C-a
chùa Linh Sơn Pháp Ấn	KX	xã Suối Cát	H. Cam Lâm	12° 11' 27"	109° 04' 13"					D-49-87-C-a
Khu di tích Mộ Yersin	KX	xã Suối Cát	H. Cam Lâm	12° 07' 15"	108° 56' 47"					D-49-86-D-d
Cầu Mới	KX	xã Suối Cát	H. Cam Lâm	12° 11' 42"	109° 04' 02"					D-49-87-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Trung tâm Sát hạch lái xe cơ giới Hồng Bàng	KX	xã Suối Cát	H. Cam Lâm	12° 11' 26"	109° 07' 01"					D-49-87-C-a
cầu Suối Cát	KX	xã Suối Cát	H. Cam Lâm	12° 11' 28"	109° 04' 07"					D-49-87-C-a
cầu Suối Châu	KX	xã Suối Cát	H. Cam Lâm	12° 10' 42"	109° 04' 20"					D-49-87-C-a
sông Suối Dầu	TV	xã Suối Cát	H. Cam Lâm			12° 05' 39"	108° 56' 55"	12° 15' 39"	109° 05' 12"	D-49-86-D-d; D-49-87-C-c; D-49-87-C-a
hồ Suối Dầu	TV	xã Suối Cát	H. Cam Lâm	12° 09' 18"	109° 03' 05"					D-49-87-C-a
cầu Suối Đá	KX	xã Suối Cát	H. Cam Lâm	12° 12' 21"	109° 04' 14"					D-49-87-C-a
thôn Suối Lâu 1	DC	xã Suối Cát	H. Cam Lâm	12° 10' 54"	109° 03' 31"					D-49-87-C-a
thôn Suối Lâu 2	DC	xã Suối Cát	H. Cam Lâm	12° 10' 22"	109° 03' 17"					D-49-87-C-a
thôn Suối Lâu 3	DC	xã Suối Cát	H. Cam Lâm	12° 10' 42"	109° 03' 31"					D-49-87-C-a
thôn Tân Xương 1	DC	xã Suối Cát	H. Cam Lâm	12° 11' 22"	109° 03' 49"					D-49-87-C-a
thôn Tân Xương 2	DC	xã Suối Cát	H. Cam Lâm	12° 11' 28"	109° 03' 16"					D-49-87-C-a
chùa Thanh Lương Ni Tự	KX	xã Suối Cát	H. Cam Lâm	12° 12' 25"	109° 04' 13"					D-49-87-C-a
chùa Thanh Sơn	KX	xã Suối Cát	H. Cam Lâm	12° 11' 29"	109° 03' 09"					D-49-87-C-a
quốc lộ 1A	KX	xã Suối Tân	H. Cam Lâm			12° 50' 42"	109° 23' 09"	11° 48' 39"	109° 06' 16"	D-49-87-C-a
đường tỉnh 653C	KX	xã Suối Tân	H. Cam Lâm			12° 17' 42"	109° 00' 22"	12° 06' 19"	109° 06' 22"	D-49-87-C-a
đường tỉnh 657K	KX	xã Suối Tân	H. Cam Lâm			12° 11' 24"	109° 10' 06"	12° 00' 26"	108° 54' 58"	D-49-87-C-a
chùa Bửu Quang	KX	xã Suối Tân	H. Cam Lâm	12° 10' 03"	109° 04' 23"					D-49-87-C-a
Hòn Cậu	SV	xã Suối Tân	H. Cam Lâm	12° 11' 04"	109° 05' 24"					D-49-87-C-a
thôn Cây Xoài	DC	xã Suối Tân	H. Cam Lâm	12° 10' 15"	109° 04' 27"					D-49-87-C-a
Hòn Cô	SV	xã Suối Tân	H. Cam Lâm	12° 10' 53"	109° 04' 34"					D-49-87-C-a
Công ty COMEGA	KX	xã Suối Tân	H. Cam Lâm	12° 09' 02"	109° 03' 51"					D-49-87-C-a
thôn Dầu Sơn	DC	xã Suối Tân	H. Cam Lâm	12° 09' 45"	109° 04' 41"					D-49-87-C-a
núi Đá Hang	SV	xã Suối Tân	H. Cam Lâm	12° 10' 03"	109° 08' 22"					D-49-87-C-b
thôn Đồng Cau	DC	xã Suối Tân	H. Cam Lâm	12° 09' 11"	109° 04' 57"					D-49-87-C-a
núi Hòn Rắn	SV	xã Suối Tân	H. Cam Lâm	12° 07' 15"	109° 03' 52"					D-49-87-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
suối Lỗ Dài	TV	xã Suối Tân	H. Cam Lâm			12° 08' 49"	109° 04' 22"	12° 07' 22"	109° 08' 41"	D-49-87-C-a; D-49-87-C-b; D-49-87-C-c; D-49-87-C-d
cầu Lò Than	KX	xã Suối Tân	H. Cam Lâm	12° 09' 51"	109° 04' 27"					D-49-87-C-a
núi Man Han	SV	xã Suối Tân	H. Cam Lâm	12° 03' 53"	108° 58' 59"					D-49-86-D-d
Hòn Một	SV	xã Suối Tân	H. Cam Lâm	12° 06' 59"	109° 02' 59"					D-49-87-C-c
Nhà máy Nước sạch Nha Trang	KX	xã Suối Tân	H. Cam Lâm	12° 09' 15"	109° 04' 09"					D-49-87-C-a
chùa Phổ Thiện	KX	xã Suối Tân	H. Cam Lâm	12° 08' 39"	109° 05' 18"					D-49-87-C-a
cầu Suối Châu	KX	xã Suối Tân	H. Cam Lâm	12° 10' 42"	109° 04' 20"					D-49-87-C-a
khu công nghiệp Suối Dầu	KX	xã Suối Tân	H. Cam Lâm	12° 08' 56"	109° 04' 09"					D-49-87-C-a
Viện Vắc xin Suối Dầu	KX	xã Suối Tân	H. Cam Lâm	12° 10' 33"	109° 03' 56"					D-49-87-C-a
sông Suối Dầu	TV	xã Suối Tân	H. Cam Lâm			12° 05' 39"	108° 56' 55"	12° 15' 39"	109° 05' 12"	D-49-86-D-d; D-49-87-C-c; D-49-87-C-a
hồ Suối Dầu	TV	xã Suối Tân	H. Cam Lâm	12° 09' 18"	109° 03' 05"					D-49-87-C-a
thôn Vĩnh Phú	DC	xã Suối Tân	H. Cam Lâm	12° 08' 47"	109° 05' 18"					D-49-87-C-a
quốc lộ 1A	KX	TT. Diên Khánh	H. Diên Khánh			12° 50' 42"	109° 23' 09"	11° 48' 39"	109° 06' 16"	D-49-87-A-c
đường tỉnh 652H	KX	TT. Diên Khánh	H. Diên Khánh			12° 30' 59"	109° 02' 37"	12° 16' 17"	109° 06' 31"	D-49-87-A-c
đường tỉnh 653	KX	TT. Diên Khánh	H. Diên Khánh			12° 15' 25"	109° 05' 50"	12° 16' 37"	108° 54' 00"	D-49-87-A-c
Sông Cái	TV	TT. Diên Khánh	H. Diên Khánh			12° 20' 38"	108° 44' 54"	12° 15' 48"	109° 11' 52"	D-49-87-A-c
Thành cổ Diên Khánh	KX	TT. Diên Khánh	H. Diên Khánh	12° 15' 32"	109° 05' 41"					D-49-87-A-c
tổ dân phố Dinh Thành 1	DC	TT. Diên Khánh	H. Diên Khánh	12° 15' 25"	109° 06' 02"					D-49-87-A-c
tổ dân phố Dinh Thành 2	DC	TT. Diên Khánh	H. Diên Khánh	12° 15' 18"	109° 05' 54"					D-49-87-A-c
tổ dân phố Đông Môn 1	DC	TT. Diên Khánh	H. Diên Khánh	12° 15' 26"	109° 05' 22"					D-49-87-A-c
tổ dân phố Đông Môn 2	DC	TT. Diên Khánh	H. Diên Khánh	12° 15' 29"	109° 05' 52"					D-49-87-A-c
tổ dân phố Đông Môn 3	DC	TT. Diên Khánh	H. Diên Khánh	12° 15' 18"	109° 05' 23"					D-49-87-A-c
tổ dân phố Đông Môn 4	DC	TT. Diên Khánh	H. Diên Khánh	12° 15' 17"	109° 05' 43"					D-49-87-A-c
đường Đồng Khởi	KX	TT. Diên Khánh	H. Diên Khánh			12° 16' 17"	109° 06' 31"	12° 15' 58"	109° 05' 01"	D-49-87-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
đường Hùng Vương	KX	TT. Diên Khánh	H. Diên Khánh			12° 16' 17"	109° 06' 31"	12° 15' 29"	109° 06' 19"	D-49-87-A-c
đường Lạc Long Quân	KX	TT. Diên Khánh	H. Diên Khánh			12° 15' 29"	109° 06' 19"	12° 15' 13"	109° 05' 45"	D-49-87-A-c
đường Nguyễn Trãi	KX	TT. Diên Khánh	H. Diên Khánh			12° 15' 13"	109° 05' 45"	12° 15' 22"	109° 05' 15"	D-49-87-A-c
tổ dân phố Phan Bội Châu 1	DC	TT. Diên Khánh	H. Diên Khánh	12° 15' 33"	109° 06' 08"					D-49-87-A-c
tổ dân phố Phan Bội Châu 2	DC	TT. Diên Khánh	H. Diên Khánh	12° 15' 34"	109° 06' 18"					D-49-87-A-c
tổ dân phố Phú Lộc Đông 1	DC	TT. Diên Khánh	H. Diên Khánh	12° 16' 12"	109° 06' 33"					D-49-87-A-c
tổ dân phố Phú Lộc Đông 2	DC	TT. Diên Khánh	H. Diên Khánh	12° 16' 01"	109° 06' 18"					D-49-87-A-c
tổ dân phố Phú Lộc Đông 3	DC	TT. Diên Khánh	H. Diên Khánh	12° 16' 11"	109° 06' 12"					D-49-87-A-c
tổ dân phố Phú Lộc Tây 1	DC	TT. Diên Khánh	H. Diên Khánh	12° 15' 51"	109° 05' 08"					D-49-87-A-c
tổ dân phố Phú Lộc Tây 2	DC	TT. Diên Khánh	H. Diên Khánh	12° 15' 53"	109° 05' 15"					D-49-87-A-c
tổ dân phố Phú Lộc Tây 3	DC	TT. Diên Khánh	H. Diên Khánh	12° 15' 53"	109° 05' 31"					D-49-87-A-c
tổ dân phố Phú Lộc Tây 4	DC	TT. Diên Khánh	H. Diên Khánh	12° 15' 57"	109° 05' 54"					D-49-87-A-c
cầu Sông Cái	KX	TT. Diên Khánh	H. Diên Khánh	12° 15' 53"	109° 06' 24"					D-49-87-A-c
sông Suối Dầu	TV	TT. Diên Khánh	H. Diên Khánh			12° 05' 39"	108° 56' 55"	12° 15' 39"	109° 05' 12"	D-49-87-A-c
Cầu Thành	KX	TT. Diên Khánh	H. Diên Khánh	12° 15' 44"	109° 05' 55"					D-49-87-A-c
Chợ Thành	KX	TT. Diên Khánh	H. Diên Khánh	12° 15' 32"	109° 05' 53"					D-49-87-A-c
cầu Trần Quý Cáp	KX	TT. Diên Khánh	H. Diên Khánh	12° 15' 29"	109° 06' 07"					D-49-87-A-c
đền thờ Trần Quý Cáp	KX	TT. Diên Khánh	H. Diên Khánh	12° 15' 27"	109° 06' 09"					D-49-87-A-c
Di tích Lịch sử Văn miếu Diên Khánh	KX	TT. Diên Khánh	H. Diên Khánh	12° 15' 51"	109° 05' 02"					D-49-87-A-c
đường 23 tháng 10	KX	xã Diên An	H. Diên Khánh			12° 15' 02"	109° 10' 48"	12° 15' 29"	109° 06' 19"	D-49-87-A-c
thôn An Ninh	DC	xã Diên An	H. Diên Khánh	12° 14' 31"	109° 06' 35"					D-49-87-A-c
Sông Cái	TV	xã Diên An	H. Diên Khánh			12° 20' 38"	108° 44' 54"	12° 15' 48"	109° 11' 52"	D-49-87-A-c
núi Chín Khúc	SV	xã Diên An	H. Diên Khánh	12° 13' 35"	109° 07' 31"					D-49-87-C-b
kênh chính Cầu Đôi	TV	xã Diên An	H. Diên Khánh			12° 15' 07"	109° 02' 19"	12° 14' 32"	109° 07' 19"	D-49-87-C-a
cầu Ông Bộ	KX	xã Diên An	H. Diên Khánh	12° 15' 30"	109° 07' 23"					D-49-87-A-c
thôn Phú Ân Nam 1	DC	xã Diên An	H. Diên Khánh	12° 15' 45"	109° 06' 30"					D-49-87-A-c
thôn Phú Ân Nam 2	DC	xã Diên An	H. Diên Khánh	12° 15' 36"	109° 06' 59"					D-49-87-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Phú Ân Nam 3	DC	xã Diên An	H. Diên Khánh	12° 15' 19"	109° 06' 57"					D-49-87-A-c
thôn Phú Ân Nam 4	DC	xã Diên An	H. Diên Khánh	12° 15' 18"	109° 06' 33"					D-49-87-A-c
thôn Phú Ân Nam 5	DC	xã Diên An	H. Diên Khánh	12° 15' 06"	109° 06' 52"					D-49-87-A-c
sông Quán Trường	TV	xã Diên An	H. Diên Khánh			12° 14' 26"	109° 07' 07"	12° 12' 28"	109° 11' 09"	D-49-87-C-a
cầu Sông Cái	KX	xã Diên An	H. Diên Khánh	12° 15' 53"	109° 06' 24"					D-49-87-A-c
miếu thờ Trịnh Phong	KX	xã Diên An	H. Diên Khánh	12° 15' 27"	109° 06' 19"					D-49-87-A-c
thôn Võ Kiện	DC	xã Diên An	H. Diên Khánh	12° 14' 37"	109° 06' 58"					D-49-87-C-a
mương Cây Gia	TV	xã Diên Bình	H. Diên Khánh			12° 12' 46"	109° 03' 26"	12° 13' 44"	109° 03' 19"	D-49-87-C-a
kênh chính Cầu Đôi	TV	xã Diên Bình	H. Diên Khánh			12° 15' 07"	109° 02' 19"	12° 14' 32"	109° 07' 19"	D-49-87-C-a
cầu Gò Mè	KX	xã Diên Bình	H. Diên Khánh	12° 13' 37"	109° 03' 30"					D-49-87-C-a
thôn Hội Phước	DC	xã Diên Bình	H. Diên Khánh	12° 14' 32"	109° 03' 46"					D-49-87-C-a
thôn Lương Phước	DC	xã Diên Bình	H. Diên Khánh	12° 13' 47"	109° 04' 01"					D-49-87-C-a
thôn Nghiệp Thành	DC	xã Diên Bình	H. Diên Khánh	12° 14' 05"	109° 04' 18"					D-49-87-C-a
sông Suối Dầu	TV	xã Diên Bình	H. Diên Khánh			12° 05' 39"	108° 56' 55"	12° 15' 39"	109° 05' 12"	D-49-87-C-a
quốc lộ 1A	KX	xã Diên Điền	H. Diên Khánh			12° 50' 42"	109° 23' 09"	11° 48' 39"	109° 06' 16"	C-49-3-A-a; C-49-3-A-c
đường tỉnh 652H	KX	xã Diên Điền	H. Diên Khánh			12° 30' 59"	109° 02' 37"	12° 16' 17"	109° 06' 31"	D-49-87-A-c
núi Am Chúa	SV	xã Diên Điền	H. Diên Khánh	12° 18' 35"	109° 05' 19"					D-49-87-A-c
hồ Am Chúa	TV	xã Diên Điền	H. Diên Khánh	12° 19' 01"	109° 05' 40"					D-49-87-A-c
suối Cái Đại An	TV	xã Diên Điền	H. Diên Khánh			12° 19' 01"	109° 05' 53"	12° 17' 21"	109° 06' 36"	D-49-87-A-c
Am Chúa	KX	xã Diên Điền	H. Diên Khánh	12° 18' 22"	109° 05' 30"					D-49-87-A-c
Hòn Chùa	SV	xã Diên Điền	H. Diên Khánh	12° 18' 38"	109° 07' 46"					D-49-87-A-d
đình Đại Điền Đông	KX	xã Diên Điền	H. Diên Khánh	12° 16' 45"	109° 06' 16"					D-49-87-A-c
đình Đại Điền Trung	KX	xã Diên Điền	H. Diên Khánh	12° 16' 54"	109° 06' 04"					D-49-87-A-c
thôn Đông 1	DC	xã Diên Điền	H. Diên Khánh	12° 16' 51"	109° 06' 20"					D-49-87-A-c
thôn Đông 2	DC	xã Diên Điền	H. Diên Khánh	12° 17' 05"	109° 06' 35"					D-49-87-A-c
thôn Đông 3	DC	xã Diên Điền	H. Diên Khánh	12° 16' 55"	109° 06' 44"					D-49-87-A-c
Hòn Én	SV	xã Diên Điền	H. Diên Khánh	12° 19' 09"	109° 07' 42"					D-49-87-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
suối Ồ Ồ	TV	xã Diên Điền	H. Diên Khánh			12° 21' 44"	109° 05' 26"	12° 19' 10"	109° 05' 28"	D-49-87-A-c
thôn Trung 1	DC	xã Diên Điền	H. Diên Khánh	12° 16' 32"	109° 06' 08"					D-49-87-A-c
thôn Trung 2	DC	xã Diên Điền	H. Diên Khánh	12° 16' 56"	109° 06' 03"					D-49-87-A-c
thôn Trung 3	DC	xã Diên Điền	H. Diên Khánh	12° 17' 10"	109° 06' 02"					D-49-87-A-c
Thôn 1	DC	xã Diên Đồng	H. Diên Khánh	12° 17' 40"	108° 59' 55"					D-49-86-B-d
Thôn 2	DC	xã Diên Đồng	H. Diên Khánh	12° 17' 16"	108° 59' 36"					D-49-86-B-d
Thôn 3	DC	xã Diên Đồng	H. Diên Khánh	12° 17' 33"	108° 58' 41"					D-49-86-B-d
Thôn 4	DC	xã Diên Đồng	H. Diên Khánh	12° 17' 38"	108° 58' 02"					D-49-86-B-d
Thôn 5	DC	xã Diên Đồng	H. Diên Khánh	12° 18' 05"	108° 59' 47"					D-49-86-B-d
Sông Cái	TV	xã Diên Đồng	H. Diên Khánh			12° 20' 38"	108° 44' 54"	12° 15' 48"	109° 11' 52"	D-49-86-B-d; D-49-87-A-c
Sông Chò	TV	xã Diên Đồng	H. Diên Khánh			12° 28' 24"	108° 52' 29"	12° 17' 12"	109° 00' 16"	D-49-86-B-d; D-49-87-A-c
cầu Đồng Trăn	KX	xã Diên Đồng	H. Diên Khánh	12° 17' 13"	108° 59' 59"					D-49-86-B-d
đường tỉnh 653B	KX	xã Diên Hòa	H. Diên Khánh			12° 14' 41"	109° 05' 32"	12° 16' 05"	108° 48' 50"	D-49-87-C-a
đường tỉnh 653C	KX	xã Diên Hòa	H. Diên Khánh			12° 17' 42"	109° 00' 22"	12° 06' 19"	109° 06' 22"	D-49-87-A-c; D-49-87-C-a
đường tỉnh 653D	KX	xã Diên Hòa	H. Diên Khánh			12° 15' 48"	109° 02' 09"	12° 17' 00"	108° 56' 32"	D-49-87-C-a
Bàu Bạn	TV	xã Diên Hòa	H. Diên Khánh			12° 15' 52"	109° 02' 05"	12° 15' 10"	109° 02' 20"	D-49-87-A-c
thôn Bình Khánh	DC	xã Diên Hòa	H. Diên Khánh	12° 15' 14"	109° 02' 56"					D-49-87-A-c
kênh chính Cầu Đôi	TV	xã Diên Hòa	H. Diên Khánh			12° 15' 07"	109° 02' 19"	12° 14' 32"	109° 07' 19"	D-49-87-A-c; D-49-87-C-a
thôn Lạc Lợi	DC	xã Diên Hòa	H. Diên Khánh	12° 15' 11"	109° 03' 47"					D-49-87-A-c
thôn Quang Thạnh	DC	xã Diên Hòa	H. Diên Khánh	12° 15' 09"	109° 03' 23"					D-49-87-A-c
Núi Thị	SV	xã Diên Hòa	H. Diên Khánh	12° 14' 38"	109° 01' 58"					D-49-87-C-a
đường tỉnh 653	KX	xã Diên Lạc	H. Diên Khánh			12° 15' 25"	109° 05' 50"	12° 16' 37"	108° 54' 00"	D-49-87-A-c
đường tỉnh 653B	KX	xã Diên Lạc	H. Diên Khánh			12° 14' 41"	109° 05' 32"	12° 16' 05"	108° 48' 50"	D-49-87-C-a
Sông Cái	TV	xã Diên Lạc	H. Diên Khánh			12° 20' 38"	108° 44' 54"	12° 15' 48"	109° 11' 52"	D-49-87-A-c
Công ty Chế biến Gỗ Việt Đức	KX	xã Diên Lạc	H. Diên Khánh	12° 15' 43"	109° 03' 32"					D-49-87-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Hòn Một	SV	xã Diên Lạc	H. Diên Khánh	12° 15' 42"	109° 03' 23"					D-49-87-A-c
sông Suối Dầu	TV	xã Diên Lạc	H. Diên Khánh			12° 05' 39"	108° 56' 55"	12° 15' 39"	109° 05' 12"	D-49-87-C-a
thôn Thanh Minh 1	DC	xã Diên Lạc	H. Diên Khánh	12° 15' 26"	109° 03' 30"					D-49-87-A-c
thôn Thanh Minh 2	DC	xã Diên Lạc	H. Diên Khánh	12° 15' 30"	109° 03' 52"					D-49-87-A-c
thôn Thanh Minh 3	DC	xã Diên Lạc	H. Diên Khánh	12° 15' 36"	109° 04' 17"					D-49-87-A-c
thôn Trường Lạc	DC	xã Diên Lạc	H. Diên Khánh	12° 15' 38"	109° 04' 46"					D-49-87-A-c
chùa Trường Long	KX	xã Diên Lạc	H. Diên Khánh	12° 15' 45"	109° 04' 40"					D-49-87-A-c
đường tỉnh 652H	KX	xã Diên Lâm	H. Diên Khánh			12° 30' 59"	109° 02' 37"	12° 16' 17"	109° 06' 31"	D-49-87-A-c; D-49-86-B-d
đường tỉnh 653C	KX	xã Diên Lâm	H. Diên Khánh			12° 17' 42"	109° 00' 22"	12° 06' 19"	109° 06' 22"	D-49-87-A-c
Trại giam A2 Đồng Găng	KX	xã Diên Lâm	H. Diên Khánh	12° 18' 52"	109° 01' 25"					D-49-87-A-c
Trại giam A2 Đồng Găng	KX	xã Diên Lâm	H. Diên Khánh	12° 19' 24"	109° 02' 02"					D-49-87-A-c
Sông Cái	TV	xã Diên Lâm	H. Diên Khánh			12° 20' 38"	108° 44' 54"	12° 15' 48"	109° 11' 52"	D-49-87-A-c
cầu Cây Găng	KX	xã Diên Lâm	H. Diên Khánh	12° 16' 44"	109° 02' 49"					D-49-87-A-c
Sông Chò	TV	xã Diên Lâm	H. Diên Khánh			12° 28' 24"	108° 52' 29"	12° 17' 12"	109° 00' 16"	D-49-86-B-d
chùa Đế Dài	KX	xã Diên Lâm	H. Diên Khánh	12° 18' 34"	109° 01' 03"					D-49-87-A-c
cầu Đồng Găng	KX	xã Diên Lâm	H. Diên Khánh	12° 17' 45"	109° 00' 22"					D-49-87-A-c
sông Đồng Găng	TV	xã Diên Lâm	H. Diên Khánh			12° 22' 22"	109° 04' 34"	12° 17' 44"	109° 00' 17"	D-49-87-A-c
núi Đồng Nhơn	SV	xã Diên Lâm	H. Diên Khánh	12° 19' 05"	109° 04' 02"					D-49-87-A-c
hòn Gia Lữ	SV	xã Diên Lâm	H. Diên Khánh	12° 18' 31"	109° 02' 37"					D-49-87-A-c
Hòn Giữ	SV	xã Diên Lâm	H. Diên Khánh	12° 20' 55"	109° 01' 02"					D-49-87-A-c
Thôn Hạ	DC	xã Diên Lâm	H. Diên Khánh	12° 16' 33"	109° 02' 07"					D-49-87-A-c
mỏ đá Hòn Ngang	KX	xã Diên Lâm	H. Diên Khánh	12° 16' 14"	109° 03' 21"					D-49-87-A-c
thôn Khánh Xuân	DC	xã Diên Lâm	H. Diên Khánh	12° 18' 11"	109° 00' 09"					D-49-87-A-c
Hòn Ngang	SV	xã Diên Lâm	H. Diên Khánh	12° 16' 32"	109° 04' 08"					D-49-87-A-c
cầu Phú Cốc	KX	xã Diên Lâm	H. Diên Khánh	12° 16' 14"	109° 02' 08"					D-49-87-A-c
cầu Suối Mốc	KX	xã Diên Lâm	H. Diên Khánh	12° 18' 33"	108° 59' 51"					D-49-86-B-d
Thôn Thượng	DC	xã Diên Lâm	H. Diên Khánh	12° 16' 33"	109° 00' 59"					D-49-87-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Thôn Trung	DC	xã Diên Lâm	H. Diên Khánh	12° 16' 14"	109° 01' 50"					D-49-87-A-c
đường tỉnh 653C	KX	xã Diên Lộc	H. Diên Khánh			12° 17' 42"	109° 00' 22"	12° 06' 19"	109° 06' 22"	D-49-87-C-a
mương Cây Gia	TV	xã Diên Lộc	H. Diên Khánh			12° 12' 46"	109° 03' 26"	12° 13' 44"	109° 03' 19"	D-49-87-C-a
suối Cây Sung	TV	xã Diên Lộc	H. Diên Khánh			12° 14' 09"	108° 58' 54"	12° 13' 47"	109° 03' 15"	D-49-87-C-a
kênh chính Cầu Đôi	TV	xã Diên Lộc	H. Diên Khánh			12° 15' 07"	109° 02' 19"	12° 14' 32"	109° 07' 19"	D-49-87-C-a
Hòn Chuông	SV	xã Diên Lộc	H. Diên Khánh	12° 13' 20"	109° 01' 09"					D-49-87-C-a
thôn Đại Hữu	DC	xã Diên Lộc	H. Diên Khánh	12° 13' 55"	109° 02' 59"					D-49-87-C-a
thôn Đảnh Thạnh	DC	xã Diên Lộc	H. Diên Khánh	12° 14' 17"	109° 02' 22"					D-49-87-C-a
thôn Mỹ Lộc	DC	xã Diên Lộc	H. Diên Khánh	12° 14' 14"	109° 02' 59"					D-49-87-C-a
cầu Ông Đường	KX	xã Diên Lộc	H. Diên Khánh	12° 13' 41"	109° 02' 47"					D-49-87-C-a
cầu Suối Tre	KX	xã Diên Lộc	H. Diên Khánh	12° 14' 16"	109° 02' 50"					D-49-87-C-a
quốc lộ 1A	KX	xã Diên Phú	H. Diên Khánh			12° 50' 42"	109° 23' 09"	11° 48' 39"	109° 06' 16"	D-49-87-A-c; D-49-87-A-d
Thôn 1	DC	xã Diên Phú	H. Diên Khánh	12° 16' 33"	109° 07' 52"					D-49-87-A-d
Thôn 2	DC	xã Diên Phú	H. Diên Khánh	12° 15' 57"	109° 07' 29"					D-49-87-A-c
Thôn 3	DC	xã Diên Phú	H. Diên Khánh	12° 16' 31"	109° 07' 05"					D-49-87-A-c
Thôn 4	DC	xã Diên Phú	H. Diên Khánh	12° 16' 06"	109° 06' 44"					D-49-87-A-c
Sông Cái	TV	xã Diên Phú	H. Diên Khánh			12° 20' 38"	108° 44' 54"	12° 15' 48"	109° 11' 52"	D-49-87-A-c; D-49-87-A-d
khu công nghiệp Diên Phú	KX	xã Diên Phú	H. Diên Khánh	12° 16' 56"	109° 07' 22"					D-49-87-A-c
cầu Đá Lỗ	KX	xã Diên Phú	H. Diên Khánh	12° 16' 47"	109° 07' 34"					D-49-87-A-d
cầu Mương Quan	KX	xã Diên Phú	H. Diên Khánh	12° 16' 28"	109° 07' 19"					D-49-87-A-c
chùa Phú Phong	KX	xã Diên Phú	H. Diên Khánh	12° 16' 21"	109° 07' 18"					D-49-87-A-c
Mương Quan	TV	xã Diên Phú	H. Diên Khánh			12° 16' 46"	109° 07' 35"	12° 15' 56"	109° 07' 12"	D-49-87-A-c; D-49-87-A-d
đường tỉnh 653	KX	xã Diên Phước	H. Diên Khánh			12° 15' 25"	109° 05' 50"	12° 16' 37"	108° 54' 00"	D-49-87-A-c
đường tỉnh 653C	KX	xã Diên Phước	H. Diên Khánh			12° 17' 42"	109° 00' 22"	12° 06' 19"	109° 06' 22"	D-49-87-A-c
đường tỉnh 653D	KX	xã Diên Phước	H. Diên Khánh			12° 15' 48"	109° 02' 09"	12° 17' 00"	108° 56' 32"	D-49-87-A-c
thôn An Định	DC	xã Diên Phước	H. Diên Khánh	12° 15' 36"	109° 02' 18"					D-49-87-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Bàu Bạn	TV	xã Diên Phước	H. Diên Khánh			12° 15' 52"	109° 02' 05"	12° 15' 10"	109° 02' 20"	D-49-87-A-c
Sông Cái	TV	xã Diên Phước	H. Diên Khánh			12° 20' 38"	108° 44' 54"	12° 15' 48"	109° 11' 52"	D-49-87-A-c
Hòn Một	SV	xã Diên Phước	H. Diên Khánh	12° 15' 42"	109° 03' 23"					D-49-87-A-c
thôn Phò Thiện	DC	xã Diên Phước	H. Diên Khánh	12° 15' 29"	109° 03' 01"					D-49-87-A-c
cầu Phú Cốc	KX	xã Diên Phước	H. Diên Khánh	12° 16' 14"	109° 02' 08"					D-49-87-A-c
thôn Phước Tuy 1	DC	xã Diên Phước	H. Diên Khánh	12° 16' 19"	109° 02' 50"					D-49-87-A-c
thôn Phước Tuy 2	DC	xã Diên Phước	H. Diên Khánh	12° 15' 58"	109° 02' 14"					D-49-87-A-c
Nhà máy Giấy Rạng Đông	KX	xã Diên Phước	H. Diên Khánh	12° 16' 08"	109° 02' 11"					D-49-87-A-c
cầu Suối Muồng	KX	xã Diên Phước	H. Diên Khánh	12° 15' 35"	109° 02' 02"					D-49-87-A-c
đường tỉnh 652H	KX	xã Diên Sơn	H. Diên Khánh			12° 30' 59"	109° 02' 37"	12° 16' 17"	109° 06' 31"	D-49-87-A-c
núi Am Chúa	SV	xã Diên Sơn	H. Diên Khánh	12° 18' 35"	109° 05' 19"					D-49-87-A-c
Sông Cái	TV	xã Diên Sơn	H. Diên Khánh			12° 20' 38"	108° 44' 54"	12° 15' 48"	109° 11' 52"	D-49-87-A-c
thôn Đại Điền Nam 1	DC	xã Diên Sơn	H. Diên Khánh	12° 16' 46"	109° 05' 32"					D-49-87-A-c
thôn Đại Điền Nam 2	DC	xã Diên Sơn	H. Diên Khánh	12° 16' 30"	109° 05' 31"					D-49-87-A-c
thôn Đại Điền Nam 3	DC	xã Diên Sơn	H. Diên Khánh	12° 16' 41"	109° 05' 48"					D-49-87-A-c
thôn Đại Điền Tây 1	DC	xã Diên Sơn	H. Diên Khánh	12° 16' 18"	109° 05' 49"					D-49-87-A-c
thôn Đại Điền Tây 2	DC	xã Diên Sơn	H. Diên Khánh	12° 16' 11"	109° 05' 19"					D-49-87-A-c
thôn Đại Điền Tây 3	DC	xã Diên Sơn	H. Diên Khánh	12° 16' 09"	109° 04' 44"					D-49-87-A-c
thôn Đại Điền Tây 4	DC	xã Diên Sơn	H. Diên Khánh	12° 16' 15"	109° 05' 37"					D-49-87-A-c
núi Đồng Nhơn	SV	xã Diên Sơn	H. Diên Khánh	12° 19' 05"	109° 04' 02"					D-49-87-A-c
hòn Gia Lữ	SV	xã Diên Sơn	H. Diên Khánh	12° 18' 31"	109° 02' 37"					D-49-87-A-c
cầu Mương Lời	KX	xã Diên Sơn	H. Diên Khánh	12° 16' 04"	109° 04' 32"					D-49-87-A-c
Hòn Ngang	SV	xã Diên Sơn	H. Diên Khánh	12° 16' 32"	109° 04' 08"					D-49-87-A-c
cầu Ông Hớn	KX	xã Diên Sơn	H. Diên Khánh	12° 16' 01"	109° 04' 01"					D-49-87-A-c
đường tỉnh 653D	KX	xã Diên Tân	H. Diên Khánh			12° 15' 48"	109° 02' 09"	12° 17' 00"	108° 56' 32"	D-49-86-D-b; D-49-87-C-a
thôn Cây Sung	DC	xã Diên Tân	H. Diên Khánh	12° 14' 24"	108° 59' 50"					D-49-86-D-b
suối Cây Sung	TV	xã Diên Tân	H. Diên Khánh			12° 14' 09"	108° 58' 54"	12° 13' 47"	109° 03' 15"	D-49-86-D-b; D-49-87-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Hòn Chuông	SV	xã Diên Tân	H. Diên Khánh	12° 13' 15"	109° 00' 17"					D-49-87-C-a
thôn Đá Mài	DC	xã Diên Tân	H. Diên Khánh	12° 14' 18"	108° 58' 29"					D-49-86-D-b
suối Đá Mài	TV	xã Diên Tân	H. Diên Khánh			12° 13' 17"	108° 57' 39"	12° 13' 58"	108° 58' 08"	D-49-86-D-b
núi Gia Lữ	SV	xã Diên Tân	H. Diên Khánh	12° 15' 32"	108° 58' 56"					D-49-86-B-d
thôn Láng Nhớt	DC	xã Diên Tân	H. Diên Khánh	12° 14' 54"	108° 58' 48"					D-49-86-D-b
hồ Láng Nhớt	TV	xã Diên Tân	H. Diên Khánh	12° 13' 53"	108° 58' 48"					D-49-86-D-b
Hòn Ngang	SV	xã Diên Tân	H. Diên Khánh	12° 14' 55"	108° 59' 35"					D-49-86-D-b
Nhà máy nước giải khát Đảnh Thạnh	KX	xã Diên Tân	H. Diên Khánh	12° 14' 18"	109° 00' 28"					D-49-87-C-a
núi Se Gai	SV	xã Diên Tân	H. Diên Khánh	12° 12' 14"	109° 00' 06"					D-49-87-C-a
quốc lộ 1A	KX	xã Diên Thạnh	H. Diên Khánh			12° 50' 42"	109° 23' 09"	11° 48' 39"	109° 06' 16"	D-49-87-C-a; D-49-87-A-c
trạm biến áp 110KV Diên Khánh	KX	xã Diên Thạnh	H. Diên Khánh	12° 14' 28"	109° 05' 31"					D-49-87-C-a
đường tỉnh 653	KX	xã Diên Thạnh	H. Diên Khánh			12° 15' 25"	109° 05' 50"	12° 16' 37"	108° 54' 00"	D-49-87-A-c
đường tỉnh 653B	KX	xã Diên Thạnh	H. Diên Khánh			12° 14' 41"	109° 05' 32"	12° 16' 05"	108° 48' 50"	D-49-87-C-a
Sông Cái	TV	xã Diên Thạnh	H. Diên Khánh			12° 20' 38"	108° 44' 54"	12° 15' 48"	109° 11' 52"	D-49-87-A-c
cầu Hà Dừa	KX	xã Diên Thạnh	H. Diên Khánh	12° 15' 22"	109° 05' 13"					D-49-87-A-c
Cầu Lùng	KX	xã Diên Thạnh	H. Diên Khánh	12° 14' 33"	109° 05' 29"					D-49-87-C-a
thôn Phú Khánh Hạ	DC	xã Diên Thạnh	H. Diên Khánh	12° 14' 45"	109° 05' 36"					D-49-87-C-a
thôn Phú Khánh Thượng	DC	xã Diên Thạnh	H. Diên Khánh	12° 14' 52"	109° 05' 25"					D-49-87-C-a
thôn Phú Khánh Trung	DC	xã Diên Thạnh	H. Diên Khánh	12° 15' 02"	109° 05' 40"					D-49-87-A-c
sông Suối Dầu	TV	xã Diên Thạnh	H. Diên Khánh			12° 05' 39"	108° 56' 55"	12° 15' 39"	109° 05' 12"	D-49-87-A-c; D-49-87-C-a
thôn Trường Thạnh	DC	xã Diên Thạnh	H. Diên Khánh	12° 15' 14"	109° 05' 11"					D-49-87-A-c
đường tỉnh 653	KX	xã Diên Thọ	H. Diên Khánh			12° 15' 25"	109° 05' 50"	12° 16' 37"	108° 54' 00"	D-49-86-B-d; D-49-87-A-c
đường tỉnh 653B	KX	xã Diên Thọ	H. Diên Khánh			12° 14' 41"	109° 05' 32"	12° 16' 05"	108° 48' 50"	D-49-86-B-d; D-49-87-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
đường tỉnh 653D	KX	xã Diên Thọ	H. Diên Khánh			12° 15' 48"	109° 02' 09"	12° 17' 00"	108° 56' 32"	D-49-87-A-c; D-49-87-C-a
Bàu Bạn	TV	xã Diên Thọ	H. Diên Khánh			12° 15' 52"	109° 02' 05"	12° 15' 10"	109° 02' 20"	D-49-87-A-c
chùa Bửu Long	KX	xã Diên Thọ	H. Diên Khánh	12° 16' 05"	109° 01' 04"					D-49-87-A-c
Sông Cái	TV	xã Diên Thọ	H. Diên Khánh			12° 20' 38"	108° 44' 54"	12° 15' 48"	109° 11' 52"	D-49-86-B-d; D-49-87-A-c
suối Cây Sung	TV	xã Diên Thọ	H. Diên Khánh			12° 14' 09"	108° 58' 54"	12° 13' 47"	109° 03' 15"	D-49-87-C-a
thôn Cẩm Sơn	DC	xã Diên Thọ	H. Diên Khánh	12° 16' 25"	109° 00' 41"					D-49-87-A-c
cầu Đôi 2	KX	xã Diên Thọ	H. Diên Khánh	12° 15' 49"	109° 02' 03"					D-49-87-A-c
thôn Đồng Bé	DC	xã Diên Thọ	H. Diên Khánh	12° 15' 25"	109° 01' 58"					D-49-87-A-c
cầu Đồng Trăn	KX	xã Diên Thọ	H. Diên Khánh	12° 17' 13"	108° 59' 59"					D-49-86-B-d
núi Gia Lữ	SV	xã Diên Thọ	H. Diên Khánh	12° 15' 32"	108° 58' 56"					D-49-86-B-d
mỏ đá Hòn Ngang Diên Thọ	KX	xã Diên Thọ	H. Diên Khánh	12° 15' 39"	109° 00' 29"					D-49-87-A-c
Cầu Huyện	KX	xã Diên Thọ	H. Diên Khánh	12° 16' 43"	108° 59' 13"					D-49-86-B-d
thôn Lễ Thạnh	DC	xã Diên Thọ	H. Diên Khánh	12° 16' 11"	109° 00' 55"					D-49-87-A-c
cầu Ô Ồ	KX	xã Diên Thọ	H. Diên Khánh	12° 16' 33"	109° 00' 35"					D-49-87-A-c
thôn Phú Thọ	DC	xã Diên Thọ	H. Diên Khánh	12° 17' 05"	108° 58' 60"					D-49-86-B-d
thôn Phước Lương	DC	xã Diên Thọ	H. Diên Khánh	12° 15' 57"	109° 01' 33"					D-49-87-A-c
núi Sải Me	SV	xã Diên Thọ	H. Diên Khánh	12° 16' 45"	108° 57' 30"					D-49-86-B-d
cầu Suối Muồng	KX	xã Diên Thọ	H. Diên Khánh	12° 15' 35"	109° 02' 02"					D-49-87-A-c
chùa Thiên Sơn	KX	xã Diên Thọ	H. Diên Khánh	12° 16' 40"	109° 00' 29"					D-49-87-A-c
núi Chín Khúc	SV	xã Diên Toàn	H. Diên Khánh	12° 13' 35"	109° 07' 31"					D-49-87-C-b
kênh chính Cầu Đôi	TV	xã Diên Toàn	H. Diên Khánh			12° 15' 07"	109° 02' 19"	12° 14' 32"	109° 07' 19"	D-49-87-C-a
thôn Đông Dinh	DC	xã Diên Toàn	H. Diên Khánh	12° 15' 09"	109° 06' 07"					D-49-87-C-a
thôn Phước Trạch	DC	xã Diên Toàn	H. Diên Khánh	12° 14' 35"	109° 06' 05"					D-49-87-C-a
thôn Trung Nam	DC	xã Diên Toàn	H. Diên Khánh	12° 14' 47"	109° 05' 56"					D-49-87-C-a
đường tỉnh 652H	KX	xã Diên Xuân	H. Diên Khánh			12° 30' 59"	109° 02' 37"	12° 16' 17"	109° 06' 31"	D-49-86-B-d
Sông Chò	TV	xã Diên Xuân	H. Diên Khánh			12° 28' 24"	108° 52' 29"	12° 17' 12"	109° 00' 16"	D-49-86-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
cầu Đá Mài	KX	xã Diên Xuân	H. Diên Khánh	12° 18' 40"	108° 59' 32"					D-49-86-B-d
núi Hòn Đỏ	SV	xã Diên Xuân	H. Diên Khánh	12° 20' 07"	108° 56' 07"					D-49-86-B-d
núi Hòn Mang	SV	xã Diên Xuân	H. Diên Khánh	12° 19' 36"	108° 55' 55"					D-49-86-B-d
Hòn Lây	SV	xã Diên Xuân	H. Diên Khánh	12° 19' 08"	108° 56' 02"					D-49-86-B-d
hòn Lây Đông	SV	xã Diên Xuân	H. Diên Khánh	12° 18' 52"	108° 56' 59"					D-49-86-B-d
khu du lịch sinh thái Nhân Tâm	KX	xã Diên Xuân	H. Diên Khánh	12° 19' 55"	108° 58' 13"					D-49-86-B-d
cầu Sông Chò	KX	xã Diên Xuân	H. Diên Khánh	12° 19' 14"	108° 58' 30"					D-49-86-B-d
cầu Suối Sâu	KX	xã Diên Xuân	H. Diên Khánh	12° 20' 19"	108° 58' 31"					D-49-86-B-d
thôn Xuân Đông	DC	xã Diên Xuân	H. Diên Khánh	12° 19' 09"	108° 58' 56"					D-49-86-B-d
thôn Xuân Nam	DC	xã Diên Xuân	H. Diên Khánh	12° 19' 04"	108° 58' 11"					D-49-86-B-d
thôn Xuân Tây	DC	xã Diên Xuân	H. Diên Khánh	12° 20' 20"	108° 58' 06"					D-49-86-B-d
thôn Xuân Trung	DC	xã Diên Xuân	H. Diên Khánh	12° 19' 30"	108° 58' 56"					D-49-86-B-d
quốc lộ 1A	KX	xã Suối Hiệp	H. Diên Khánh			12° 50' 42"	109° 23' 09"	11° 48' 39"	109° 06' 16"	D-49-87-C-a
ga Cây Cầy	KX	xã Suối Hiệp	H. Diên Khánh	12° 13' 02"	109° 04' 40"					D-49-87-C-a
núi Chín Khúc	SV	xã Suối Hiệp	H. Diên Khánh	12° 13' 35"	109° 07' 31"					D-49-87-C-b
kênh chính Cầu Đôi	TV	xã Suối Hiệp	H. Diên Khánh			12° 15' 07"	109° 02' 19"	12° 14' 32"	109° 07' 19"	D-49-87-C-a
Công ty cổ phần đường Khánh Hòa	KX	xã Suối Hiệp	H. Diên Khánh	12° 13' 17"	109° 04' 27"					D-49-87-C-a
cầu Cống Ba	KX	xã Suối Hiệp	H. Diên Khánh	12° 14' 05"	109° 05' 20"					D-49-87-C-a
thôn Cư Thạnh	DC	xã Suối Hiệp	H. Diên Khánh	12° 13' 22"	109° 05' 10"					D-49-87-C-a
Hòn Dù	SV	xã Suối Hiệp	H. Diên Khánh	12° 12' 29"	109° 04' 48"					D-49-87-C-a
Suối Đá	TV	xã Suối Hiệp	H. Diên Khánh			12° 12' 02"	109° 06' 21"	12° 12' 28"	109° 04' 03"	D-49-87-C-a
thôn Hội Xương	DC	xã Suối Hiệp	H. Diên Khánh	12° 12' 46"	109° 04' 05"					D-49-87-C-a
cầu Ông Xuân	KX	xã Suối Hiệp	H. Diên Khánh	12° 13' 56"	109° 05' 17"					D-49-87-C-a
thôn Phú Hậu	DC	xã Suối Hiệp	H. Diên Khánh	12° 13' 59"	109° 05' 11"					D-49-87-C-a
Nhà máy Bia Sanmiguel	KX	xã Suối Hiệp	H. Diên Khánh	12° 13' 25"	109° 04' 30"					D-49-87-C-a
sông Suối Dầu	TV	xã Suối Hiệp	H. Diên Khánh			12° 05' 39"	108° 56' 55"	12° 15' 39"	109° 05' 12"	D-49-87-C-a
thôn Thủy Xương	DC	xã Suối Hiệp	H. Diên Khánh	12° 13' 24"	109° 04' 51"					D-49-87-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Vĩnh Cát	DC	xã Suối Hiệp	H. Diên Khánh	12° 13' 23"	109° 04' 17"					D-49-87-C-a
cầu Vĩnh Cát	KX	xã Suối Hiệp	H. Diên Khánh	12° 12' 50"	109° 04' 11"					D-49-87-C-a
đường tỉnh 653C	KX	xã Suối Tiên	H. Diên Khánh			12° 17' 42"	109° 00' 22"	12° 06' 19"	109° 06' 22"	D-49-87-C-a
cầu Bà Nên	KX	xã Suối Tiên	H. Diên Khánh	12° 12' 25"	109° 02' 39"					D-49-87-C-a
mương Cây Gia	TV	xã Suối Tiên	H. Diên Khánh			12° 12' 46"	109° 03' 26"	12° 13' 44"	109° 03' 19"	D-49-87-C-a
thôn Gò Mè	DC	xã Suối Tiên	H. Diên Khánh	12° 12' 52"	109° 03' 10"					D-49-87-C-a
thôn Kinh Tế Mới	DC	xã Suối Tiên	H. Diên Khánh	12° 13' 10"	109° 02' 18"					D-49-87-C-a
thôn Lỗ Gia	DC	xã Suối Tiên	H. Diên Khánh	12° 11' 41"	109° 02' 35"					D-49-87-C-a
sông Suối Dầu	TV	xã Suối Tiên	H. Diên Khánh			12° 05' 39"	108° 56' 55"	12° 15' 39"	109° 05' 12"	D-49-87-C-a
thôn Tân Khánh	DC	xã Suối Tiên	H. Diên Khánh	12° 12' 53"	109° 02' 32"					D-49-87-C-a
Suối Tiên	TV	xã Suối Tiên	H. Diên Khánh			12° 11' 43"	109° 00' 37"	12° 12' 30"	109° 03' 25"	D-49-87-C-a
thôn Xuân Phú 1	DC	xã Suối Tiên	H. Diên Khánh	12° 11' 48"	109° 03' 05"					D-49-87-C-a
thôn Xuân Phú 2	DC	xã Suối Tiên	H. Diên Khánh	12° 12' 16"	109° 03' 07"					D-49-87-C-a
đường tỉnh 656	KX	TT. Tô Hạp	H. Khánh Sơn			11° 54' 49"	109° 07' 54"	12° 02' 26"	108° 49' 02"	D-49-86-D-d
cầu C10	KX	TT. Tô Hạp	H. Khánh Sơn	12° 00' 07"	108° 55' 56"					D-49-86-D-d
thôn Dốc Gạo	DC	TT. Tô Hạp	H. Khánh Sơn	12° 00' 09"	108° 55' 51"					C-49-86-D-d
núi Dốc Gạo	SV	TT. Tô Hạp	H. Khánh Sơn	11° 58' 28"	108° 54' 46"					C-49-2-B-b
tổ dân phố Hạp Cường	DC	TT. Tô Hạp	H. Khánh Sơn	12° 00' 25"	108° 56' 42"					C-49-86-D-d
tổ dân phố Hạp Phú	DC	TT. Tô Hạp	H. Khánh Sơn	12° 00' 24"	108° 56' 51"					C-49-86-D-d
tổ dân phố Hạp Thịnh	DC	TT. Tô Hạp	H. Khánh Sơn	12° 00' 28"	108° 56' 25"					C-49-86-D-d
núi Hòn Dung	SV	TT. Tô Hạp	H. Khánh Sơn	12° 00' 43"	108° 55' 41"					D-49-86-D-d
cầu Huyện Đội	KX	TT. Tô Hạp	H. Khánh Sơn	12° 00' 26"	108° 56' 17"					D-49-86-D-d
thôn Tà Lương	DC	TT. Tô Hạp	H. Khánh Sơn	11° 59' 22"	108° 56' 06"					C-49-2-B-b
sông Tô Hạp	TV	TT. Tô Hạp	H. Khánh Sơn			11° 56' 58"	108° 59' 42"	12° 02' 06"	108° 49' 10"	D-49-86-D-d
núi Dốc Gạo	SV	xã Ba Cụm Nam	H. Khánh Sơn	11° 58' 28"	108° 54' 46"					C-49-2-B-b
núi Hà La Thượng	SV	xã Ba Cụm Nam	H. Khánh Sơn	11° 55' 13"	108° 58' 04"					C-49-2-B-b
thôn Hòn Gầm	DC	xã Ba Cụm Nam	H. Khánh Sơn	11° 56' 31"	108° 58' 38"					C-49-2-B-b
núi Hòn Gầm	SV	xã Ba Cụm Nam	H. Khánh Sơn	11° 58' 14"	108° 57' 08"					C-49-2-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Ka Tơ	DC	xã Ba Cụm Nam	H. Khánh Sơn	11° 56' 22"	108° 59' 31"					C-49-2-B-b
núi Lán Then	SV	xã Ba Cụm Nam	H. Khánh Sơn	11° 55' 44"	108° 57' 11"					C-49-2-B-b
thôn Suối Me	DC	xã Ba Cụm Nam	H. Khánh Sơn	11° 56' 05"	108° 59' 06"					C-49-2-B-b
suối Ta Bô	TV	xã Ba Cụm Nam	H. Khánh Sơn			11° 58' 03"	108° 54' 19"	12° 01' 37"	108° 53' 14"	C-49-2-B-b
sông Tô Hạp	TV	xã Ba Cụm Nam	H. Khánh Sơn			11° 56' 58"	108° 59' 42"	12° 02' 06"	108° 49' 10"	C-49-2-B-b
đường tỉnh 656	KX	xã Ba Cụm Bắc	H. Khánh Sơn			11° 54' 49"	109° 07' 54"	12° 02' 26"	108° 49' 02"	C-49-2-B-b; D-49-86-D-d
thôn A Thi	DC	xã Ba Cụm Bắc	H. Khánh Sơn	12° 00' 20"	108° 57' 37"					D-49-86-D-d
suối A Thi	TV	xã Ba Cụm Bắc	H. Khánh Sơn			12° 01' 28"	108° 59' 07"	12° 00' 24"	108° 57' 25"	D-49-86-D-d
núi Ba Cụm	SV	xã Ba Cụm Bắc	H. Khánh Sơn	12° 01' 59"	108° 59' 28"					D-49-86-D-d
thôn Dốc Trầu	DC	xã Ba Cụm Bắc	H. Khánh Sơn	11° 59' 03"	108° 59' 13"					C-49-2-B-b
núi Hòn Gầm	SV	xã Ba Cụm Bắc	H. Khánh Sơn	11° 58' 14"	108° 57' 08"					C-49-2-B-b
đèo Khánh Sơn	KX	xã Ba Cụm Bắc	H. Khánh Sơn	11° 58' 24"	109° 00' 14"					C-49-3-A-a
thôn Suối Đá	DC	xã Ba Cụm Bắc	H. Khánh Sơn	11° 59' 05"	108° 58' 27"					C-49-2-B-b
thôn Tha Mang	DC	xã Ba Cụm Bắc	H. Khánh Sơn	11° 59' 40"	108° 57' 50"					C-49-2-B-b
sông Tô Hạp	TV	xã Ba Cụm Bắc	H. Khánh Sơn			11° 56' 58"	108° 59' 42"	12° 02' 06"	108° 49' 10"	C-49-2-B-b; D-49-86-D-d
đường tỉnh 656	KX	xã Sơn Bình	H. Khánh Sơn			11° 54' 49"	109° 07' 54"	12° 02' 26"	108° 49' 02"	D-49-86-D-d
đường tỉnh 657K	KX	xã Sơn Bình	H. Khánh Sơn			12° 11' 24"	109° 10' 06"	12° 00' 26"	108° 54' 58"	D-49-86-D-d
thôn Cô Lắc	DC	xã Sơn Bình	H. Khánh Sơn	12° 01' 40"	108° 53' 56"					D-49-86-D-d
núi Dốc Rùa	SV	xã Sơn Bình	H. Khánh Sơn	12° 04' 39"	108° 54' 01"					D-49-86-D-d
núi Gia Ngheo	SV	xã Sơn Bình	H. Khánh Sơn	11° 57' 37"	108° 52' 44"					C-49-2-B-b
thôn Liên Bình	DC	xã Sơn Bình	H. Khánh Sơn	12° 01' 28"	108° 52' 58"					D-49-86-D-d
thôn Liên Hòa	DC	xã Sơn Bình	H. Khánh Sơn	12° 01' 23"	108° 53' 45"					D-49-86-D-d
Suối Sóc	TV	xã Sơn Bình	H. Khánh Sơn			11° 57' 56"	108° 52' 19"	12° 01' 12"	108° 53' 38"	C-49-2-B-b; D-49-86-D-d; C-49-2-B-a
suối Ta Bô	TV	xã Sơn Bình	H. Khánh Sơn			11° 58' 03"	108° 54' 19"	12° 01' 37"	108° 53' 14"	C-49-2-B-b; D-49-86-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
suối Tà Gụ	TV	xã Sơn Bình	H. Khánh Sơn			12° 06' 04"	108° 55' 59"	12° 01' 36"	108° 54' 41"	D-49-86-D-d
sông Tô Hạp	TV	xã Sơn Bình	H. Khánh Sơn			11° 56' 58"	108° 59' 42"	12° 02' 06"	108° 49' 10"	D-49-86-D-d
thôn Xóm Cỏ	DC	xã Sơn Bình	H. Khánh Sơn	12° 00' 24"	108° 53' 50"					D-49-86-D-d
đường tỉnh 656	KX	xã Sơn Hiệp	H. Khánh Sơn			11° 54' 49"	109° 07' 54"	12° 02' 26"	108° 49' 02"	D-49-86-D-d
đường tỉnh 657K	KX	xã Sơn Hiệp	H. Khánh Sơn			12° 11' 24"	109° 10' 06"	12° 00' 26"	108° 54' 58"	D-49-86-D-d
núi Chi Chay	SV	xã Sơn Hiệp	H. Khánh Sơn	12° 03' 12"	108° 56' 02"					D-49-86-D-d
suối Chi Chay	TV	xã Sơn Hiệp	H. Khánh Sơn			12° 04' 26"	108° 56' 26"	12° 01' 20"	108° 55' 08"	D-49-86-D-d
núi Dốc Gạo	SV	xã Sơn Hiệp	H. Khánh Sơn	11° 58' 28"	108° 54' 46"					C-49-2-B-b
thôn Hòn Dung	DC	xã Sơn Hiệp	H. Khánh Sơn	12° 01' 11"	108° 55' 31"					D-49-86-D-d
núi Hòn Dung	SV	xã Sơn Hiệp	H. Khánh Sơn	12° 00' 43"	108° 55' 41"					D-49-86-D-d
thôn Liên Hiệp	DC	xã Sơn Hiệp	H. Khánh Sơn	12° 00' 39"	108° 55' 10"					D-49-86-D-d
núi Pun Than	SV	xã Sơn Hiệp	H. Khánh Sơn	12° 04' 43"	108° 56' 06"					D-49-86-D-d
suối Ta Bô	TV	xã Sơn Hiệp	H. Khánh Sơn			11° 58' 03"	108° 54' 19"	12° 01' 37"	108° 53' 14"	C-49-2-B-b
thôn Tà Gụ	DC	xã Sơn Hiệp	H. Khánh Sơn	12° 01' 29"	108° 54' 47"					D-49-86-D-d
suối Tà Gụ	TV	xã Sơn Hiệp	H. Khánh Sơn			12° 06' 04"	108° 55' 59"	12° 01' 36"	108° 54' 41"	D-49-86-D-d
núi Tà Lo	SV	xã Sơn Hiệp	H. Khánh Sơn	12° 06' 02"	108° 55' 45"					D-49-86-D-d
sông Tô Hạp	TV	xã Sơn Hiệp	H. Khánh Sơn			11° 56' 58"	108° 59' 42"	12° 02' 06"	108° 49' 10"	D-49-86-D-d
thôn Xà Bói	DC	xã Sơn Hiệp	H. Khánh Sơn	12° 01' 10"	108° 55' 02"					D-49-86-D-d
đường tỉnh 656	KX	xã Sơn Lâm	H. Khánh Sơn			11° 54' 49"	109° 07' 54"	12° 02' 26"	108° 49' 02"	D-49-86-D-d; D-49-86-D-c
đường tỉnh 657K	KX	xã Sơn Lâm	H. Khánh Sơn			12° 11' 24"	109° 10' 06"	12° 00' 26"	108° 54' 58"	D-49-86-D-d
Hòn Bia	SV	xã Sơn Lâm	H. Khánh Sơn	12° 05' 57"	108° 52' 56"					D-49-86-D-d
thôn Cam Khánh	DC	xã Sơn Lâm	H. Khánh Sơn	12° 01' 45"	108° 52' 29"					D-49-86-D-c
núi Dốc Rùa	SV	xã Sơn Lâm	H. Khánh Sơn	12° 04' 39"	108° 54' 01"					D-49-86-D-d
thôn Du Oai	DC	xã Sơn Lâm	H. Khánh Sơn	12° 01' 49"	108° 51' 56"					D-49-86-D-c
thôn Ha Nít	DC	xã Sơn Lâm	H. Khánh Sơn	12° 01' 26"	108° 51' 18"					D-49-86-D-c
núi Kò Oa	SV	xã Sơn Lâm	H. Khánh Sơn	12° 02' 41"	108° 51' 53"					D-49-86-D-c
thôn Ko Róa	DC	xã Sơn Lâm	H. Khánh Sơn	12° 01' 56"	108° 51' 17"					D-49-86-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
cầu Ko Róa	KX	xã Sơn Lâm	H. Khánh Sơn	12° 01' 42"	108° 51' 31"					D-49-86-D-c
suối Ko Róa	TV	xã Sơn Lâm	H. Khánh Sơn			12° 07' 40"	108° 49' 44"	12° 01' 33"	108° 51' 29"	D-49-86-D-c
Suối Mả	TV	xã Sơn Lâm	H. Khánh Sơn			12° 02' 39"	108° 52' 06"	12° 01' 35"	108° 52' 01"	D-49-86-D-c
sông Tô Hạp	TV	xã Sơn Lâm	H. Khánh Sơn			11° 56' 58"	108° 59' 42"	12° 02' 06"	108° 49' 10"	D-49-86-D-c
núi Ya Lao	SV	xã Sơn Lâm	H. Khánh Sơn	12° 05' 23"	108° 53' 15"					D-49-86-D-d
núi Ba Cụm	SV	xã Sơn Trung	H. Khánh Sơn	12° 01' 59"	108° 59' 28"					D-49-86-D-d
thôn Chi Chay	DC	xã Sơn Trung	H. Khánh Sơn	12° 01' 36"	108° 56' 33"					D-49-86-D-d
cầu Chi Chay	KX	xã Sơn Trung	H. Khánh Sơn	12° 01' 49"	108° 56' 51"					D-49-86-D-d
suối Chi Chay	TV	xã Sơn Trung	H. Khánh Sơn			12° 04' 26"	108° 56' 26"	12° 01' 20"	108° 55' 08"	D-49-86-D-d
Trung tâm Y tế Khánh Sơn	KX	xã Sơn Trung	H. Khánh Sơn	12° 00' 43"	108° 57' 05"					D-49-86-D-d
suối Ko Róa	TV	xã Sơn Trung	H. Khánh Sơn			12° 03' 06"	108° 57' 32"	12° 01' 08"	108° 57' 19"	D-49-86-D-d
thôn Ma O	DC	xã Sơn Trung	H. Khánh Sơn	12° 01' 31"	108° 57' 11"					D-49-86-D-d
núi Ma O	SV	xã Sơn Trung	H. Khánh Sơn	12° 03' 39"	108° 57' 47"					D-49-86-D-d
núi Man Han	SV	xã Sơn Trung	H. Khánh Sơn	12° 03' 53"	108° 58' 59"					D-49-86-D-d
núi Pun Than	SV	xã Sơn Trung	H. Khánh Sơn	12° 04' 43"	108° 56' 06"					D-49-86-D-d
thôn Tà Nĩa	DC	xã Sơn Trung	H. Khánh Sơn	12° 00' 48"	108° 57' 14"					D-49-86-D-d
đường tỉnh 656	KX	xã Thành Sơn	H. Khánh Sơn			11° 54' 49"	109° 07' 54"	12° 02' 26"	108° 49' 02"	D-49-86-D-c
suối A Pa	TV	xã Thành Sơn	H. Khánh Sơn			12° 03' 52"	108° 49' 50"	12° 02' 19"	108° 50' 12"	D-49-86-D-c
thôn A Pa 1	DC	xã Thành Sơn	H. Khánh Sơn	12° 02' 24"	108° 50' 19"					D-49-86-D-c
thôn A Pa 2	DC	xã Thành Sơn	H. Khánh Sơn	12° 02' 26"	108° 49' 29"					D-49-86-D-c
Suối Chó	TV	xã Thành Sơn	H. Khánh Sơn			12° 05' 16"	108° 49' 22"	12° 03' 28"	108° 48' 42"	D-49-86-D-c
núi Già Lục	SV	xã Thành Sơn	H. Khánh Sơn	12° 02' 58"	108° 49' 44"					D-49-86-D-c
núi Ha Nít	SV	xã Thành Sơn	H. Khánh Sơn	12° 01' 26"	108° 49' 57"					D-49-86-D-c
sông Hàm Leo	TV	xã Thành Sơn	H. Khánh Sơn			12° 09' 39"	108° 47' 15"	12° 02' 06"	108° 49' 10"	D-49-86-D-c
núi Hòn Ria	SV	xã Thành Sơn	H. Khánh Sơn	12° 05' 30"	108° 49' 08"					D-49-86-D-c
suối Ko Róa	TV	xã Thành Sơn	H. Khánh Sơn			12° 07' 40"	108° 49' 44"	12° 01' 33"	108° 51' 29"	D-49-86-D-c
suối Ma Tắc	TV	xã Thành Sơn	H. Khánh Sơn			12° 04' 12"	108° 50' 25"	12° 02' 13"	108° 50' 35"	D-49-86-D-c
Núi Quang	SV	xã Thành Sơn	H. Khánh Sơn	12° 08' 26"	108° 49' 00"					D-49-86-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Tà Giang 1	DC	xã Thành Sơn	H. Khánh Sơn	12° 02' 39"	108° 49' 08"					D-49-86-D-c
thôn Tà Giang 2	DC	xã Thành Sơn	H. Khánh Sơn	12° 03' 40"	108° 48' 26"					D-49-86-D-c
sông Tô Hạp	TV	xã Thành Sơn	H. Khánh Sơn			11° 56' 58"	108° 59' 42"	12° 02' 06"	108° 49' 10"	D-49-86-D-c
Tổ dân phố 1	DC	TT. Khánh Vĩnh	H. Khánh Vĩnh	12° 16' 59"	108° 54' 12"					D-49-86-B-d
Tổ dân phố 2	DC	TT. Khánh Vĩnh	H. Khánh Vĩnh	12° 17' 02"	108° 54' 20"					D-49-86-B-d
đường 2 tháng 8	KX	TT. Khánh Vĩnh	H. Khánh Vĩnh			12° 16' 45"	108° 54' 26"	12° 17' 16"	108° 54' 05"	D-49-86-B-d
Tổ dân phố 3	DC	TT. Khánh Vĩnh	H. Khánh Vĩnh	12° 16' 28"	108° 53' 25"					D-49-86-B-d
Tổ dân phố 4	DC	TT. Khánh Vĩnh	H. Khánh Vĩnh	12° 16' 35"	108° 54' 28"					D-49-86-B-d
Tổ dân phố 5	DC	TT. Khánh Vĩnh	H. Khánh Vĩnh	12° 16' 37"	108° 54' 37"					D-49-86-B-d
Tổ dân phố 6	DC	TT. Khánh Vĩnh	H. Khánh Vĩnh	12° 16' 41"	108° 54' 47"					D-49-86-B-d
Tổ dân phố 7	DC	TT. Khánh Vĩnh	H. Khánh Vĩnh	12° 16' 59"	108° 55' 26"					D-49-86-B-d
đường tỉnh 653	KX	TT. Khánh Vĩnh	H. Khánh Vĩnh			12° 15' 25"	109° 05' 50"	12° 16' 37"	108° 54' 00"	D-49-86-B-c; D-49-86-B-d
đường tỉnh 653B	KX	TT. Khánh Vĩnh	H. Khánh Vĩnh			12° 14' 41"	109° 05' 32"	12° 16' 05"	108° 48' 50"	D-49-86-B-d
Sông Cái	TV	TT. Khánh Vĩnh	H. Khánh Vĩnh			12° 20' 38"	108° 44' 54"	12° 15' 48"	109° 11' 52"	D-49-86-A-d; D-49-86-B-c; D-49-86-B-d
núi Cây Sao	SV	TT. Khánh Vĩnh	H. Khánh Vĩnh	12° 15' 01"	108° 54' 51"					D-49-86-D-b
núi Cha Len	SV	TT. Khánh Vĩnh	H. Khánh Vĩnh	12° 15' 54"	108° 52' 59"					D-49-86-B-d
đường Hùng Vương	KX	TT. Khánh Vĩnh	H. Khánh Vĩnh			12° 16' 45"	108° 54' 26"	12° 17' 01"	108° 55' 57"	D-49-86-B-c; D-49-86-B-d
Trung tâm Y tế huyện Khánh Vĩnh	KX	TT. Khánh Vĩnh	H. Khánh Vĩnh	12° 17' 01"	108° 55' 06"					D-49-86-B-d
Sông Khế	TV	TT. Khánh Vĩnh	H. Khánh Vĩnh			12° 08' 46"	108° 49' 47"	12° 17' 24"	108° 54' 14"	D-49-86-B-d; D-49-86-D-b; D-49-86-D-a
cầu Sông Khế	KX	TT. Khánh Vĩnh	H. Khánh Vĩnh	12° 16' 47"	108° 54' 35"					D-49-86-B-d
cầu Thác Ngựa	KX	TT. Khánh Vĩnh	H. Khánh Vĩnh	12° 17' 16"	108° 54' 05"					D-49-86-B-d
đường tỉnh 653B	KX	xã Cầu Bà	H. Khánh Vĩnh			12° 14' 41"	109° 05' 32"	12° 16' 05"	108° 48' 50"	D-49-86-B-c; D-49-86-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Sông Cái	TV	xã Cầu Bà	H. Khánh Vĩnh			12° 20' 38"	108° 44' 54"	12° 15' 48"	109° 11' 52"	D-49-86-A-d; D-49-86-B-c; D-49-86-B-d
núi Cha Len	SV	xã Cầu Bà	H. Khánh Vĩnh	12° 15' 54"	108° 52' 59"					D-49-86-B-d
núi Dựt Mây	SV	xã Cầu Bà	H. Khánh Vĩnh	12° 14' 28"	108° 51' 39"					D-49-86-D-a
thôn Đá Bàn	DC	xã Cầu Bà	H. Khánh Vĩnh	12° 16' 22"	108° 52' 29"					D-49-86-B-c
thôn Đá Trắng	DC	xã Cầu Bà	H. Khánh Vĩnh	12° 16' 06"	108° 51' 41"					D-49-86-B-c
núi Ông Vua	SV	xã Cầu Bà	H. Khánh Vĩnh	12° 14' 55"	108° 52' 39"					D-49-86-D-b
Pu Vông	SV	xã Cầu Bà	H. Khánh Vĩnh	12° 13' 04"	108° 49' 49"					D-49-86-D-a
đường tỉnh 654D	KX	xã Giang Ly	H. Khánh Vĩnh			12° 16' 05"	108° 48' 50"	12° 11' 12"	108° 42' 47"	D-49-86-D-a; D-49-86-C-b
sông Bến Lội	TV	xã Giang Ly	H. Khánh Vĩnh			12° 11' 05"	108° 42' 59"	12° 16' 18"	108° 48' 42"	D-49-86-D-a; D-49-86-C-b; D-49-86-B-c
núi Cây Sao	SV	xã Giang Ly	H. Khánh Vĩnh	12° 14' 21"	108° 47' 17"					D-49-86-D-a
hòn Gia Lo	SV	xã Giang Ly	H. Khánh Vĩnh	12° 16' 33"	108° 43' 18"					D-49-86-A-d
thôn Gia Lố	DC	xã Giang Ly	H. Khánh Vĩnh	12° 15' 27"	108° 48' 01"					D-49-86-B-c
thôn Gia Rít	DC	xã Giang Ly	H. Khánh Vĩnh	12° 16' 04"	108° 48' 35"					D-49-86-B-c
Hòn Giao	SV	xã Giang Ly	H. Khánh Vĩnh	12° 13' 08"	108° 43' 12"					D-49-86-C-b
Suối Lách	TV	xã Giang Ly	H. Khánh Vĩnh			12° 13' 22"	108° 43' 44"	12° 15' 47"	108° 48' 40"	D-49-86-D-a; D-49-86-B-c; D-49-86-C-b
Sông Mao	TV	xã Giang Ly	H. Khánh Vĩnh			12° 14' 13"	108° 42' 11"	12° 16' 40"	108° 48' 14"	D-49-86-A-d; D-49-86-C-b
đường tỉnh 652H	KX	xã Khánh Bình	H. Khánh Vĩnh			12° 30' 59"	109° 02' 37"	12° 16' 17"	109° 06' 31"	D-49-86-B-b; D-49-86-B-d
đường tỉnh 654	KX	xã Khánh Bình	H. Khánh Vĩnh			12° 21' 54"	108° 57' 16"	12° 24' 43"	108° 52' 41"	D-49-86-B-d
đường tỉnh 654B	KX	xã Khánh Bình	H. Khánh Vĩnh			12° 17' 16"	108° 54' 05"	12° 21' 38"	108° 57' 33"	D-49-86-B-d
thôn Ba Dùi	DC	xã Khánh Bình	H. Khánh Vĩnh	12° 23' 13"	108° 57' 12"					D-49-86-B-b
thôn Bến Khế	DC	xã Khánh Bình	H. Khánh Vĩnh	12° 21' 39"	108° 57' 37"					D-49-86-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Bến Lễ	DC	xã Khánh Bình	H. Khánh Vĩnh	12° 22' 21"	108° 56' 60"					D-49-86-B-d
thôn Cà Hon	DC	xã Khánh Bình	H. Khánh Vĩnh	12° 22' 01"	108° 56' 51"					D-49-86-B-d
cầu Cà Hon	KX	xã Khánh Bình	H. Khánh Vĩnh	12° 21' 33"	108° 57' 59"					D-49-86-B-d
suối Cà Hon	TV	xã Khánh Bình	H. Khánh Vĩnh			12° 22' 50"	108° 56' 14"	12° 21' 27"	108° 57' 56"	D-49-86-B-b; D-49-86-B-d
Sông Chò	TV	xã Khánh Bình	H. Khánh Vĩnh			12° 28' 24"	108° 52' 29"	12° 17' 12"	109° 00' 16"	D-49-86-B-b; D-49-86-B-d
Hòn Chuông	SV	xã Khánh Bình	H. Khánh Vĩnh	12° 26' 24"	108° 53' 18"					D-49-86-B-b
Hòn Giữ	SV	xã Khánh Bình	H. Khánh Vĩnh	12° 26' 28"	108° 56' 38"					D-49-86-B-b
núi Hòn Bồ	SV	xã Khánh Bình	H. Khánh Vĩnh	12° 28' 00"	108° 55' 54"					D-49-86-B-b
núi Hòn Đỏ	SV	xã Khánh Bình	H. Khánh Vĩnh	12° 20' 07"	108° 56' 07"					D-49-86-B-d
Núi Hồng	SV	xã Khánh Bình	H. Khánh Vĩnh	12° 24' 08"	108° 59' 23"					D-49-86-B-b
cầu Khánh Bình	KX	xã Khánh Bình	H. Khánh Vĩnh	12° 22' 02"	108° 57' 11"					D-49-86-B-d
chư Mơ Ta	SV	xã Khánh Bình	H. Khánh Vĩnh	12° 27' 11"	108° 53' 04"					D-49-86-B-b
cầu Sông Chò	KX	xã Khánh Bình	H. Khánh Vĩnh	12° 21' 32"	108° 57' 31"					D-49-86-B-d
hòn Sông Đang	SV	xã Khánh Bình	H. Khánh Vĩnh	12° 28' 15"	108° 54' 58"					D-49-86-B-b
đường tỉnh 652H	KX	xã Khánh Đông	H. Khánh Vĩnh			12° 30' 59"	109° 02' 37"	12° 16' 17"	109° 06' 31"	D-49-86-B-b; D-49-86-B-d
Hòn Bà	SV	xã Khánh Đông	H. Khánh Vĩnh	12° 23' 60"	109° 02' 58"					D-49-87-A-a
cầu Cà Hon	KX	xã Khánh Đông	H. Khánh Vĩnh	12° 21' 33"	108° 57' 59"					D-49-86-B-d
suối Cà Hon	TV	xã Khánh Đông	H. Khánh Vĩnh			12° 22' 50"	108° 56' 14"	12° 21' 27"	108° 57' 56"	D-49-86-B-b; D-49-86-B-d
cầu Cây Sung	KX	xã Khánh Đông	H. Khánh Vĩnh	12° 20' 46"	108° 58' 41"					D-49-86-B-d
Sông Chò	TV	xã Khánh Đông	H. Khánh Vĩnh			12° 28' 24"	108° 52' 29"	12° 17' 12"	109° 00' 16"	D-49-86-B-b; D-49-86-B-d
núi Đá Treo	SV	xã Khánh Đông	H. Khánh Vĩnh	12° 23' 36"	109° 01' 18"					D-49-87-A-a
Hòn Giữ	SV	xã Khánh Đông	H. Khánh Vĩnh	12° 20' 55"	109° 01' 02"					D-49-87-A-c
núi Hòn Lớn	SV	xã Khánh Đông	H. Khánh Vĩnh	12° 24' 08"	108° 59' 23"					D-49-86-B-b
thôn Suối Cau	DC	xã Khánh Đông	H. Khánh Vĩnh	12° 21' 30"	108° 58' 14"					D-49-86-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
cầu Suối Khao	KX	xã Khánh Đông	H. Khánh Vĩnh	12° 21' 26"	108° 58' 23"					D-49-86-B-d
thôn Suối Sâu	DC	xã Khánh Đông	H. Khánh Vĩnh	12° 20' 50"	108° 58' 40"					D-49-86-B-d
cầu Suối Sâu	KX	xã Khánh Đông	H. Khánh Vĩnh	12° 20' 19"	108° 58' 31"					D-49-86-B-d
thôn Suối Thơm	DC	xã Khánh Đông	H. Khánh Vĩnh	12° 22' 22"	108° 59' 19"					D-49-86-B-d
cầu Suối Tre	KX	xã Khánh Đông	H. Khánh Vĩnh	12° 21' 09"	108° 58' 35"					D-49-86-B-d
đường tỉnh 654	KX	xã Khánh Hiệp	H. Khánh Vĩnh			12° 21' 54"	108° 57' 16"	12° 24' 43"	108° 52' 41"	D-49-86-B-b
đường tỉnh 654B	KX	xã Khánh Hiệp	H. Khánh Vĩnh			12° 17' 16"	108° 54' 05"	12° 21' 38"	108° 57' 33"	D-49-86-B-d
thôn Ba Cẳng	DC	xã Khánh Hiệp	H. Khánh Vĩnh	12° 23' 55"	108° 54' 00"					D-49-86-B-b
Chư Biu	SV	xã Khánh Hiệp	H. Khánh Vĩnh	12° 23' 35"	108° 50' 35"					D-49-86-B-a
suối Cà Thêu	TV	xã Khánh Hiệp	H. Khánh Vĩnh			12° 24' 37"	108° 50' 04"	12° 23' 50"	108° 53' 08"	D-49-86-B-a
thôn Cà Thiêu	DC	xã Khánh Hiệp	H. Khánh Vĩnh	12° 22' 20"	108° 54' 54"					D-49-86-B-b
Hòn Chao	SV	xã Khánh Hiệp	H. Khánh Vĩnh	12° 27' 19"	108° 51' 34"					D-49-86-B-a
Sông Chò	TV	xã Khánh Hiệp	H. Khánh Vĩnh			12° 28' 24"	108° 52' 29"	12° 17' 12"	109° 00' 16"	D-49-86-B-b; D-49-86-B-d
Sông Chò	TV	xã Khánh Hiệp	H. Khánh Vĩnh			12° 29' 15"	108° 45' 36"	12° 25' 23"	108° 52' 47"	D-49-86-B-a; D-49-86-B-b
Hòn Chuông	SV	xã Khánh Hiệp	H. Khánh Vĩnh	12° 26' 24"	108° 53' 18"					D-49-86-B-b
chư Gren	SV	xã Khánh Hiệp	H. Khánh Vĩnh	12° 30' 09"	108° 47' 07"					D-49-74-D-c
núi Hòn Bà	SV	xã Khánh Hiệp	H. Khánh Vĩnh	12° 22' 35"	108° 53' 03"					D-49-86-B-d
thôn Hòn Lay	DC	xã Khánh Hiệp	H. Khánh Vĩnh	12° 22' 41"	108° 56' 09"					D-49-86-B-b
Hòn Liêng	SV	xã Khánh Hiệp	H. Khánh Vĩnh	12° 25' 12"	108° 48' 54"					D-49-86-B-a
chư Mơ Ta	SV	xã Khánh Hiệp	H. Khánh Vĩnh	12° 27' 11"	108° 53' 04"					D-49-86-B-b
Hòn Mưa	SV	xã Khánh Hiệp	H. Khánh Vĩnh	12° 23' 28"	108° 52' 38"					D-49-86-B-b
Chư Pai	SV	xã Khánh Hiệp	H. Khánh Vĩnh	12° 28' 13"	108° 49' 58"					D-49-86-B-a
thôn Soi Mít	DC	xã Khánh Hiệp	H. Khánh Vĩnh	12° 22' 18"	108° 55' 25"					D-49-86-B-b
hòn Tô Lê	SV	xã Khánh Hiệp	H. Khánh Vĩnh	12° 25' 03"	108° 51' 50"					D-49-86-B-a
Chư Tông	SV	xã Khánh Hiệp	H. Khánh Vĩnh	12° 28' 06"	108° 44' 20"					D-49-86-A-b
Chư Tung	SV	xã Khánh Hiệp	H. Khánh Vĩnh	12° 26' 15"	108° 45' 52"					D-49-86-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Thôn 6	DC	xã Khánh Nam	H. Khánh Vĩnh	12° 17' 05"	108° 55' 23"					D-49-86-B-d
đường tỉnh 654B	KX	xã Khánh Nam	H. Khánh Vĩnh			12° 17' 16"	108° 54' 05"	12° 21' 38"	108° 57' 33"	D-49-86-B-d
thôn A Xây	DC	xã Khánh Nam	H. Khánh Vĩnh	12° 18' 15"	108° 52' 41"					D-49-86-B-d
suối Cà Luông	TV	xã Khánh Nam	H. Khánh Vĩnh			12° 17' 59"	108° 51' 20"	12° 17' 12"	108° 54' 03"	D-49-86-B-c; D-49-86-B-d
Sông Cái	TV	xã Khánh Nam	H. Khánh Vĩnh			12° 20' 38"	108° 44' 54"	12° 15' 48"	109° 11' 52"	D-49-86-A-d; D-49-86-B-c; D-49-86-B-d
Sông Giang	TV	xã Khánh Nam	H. Khánh Vĩnh			12° 28' 31"	108° 44' 04"	12° 17' 12"	108° 55' 13"	D-49-86-A-b; D-49-86-B-a; D-49-86-B-c; D-49-86-B-d
núi Giáng Hương	SV	xã Khánh Nam	H. Khánh Vĩnh	12° 18' 16"	108° 53' 23"					D-49-86-B-d
thôn Hòn Dù	DC	xã Khánh Nam	H. Khánh Vĩnh	12° 17' 37"	108° 53' 34"					D-49-86-B-d
núi Hòn Dù	SV	xã Khánh Nam	H. Khánh Vĩnh	12° 18' 56"	108° 51' 07"					D-49-86-B-c
Hòn Lây	SV	xã Khánh Nam	H. Khánh Vĩnh	12° 19' 08"	108° 56' 02"					D-49-86-B-d
hòn Lây Đông	SV	xã Khánh Nam	H. Khánh Vĩnh	12° 18' 52"	108° 56' 59"					D-49-86-B-d
cầu Thác Ngựa	KX	xã Khánh Nam	H. Khánh Vĩnh	12° 17' 16"	108° 54' 05"					D-49-86-B-d
đường tỉnh 653D	KX	xã Khánh Phú	H. Khánh Vĩnh			12° 15' 48"	109° 02' 09"	12° 17' 00"	108° 56' 32"	D-49-86-B-d
đường tỉnh 657K	KX	xã Khánh Phú	H. Khánh Vĩnh			12° 11' 24"	109° 10' 06"	12° 00' 26"	108° 54' 58"	D-49-86-D-d
Hòn Bà	SV	xã Khánh Phú	H. Khánh Vĩnh	12° 06' 38"	108° 56' 23"					D-49-86-D-d
Hòn Bia	SV	xã Khánh Phú	H. Khánh Vĩnh	12° 05' 57"	108° 52' 56"					D-49-86-D-d
Sông Cầu	TV	xã Khánh Phú	H. Khánh Vĩnh			12° 08' 57"	108° 52' 46"	12° 17' 11"	108° 56' 27"	D-49-86-D-b; D-49-86-B-d
suối Cha Lo	TV	xã Khánh Phú	H. Khánh Vĩnh			12° 05' 45"	108° 53' 58"	12° 09' 59"	108° 54' 11"	D-49-86-D-b; D-49-86-D-d
suối Cô Hoán	TV	xã Khánh Phú	H. Khánh Vĩnh			12° 07' 01"	108° 50' 46"	12° 08' 57"	108° 52' 46"	D-49-86-D-a; D-49-86-D-c; D-49-86-D-b
thôn Giang Mương	DC	xã Khánh Phú	H. Khánh Vĩnh	12° 14' 04"	108° 55' 57"					D-49-86-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Hòn Giọt	SV	xã Khánh Phú	H. Khánh Vĩnh	12° 12' 39"	108° 57' 02"					D-49-86-D-b
suối Ho Cho	TV	xã Khánh Phú	H. Khánh Vĩnh			12° 10' 51"	108° 56' 40"	12° 11' 43"	108° 55' 01"	D-49-86-D-b
thôn Ngã Hai	DC	xã Khánh Phú	H. Khánh Vĩnh	12° 13' 38"	108° 55' 46"					D-49-86-D-b
suối Ngon Tua	TV	xã Khánh Phú	H. Khánh Vĩnh			12° 05' 57"	108° 53' 10"	12° 09' 45"	108° 54' 19"	D-49-86-D-b; D-49-86-D-d
thôn Nước Nhĩ	DC	xã Khánh Phú	H. Khánh Vĩnh	12° 15' 12"	108° 57' 11"					D-49-86-B-d
thôn Sơn Thành	DC	xã Khánh Phú	H. Khánh Vĩnh	12° 13' 28"	108° 55' 11"					D-49-86-D-b
núi Suối Xuyên	SV	xã Khánh Phú	H. Khánh Vĩnh	12° 13' 06"	108° 54' 30"					D-49-86-D-b
núi Tà Lo	SV	xã Khánh Phú	H. Khánh Vĩnh	12° 06' 02"	108° 55' 45"					D-49-86-D-d
núi Ya Lao	SV	xã Khánh Phú	H. Khánh Vĩnh	12° 05' 23"	108° 53' 15"					D-49-86-D-d
cống Cà Giang	KX	xã Khánh Thành	H. Khánh Vĩnh	12° 15' 10"	108° 52' 60"					D-49-86-B-d
núi Cây Dầu	SV	xã Khánh Thành	H. Khánh Vĩnh	12° 14' 29"	108° 54' 36"					D-49-86-D-b
núi Cây Sao	SV	xã Khánh Thành	H. Khánh Vĩnh	12° 15' 01"	108° 54' 51"					D-49-86-D-b
núi Cha Len	SV	xã Khánh Thành	H. Khánh Vĩnh	12° 15' 54"	108° 52' 59"					D-49-86-B-d
núi Dựt Mây	SV	xã Khánh Thành	H. Khánh Vĩnh	12° 14' 28"	108° 51' 39"					D-49-86-D-a
thôn Gia Răng	DC	xã Khánh Thành	H. Khánh Vĩnh	12° 16' 08"	108° 54' 22"					D-49-86-B-d
thôn Gia Rú	DC	xã Khánh Thành	H. Khánh Vĩnh	12° 15' 44"	108° 53' 47"					D-49-86-B-d
thôn Giòng Cạo	DC	xã Khánh Thành	H. Khánh Vĩnh	12° 15' 22"	108° 53' 23"					D-49-86-B-d
núi Hòn Lay	SV	xã Khánh Thành	H. Khánh Vĩnh	12° 14' 05"	108° 54' 03"					D-49-86-D-b
Sông Khế	TV	xã Khánh Thành	H. Khánh Vĩnh			12° 08' 46"	108° 49' 47"	12° 17' 24"	108° 54' 14"	D-49-86-B-d; D-49-86-D-b; D-49-86-D-a
núi Ông Vua	SV	xã Khánh Thành	H. Khánh Vĩnh	12° 14' 55"	108° 52' 39"					D-49-86-D-b
Núi Quang	SV	xã Khánh Thành	H. Khánh Vĩnh	12° 08' 26"	108° 49' 00"					D-49-86-D-a
thôn Tà Mơ	DC	xã Khánh Thành	H. Khánh Vĩnh	12° 14' 18"	108° 52' 45"					D-49-86-B-d
Pu Vông	SV	xã Khánh Thành	H. Khánh Vĩnh	12° 13' 04"	108° 49' 49"					D-49-86-D-a
chư A Cho Chai	SV	xã Khánh Thượng	H. Khánh Vĩnh	12° 23' 49"	108° 40' 29"					D-49-86-A-b
chư Bon Giang	SV	xã Khánh Thượng	H. Khánh Vĩnh	12° 23' 06"	108° 46' 43"					D-49-86-B-a
chư Bon Gion	SV	xã Khánh Thượng	H. Khánh Vĩnh	12° 22' 33"	108° 47' 53"					D-49-86-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Sông Cái	TV	xã Khánh Thượng	H. Khánh Vĩnh			12° 20' 38"	108° 44' 54"	12° 15' 48"	109° 11' 52"	D-49-86-A-d; D-49-86-B-c; D-49-86-B-d
chư Can Da	SV	xã Khánh Thượng	H. Khánh Vĩnh	12° 22' 22"	108° 43' 37"					D-49-86-A-d
suối Đa Mu	TV	xã Khánh Thượng	H. Khánh Vĩnh			12° 18' 09"	108° 44' 55"	12° 17' 34"	108° 46' 41"	D-49-86-B-c; D-49-86-A-d
thôn Đa Râm	DC	xã Khánh Thượng	H. Khánh Vĩnh	12° 17' 01"	108° 48' 19"					D-49-86-B-c
suối Đá Răm	TV	xã Khánh Thượng	H. Khánh Vĩnh			12° 18' 41"	108° 48' 54"	12° 16' 36"	108° 48' 36"	D-49-86-B-c
hòn Gia Lo	SV	xã Khánh Thượng	H. Khánh Vĩnh	12° 16' 33"	108° 43' 18"					D-49-86-A-d
suối Gia Lo	TV	xã Khánh Thượng	H. Khánh Vĩnh			12° 17' 38"	108° 42' 19"	12° 18' 09"	108° 44' 55"	D-49-86-A-d
núi Gia Rích	SV	xã Khánh Thượng	H. Khánh Vĩnh	12° 19' 28"	108° 41' 02"					D-49-86-A-d
Hòn Giu	SV	xã Khánh Thượng	H. Khánh Vĩnh	12° 20' 00"	108° 50' 45"					D-49-86-B-c
chư Góp Gioi	SV	xã Khánh Thượng	H. Khánh Vĩnh	12° 21' 14"	108° 49' 52"					D-49-86-B-c
chư Hét Tia La	SV	xã Khánh Thượng	H. Khánh Vĩnh	12° 23' 39"	108° 43' 10"					D-49-86-A-b
núi Hòn Dù	SV	xã Khánh Thượng	H. Khánh Vĩnh	12° 18' 56"	108° 51' 07"					D-49-86-B-c
Sông La	TV	xã Khánh Thượng	H. Khánh Vĩnh			12° 20' 38"	108° 44' 54"	12° 23' 17"	108° 41' 20"	D-49-86-A-b; D-49-86-A-d
chư La Hu	SV	xã Khánh Thượng	H. Khánh Vĩnh	12° 21' 01"	108° 40' 32"					D-49-86-A-d
suối Liên Can	TV	xã Khánh Thượng	H. Khánh Vĩnh			12° 21' 06"	108° 40' 43"	12° 21' 35"	108° 43' 21"	D-49-86-A-d
suối Liên Run	TV	xã Khánh Thượng	H. Khánh Vĩnh			12° 18' 49"	108° 41' 18"	12° 20' 56"	108° 44' 06"	D-49-86-A-d
Chư Lun	SV	xã Khánh Thượng	H. Khánh Vĩnh	12° 19' 04"	108° 42' 58"					D-49-86-A-d
Sông Mao	TV	xã Khánh Thượng	H. Khánh Vĩnh			12° 14' 13"	108° 44' 31"	12° 16' 40"	108° 48' 14"	D-49-86-B-c; D-49-86-A-d
hòn Pa Bu	SV	xã Khánh Thượng	H. Khánh Vĩnh	12° 18' 12"	108° 42' 55"					D-49-86-A-d
Da Rou	TV	xã Khánh Thượng	H. Khánh Vĩnh			12° 18' 45"	108° 41' 40"	12° 18' 08"	108° 46' 01"	D-49-86-A-d; D-49-86-B-c
suối Sa Bắc	TV	xã Khánh Thượng	H. Khánh Vĩnh			12° 19' 04"	108° 49' 44"	12° 16' 14"	108° 49' 54"	D-49-86-B-c
thôn Suối Cát	DC	xã Khánh Thượng	H. Khánh Vĩnh	12° 17' 05"	108° 48' 17"					D-49-86-B-c
thôn Tà Gộc	DC	xã Khánh Thượng	H. Khánh Vĩnh	12° 16' 55"	108° 47' 40"					D-49-86-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Thôn Trang	DC	xã Khánh Thượng	H. Khánh Vĩnh	12° 16' 12"	108° 48' 28"					D-49-86-B-c
chư Tu Ha	SV	xã Khánh Thượng	H. Khánh Vĩnh	12° 16' 26"	108° 46' 25"					D-49-86-B-c
đường tỉnh 654B	KX	xã Khánh Trung	H. Khánh Vĩnh			12° 17' 16"	108° 54' 05"	12° 21' 38"	108° 57' 33"	D-49-86-B-d
chư A Cho Chai	SV	xã Khánh Trung	H. Khánh Vĩnh	12° 23' 49"	108° 40' 29"					D-49-86-A-b
Chư Biu	SV	xã Khánh Trung	H. Khánh Vĩnh	12° 23' 35"	108° 50' 35"					D-49-86-B-a
chư Bon Giang	SV	xã Khánh Trung	H. Khánh Vĩnh	12° 23' 06"	108° 46' 43"					D-49-86-B-a
chư Bon Gion	SV	xã Khánh Trung	H. Khánh Vĩnh	12° 22' 33"	108° 47' 53"					D-49-86-B-a
Chư Chang	SV	xã Khánh Trung	H. Khánh Vĩnh	12° 28' 38"	108° 42' 56"					D-49-86-A-b
Sông Giang	TV	xã Khánh Trung	H. Khánh Vĩnh			12° 28' 31"	108° 44' 04"	12° 17' 12"	108° 55' 13"	D-49-86-A-b; D-49-86-B-a; D-49-86-B-c; D-49-86-B-d
Ea Gióc	TV	xã Khánh Trung	H. Khánh Vĩnh			12° 26' 36"	108° 40' 57"	12° 27' 05"	108° 43' 32"	D-49-86-A-b
Hòn Giu	SV	xã Khánh Trung	H. Khánh Vĩnh	12° 20' 00"	108° 50' 45"					D-49-86-B-c
chư Góp Gioi	SV	xã Khánh Trung	H. Khánh Vĩnh	12° 21' 14"	108° 49' 52"					D-49-86-B-c
chư Hét Tia La	SV	xã Khánh Trung	H. Khánh Vĩnh	12° 23' 39"	108° 43' 10"					D-49-86-A-b
Ea Hoa	TV	xã Khánh Trung	H. Khánh Vĩnh			12° 25' 27"	108° 40' 20"	12° 26' 57"	108° 43' 36"	D-49-86-A-b
núi Hòn Bà	SV	xã Khánh Trung	H. Khánh Vĩnh	12° 22' 35"	108° 53' 03"					D-49-86-B-d
núi Hòn Đỏ	SV	xã Khánh Trung	H. Khánh Vĩnh	12° 20' 07"	108° 56' 07"					D-49-86-B-d
núi Hòn Dù	SV	xã Khánh Trung	H. Khánh Vĩnh	12° 18' 56"	108° 51' 07"					D-49-86-B-c
núi Hòn Mang	SV	xã Khánh Trung	H. Khánh Vĩnh	12° 19' 36"	108° 55' 55"					D-49-86-B-d
Chư La	SV	xã Khánh Trung	H. Khánh Vĩnh	12° 26' 16"	108° 39' 54"					D-49-86-A-b
Hòn Lây	SV	xã Khánh Trung	H. Khánh Vĩnh	12° 19' 08"	108° 56' 02"					D-49-86-B-d
Hòn Liêng	SV	xã Khánh Trung	H. Khánh Vĩnh	12° 25' 12"	108° 48' 54"					D-49-86-B-a
núi Ma Dai	SV	xã Khánh Trung	H. Khánh Vĩnh	12° 19' 36"	108° 54' 18"					D-49-86-B-d
Suối Mèo	TV	xã Khánh Trung	H. Khánh Vĩnh			12° 24' 07"	108° 40' 27"	12° 25' 46"	108° 44' 39"	D-49-86-A-b
Chư Pang	SV	xã Khánh Trung	H. Khánh Vĩnh	12° 28' 54"	108° 41' 52"					D-49-86-A-b
thôn Sông Giang	DC	xã Khánh Trung	H. Khánh Vĩnh	12° 20' 10"	108° 54' 05"					D-49-86-B-d
cầu Sông Giang	KX	xã Khánh Trung	H. Khánh Vĩnh	12° 19' 39"	108° 53' 41"					D-49-86-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Suối Cá	DC	xã Khánh Trung	H. Khánh Vĩnh	12° 19' 34"	108° 53' 34"					D-49-86-B-d
thôn Suối Lách	DC	xã Khánh Trung	H. Khánh Vĩnh	12° 19' 12"	108° 53' 19"					D-49-86-B-d
cầu Suối Lách	KX	xã Khánh Trung	H. Khánh Vĩnh	12° 19' 18"	108° 53' 23"					D-49-86-B-d
Ea Tong	TV	xã Khánh Trung	H. Khánh Vĩnh			12° 28' 26"	108° 42' 24"	12° 27' 33"	108° 43' 12"	D-49-86-A-b
Chư Tông	SV	xã Khánh Trung	H. Khánh Vĩnh	12° 28' 06"	108° 44' 20"					D-49-86-A-b
Chư Tung	SV	xã Khánh Trung	H. Khánh Vĩnh	12° 26' 15"	108° 45' 52"					D-49-86-A-b
đường tỉnh 653B	KX	xã Liên Sang	H. Khánh Vĩnh			12° 14' 41"	109° 05' 32"	12° 16' 05"	108° 48' 50"	D-49-86-B-c; D-49-86-B-d
đường tỉnh 654D	KX	xã Liên Sang	H. Khánh Vĩnh			12° 16' 05"	108° 48' 50"	12° 11' 12"	108° 42' 47"	D-49-86-B-c
núi Ba Chảo	SV	xã Liên Sang	H. Khánh Vĩnh	12° 10' 47"	108° 46' 55"					D-49-86-D-a
thôn Bầu Sang	DC	xã Liên Sang	H. Khánh Vĩnh	12° 16' 04"	108° 49' 31"					D-49-86-B-c
sông Bến Lội	TV	xã Liên Sang	H. Khánh Vĩnh			12° 11' 05"	108° 42' 59"	12° 16' 18"	108° 48' 42"	D-49-86-D-a; D-49-86-B-c
cầu Cà Lung	KX	xã Liên Sang	H. Khánh Vĩnh	12° 16' 10"	108° 49' 58"					D-49-86-B-c
Sông Cái	TV	xã Liên Sang	H. Khánh Vĩnh			12° 20' 38"	108° 44' 54"	12° 15' 48"	109° 11' 52"	D-49-86-A-d; D-49-86-B-c; D-49-86-B-d
thôn Chà Liên	DC	xã Liên Sang	H. Khánh Vĩnh	12° 15' 60"	108° 48' 47"					D-49-86-B-c
núi Chà Liên	SV	xã Liên Sang	H. Khánh Vĩnh	12° 15' 34"	108° 49' 20"					D-49-86-B-c
Sông Khế	TV	xã Liên Sang	H. Khánh Vĩnh			12° 08' 46"	108° 49' 47"	12° 17' 24"	108° 54' 14"	D-49-86-B-d; D-49-86-D-b; D-49-86-D-a
núi Tỉnh Ủy	SV	xã Liên Sang	H. Khánh Vĩnh	12° 11' 49"	108° 46' 43"					D-49-86-D-a
đường tỉnh 654D	KX	xã Sơn Thái	H. Khánh Vĩnh			12° 16' 05"	108° 48' 50"	12° 11' 12"	108° 42' 47"	D-49-86-B-c
sông Bến Lội	TV	xã Sơn Thái	H. Khánh Vĩnh			12° 11' 05"	108° 42' 59"	12° 16' 18"	108° 48' 42"	D-49-86-D-a; D-49-86-C-b; D-49-86-B-c
thôn Bố Lang	DC	xã Sơn Thái	H. Khánh Vĩnh	12° 15' 00"	108° 48' 36"					D-49-86-B-c
núi Cây Sao	SV	xã Sơn Thái	H. Khánh Vĩnh	12° 14' 21"	108° 47' 17"					D-49-86-D-a
thôn Giang Biên	DC	xã Sơn Thái	H. Khánh Vĩnh	12° 15' 10"	108° 48' 45"					D-49-86-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Hòn Giao	SV	xã Sơn Thái	H. Khánh Vĩnh	12° 13' 08"	108° 43' 12"					D-49-86-C-b
núi Hòn Giao	SV	xã Sơn Thái	H. Khánh Vĩnh	12° 12' 49"	108° 42' 59"					D-49-86-C-b
núi Tỉnh Ủy	SV	xã Sơn Thái	H. Khánh Vĩnh	12° 11' 49"	108° 46' 43"					D-49-86-D-a
đường tỉnh 653	KX	xã Sông Cầu	H. Khánh Vĩnh			12° 15' 25"	109° 05' 50"	12° 16' 37"	108° 54' 00"	D-49-86-B-c; D-49-86-B-d
đường tỉnh 653B	KX	xã Sông Cầu	H. Khánh Vĩnh			12° 14' 41"	109° 05' 32"	12° 16' 05"	108° 48' 50"	D-49-86-B-d
đường tỉnh 653D	KX	xã Sông Cầu	H. Khánh Vĩnh			12° 15' 48"	109° 02' 09"	12° 17' 00"	108° 56' 32"	D-49-86-B-d
Sông Cái	TV	xã Sông Cầu	H. Khánh Vĩnh			12° 20' 38"	108° 44' 54"	12° 15' 48"	109° 11' 52"	D-49-86-A-d; D-49-86-B-c; D-49-86-B-d
Sông Cầu	TV	xã Sông Cầu	H. Khánh Vĩnh			12° 08' 57"	108° 52' 46"	12° 17' 11"	108° 56' 27"	D-49-86-D-b; D-49-86-B-d
núi Cây Dầu	SV	xã Sông Cầu	H. Khánh Vĩnh	12° 14' 29"	108° 54' 36"					D-49-86-D-b
núi Cây Sao	SV	xã Sông Cầu	H. Khánh Vĩnh	12° 15' 01"	108° 54' 51"					D-49-86-D-b
Thôn Đông	DC	xã Sông Cầu	H. Khánh Vĩnh	12° 16' 55"	108° 56' 38"					D-49-86-B-d
núi Hòn Lay	SV	xã Sông Cầu	H. Khánh Vĩnh	12° 14' 05"	108° 54' 03"					D-49-86-D-b
Thôn Nam	DC	xã Sông Cầu	H. Khánh Vĩnh	12° 15' 44"	108° 56' 49"					D-49-86-B-d
núi Sải Me	SV	xã Sông Cầu	H. Khánh Vĩnh	12° 16' 45"	108° 57' 30"					D-49-86-B-d
cầu Sông Cầu	KX	xã Sông Cầu	H. Khánh Vĩnh	12° 17' 02"	108° 56' 29"					D-49-86-B-d
núi Suối Xuyên	SV	xã Sông Cầu	H. Khánh Vĩnh	12° 13' 06"	108° 54' 30"					D-49-86-D-b
Thôn Tây	DC	xã Sông Cầu	H. Khánh Vĩnh	12° 16' 58"	108° 56' 17"					D-49-86-B-d
Tổ dân phố 1	DC	TT. Vạn Giã	H. Vạn Ninh	12° 42' 11"	109° 13' 33"					D-49-75-C-b
Tổ dân phố 2	DC	TT. Vạn Giã	H. Vạn Ninh	12° 42' 01"	109° 13' 49"					D-49-75-C-b
Tổ dân phố 3	DC	TT. Vạn Giã	H. Vạn Ninh	12° 41' 56"	109° 13' 42"					D-49-75-C-b
Tổ dân phố 4	DC	TT. Vạn Giã	H. Vạn Ninh	12° 41' 55"	109° 13' 38"					D-49-75-C-b
Tổ dân phố 5	DC	TT. Vạn Giã	H. Vạn Ninh	12° 41' 52"	109° 13' 34"					D-49-75-C-b
Tổ dân phố 6	DC	TT. Vạn Giã	H. Vạn Ninh	12° 41' 49"	109° 13' 32"					D-49-75-C-b
Tổ dân phố 7	DC	TT. Vạn Giã	H. Vạn Ninh	12° 41' 46"	109° 13' 29"					D-49-75-C-b
Tổ dân phố 8	DC	TT. Vạn Giã	H. Vạn Ninh	12° 41' 38"	109° 13' 26"					D-49-75-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Tổ dân phố 9	DC	TT. Vạn Giã	H. Vạn Ninh	12° 41' 26"	109° 13' 14"					D-49-75-C-b
Tổ dân phố 10	DC	TT. Vạn Giã	H. Vạn Ninh	12° 42' 07"	109° 13' 25"					D-49-75-C-b
tổ dân phố 11	DC	TT. Vạn Giã	H. Vạn Ninh	12° 41' 53"	109° 13' 14"					D-49-75-C-b
tổ dân phố 12	DC	TT. Vạn Giã	H. Vạn Ninh	12° 41' 40"	109° 13' 04"					D-49-75-C-b
tổ dân phố 13	DC	TT. Vạn Giã	H. Vạn Ninh	12° 41' 29"	109° 12' 56"					D-49-75-C-b
tổ dân phố 14	DC	TT. Vạn Giã	H. Vạn Ninh	12° 41' 11"	109° 13' 05"					D-49-75-C-b
tổ dân phố 15	DC	TT. Vạn Giã	H. Vạn Ninh	12° 40' 57"	109° 12' 57"					D-49-75-C-b
đường tỉnh 651C	KX	TT. Vạn Giã	H. Vạn Ninh			12° 42' 00"	109° 13' 30"	12° 48' 16"	109° 21' 16"	D-49-75-B-c
đường tỉnh 651D	KX	TT. Vạn Giã	H. Vạn Ninh			12° 42' 14"	109° 13' 31"	12° 32' 05"	109° 11' 05"	D-49-75-B-c
cầu Bà Bường	KX	TT. Vạn Giã	H. Vạn Ninh	12° 41' 24"	109° 13' 01"					D-49-75-C-b
sông Chà Là	TV	TT. Vạn Giã	H. Vạn Ninh			12° 43' 01"	109° 12' 12"	12° 41' 59"	109° 13' 58"	D-49-75-C-b
chùa Chiêu Ứng Từ	KX	TT. Vạn Giã	H. Vạn Ninh	12° 41' 54"	109° 13' 41"					D-49-75-C-b
Cầu Giữa	KX	TT. Vạn Giã	H. Vạn Ninh	12° 41' 16"	109° 12' 55"					D-49-75-C-b
cầu Hiền Lương	KX	TT. Vạn Giã	H. Vạn Ninh	12° 40' 55"	109° 12' 46"					D-49-75-C-b
sông Hiền Lương	TV	TT. Vạn Giã	H. Vạn Ninh			12° 44' 22"	109° 07' 37"	12° 40' 50"	109° 13' 06"	D-49-75-C-b
Cầu Huyện	KX	TT. Vạn Giã	H. Vạn Ninh	12° 42' 10"	109° 13' 46"					D-49-75-C-b
chùa Lương Hải	KX	TT. Vạn Giã	H. Vạn Ninh	12° 41' 02"	109° 13' 01"					D-49-75-C-b
chùa Tân Long	KX	TT. Vạn Giã	H. Vạn Ninh	12° 41' 59"	109° 13' 44"					D-49-75-C-b
chùa Vạn Đức	KX	TT. Vạn Giã	H. Vạn Ninh	12° 41' 47"	109° 13' 17"					D-49-75-C-b
đò Vạn Giã	KX	TT. Vạn Giã	H. Vạn Ninh	12° 41' 29"	109° 13' 26"					D-49-75-C-b
ga Vạn Giã	KX	TT. Vạn Giã	H. Vạn Ninh	12° 42' 05"	109° 13' 19"					D-49-75-C-b
quốc lộ 1A	KX	xã Đại Lãnh	H. Vạn Ninh			12° 50' 42"	109° 23' 09"	11° 48' 39"	109° 06' 16"	D-49-75-B-c; D-49-75-B-d
đèo Cổ Mã	KX	xã Đại Lãnh	H. Vạn Ninh	12° 48' 57"	109° 21' 35"					D-49-75-B-c
ga Đại Lãnh	KX	xã Đại Lãnh	H. Vạn Ninh	12° 50' 07"	109° 21' 32"					D-49-75-B-c
cầu Đại Lãnh	KX	xã Đại Lãnh	H. Vạn Ninh	12° 50' 18"	109° 21' 53"					D-49-75-B-c
sông Đại Lãnh	TV	xã Đại Lãnh	H. Vạn Ninh			12° 51' 08"	109° 21' 51"	12° 50' 18"	109° 21' 53"	D-49-75-B-c
hầm Đèo Cổ Mã	KX	xã Đại Lãnh	H. Vạn Ninh	12° 48' 59"	109° 21' 15"					D-49-75-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Đông Bắc	DC	xã Đại Lãnh	H. Vạn Ninh	12° 50' 17"	109° 21' 43"					D-49-75-B-c
thôn Đông Nam	DC	xã Đại Lãnh	H. Vạn Ninh	12° 49' 56"	109° 21' 26"					D-49-75-B-c
núi Hòn Đen	SV	xã Đại Lãnh	H. Vạn Ninh	12° 52' 00"	109° 22' 38"					D-49-75-B-d
cầu Suối Dừa	KX	xã Đại Lãnh	H. Vạn Ninh	12° 49' 55"	109° 21' 24"					D-49-75-B-c
thôn Tây Bắc 1	DC	xã Đại Lãnh	H. Vạn Ninh	12° 50' 25"	109° 21' 39"					D-49-75-B-c
thôn Tây Bắc 2	DC	xã Đại Lãnh	H. Vạn Ninh	12° 50' 33"	109° 21' 28"					D-49-75-B-c
thôn Tây Nam 1	DC	xã Đại Lãnh	H. Vạn Ninh	12° 50' 15"	109° 21' 27"					D-49-75-B-c
thôn Tây Nam 2	DC	xã Đại Lãnh	H. Vạn Ninh	12° 49' 50"	109° 21' 19"					D-49-75-B-c
cầu Bà Nơi	KX	xã Vạn Bình	H. Vạn Ninh	12° 43' 00"	109° 13' 46"					D-49-75-C-b
suối Bến Khế	TV	xã Vạn Bình	H. Vạn Ninh			12° 45' 21"	109° 13' 59"	12° 43' 49"	109° 13' 35"	D-49-75-A-d; D-49-75-C-b
thôn Bình Lộc 1	DC	xã Vạn Bình	H. Vạn Ninh	12° 43' 41"	109° 13' 09"					D-49-75-C-b
thôn Bình Lộc 2	DC	xã Vạn Bình	H. Vạn Ninh	12° 44' 15"	109° 13' 04"					D-49-75-C-b
suối Bình Trung	TV	xã Vạn Bình	H. Vạn Ninh			12° 48' 23"	109° 13' 42"	12° 44' 35"	109° 12' 08"	D-49-75-A-d; D-49-75-C-b
thôn Bình Trung 1	DC	xã Vạn Bình	H. Vạn Ninh	12° 43' 19"	109° 14' 08"					D-49-75-C-b
thôn Bình Trung 2	DC	xã Vạn Bình	H. Vạn Ninh	12° 43' 02"	109° 14' 28"					D-49-75-C-b
cầu Chà Là	KX	xã Vạn Bình	H. Vạn Ninh	12° 42' 29"	109° 13' 29"					D-49-75-C-b
suối Đồng Bò	TV	xã Vạn Bình	H. Vạn Ninh			12° 46' 56"	109° 13' 17"	12° 45' 21"	109° 13' 59"	D-49-75-A-d
cầu Đồng Điền	KX	xã Vạn Bình	H. Vạn Ninh	12° 43' 18"	109° 14' 05"					D-49-75-C-b
sông Đồng Điền	TV	xã Vạn Bình	H. Vạn Ninh			12° 44' 35"	109° 12' 08"	12° 42' 55"	109° 15' 47"	D-49-75-C-b; D-49-75-D-a
đập Đồng Dưới	KX	xã Vạn Bình	H. Vạn Ninh	12° 44' 44"	109° 11' 58"					D-49-75-C-b
suối Đồng Mốc	TV	xã Vạn Bình	H. Vạn Ninh			12° 43' 58"	109° 13' 15"	12° 45' 27"	109° 13' 28"	D-49-75-A-d; D-49-75-C-b
núi Hòn Am	SV	xã Vạn Bình	H. Vạn Ninh	12° 45' 46"	109° 12' 13"					D-49-75-C-b
núi Hòn Chùa	SV	xã Vạn Bình	H. Vạn Ninh	12° 44' 08"	109° 13' 49"					D-49-75-C-b
núi Hòn Dù	SV	xã Vạn Bình	H. Vạn Ninh	12° 49' 40"	109° 09' 51"					D-49-75-A-d
núi Hòn Một	SV	xã Vạn Bình	H. Vạn Ninh	12° 43' 37"	109° 13' 09"					D-49-75-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Hòn Ngang	SV	xã Vạn Bình	H. Vạn Ninh	12° 48' 32"	109° 12' 58"					D-49-75-A-d
thôn Trung Dõng 1	DC	xã Vạn Bình	H. Vạn Ninh	12° 42' 55"	109° 13' 48"					D-49-75-C-b
thôn Trung Dõng 2	DC	xã Vạn Bình	H. Vạn Ninh	12° 42' 43"	109° 14' 02"					D-49-75-C-b
thôn Trung Dõng 3	DC	xã Vạn Bình	H. Vạn Ninh	12° 43' 11"	109° 14' 07"					D-49-75-C-b
thôn Tứ Chánh	DC	xã Vạn Bình	H. Vạn Ninh	12° 43' 27"	109° 13' 34"					D-49-75-C-b
quốc lộ 1A	KX	xã Vạn Hưng	H. Vạn Ninh			12° 50' 42"	109° 23' 09"	11° 48' 39"	109° 06' 16"	D-49-75-C-b; D-49-75-C-d
đường tỉnh 651E	KX	xã Vạn Hưng	H. Vạn Ninh			12° 38' 20"	109° 11' 16"	12° 40' 56"	109° 08' 04"	D-49-75-C-b
đường tỉnh 651G	KX	xã Vạn Hưng	H. Vạn Ninh			12° 36' 12"	109° 10' 35"	12° 31' 20"	109° 02' 06"	D-49-75-C-b
núi Bồ Đà	SV	xã Vạn Hưng	H. Vạn Ninh	12° 39' 55"	109° 11' 34"					D-49-75-C-b
chùa Châu Long	KX	xã Vạn Hưng	H. Vạn Ninh	12° 38' 04"	109° 10' 56"					D-49-75-C-b
Hòn Dài	SV	xã Vạn Hưng	H. Vạn Ninh	12° 35' 13"	109° 11' 20"					D-49-75-C-d
chùa Giác Hải	KX	xã Vạn Hưng	H. Vạn Ninh	12° 39' 22"	109° 12' 16"					D-49-75-C-b
Hòn Giấy	SV	xã Vạn Hưng	H. Vạn Ninh	12° 36' 11"	109° 09' 52"					D-49-75-C-d
Trung tâm Giống thủy sản Miền Trung	KX	xã Vạn Hưng	H. Vạn Ninh	12° 36' 08"	109° 11' 29"					D-49-75-C-d
thôn Hà Già	DC	xã Vạn Hưng	H. Vạn Ninh	12° 38' 08"	109° 11' 18"					D-49-75-C-b
Hòn Hấu	SV	xã Vạn Hưng	H. Vạn Ninh	12° 35' 11"	109° 09' 43"					D-49-75-C-d
hòn Mắt Mèo	SV	xã Vạn Hưng	H. Vạn Ninh	12° 35' 31"	109° 10' 43"					D-49-75-C-d
Hòn Một	SV	xã Vạn Hưng	H. Vạn Ninh	12° 35' 20"	109° 11' 32"					D-49-75-C-d
tịnh xá Ngọc Phổ	KX	xã Vạn Hưng	H. Vạn Ninh	12° 39' 29"	109° 11' 47"					D-49-75-C-b
tịnh xá Ngọc Xuân	KX	xã Vạn Hưng	H. Vạn Ninh	12° 38' 27"	109° 11' 23"					D-49-75-C-b
cầu Nước Mặn	KX	xã Vạn Hưng	H. Vạn Ninh	12° 37' 06"	109° 10' 47"					D-49-75-C-d
Hòn Quải	SV	xã Vạn Hưng	H. Vạn Ninh	12° 36' 59"	109° 11' 25"					D-49-75-C-d
cầu Thành Hời	KX	xã Vạn Hưng	H. Vạn Ninh	12° 37' 27"	109° 10' 55"					D-49-75-C-d
Hòn Trụi	SV	xã Vạn Hưng	H. Vạn Ninh	12° 40' 17"	109° 10' 12"					D-49-75-C-b
nhà thờ Vạn Xuân	KX	xã Vạn Hưng	H. Vạn Ninh	12° 38' 59"	109° 11' 53"					D-49-75-C-b
thôn Xuân Đông	DC	xã Vạn Hưng	H. Vạn Ninh	12° 36' 40"	109° 11' 05"					D-49-75-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Xuân Tây	DC	xã Vạn Hưng	H. Vạn Ninh	12° 36' 08"	109° 10' 30"					D-49-75-C-d
cầu Xuân Tự	KX	xã Vạn Hưng	H. Vạn Ninh	12° 38' 41"	109° 11' 27"					D-49-75-C-b
đình Xuân Tự	KX	xã Vạn Hưng	H. Vạn Ninh	12° 39' 04"	109° 12' 06"					D-49-75-C-b
thôn Xuân Tự 1	DC	xã Vạn Hưng	H. Vạn Ninh	12° 39' 21"	109° 12' 12"					D-49-75-C-b
thôn Xuân Tự 2	DC	xã Vạn Hưng	H. Vạn Ninh	12° 38' 25"	109° 11' 26"					D-49-75-C-b
thôn Xuân Vinh	DC	xã Vạn Hưng	H. Vạn Ninh	12° 37' 54"	109° 11' 12"					D-49-75-C-b
quốc lộ 1A	KX	xã Vạn Khánh	H. Vạn Ninh			12° 50' 42"	109° 23' 09"	11° 48' 39"	109° 06' 16"	D-49-75-B-c; D-49-75-D-a
đường tỉnh 651C	KX	xã Vạn Khánh	H. Vạn Ninh			12° 42' 00"	109° 13' 30"	12° 48' 16"	109° 21' 16"	D-49-75-B-c; D-49-75-D-a
chùa Báo Ân	KX	xã Vạn Khánh	H. Vạn Ninh	12° 46' 26"	109° 17' 60"					D-49-75-B-c
núi Bàu Dừng	SV	xã Vạn Khánh	H. Vạn Ninh	12° 45' 06"	109° 15' 13"					D-49-75-C-b
suối Bình Trung	TV	xã Vạn Khánh	H. Vạn Ninh			12° 48' 23"	109° 13' 42"	12° 44' 35"	109° 12' 08"	D-49-75-A-d
thôn Diêm Điền	DC	xã Vạn Khánh	H. Vạn Ninh	12° 45' 17"	109° 17' 16"					D-49-75-B-c
nhà thờ Diêm Điền	KX	xã Vạn Khánh	H. Vạn Ninh	12° 45' 09"	109° 17' 10"					D-49-75-B-c
Hòn Dung	SV	xã Vạn Khánh	H. Vạn Ninh	12° 47' 26"	109° 14' 31"					D-49-75-A-d
suối Đồng Bò	TV	xã Vạn Khánh	H. Vạn Ninh			12° 46' 56"	109° 13' 17"	12° 45' 21"	109° 13' 59"	D-49-75-A-d
Suối Hàng	TV	xã Vạn Khánh	H. Vạn Ninh			12° 45' 41"	109° 16' 15"	12° 45' 15"	109° 17' 52"	D-49-75-B-c
thôn Hội Khánh	DC	xã Vạn Khánh	H. Vạn Ninh	12° 46' 17"	109° 18' 06"					D-49-75-B-c
thôn Hội Khánh Đông	DC	xã Vạn Khánh	H. Vạn Ninh	12° 46' 34"	109° 18' 07"					D-49-75-B-c
thôn Hội Khánh Tây	DC	xã Vạn Khánh	H. Vạn Ninh	12° 46' 18"	109° 17' 53"					D-49-75-B-c
Hòn Ngang	SV	xã Vạn Khánh	H. Vạn Ninh	12° 48' 32"	109° 12' 58"					D-49-75-A-d
thôn Nhơn Thọ	DC	xã Vạn Khánh	H. Vạn Ninh	12° 45' 54"	109° 17' 45"					D-49-75-B-c
thôn Ninh Lâm	DC	xã Vạn Khánh	H. Vạn Ninh	12° 44' 40"	109° 16' 39"					D-49-75-D-a
cầu Ồ Ồ	KX	xã Vạn Khánh	H. Vạn Ninh	12° 46' 24"	109° 17' 28"					D-49-75-B-c
chùa Phật giáo Tu Bông	KX	xã Vạn Khánh	H. Vạn Ninh	12° 46' 22"	109° 18' 06"					D-49-75-B-c
thôn Suối Hàng	DC	xã Vạn Khánh	H. Vạn Ninh	12° 45' 41"	109° 16' 37"					D-49-75-B-c
thôn Tiên Ninh	DC	xã Vạn Khánh	H. Vạn Ninh	12° 45' 42"	109° 17' 23"					D-49-75-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
ga Tu Bông	KX	xã Vạn Khánh	H. Vạn Ninh	12° 46' 42"	109° 17' 56"					D-49-75-B-c
quốc lộ 1A	KX	xã Vạn Long	H. Vạn Ninh			12° 50' 42"	109° 23' 09"	11° 48' 39"	109° 06' 16"	D-49-75-B-c
đường tỉnh 651C	KX	xã Vạn Long	H. Vạn Ninh			12° 42' 00"	109° 13' 30"	12° 48' 16"	109° 21' 16"	D-49-75-B-c
núi Ba Trảng	SV	xã Vạn Long	H. Vạn Ninh	12° 47' 30"	109° 16' 11"					D-49-75-B-c
núi Dốc Dẽ	SV	xã Vạn Long	H. Vạn Ninh	12° 49' 26"	109° 17' 12"					D-49-75-B-c
Hòn Dung	SV	xã Vạn Long	H. Vạn Ninh	12° 47' 26"	109° 14' 31"					D-49-75-A-d
thôn Hải Triều	DC	xã Vạn Long	H. Vạn Ninh	12° 46' 14"	109° 18' 52"					D-49-75-B-c
thôn Lộc Thọ	DC	xã Vạn Long	H. Vạn Ninh	12° 46' 28"	109° 18' 20"					D-49-75-B-c
thôn Long Hòa	DC	xã Vạn Long	H. Vạn Ninh	12° 46' 51"	109° 18' 07"					D-49-75-B-c
đình Long Hòa	KX	xã Vạn Long	H. Vạn Ninh	12° 46' 51"	109° 18' 19"					D-49-75-B-c
thôn Ninh Thọ	DC	xã Vạn Long	H. Vạn Ninh	12° 45' 47"	109° 18' 15"					D-49-75-B-c
cầu Tân Phước	KX	xã Vạn Long	H. Vạn Ninh	12° 47' 06"	109° 18' 15"					D-49-75-B-c
sông Tô Giang	TV	xã Vạn Long	H. Vạn Ninh			12° 48' 54"	109° 14' 56"	12° 46' 07"	109° 19' 16"	D-49-75-A-d; D-49-75-B-c
ga Tu Bông	KX	xã Vạn Long	H. Vạn Ninh	12° 46' 42"	109° 17' 56"					D-49-75-B-c
Hòn Vung	SV	xã Vạn Long	H. Vạn Ninh	12° 48' 45"	109° 15' 10"					D-49-75-B-c
quốc lộ 1A	KX	xã Vạn Lương	H. Vạn Ninh			12° 50' 42"	109° 23' 09"	11° 48' 39"	109° 06' 16"	D-49-75-C-b
đường tỉnh 651D	KX	xã Vạn Lương	H. Vạn Ninh			12° 42' 14"	109° 13' 31"	12° 32' 05"	109° 11' 05"	D-49-75-C-b
núi Bồ Đà	SV	xã Vạn Lương	H. Vạn Ninh	12° 39' 55"	109° 11' 34"					D-49-75-C-b
Hòn Chùa	SV	xã Vạn Lương	H. Vạn Ninh	12° 40' 28"	109° 10' 06"					D-49-75-C-b
Sông Hầu	TV	xã Vạn Lương	H. Vạn Ninh			12° 44' 22"	109° 07' 37"	12° 47' 31"	109° 07' 23"	D-49-75-A-c; D-49-75-C-a
thôn Hiền Lương	DC	xã Vạn Lương	H. Vạn Ninh	12° 41' 04"	109° 12' 21"					D-49-75-C-b
cầu Hiền Lương	KX	xã Vạn Lương	H. Vạn Ninh	12° 40' 55"	109° 12' 46"					D-49-75-C-b
sông Hiền Lương	TV	xã Vạn Lương	H. Vạn Ninh			12° 44' 22"	109° 07' 37"	12° 40' 50"	109° 13' 06"	D-49-75-C-b
núi Hòn Chảo	SV	xã Vạn Lương	H. Vạn Ninh	12° 43' 15"	109° 06' 25"					D-49-75-C-a
núi Hòn Vú	SV	xã Vạn Lương	H. Vạn Ninh	12° 44' 38"	109° 04' 50"					D-49-75-C-a
thôn Mỹ Đồng	DC	xã Vạn Lương	H. Vạn Ninh	12° 41' 16"	109° 11' 25"					D-49-75-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Hòn Ngang	SV	xã Vạn Lương	H. Vạn Ninh	12° 41' 08"	109° 09' 50"					D-49-75-C-b
chùa Pháp Hoa	KX	xã Vạn Lương	H. Vạn Ninh	12° 41' 06"	109° 12' 22"					D-49-75-C-b
thôn Quảng Phước	DC	xã Vạn Lương	H. Vạn Ninh	12° 40' 36"	109° 12' 14"					D-49-75-C-b
chùa Tân Đức	KX	xã Vạn Lương	H. Vạn Ninh	12° 40' 44"	109° 12' 39"					D-49-75-C-b
thôn Tân Đức Đông	DC	xã Vạn Lương	H. Vạn Ninh	12° 40' 35"	109° 12' 44"					D-49-75-C-b
thôn Tân Đức Tây	DC	xã Vạn Lương	H. Vạn Ninh	12° 40' 19"	109° 12' 19"					D-49-75-C-b
miếu Thần Nông	KX	xã Vạn Lương	H. Vạn Ninh	12° 41' 10"	109° 11' 49"					D-49-75-C-b
Suối Thô	TV	xã Vạn Lương	H. Vạn Ninh			12° 40' 57"	109° 09' 05"	12° 41' 13"	109° 12' 34"	D-49-75-C-b
Hòn Trụi	SV	xã Vạn Lương	H. Vạn Ninh	12° 40' 17"	109° 10' 12"					D-49-75-C-b
quốc lộ 1A	KX	xã Vạn Phú	H. Vạn Ninh			12° 50' 42"	109° 23' 09"	11° 48' 39"	109° 06' 16"	D-49-75-C-b
đường tỉnh 651D	KX	xã Vạn Phú	H. Vạn Ninh			12° 42' 14"	109° 13' 31"	12° 32' 05"	109° 11' 05"	D-49-75-C-b
suối Bình Trung	TV	xã Vạn Phú	H. Vạn Ninh			12° 48' 23"	109° 13' 42"	12° 44' 35"	109° 12' 08"	D-49-75-A-d; D-49-75-C-b
cầu Chà Là	KX	xã Vạn Phú	H. Vạn Ninh	12° 42' 29"	109° 13' 29"					D-49-75-C-b
sông Chà Là	TV	xã Vạn Phú	H. Vạn Ninh			12° 43' 01"	109° 12' 12"	12° 41' 59"	109° 13' 58"	D-49-75-C-b
đập Đồng Dưới	KX	xã Vạn Phú	H. Vạn Ninh	12° 44' 44"	109° 11' 58"					D-49-75-C-b
Sông Hầu	TV	xã Vạn Phú	H. Vạn Ninh			12° 44' 22"	109° 07' 37"	12° 47' 31"	109° 07' 23"	D-49-75-A-c
sông Hiền Lương	TV	xã Vạn Phú	H. Vạn Ninh			12° 44' 22"	109° 07' 37"	12° 40' 50"	109° 13' 06"	D-49-75-C-b
núi Hòn Dứa	SV	xã Vạn Phú	H. Vạn Ninh	12° 44' 02"	109° 11' 22"					D-49-75-C-b
chùa Long Sơn	KX	xã Vạn Phú	H. Vạn Ninh	12° 42' 54"	109° 13' 23"					D-49-75-C-b
Trường Trung học cơ sở Mê Linh	KX	xã Vạn Phú	H. Vạn Ninh	12° 42' 12"	109° 13' 03"					D-49-75-C-b
đình Phú Cang	KX	xã Vạn Phú	H. Vạn Ninh	12° 42' 16"	109° 13' 22"					D-49-75-C-b
thôn Phú Cang 1	DC	xã Vạn Phú	H. Vạn Ninh	12° 42' 53"	109° 13' 17"					D-49-75-C-b
thôn Phú Cang 1 Bắc	DC	xã Vạn Phú	H. Vạn Ninh	12° 43' 13"	109° 13' 14"					D-49-75-C-b
thôn Phú Cang 2	DC	xã Vạn Phú	H. Vạn Ninh	12° 42' 15"	109° 13' 07"					D-49-75-C-b
thôn Phú Cang 2 Nam	DC	xã Vạn Phú	H. Vạn Ninh	12° 42' 01"	109° 12' 52"					D-49-75-C-b
thôn Tân Phú	DC	xã Vạn Phú	H. Vạn Ninh	12° 43' 02"	109° 11' 48"					D-49-75-C-b
thôn Vinh Huề	DC	xã Vạn Phú	H. Vạn Ninh	12° 42' 15"	109° 12' 19"					D-49-75-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
quốc lộ 1A	KX	xã Vạn Phước	H. Vạn Ninh			12° 50' 42"	109° 23' 09"	11° 48' 39"	109° 06' 16"	D-49-75-B-c
đường tỉnh 651C	KX	xã Vạn Phước	H. Vạn Ninh			12° 42' 00"	109° 13' 30"	12° 48' 16"	109° 21' 16"	D-49-75-B-c
núi Cổ Cò	SV	xã Vạn Phước	H. Vạn Ninh	12° 48' 42"	109° 17' 10"					D-49-75-B-c
núi Dốc Dẽ	SV	xã Vạn Phước	H. Vạn Ninh	12° 49' 26"	109° 17' 12"					D-49-75-B-c
suối Đá Than	TV	xã Vạn Phước	H. Vạn Ninh			12° 49' 24"	109° 17' 32"	12° 48' 03"	109° 17' 26"	D-49-75-B-c
núi Đá Trãi	SV	xã Vạn Phước	H. Vạn Ninh	12° 49' 35"	109° 18' 10"					D-49-75-B-c
Suối Sung	TV	xã Vạn Phước	H. Vạn Ninh			12° 48' 56"	109° 17' 43"	12° 48' 27"	109° 17' 31"	D-49-75-B-c
cầu Tân Phước	KX	xã Vạn Phước	H. Vạn Ninh	12° 46' 39"	109° 18' 30"					D-49-75-B-c
cầu Tân Phước	KX	xã Vạn Phước	H. Vạn Ninh	12° 47' 06"	109° 18' 15"					D-49-75-B-c
thôn Tân Phước Bắc	DC	xã Vạn Phước	H. Vạn Ninh	12° 46' 51"	109° 18' 56"					D-49-75-B-c
thôn Tân Phước Đông	DC	xã Vạn Phước	H. Vạn Ninh	12° 46' 44"	109° 19' 37"					D-49-75-B-c
thôn Tân Phước Nam	DC	xã Vạn Phước	H. Vạn Ninh	12° 46' 29"	109° 18' 32"					D-49-75-B-c
thôn Tân Phước Tây	DC	xã Vạn Phước	H. Vạn Ninh	12° 46' 55"	109° 18' 24"					D-49-75-B-c
thôn Tân Phước Trung	DC	xã Vạn Phước	H. Vạn Ninh	12° 46' 57"	109° 18' 41"					D-49-75-B-c
sông Tô Giang	TV	xã Vạn Phước	H. Vạn Ninh			12° 48' 54"	109° 14' 56"	12° 46' 07"	109° 19' 16"	D-49-75-B-c
Núi Xá	SV	xã Vạn Phước	H. Vạn Ninh	12° 49' 01"	109° 18' 45"					D-49-75-B-c
quốc lộ 1A	KX	xã Vạn Thắng	H. Vạn Ninh			12° 50' 42"	109° 23' 09"	11° 48' 39"	109° 06' 16"	D-49-75-C-b; D-49-75-D-a
đường tỉnh 651C	KX	xã Vạn Thắng	H. Vạn Ninh			12° 42' 00"	109° 13' 30"	12° 48' 16"	109° 21' 16"	D-49-75-C-b; D-49-75-D-a
núi Bàu Dừng	SV	xã Vạn Thắng	H. Vạn Ninh	12° 45' 06"	109° 15' 13"					D-49-75-C-b
suối Bến Khế	TV	xã Vạn Thắng	H. Vạn Ninh			12° 45' 21"	109° 13' 59"	12° 43' 49"	109° 13' 35"	D-49-75-A-d; D-49-75-C-b
sông Chà Là	TV	xã Vạn Thắng	H. Vạn Ninh			12° 43' 01"	109° 12' 12"	12° 41' 59"	109° 13' 58"	D-49-75-C-b
cầu Cống Lở	KX	xã Vạn Thắng	H. Vạn Ninh	12° 43' 37"	109° 14' 26"					D-49-75-C-b
đồi Đại Hàn	SV	xã Vạn Thắng	H. Vạn Ninh	12° 43' 57"	109° 14' 59"					D-49-75-D-a
sông Đồng Điền	TV	xã Vạn Thắng	H. Vạn Ninh			12° 44' 35"	109° 12' 08"	12° 42' 55"	109° 15' 47"	D-49-75-C-b; D-49-75-D-a
Cầu Huyện	KX	xã Vạn Thắng	H. Vạn Ninh	12° 42' 10"	109° 13' 46"					D-49-75-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Phú Hội 1	DC	xã Vạn Thắng	H. Vạn Ninh	12° 42' 45"	109° 14' 34"					D-49-75-C-b
thôn Phú Hội 2	DC	xã Vạn Thắng	H. Vạn Ninh	12° 42' 19"	109° 14' 30"					D-49-75-C-b
thôn Phú Hội 3	DC	xã Vạn Thắng	H. Vạn Ninh	12° 42' 53"	109° 15' 03"					D-49-75-D-a
lăng Quảng Hội	KX	xã Vạn Thắng	H. Vạn Ninh	12° 42' 04"	109° 14' 03"					D-49-75-C-b
thôn Quảng Hội 1	DC	xã Vạn Thắng	H. Vạn Ninh	12° 42' 24"	109° 13' 52"					D-49-75-C-b
thôn Quảng Hội 2	DC	xã Vạn Thắng	H. Vạn Ninh	12° 42' 11"	109° 14' 06"					D-49-75-C-b
thôn Suối Luồng	DC	xã Vạn Thắng	H. Vạn Ninh	12° 44' 09"	109° 14' 25"					D-49-75-C-b
thôn Tân Dân 1	DC	xã Vạn Thắng	H. Vạn Ninh	12° 43' 52"	109° 15' 43"					D-49-75-D-a
thôn Tân Dân 2	DC	xã Vạn Thắng	H. Vạn Ninh	12° 43' 32"	109° 15' 21"					D-49-75-C-b
đường tỉnh 651	KX	xã Vạn Thạnh	H. Vạn Ninh			12° 48' 52"	109° 21' 19"	12° 40' 02"	109° 24' 26"	D-49-75-D-a; D-49-75-D-b
núi Cá Ông	SV	xã Vạn Thạnh	H. Vạn Ninh	12° 39' 17"	109° 26' 13"					D-49-75-D-b
Mũi Cỏ	SV	xã Vạn Thạnh	H. Vạn Ninh	12° 33' 28"	109° 24' 40"					D-49-75-D-d
thôn Đầm Môn	DC	xã Vạn Thạnh	H. Vạn Ninh	12° 40' 19"	109° 24' 07"					D-49-75-D-b
thôn Điệp Sơn	DC	xã Vạn Thạnh	H. Vạn Ninh	12° 42' 49"	109° 17' 57"					D-49-75-D-a
Bãi Giếng	TV	xã Vạn Thạnh	H. Vạn Ninh	12° 35' 17"	109° 24' 40"					D-49-75-D-d
thôn Khải Lương	DC	xã Vạn Thạnh	H. Vạn Ninh	12° 35' 19"	109° 24' 49"					D-49-75-D-d
núi Khải Lương	SV	xã Vạn Thạnh	H. Vạn Ninh	12° 36' 48"	109° 24' 19"					D-49-75-D-d
danh thắng Mũi Đôi - Hòn Đầu	KX	xã Vạn Thạnh	H. Vạn Ninh	12° 38' 58"	109° 27' 34"					D-49-75-D-b
Hòn Nhọn	SV	xã Vạn Thạnh	H. Vạn Ninh	12° 40' 39"	109° 21' 27"					D-49-75-D-a
thôn Ninh Đảo	DC	xã Vạn Thạnh	H. Vạn Ninh	12° 36' 20"	109° 20' 12"					D-49-75-D-c
thôn Ninh Tân	DC	xã Vạn Thạnh	H. Vạn Ninh	12° 37' 39"	109° 20' 35"					D-49-75-D-a
Lăng Ông	KX	xã Vạn Thạnh	H. Vạn Ninh	12° 36' 26"	109° 20' 01"					D-49-75-D-c
thôn Vĩnh Yên	DC	xã Vạn Thạnh	H. Vạn Ninh	12° 42' 44"	109° 22' 47"					D-49-75-D-b
quốc lộ 1A	KX	xã Vạn Thọ	H. Vạn Ninh			12° 50' 42"	109° 23' 09"	11° 48' 39"	109° 06' 16"	D-49-75-B-c
đường tỉnh 651	KX	xã Vạn Thọ	H. Vạn Ninh			12° 48' 52"	109° 21' 19"	12° 40' 02"	109° 24' 26"	D-49-75-B-c; D-49-75-D-a
đường tỉnh 651C	KX	xã Vạn Thọ	H. Vạn Ninh			12° 42' 00"	109° 13' 30"	12° 48' 16"	109° 21' 16"	D-49-75-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Cổ Mã	DC	xã Vạn Thọ	H. Vạn Ninh	12° 48' 12"	109° 19' 32"					D-49-75-B-c
cầu Cổ Mã	KX	xã Vạn Thọ	H. Vạn Ninh	12° 48' 53"	109° 21' 15"					D-49-75-B-c
đèo Cổ Mã	KX	xã Vạn Thọ	H. Vạn Ninh	12° 48' 57"	109° 21' 35"					D-49-75-B-c
hầm Đèo Cổ Mã	KX	xã Vạn Thọ	H. Vạn Ninh	12° 48' 59"	109° 21' 15"					D-49-75-B-c
chùa Long Cảnh	KX	xã Vạn Thọ	H. Vạn Ninh	12° 45' 36"	109° 21' 24"					D-49-75-B-c
thôn Ninh Mã	DC	xã Vạn Thọ	H. Vạn Ninh	12° 48' 14"	109° 20' 50"					D-49-75-B-c
cầu Ninh Mã	KX	xã Vạn Thọ	H. Vạn Ninh	12° 48' 26"	109° 20' 21"					D-49-75-B-c
thôn Tuần Lễ	DC	xã Vạn Thọ	H. Vạn Ninh	12° 45' 57"	109° 21' 21"					D-49-75-B-c
Núi Xá	SV	xã Vạn Thọ	H. Vạn Ninh	12° 49' 01"	109° 18' 45"					D-49-75-B-c
đường tỉnh 651D	KX	xã Xuân Sơn	H. Vạn Ninh			12° 42' 14"	109° 13' 31"	12° 32' 05"	109° 11' 05"	D-49-75-C-b
đường tỉnh 651E	KX	xã Xuân Sơn	H. Vạn Ninh			12° 38' 20"	109° 11' 16"	12° 40' 56"	109° 08' 04"	D-49-75-C-b
Hòn Chùa	SV	xã Xuân Sơn	H. Vạn Ninh	12° 40' 28"	109° 10' 06"					D-49-75-C-b
hồ Đá Đen	TV	xã Xuân Sơn	H. Vạn Ninh	12° 41' 01"	109° 07' 56"					D-49-75-C-b
núi Hòn Chảo	SV	xã Xuân Sơn	H. Vạn Ninh	12° 43' 15"	109° 06' 25"					D-49-75-C-a
Hòn Ngang	SV	xã Xuân Sơn	H. Vạn Ninh	12° 41' 08"	109° 09' 50"					D-49-75-C-b
suối Phước Thủy	TV	xã Xuân Sơn	H. Vạn Ninh			12° 39' 56"	109° 08' 43"	12° 40' 47"	109° 09' 52"	D-49-75-C-b
Suối Thô	TV	xã Xuân Sơn	H. Vạn Ninh			12° 40' 57"	109° 09' 05"	12° 41' 13"	109° 12' 34"	D-49-75-C-b
Hòn Trụi	SV	xã Xuân Sơn	H. Vạn Ninh	12° 40' 17"	109° 10' 12"					D-49-75-C-b
thôn Xuân Cam	DC	xã Xuân Sơn	H. Vạn Ninh	12° 41' 07"	109° 09' 30"					D-49-75-C-b
thôn Xuân Ninh	DC	xã Xuân Sơn	H. Vạn Ninh	12° 39' 59"	109° 09' 57"					D-49-75-C-b
thôn Xuân Thọ	DC	xã Xuân Sơn	H. Vạn Ninh	12° 41' 01"	109° 08' 33"					D-49-75-C-b
thôn Xuân Trang	DC	xã Xuân Sơn	H. Vạn Ninh	12° 40' 23"	109° 08' 38"					D-49-75-C-b

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Linh Ngọc

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng